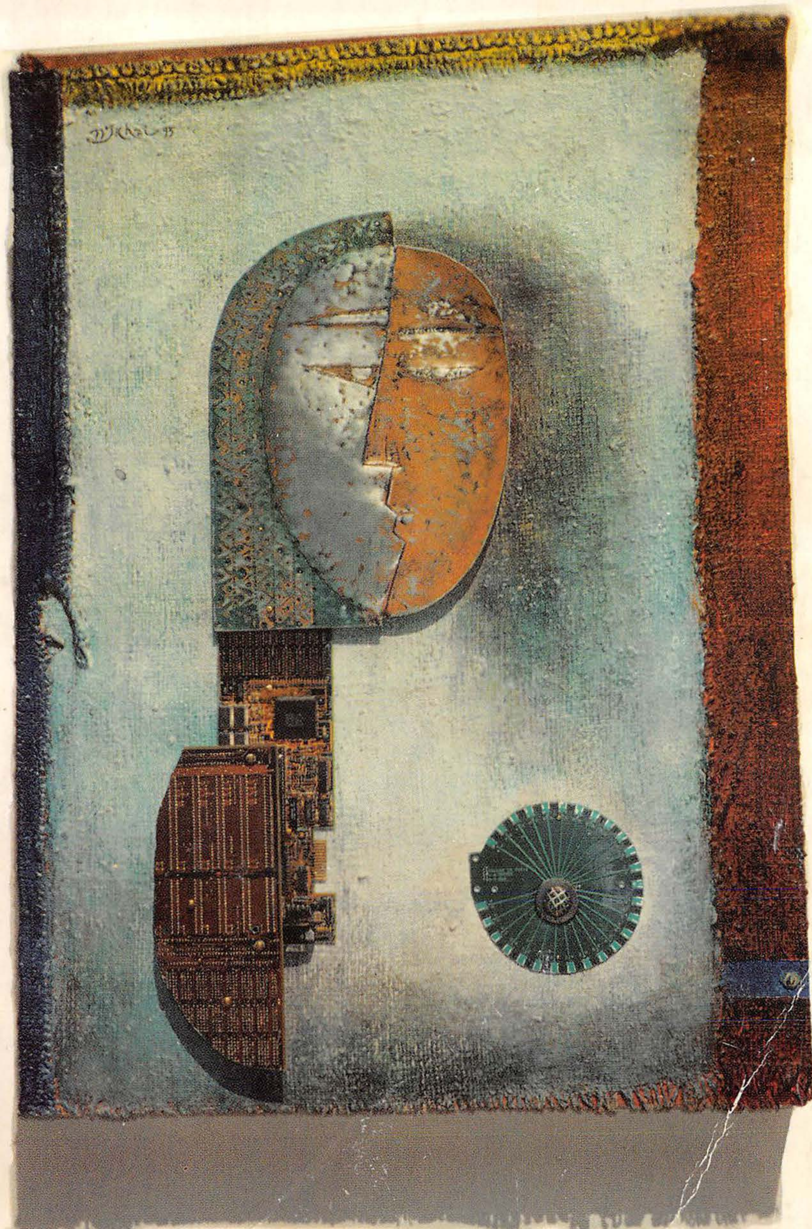
HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

Số 31, tháng 10 & 11 năm 1996





TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA

http://www.vweb.net/hopluu/

Tel: (714)775-7242 • Email:: tchopluu@aol.com

Phát hành hai tháng một kỳ • Số 31, tháng 10&11 / 96

Đại diện tại Florida

Triều Hoa Đại / Tel: (904)282-2419

Đại diện tại Houston, TX

Ngu Yên / Tel: (713) 524-6262

Đại diện tại San Jose

Phạm Việt Cường / Tel: (408)294-2413

Đại diện tại Âu châu

Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013. France / Tel: 45.83.19.12

Đại diện tại Na Uy

Hoài Mỹ / Nattlandsveien 63. N-5030 Landas, Norway

Đại diện tại Canada

Trân Sa / Tel: (416)762-4659 • Hồ Đình Nghiêm / Tel: (514)342-8018

Đại diện tại Australia

Thường Quán / Tel: 61.3/8071.797

Đại diện tại Đông Âu

Yên Phong / PSF-21. 37284 - Waldkappel. Germany

•

Chủ trương

Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Lê Bi, Phạm Việt Cường, Hồ Minh Dũng, Triều Hoa Đại, Đào Trung Đạo, Như Hạnh, Trần Diệu Hằng, Luân Hoán, Vũ Quỳnh N.H, Đỗ Kh., Nguyễn Trọng Khôi, Thụy Khuê, Thân Trọng Mẫn, Hồ Đình Nghiêm, Nguyễn Thị Khoa Phương, Chân Phương, Thường Quán, Trân Sa, Hoàng Xuân Sơn, Đỗ Hữu Tài, Kiệt Tấn, Đặng Tiến, Tường Vũ Anh Thy, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Quốc Trung, Phan Thị Trọng Tuyến, Nguyễn Tiến Văn, Lê Thị Thấm Vân, Trần Vũ, Trương Vũ

•

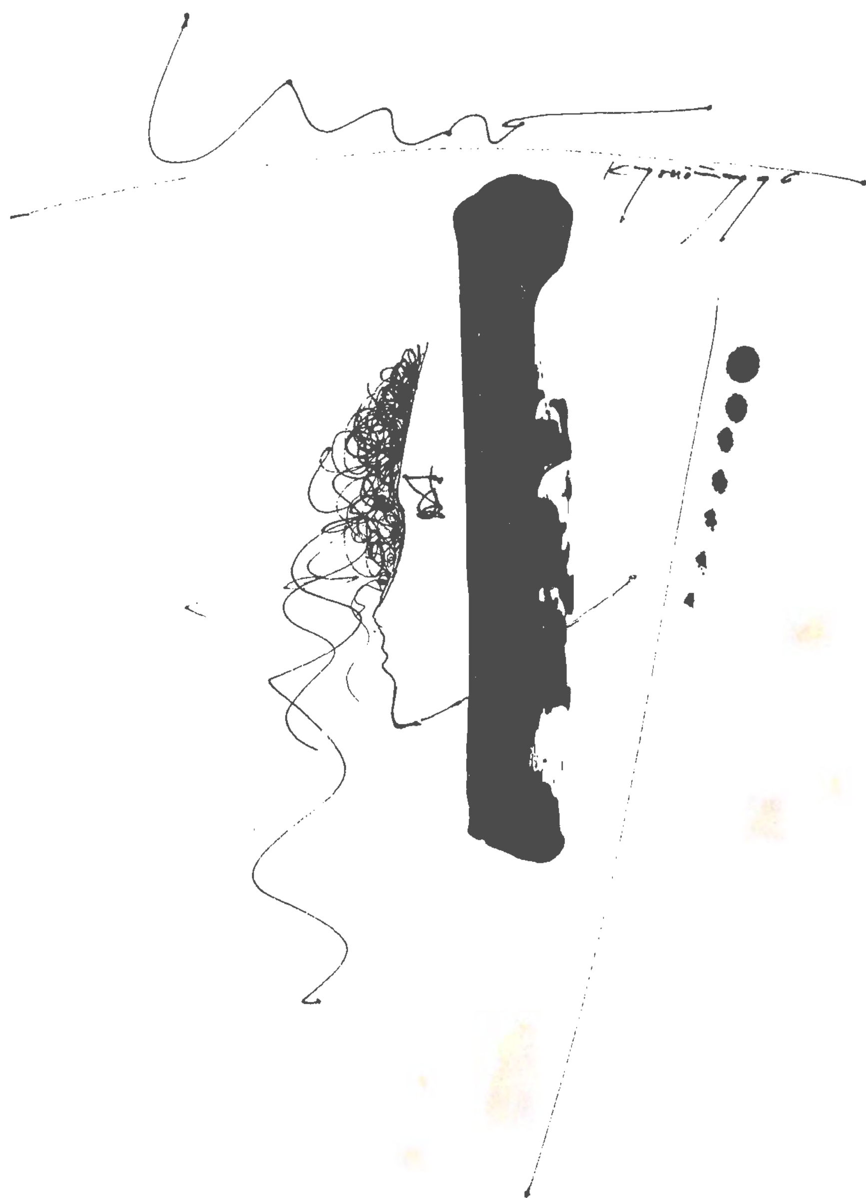
chủ biên

Khánh Trường

Phó chủ biên

Phan Tấn Hải

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN : 1065-9323



HỢP LƯU

số 32, tháng 10 & 11 năm 1996



MỤC LỤC

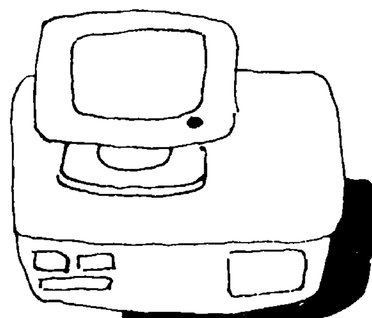
Tranh bìa

Nguyên Khai: Rebirh (Tái Sinh) 26 X 26 X3, Mixed media (1995)





thư tòa soạn



Chúng ta đều biết Nguyễn Trãi là một trong những thiên tài lỗi lạc của Việt Nam trên nhiều lãnh vực: văn học, triết học và quân sự. Lời "hịch Bình Ngô" do ông viết, trên sáu trăm năm nay, vẫn như còn vang dội bên tai. Đó là tiếng thét bi tráng của cả một dân tộc tuy nhỏ bé nhưng chưa bao giờ và không bao giờ chịu khuất phục trước mọi thế lực xâm lăng. Sự nghiệp lẫy lừng của Nguyễn Trãi chúng ta đã học, đã đọc, qua rất nhiều sách vở từ trước đến nay. Dù vậy, việc nghiên cứu, tìm hiểu về ông vẫn còn là một hấp lực đối với các nhà biên khảo. *Hợp Lưu* trân trọng giới thiệu trong số này hai bài viết của Đoàn Xuân Kiên (*Tìm hiểu cách nói phủ định trong "Quốc Âm Thi Tập" của Nguyễn Trãi*) và Thái Doãn Hiểu (*Ông Tổ Thơ Nôm*). Những công trình trên chắc chắn sẽ là những đóng góp quí báu cho việc tìm hiểu sâu rộng hơn về một danh nhân Việt Nam, mà sự nghiệp để lại hậu thế hầu như bao trùm trên tất cả mọi lãnh vực.

Trong *Hợp Lưu* số 28 (tháng 5 & 6, 1996), tác giả Hòa Đa đã gửi đến bạn đọc "*Vài suy nghĩ về tình tự dân tộc*". Nay, tiếp tục loạt bài liên quan xa gần đến chủ đề trên, mời bạn đọc cùng Hòa Đa suy nghĩ về hai chữ "*Truyền thống*", vốn dĩ hết sức quan trọng đối với chúng ta, nhất là những người đang sống ngoài quê hương.

Phần biên khảo nhận định số này ngoài những bài trên, còn có các bài của Võ Đình (*Rừng Mắm Văn Nghệ*); của Nguyễn Xuân Quang (*Tôi, Nguyễn*

Xuân Quang, hãnh diện là man di xích quỉ của Hùng Việt) và đặc biệt là bài viết của nhà văn Nguyễn Thị Hoàng Bắc (ký dưới bút hiệu Mộc Hương) mở đầu cho cuộc tranh luận có thể sẽ còn tiếp tục, sau bài viết "*Thúy Kiều, nỗi ám ảnh bất hạnh*" của Lê Thị Thấm Vân Hợp Lưu đã đăng trên số 30.

Phần sáng tác, ngoài các tên tuổi quen thuộc trên văn đàn trong, ngoài nước: Lệ Hằng, Trần Long Hồ, Cao Xuân Huy, Đỗ Kh., Nguyễn Thị Thanh Bình, Trần Doãn Nho, Cao Đông Khánh, Trần Ngọc Tuấn, Triệu Bôn, Trần Duy Phiên, Nguyễn Thị Hồng Ngát, Phạm Thanh Hà... *Hợp Lưu* tiếp tục giới thiệu những cây viết "mới", như Quynh Trang Cindy Nguyen (viết bằng Anh ngữ), Đinh Linh (tuy chỉ mới xuất hiện vài lần trên HL, cũng đã được độc giả đặc biệt chú ý), Nguyễn Hiền, Lê Thị Thu Thủy... Nhân đây, HL nhắn tin chung với những tác giả lần đầu đến với diễn đàn văn chương này: Để có thể giới thiệu khái quát "chân dung" của quí vị đến bạn đọc, HL rất mong quí vị kèm theo sáng tác của mình một bản tiểu sử tóm lược (có hình các tốt).

Đặc biệt, bắt đầu từ số này, *Hợp Lưu* mỗi kỳ sẽ giới thiệu vài ba "chân dung tự họa" cùng tiểu sử của những nhà văn nhà thơ Việt Nam hiện đang sinh sống tại hải ngoại. Phần giới thiệu này được rút ra từ bộ sách *"Văn Nghệ Sĩ Việt Nam"* do hai nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng / Khánh Trường đang thực hiện, mà trong mục *"Sinh Hoạt Văn Học Nghệ Thuật"* số trước HL đã đưa tin.

Ngoài ra, HL vẫn đang tiếp tục thu tập tài liệu để thực hiện số chủ đề về nhà văn Phan Khôi. Chúng tôi hy vọng số đặc biệt này sẽ có thể phát hành đúng dịp Tết nguyên đán 1997. Một lần nữa, rất mong độc giả, văn hữu tích cực đóng góp bài vở.

HỢP LƯU



ĐOÀN XUÂN KIÊN

tìm hiểu cách nói phủ định trong "quốc âm thi tập" của nguyễn trãi



1

Trong tình trạng thư tịch cũ hiện nay, *Quốc Âm Thi Tập* (QÂTT) (1) là một tác phẩm lớn viết bằng quốc văn của văn học thành văn những thời kì đầu mà ta còn may mắn giữ được. Lai lịch tác phẩm khá phức tạp. Văn bản hiện hành chỉ là những bài tập hợp lại non ba mươi năm sau khi Nguyễn Trãi bị án tru di. Bản khắc in lần đầu tiên là do Trần Khắc Kiệm thu thập từ năm 1467 đến năm 1480. Về sau, loạn lạc mấy trăm năm liền, bộ sách *Ức Trai Di Tập* (trong đó quyển 7 là *Quốc Âm Thi Tập*) bị thất truyền. Mãi đến đời vua Minh Mạng, Tự Đức đời nhà Nguyễn, các nhà nho Nguyễn Năng Tĩnh, Dương Bá Cung, Ngô Thế Vinh cùng chung sức sưu tập lại và đem khắc in năm 1868. Thời điểm hai lần sưu tập và khắc in cách nhau 400 năm hẳn là có ý nghĩa về mặt văn bản học. Thật vậy, ngoài 20 bài trùng hợp với *Bạch Vân Quốc Ngữ Thi* của Nguyễn Bỉnh Khiêm, người nghiên cứu dễ dàng nhận ra một số bài có cách hành văn, cách dùng từ, cả đến cách cấu tứ nữa, có vẻ mới, chứng tỏ rằng nếu không vì nhầm lẫn của người sưu thì có thể là có tình

trạng: ý thơ là của Nguyễn Trãi nhưng lời văn thì đã bị người đời sau sửa đổ đi (2). Tuy vậy, ở một chừng mực nào đó, QÂTT là một dấu mốc quan trọn trong lịch sử tiếng Việt, vì qua nó ta có thể nhận dạng ít nhiều tình trạng tiến Việt - ít nữa cũng là tiếng Việt văn học- ở thế kỉ XV.

Về mặt ngôn ngữ, có thể ghi nhận điều này: cấu trúc ngữ pháp tiếng Việ văn học trong QÂTT không xa với tiếng Việt văn học những thời kì sau nà nhất là về mặt cú pháp (trật tự các thành phần câu, cấu trúc cụm từ). Ngà nay chúng ta vẫn có thể hiểu được lời thơ trong QÂTT chứ không phải qu một lần phiên chuyển trung gian. Nói thế không phải là khẳng định tron tập thơ không có những câu nói "lạ tai", chẳng hạn:

1 Chăng đã khôn ngay khéo đầy (bài 25)

2 Đường thế nào nơi chẳng thấp cao (b. 47)

Tuy thế, xét về cú pháp, câu 1 là câu khuyến lệnh với một thành phần v ngữ; câu 2 là câu tường thuật có đủ hai thành phần chủ ngữ (*nào nơi*) và v ngữ (*chẳng thấp cao*), ở đầu câu có thành phần khởi ngữ (*đường thế*). Hai câ này đều có cấu trúc quen thuộc của tiếng Việt. Những câu thơ gọi là khó hiể như trên chẳng phải do cấu trúc xa lạ mà phần lớn là ở lối dùng từ cổ của thơ Nguyễn Trãi; thảng hoặc mới có trường hợp đảo vị trí các từ trong câu (nh tiếng *nào* trong câu 2, đáng lẽ ở vị trí sau từ *nơi*). Có nhiều cách nói que thuộc ở thời Nguyễn Trãi nhưng trở nên không phổ biến ở thời đại chúng t nữa; có những từ dùng thông thường thời trung cổ nhưng đến bây giờ thì hoặ đã rơi mất nghĩa cũ, hoặc đã thay đổi cách tổ hợp (*âu, nghèo, lệ, miều* na chỉ còn dùng làm thành tố của từ ghép), thậm chí có khi không còn dùng nữ (*mựa, tua, cóc...*).

Trong bài này, chúng tôi bàn về một phong cách riêng của tiếng Việt vă học ở thế kỉ XV: tìm hiểu cách nói phủ định trong tập thơ QÂTT.

2

Để diễn đạt ý phủ định, QÂTT dùng nhiều cách nói khác nhau, tùy the tính cách phủ định, tùy theo sắc thái tình cảm người nói trong mỗi ngữ cản khác nhau. Phủ định ngữ pháp được thể hiện qua lối dùng các phó từ ph định chăng/chẳng, mựa, chớ, khôn, chưa/chửa, nào, kẻo, khỏi. Bên cạnh đ cũng có lối phủ định tu từ, được thể hiện qua lối dùng các phó từ chi, đâu, a mấy, há, nỡ, lọ, sá.

PHỦ ĐỊNH NGỮ PHÁP

Lối nói phủ định trong tiếng Việt được thể hiện qua phương tiện từ vựn Các phó từ phủ định là những công cụ ngữ pháp chính. Khi phát biểu nhữn câu nói phủ định, người nói hoàn toàn phủ nhận một sự kiện, một hành

thái độ nào đó. QÂTT dùng khá nhiều phó từ phủ định: Trong trường hợp bình thường, không thể hiện sắc thái tình cảm nào đặc biệt, QÂTT thường dùng từ phủ định *chăng, chẳng*; khi nói phủ định kèm theo ý khuyến lệnh thì dùng từ phủ định *mựa, chớ;* phủ định một khả năng nào đó thì dùng từ *khôn, chửa, chưa.* Ngoài ra còn một vài phó từ phủ định khác như *nào, kẻo, khỏi* cũng được dùng phổ biến trong tiếng Việt thời Nguyễn Trãi rồi.

Chăng - chẳng

Phổ biến nhất là lối nói phủ định với *Chăng/Chẳng.* Theo bản phiên âm Đào Duy Anh thì trong QÂTT lối nói này xuất hiện 177 lần, gồm có 57 từ *chăng*, 120 từ *chẳng.* Tuy vậy, trong số 120 tiếng *chẳng* đó có 45 hay ít ra cũng là 20 trường hợp có thể đọc là *chăng.* Sở dĩ thế là vì trong bản nôm, trong nhiều trường hợp cả hai từ đều viết ; tùy theo âm luật cho phép, ta đọc theo giọng bằng hay giọng trắc. Chẳng hạn:

Vàng bạc nhà *chẳng (chăng)* có mấy phần (b. 38)

Trần thế *chẳng (chăng)* cho bén mới hào (b. 52)

Chăng/Chẳng thường đứng trước động từ và tính từ. Chỉ có một số ít trường hợp đứng trước danh từ. Nhưng dù trong trường hợp nào đi nữa, ý nghĩa của *chăng/chẳng* đều có nghĩa là "không", mang tính phủ định dứt khoát. Về ý nghĩa và vị trí, hai từ này tương đương với phó từ *không* trong tiếng Việt hiện đại.

1 Nào đâu là chẳng đất nhà quan (b. 17)

2 Trì tham nguyệt hiện chăng buông cá (b. 28)

3 Lời chăng phải vuốn khôn nghe (b. 44)

Trong cả ba câu, danh từ, động từ và tính từ đi sau *chăng/chẳng* chỉ những sự vật, hành động, trạng thái bị phủ định: "không phải đất nhà quan", "không thả cá", "không đúng".

Từ *chăng/chẳng* trong QÂTT chỉ là hai biến thể của một từ phủ định mà thôi. Nhưng chỉ hai trăm năm sau đã có sự phân biệt ranh giới giữa hai từ này: *chăng* dùng để hỏi trong câu nghi vấn; *chẳng* dùng để diễn ý "không có gì hết" "chả" trong câu phủ định (3). Bức thư của Bento Thiện viết năm 1659 có 36 từ *chẳng* với nghĩa phủ định, và 4 từ *chăng* dùng để diễn ý hoài nghi trong câu hỏi (4):

4 Song le *chẳng* biết là có ai gửởi cho đến thầy hay *chăng.*

5 *Chẳng* biết là tôi có được gặp Thầy nữa *chăng.*

6 ...tôi gửởi hai thư cho, *chẳng* biết là có đến cùng *chăng.*

7 *Chẳng* biết có ai đến đấy *chăng* mà gửởi.

Cả bốn từ *chăng* trong bức thư trên đều là tiếng cuối câu hỏi tự vấn, nhưng câu hỏi dưới đây rút ra từ một quyển sách in năm 1631 rõ ràng là một câu hỏi đối thoại (5):

8 Con gno muan bau tlom laom Hoalaom *chiam*?
(Con nhỏ muốn vào trong lòng Hòa Lan *chăng*?)

Sự phân biệt *chăng* (phó từ nghi vấn) và *chẳng* (phó từ phủ định) như th đã xảy ra sau thời Nguyễn Trãi, và chậm lắm là đến thế kỉ XVII thì ổn địn cho đến nay. Về ý nghĩa, mức độ dứt khoát của từ *chẳng* trong QÂTT v trong bức thư của Bento Thiện đều như nhau, và tương đương với không củ tiếng Việt hiện đại. Nhưng *chẳng* trong tiếng Việt hiện đại có ý nghĩa dứ khoát triệt để hơn cả các phó từ phủ định khác.

Trong QÂTT còn một hiện tượng đặc biệt là *chăng/chẳng* kết hợp với *đ* và *thà* thành một cụm từ cố định: *chẳng đã* (xuất hiện 5 lần) có nghĩa l "không ngoài", và *chăng thà* (xuất hiện 1 lần) nghĩa là"không thèm":

9 Chăng đã khôn ngay khéo đầy (b. 25)

10 Áo người vô nghĩa mặc chăng thà (b. 39)

Câu 9 được hiểu là "[Cái gì cũng] không ngoài chuyện khôn ngoan thậ thà và sự khéo léo một cách phúc hậu". Câu 10: "Không thèm mặc áo củ người bất nghĩa". Ngày nay, hai cụm từ trên không còn ý nghĩa và cách dùn như trong QÂTT nữa: "chăng đã" nay kết hợp trong cụm từ cực *chẳng đ* nghĩa là "không thể đừng", còn "chăng thà" đã chuyển thành *thà/chẳng th* cũng với ý nghĩa nhấn mạnh vào một hành vi chọn lựa biểu thị ở nhóm t đứng sau nó:

11 *Chẳng thà* chịu vất vả còn hơn ăn bám người khác

Mựa - Chớ

Để diễn tả ý phủ định trong câu khuyến lệnh, ngoài cụm từ *chăng thà* nó ở trên, QÂTT thường dùng phó từ *mựa* (33 lần) và chớ (34 lần). Sắc thái ngh nghĩa của hai từ này đều giống nhau, cùng có tính cách dứt khoát mạnh v nhất là có tính cách khuyên bảo và ra lệnh:

1 *Mựa* cậy sang, *mựa* cậy tài (b. 91)

2 Bất nghĩa lòng nào *mựa* nỡ toan (b. 144)

3 Thấy có ai han *chớ* đãi đằng (b. 23)

4 *Chớ* người trọc trọc, *chớ* ta thanh (b. 156)

Cả bốn câu trên đều có ý khuyên bảo nên tránh những hành vi, những thá độ xấu. Câu 1 nghĩa là "đừng cậy mình giàu, đừng ỷ mình có tài", có ý khuyê rằng hãy cư xử khiêm tốn; câu 2 khuyên đừng toan tính làm điều bất nghĩa câu 3 khuyên không nên hớn hở xuôi lòng khi được hỏi han đến; câu 4 khuyê không nên hợm mình. Ý khuyên răn hiện rõ qua cách nói phủ định với ph từ *mựa* và *chớ*.

Mựa và *chớ* là hai từ phủ định phổ thông trong tiếng Việt thời trung cổ Trong bài phú *Cư Trần Lạc Đạo* (thế kỉ XIII), *Chỉ Nam NgỌc Âm Giả Nghĩa* (trong Khoảng Thế Kỉ Xv-xvii), Và *Bạch Vân Quốc Ngữ Thi* (thế k XVI) đều dùng phó từ *mựa*:

5 Chìn tính sáng, *mựa* lạc tà đạo (CTLĐ)

6 *Mựa* cười rằng mất nết thì quê (CNNÂGN)

7 *Mựa* chê người vắn, cậy ta dài (BVQNT)

Từ điển A.de Rhodes (th. k. XVII), J.M. Génibrel, HBnh Tịnh Của (th.k. XIX), Khai Trí Tiến Đức, G. Huế (th.k. XX) đều có ghi từ *mựa*. Nhưng đến các từ điển tiếng Việt ra đời giữa thế kỉ XX từ này đã thành một từ cổ. Trừ một số những địa phương thuộc Bình-Trị-Thiên, ngày nay ta không còn nói *mựa* nữa mà chỉ còn dùng *chớ* với nghĩa phủ định khuyến lệnh như trong QÂTT. Bảng kê dưới đây cho thấy tần số sử dụng các từ phủ định *Mựa - Chớ Đừng* trong các tác phẩm văn học cổ từ thế kỉ XV (*Quốc Âm Thi Tập* [QÂTT] của Nguyễn Trãi và *Hồng Đức Quốc Âm Thi Tập* [HĐQÂTT] đời Lê Thánh Tông), thế kỉ XVI (*Bạch Vân Quốc Ngữ Thi* [BVQNT] của Nguyễn Bỉnh Khiêm), thế kỉ XVII (*Chỉ Nam Ngọc Âm Giải Nghĩa* [CNNÂGN]của Hương Chân Pháp Tính), thế kỉ XVIII (*Inê Tử Đạo Văn* [ITĐV]), đến thế kỉ XIX (*Đoạn Trường Tân Thanh* [ĐTTT] của Nguyễn Du):

Bảng 1

	Mựa	*Chớ*	*Đừng*
QÂTT:	33	27	1 ?
HĐQÂTT:	6	13	3 ?
BVQNT:	2	2	0
CNNÂGN	11	0	0
ITĐV:	1	25	0
ĐTTT:	0	5	5

Xu hướng chung là phó từ *Mựa* vắng bóng dần ở những thời kì sau. Tiếng đừng thì chỉ thấy trong văn Nguyễn Du (th. k. XIX) mà không thấy ở các thế kỉ trước; do vậy, sự xuất hiện đừng trong văn Nguyễn Trãi và đời Hồng Đức là chuyện khả nghi về mặt văn bản học (6).

Khôn - Chửa/Chưa

Cuối cùng, nhóm phó từ phủ định *Khôn - Chửa/Chưa* cũng có tính dứt khoát. Nhóm này có những nét nghĩa khác các nhóm trên ở chỗ là chúng diễn đạt ý phủ nhận một khả năng nào đó. QÂTT dùng *khôn* (20 lần) với ý nghĩa là "không thể", hoặc "khó có thể":

1 Ao bởi hẹp hòi *khôn* thả cá (b. 1)
2 Lưng *khôn* uốn lộc nên từ (b. 36)
3 Lòng xuân nhẫn động ắt *khôn* gìn (b. 201)

Trong hai câu đầu, *khôn* phải hiểu là "không thể"; *khôn* trong câu 3 hiểu làà"khó có thể". Ý phủ định trong cả ba câu đều dứt khoát, rõ ràng.

Từ phủ định *khôn* khá phổ biến trong tiếng Việt suốt từ thời trung cổ đến thời cận đại. các tác phẩm nôm từ thế kỉ XVI (*Bạch Vân Quốc Ngữ Thi*) sang thế kỉ XVII (như là *Chỉ Nam Ngọc Âm Giải Nghĩa*) đến thế kỉ XIX (chẳng hạn *Đoạn Trường Tân Thanh* của Nguyễn Du, *Chinh Phụ Ngâm Diễn*

Âm Tân Khúc [CPNDÂTK] của Phan Huy Ích) đều có từ này với ý nghĩa là "không dễ", "không thể":

4 Cây cao ngần ngật thế *khôn* rung (BVQNT)
5 Người thiểu học *khôn* biết, khôn xem (CNNÂGN)
6 Giọt châu lã chã *khôn* cầm (ĐTTT)
7 Bộ *khôn* bằng ngựa, thủy *khôn* bằng thuyền (CPNDÂTK)

Ngày nay, *khôn* không còn dùng trong câu nói phủ định nữa. Phó từ *không* trong tiếng Việt hiện đại đã thay thế vai trò của các phó từ phủ định *chăng/chẳng* và *khôn*, có lẽ từ khoảng cuối thế kỉ XVIII, muộn nhất là thế kỉ XIX (7). Bảng 2 dưới đây cũng sử dụng tư liệu ngôn ngữ như ở Bảng 1 trên kia, cộng thêm với *Cung Oán Ngâm Khúc* của Nguyễn Gia Thiều (thế kỉ XVIII), cho thấy xu hướng giảm tần số sử dụng của *chăng/chẳng* song songvới sự gia tăng tần số sử dụng của *không* trong các tác phẩm văn học qua các thời kì từ thế kỉ XV đến thế kỉ XIX:

Bảng 2

	Chăng/Chẳng	*Không*
QÂTT (th.k.XV):	178	0
HĐQÂTT (th.k. XV):	154	0
BVQNT (th.k.XVI):	11	0
CNNÂGN	51	0
ITĐV (th. k. XVIII):	56	1
CONK (th. k. XVIII):	13	3
ĐTTT (th. k. XIX):	107	23

Chưa/Chửa (xuất hiện 27 lần) chỉ khái niệm phủ định dứt khoát, nhưng khác với *chăng/chẳng*, nó muốn nhấn mạnh đến một khả năng nào đó không có thực trong lúc nói nhưng có thể sẽ xảy ra về sau; nghĩa này của *chưa/chửa* diễn đạt khái niệm ngược với của phó từ đã:

1 Nợ quân thân *chưa* báo được (b. 12)
2 Tơ hào *chưa* báo hẵng còn âu (b. 30)
3 Hầu đi lại *chửa* biết đường (b. 100)

Ở thời điểm người nói phát biểu ba câu trên, ba sự kiện đi sau phó từ *chưa/chửa* (báo đáp nợ quân thân, báo ơn quân thân, biết đường đi) đều không xảy ra . Ý nghĩa phủ định của câu nói rõ ràng là dứt khoát.

Cần phân biệt là trong *Quốc Âm Thi Tập* có nhóm từ *chưa dễ* (xuất hiện 3 lần) mang ý nghĩa là "không chắc", "không hẳn", tức là một khái niệm hoài nghi, không chắc chắn:

4 *Chưa dễ* bằng ai đắn mấy đo (b.20)
5 Xuân xanh *chưa dễ* hai phen lại (b. 201)
6 *Chưa dễ* ai đà ba bảy mươi (b. 203)

Một chi tiết đáng chú ý nữa là trong QÂTT không có chưa/chửa dùng làm phó từ nghi vấn (8).

Nào

QÂTT còn dùng *nào* (45 lần) để diễn ý phủ định. Có 5 lần *nào* đứng phía sau bộ phận cần phủ định:

1 Đòi thì vậy, dễ hơn *nào* (b. 89)

2 Bất nghĩa lòng *nào* mựa nỡ toan (b. 144)

Còn lại là 40 lần phó từ phủ định *nào* đặt trước danh từ hay động từ chỉ sự vật hay sự việc cần phủ định:

3 Bằng tôi *nào* thuở ích chưng dân (b. 37)

4 Quan cao *nào* đến dáng người ngây (b. 137)

Nhưng dù đứng trước hay sau, nào vẫn có thể hiểu là "không". Mức độ ý nghĩa dứt khoát của nào cũng tương đương như chăng, nhưng nó còn thêm một sắc thái ngữ nghĩa khác: khi diễn ý phủ định với phó từ *nào*, người nói không tỏ ra là kẻ phán quyết mà chỉ khiêm tốn phát biểu ý kiến như để phân trần, thuyết phục mà thôi; dù vậy vẫn không thiếu tính xác quyết. Như vậy, câu 3 hiểu là "như tôi đây không có ích gì cho dân cả", và câu 4: "không có kẻ ngây dại nào mà làm quan to được cả".

Về sau, chậm lắm là đến thế kỉ XVII, nào có khuynh hướng phát triển thành một phó từ nghi vấn cùng tồn tại song song với phó từ phủ định. Nhưng *nào* phủ định sau này không có ý nghĩa dứt khoát như trong QÂTT, mà thường chen lẫn ý nghi vấn, nên có nhà nghiên cứu xem là phó từ thêm ý chủ quan (9):

5 *Nào* thày ? (A. de Rhodes)

6 *Nào* ai có biết nỗi này chăng? (Lâm Tuyền Kỳ Ngộ)

7 *Nào* người phượng chạ loan chung? (Kiều)

8 Đứa *nào* vu oan cho mày, hử ? (Học Phi)

9 Việc quan *nào* phải việc trẻ con? (Nguyễn Công Hoan)

10 *Nào* ai đã hỏi vào lúc nào được? (Ngô Tất Tố)

Trong sáu câu trên, nào đều có ý hoài nghi, và các câu nói có *nào* là các câu hỏi. Ở hai câu 9 và 10, *nào* còn có nét nghĩa phủ định như đã từng có trong QÂTT, nhưng ý thiếu dứt khoát mà xen lẫn ý hoài nghi ít nhiều nên ý phủ định được che đậy dưới hình thức câu nghi vấn-phủ định. Câu 10 chứng thực rằng *nào* trong tiếng Việt hiện đại cùng tồn tại song song hai cách dùng: vừa để hỏi (*nào* thứ hai), vừa dùng để diễn ý hoài nghi-phủ định (*nào* thứ nhất).

Kẻo - Khỏi

Trong QÂTT còn có hai từ mang nét nghĩa phủ định, là *kẻo* và *khỏi*. Trước hết, *kẻo* xuất hiện 7 lần, biểu thị khái niệm về sự chấm dứt một tình trạng bị động, và như vậy nó có nghĩa là "thoát khỏi", "không (bị)":

1 Dưỡng người cho *kẻo* nhọc chân tay (b. 146)
2 Hay đỗ hay đừng mới *kẻo* âu (b. 153)
3 Khỏi quyền đã *kẻo* lụy chưng danh (b. 156)

Mô hình ngữ nghĩa của cả ba câu trên là: " hành động a —> kẻo (không bị) —> hành động b". Câu 1 có nghĩa là "người ta được giáo hoá giỏi thì không phải nhọc nhằn tấm thân". Câu 2: "Biết lúc nào nên dừng lại thì không phải lo âu". Câu 3: " Ra khỏi chỗ quan quyền thì không bị lụy vì cái danh".

Khỏi (3 lần) chỉ khái niệm phủ định về một điều kiện, và có nghĩa là "không" "hết":

1 Nếu *khỏi* tiểu nhân, quân tử nhọc (b. 133) (10)
2 Chúa ràn nẻo *khỏi* tan con nghé (b. 150)
3 *Khỏi* quyền đã kẻo lụy chưng dân (b. 156)

Câu 1 có nghĩa là: "Nếu không có người thấp kém thì kẻ cao sang sẽ phải mệt". Câu 2: "Người chăn dắt biết rào dậu thì nghé không phải xa đàn". Câu 3: "Hết ở chỗ quyền thế thì không bị lụy vì danh".

Cách dùng phó từ *khỏi* trong QÂTT không khác mấy với tiếng Việt hiện đại. So sánh câu dưới đây:

4 Thư gửi về toà soạn *khỏi* dán tem.

PHỦ ĐỊNH TU TỪ

Ngoài các nhóm phó từ phủ định trên đây, QÂTT còn một số những phó từ phủ định khác dùng trong những tình huống không dứt khoát, khi một phát biểu còn chen lẫn ý hoài nghi, phân vân. Những câu phủ định không triệt để này thường thể hiện dưới dạng một câu hỏi, hay một câu tán thán. Những câu hỏi loại này thường không phải là những câu hỏi đối thoại mà chỉ là những câu hỏi tự vấn, hoặc câu hỏi tu từ (11). QÂTT sử dụng khá nhiều cách nói phủ định này bằng các phó từ *chi, đâu, ai, mấy, há, lọ, nỡ, sá.* Dựa trên sắc thái ngữ nghĩa của các từ này, chúng ta có thể tạm xếp các từ phủ định trên vào hai nhóm: nhóm các từ *chi, đâu, ai, mấy* và nhóm các từ *há, lọ, nỡ, sá.*

Một điều khá dễ thấy là: các phó từ dùng để diễn ý phủ định trong trường hợp này đều không hoàn toàn là những phó từ phủ định thuần túy. Chúng được dùng trong những ngữ cảnh nhất định, và sắc thái phủ định không phải là dứt khoát hay đơn thuần. Với tính cách những công cụ ngữ pháp, những phó từ này thường có hơn một vai trò. Phó từ *ai* chẳng hạn là đại từ phiếm chỉ, nhưng cũng đóng vai trò phó từ phủ định trong những ngữ cảnh nhất định. Trong bài này, chúng ta chỉ tìm hiểu vai trò phó từ phủ định của các tù nói trên. Lẽ tất nhiên là chúng tôi chỉ giới hạn việc phân tích ở trong phạm vi ngữ nghĩa và tu từ là chính.

Chi/Gì - Đâu - Ai - Mấy

Chi/Gì được dùng 40 lần với ý nghĩa là "không", và thường đi sau động từ:

1 Áo mặc nài *chi* gấm là! (b. 4)

2 Bền tiết ngọc kể *chi* sương! (b. 217)

Ngữ điệu của hai câu trên có thể phát triển theo hướng câu hỏi hay câu tán thán, nhưng về mặt ngữ nghĩa thì chi/gì ở cả hai câu hỏi đều hiểu là "không + (động từ) + chi/gì". Như thế, câu 1 hiểu là: "Áo mặc không đòi hỏi chi gấm vóc lụa là". Câu 2: "Giữ chắc danh tiết của mình, không kể chi sương tuyết". Điều đáng chú ý là ở đây, ý phủ định không trực tiếp như khi nói *chăng* hay *khôn*, bởi vì khi nói câu phủ định với *chi*, người nói không hề có ý xác quyết lập trường, hoặc là lưỡng lự, phân vân, hoặc nữa cũng là làm ra vẻ khiêm cung, làm cho nhẹ lời phủ quyết. Chính ở khía cạnh này mà các câu phủ định có phó từ *chi* có thể xem là những câu hỏi:

3 Ẩn cả lọ *chi* thành thị nữD (b. 17)

4 Ở thế tin *gì* miệng đãi bôi (b. 106)

Ý nghĩa cả hai câu là muốn tỏ thái độ phủ nhận cả hai sự kiện (không kể gì thành thị, không tin tưởng gì nơi miệng lưỡi đãi bôi), nhưng lối diễn đạt lại không dõng dạc đanh thép mà chỉ nhẹ nhàng như không có ý muốn thuyết phục người nghe.

QÂTT dùng 12 lần phó từ *đâu* với ý nghĩa phủ định lồng trong câu hỏi tu từ (12):

1 Nào *đâu* là chẳng đất Đường Nghiêu? (b.24)

2 Lồng lộng trời tư chút *đâu*? (b.40)

3 Qua ngày tháng lấy *đâu* nhiều? (b. 67)

4 Nghiệp Lưu QB thịnh *đâu* truyền báu ? (b. 130)

5 Ngày khác hay *đâu* còn việc khác? (b. 189)

Trong cả năm câu *đâu* đều có nghĩa là "không có...đâu". Câu 1 chẳng hạn có nghĩa là: "Không có nơi nào không là đất Đường Nghiêu". Câu 4: " Cơ đồ của Lưu QB không có truyền lại ngôi cho con cháu". Vị trí của *đâu* có khi là ở trước động từ (câu 4), nhưng thường khi đặt sau các tiếng muốn phủ định.

Ai

Trong QÂTT có hai từ *ai*: một là từ phiếm chỉ, một là từ phủ định. Từ *ai* thứ nhất (16 lần) có nghĩa là "người nào đó", "mọi người".

1 Tay *ai* thì lại làm nuôi miệng (b. 149)

Từ *ai* thứ nhì là một từ phủ định (18 lần), có nghĩa là "không có ai".

2 Giữ khăng khăng *ai* nỡ phụ? (b. 87)

3 Phong nguyệt dầu ta *ai* kẻ đoán! (b. 114)

4 Bằng rồng nọ *ai* phen kịp! (b. 180)

5 Quân tử *ai* chẳng mắng danh? (b.221)

Câu 2 hiểu là: "[Nếu] bền lòng gìn giữ thì không ai nỡ phụ". Câu 3: "Ta hưởng thú gió trăng thỏa chí, không ai biết được". Câu 4: "Nuôi chí lớn như

rồng thì không ai theo kịp". Câu 5: "Không ai là không biết tiếng người quân tử".

Từ *mấy* trong QÂTT có khi là lượng từ (7 lần), có khi là giới từ (4 lần). Để diễn ý phủ định, QÂTT cũng dùng lối nói với từ *mấy* (3 lần).

1 *Mấy* kẻ công danh nhàn lẵng đẵng (b. 121)
2 Thức xuân kể được *mấy* phen tươi (b. 203)
3 Đống lương tài có *mấy* bằng mày (b. 219)

Trong cả bốn câu, *mấy* có nghĩa là "không bao nhiêu". Câu 1 nghĩa là: "Không có bao nhiêu kẻ đeo đuổi công danh mà được nhàn nhã". Câu 2: "Kể về vẻ Xuân tươi đẹp thì không có mấy". Câu 3: "Không mấy người có tài cán như mày".

Há - Lọ - Nỡ - Sá

QÂTT còn dùng các từ *há, lọ, nỡ, sá* để diễn ý phủ định tu từ. *Há* xuất hiện 16 lần, đều có nét nghĩa là "không" nhưng được che giấu dưới hình thức một câu hỏi.

1 Bụt ấy là lòng bụt *há* cầu! (b. 30)
2 Nguyệt xuyên *há* dễ thấu lòng trúc? (b. 49)
3 *Há* chẳng biến dời cùng thế thái (b. 96)
4 Khí dương hoà *há* có tư ai! (b. 230)

Các từ điển đều không xem *Há* là phó từ phủ định, nhưng đều phải dùng khái niệm phủ định để giải nghĩa từ ghép với *Há*. J.M. Génibrel giải nghĩa là "À Dieu ne plaise que. Comment ?". Từ điển HBnh Tịnh Của giải nghĩa *Há* là "lẽ đâu", "có lẽ nào". Nhưng khi giải nghĩa các từ ghép với *Há*, ông phải dùng đến khái niệm phủ định: "*Há dễ*: đâu dễ - *Há dám*: đâu dám- *Há nỡ*: đâu nỡ, đâu không, đâu đành". Đến quyển từ điển mới nhất cũng không làm sáng tỏ hơn việc giải nghĩa từ *Há* này: "*Há* (cũ): Từ biểu thị ý như muốn hỏi, nhưng thật ra là để khẳng định rằng không có lẽ nào lại như thế." (13). Những định nghĩa trên đây dù cách này hay cách khác, đều thừa nhận nét nghĩa phủ định của phó từ *Há* trong một số ngữ cảnh nhất định. Và những ngữ cảnh đó có trong QÂTT. Câu 1 nghĩa là: "Bụt ở trong lòng ta chứ không thể cầu mà thấy được". Câu 2: " Trăng chiếu không soi tới lòng cây trúc". Câu 3: "Không lẽ không biến dời theo thế thái". Câu 4: "Khí lành không có tư vị ai".

Nỡ

Nỡ xuất hiện 11 lần trong QATT.

1 Giữ khăng khăng ai *nỡ* phụ! (b.87)
2 Quê cũ chẳng về *nỡ* để hoang! (b. 117)
3 Người kia phú quí *nỡ* quên lòng! (b. 178)
4 Biên xanh *nỡ* phụ cười đầu bạc? (b. 202)

Từ điển giải nghĩa *Nỡ* là "yên vậy", "chịu vậy", "đành vậy" (HTCủa, Sđd, T.II, tr. 152). Génibrel giải nghĩa là "permettre, tolérer" (Génibrel, Sđd, tr

500). Từ điển Viện Ngôn Ngữ thì giải nghĩa là " *Nỡ*: (thường dùng có kèm ý phủ định) Bằng lòng làm cái việc biết rằng người có tình cảm không thể làm" (VNN, Sđd, tr. 769). Nhưng hiểu như thế thì không thể giải nghĩa được câu thơ Nguyễn Trãi. Câu 4 chẳng hạn, ý tác giả muốn phủ định việc người trẻ tuổi cười chế giễu người đầu bạc, chứ không có ý bằng lòng (tolérer) thái độ như vậy. Khi Paul Schneider cắt nghĩa câu thơ này của Nguyễn Trãi là "Que les cheveux noirs ne rien pas des cheveux blancs !", chính là ông đã nhận ra nét nghĩa phủ định của *Nỡ*. Thiết tưởng những câu trên có thể giải nghĩa như sau:

1 Bền lòng giữ (đạo) thì không ai bỏ quên mình
2 Không về quê cũ đành để đất hoang hóa
3 Người kia phú quí không đành lòng quên
4 Tuổi trẻ không dám cười nhạo kẻ tóc trắng

Lọ

Lọ xuất hiện trong QÂTT 17 lần, tất cả đều mang nét nghĩa là "không cần", "không kể gì".

1 *Lọ* phải chon chăn đến cửa quyền (b. 53)
2 Cảnh thanh *lọ* ước cảnh non Bồng (b. 62)
3 *Lọ* chi tiên bụt nhọc tầm phương (b. 82)
4 Người xưa ẩn cả *lọ* lâm tuyền (b. 103)

Hùinh Tịnh Của giải nghĩa "Lựa là: nào phải, can chi phải" (HBnh Tịnh Của, Sđd, T. I, tr. 593). Génibrel cũng hiểu tương tự: " *Lọ* = Lựa là: À quoi bon, Puorquoi." (Génibrel, Sđd, tr. 405 và 426.) Từ điển Viện Ngôn Ngữ : " Lọ: (cũ) 1. Huống nữa, huống chi. 2. Cần gì, chẳng cần gì." (Viện Ngôn Ngữ, Sđd, tr. 597). Giải nghĩa như thế thì mặc nhiên các tác giả đều thừa nhận nét nghĩa phủ định của *lọ*, bởi vì các câu nói dùng phó từ *lọ* đều không phải là những câu nghi vấn mà chỉ là những câu phủ định tu từ mà thôi. Vả chăng, cũng như nỡ, từ *lọ* thường đi kèm phó từ phủ định (chăng, chẳng) để làm gia tăng ý phủ định.

Các câu thơ Nguyễn Trãi ghi trên sẽ hiểu như sau:

1 Chẳng cần phải chen chúc đến cửa quyền
2 Cảnh trí thanh tú thế này thì chẳng cần mơ gì cảnh non Bồng nữa
3 Chẳng cần chi tiên với phật mà phải đi tìm cho mệt
4 Những ẩn sĩ cao đạo ngày xưa chẳng cần gì cảnh lâm tuyền

Sá

Sá trong từ điển Hùinh Tịnh Của thấy có: "*Bao sá*: chẳng kể chi" (Sđd, T.II, tr. 276). Génibrel cũng giải nghĩa tương tự: " *Sá:* 1. Estimer grandement.- Sá bao: Quelle estime faire de? Quel cas faire de ? À quoi bob ? Faire peu de cas; Et qu'importe... Ne compter pour rien; Estimer fort peu; Se mettre peu en peine de." (Sđd, tr. 677). Từ điển Viện Ngôn Ngữ: "*Sá* 1: (cũ; dùng

có kèm ý phủ định, hạn chế trong một số tổ hợp). Kể đến. *Sá* gì gian lao. *S*ả chi. *Sá* nào. 2: (cũ; dùng phụ trước động từ, trong một số tổ hợp). Từ biểu th ý phủ định dứt khoát, nghĩa như đâu. *Sá* kể. *Sá* quản. (Sđd, tr. 872). Địn nghĩa của Viện Ngôn Ngữ tỏ ra không nắm được ngĩa và cách sử dụng củ từ cổ này.

Sá xuất hiện trong QÂTT khá nhiều lần, với những nghĩa khác nhau. *S*ả 1 có nghĩa là "nên, lấy làm trọng": Sá lánh thân nhàn thuở việc rồi (b. 2). *S*ả 2 có nghĩa là "hãy, đành": Nước còn nguyệt hiện sá thôi chèo (b. 32)

Cuối cùng còn một chữ *Sá* 3 mang nét nghĩa phủ định, có nghĩa là "sa lại", "không nên":

1 *Sá* tiếc mình chơi đóa thủy vân (b. 29)
2 *Sá* để thuyền cho nguyệt chở nhờ (b. 108)
3 *Sá* mựa cho ai quẩy đến bên (b. 193)

Câu 1 nghĩa là "Không nên tiếc mình mà chơi sông nước, mây trời". Câ 2: "Không nên để thuyền cho trăng chở hộ". Câu 3: "Chớ để ai đem đến gần"

Trên đây là những trường hợp phủ định được ghi nhận trong QÂTT Những câu phủ định đó hoặc được viết ra dưới dạng một câu có phó từ ph định, hoặc một câu hỏi hay câu tán thán có dùng các từ không hoàn toàn l phó từ phủ định nhưng vẫn mang nét nghĩa phủ định. Về mặt ngữ pháp, cá câu có dùng phó từ phủ định là những câu phủ định có tính cách dứt khoát các câu phủ định tu từ ngược lại thường kém tính dứt khoát nếu không có kế hợp với một phó từ phủ định trong câu nói.

PHỦ ĐỊNH KÉP

Trong QÂTT có một số tình huống dùng hình thức phủ định kép để diễ tả ý khẳng định. Đây là những trường hợp dùng hai phó từ phủ định. Cầ phân biệt hai cách tổ hợp khác nhau và sẽ dẫn đến hai ý nghĩa khác nhau (1) nếu hai phó từ phủ định cùng tổ hợp với nhau thì ý nghĩa câu nói là s khẳng định về một khẳng định; (2) nếu một phó từ phủ định tổ hợp với mộ phó từ mang nét nghĩa phủ định thì ý nghĩa câu nói là sự khẳng định về mộ phủ định.

1. Trước hết là những câu **khẳng định về một khẳng định:**

1 Có *chẳng* có tài dùng *chẳng* đến (b. 137)
2 Phu phụ đạo thường *chẳng* được chớ (b. 190)
3 Đầm ấm nào hoa chẳng tốt tươi (b. 196)
4 Nào chốn nào *chẳng* gió xuân (b. 211)

Câu 1 có nghĩa là: "[Xưa nay] không ai có tài mà không được dùng đến" tức là có ý khẳng định rằng hễ có tài thì có chỗ dùng. Câu 2 có nghĩa là: "Đạo

vợ chồng không được không nhớ", hay nói cách khác, đạo vợ chồng là việc cần phải nhớ thường xuyên. Câu 3 khẳng định về một sự vật/hiện tượng đi kèm sau nào và chẳng: không có hoa nào mà chẳng tốt tươi, nghĩa là mọi thứ hoa đều tươi tốt cả. Câu 4 khẳng định một hiện tượng thiên nhiên khác: không có nơi nào không có gió xuân.

Dùng hai phó từ phủ định trong một phát biểu ngôn ngữ là một biện pháp thông thường trong mọi ngôn ngữ chứ chẳng riêng gì trong tiếng Việt, vì đây là một kiểu phán đoán trong luận lí ngôn ngữ mà thôi: phủ định của phủ định là một khẳng định.

2. Khác với trường hợp trên, khi QÂTT dùng một phó từ phủ định tổ hợp với một phó từ mang nét nghĩa phủ định, thì ý nghĩa câu nói lại là một **khẳng định về phủ định:**

1 Thế gian đường hiểm há chăng hay? (b. 112)
2 Bất nghĩa lòng nào mựa nỡ toan! (b. 144)
3 Của ấy nào ai từng được chầy? (b. 171)
4 Tiết lành mựa nỡ để cho qua (b. 189)
5 Cơm ăn chẳng lọ kén mùi ngon (b. 192)
6 Sá mựa cho ai quẩy đến bên (b. 193)
7 Trung cần há nỡ trễ cân xưng (b. 188)
8 Nâng niu ai nỡ để tay không? (b. 253)

Các câu 1, 2, 3, 4, 5 và 6 dùng hai từ phủ định, một là phó từ phủ định (*chăng, mựa, nào*), còn từ kia là một phó từ mang nét nghĩa phủ định (*há, nỡ, ai*). Ý nghĩa phủ định sẽ mang thêm sắc thái của nét nghĩa của từ phủ định thứ nhì. Câu 1 có nghĩa là: " Đường đời nguy hiểm, không lẽ lại không biết hay sao ?". Câu 2 hiểu là: " Không có bụng dạ nào mà đành đoạn làm chuyện bất nghĩa". Câu 3: " Của cải ấy không có ai mà giữ được bền lâu". Câu 4: "Chớ đnh lòng bỏ lỡ tiết lành". Câu 5: "Cơm ăn không nề hà gì phải kén chọn thức ngon". Câu 6: "Chớ đành lòng để cho ai đem lại bên mình".

Câu 7 và 8 kết hợp hai phó từ mang nét nghĩa phủ định. Sắc thái ngữ nghĩa của cả hai từ phủ định này sẽ làm nên đặc sắc của câu nói. Câu 7 hiểu là: "Đạo trung cần không thể đành trễ nải phép công bằng". Câu 8: "[Khi thái cầu đến tay] ai cũng nâng niu chứ không đành tâm để tay không".

Ngày nay, tiếng Việt đã thay đổi vài từ phủ định, nhưng cách nói phủ định kép mang sắc thái tình cảm vẫn được duy trì.

9 *Ai chẳng* biết chán đời là phải
Nhưng vội gì đã mải lên tiên! (Nguyễn Khuyến - th. k. XIX)
10 *Nào ai* đã hỏi vào lúc nào được! (Ngô Tất Tố - th. k. XX)

3

Tóm lại, tiếng Việt ở thế kỉ XV qua tác phẩm QÂTT- sử dụng nhiều biện

pháp diễn đạt ý phủ định, tùy theo tình huống và ngữ cảnh khác nhau. Về mức độ phủ định, các từ phủ định khác nhau sẽ mang nét nghĩa riêng của chúng.

Các phó từ phủ định *chăng/chẳng, khôn, nào* được dùng trong những ngữ cảnh thông thường; khi có ý muốn khuyến lệnh, ngăn cấm, thì dùng *mựa, chớ;* từ *chưa* được dùng trong trường hợp muốn phủ nhận một khả năng nào đó. Ngoài ra còn có các phó từ *kẻo, khỏi* cũng biểu thị phủ định khá dứt khoát, rõ ràng.

Trong rất nhiều trường hợp nói năng, biện pháp tu từ có thể làm nên sắc thái tình cảm cho câu nói. Các phó từ mang nét nghĩa phủ định như *chi, đâu, ai, mấy, há, nỡ, lọ, sá* được dùng để diễn tả ý phủ định nhưng có kèm theo sắc thái tu từ.

Những phân tích trên đây về cách nói phủ định của tiếng Việt trong một tác phẩm văn học ở thế kỉ XV cho phép chúng ta đi đến kết luận là cú pháp tiếng Việt không thay đổi quá nhiều trong vòng năm trăm năm qua. Thật ra rất dễ nhận ra một số thay đổi về cách nói phủ định giữa thời Nguyễn Trãi và chúng ta: Trước hết là đến thời hiện đại, trừ ba từ *mựa, khôn*, và lọ nay đã không còn sử dụng trong ngôn ngữ hàng ngày, các từ khác còn giữ hầu như nguyên vẹn sắc thái ngữ nghĩa và chức năng ngữ pháp như trong thơ Nguyễn Trãi. Sau nữa là sự thay đổi xảy ra đối với từ *nào: Nào* đã chuyển vị trí từ trước ra sau tiếng nó chỉ định. Tuy vậy, sự thay đổi này không gây trở ngại lớn nào, trái lại người đọc hôm nay vẫn hiểu nghĩa của câu nói cũ trong QÂTT. Đặt vấn đề cách nói phủ định trong lịch sử tiếng Việt, có thể thấy ngay là sự đổi thay đã xảy ra ở lĩnh vực từ vựng là chủ yếu. Nguyễn Trãi nói *mựa* trong khi chúng ta nói *đừng*.

Đặc sắc của một tác phẩm văn học là tính cách uyển từ của nó. Ngôn ngữ văn học trong QÂTT được xây dựng khá phong phú và đa dạng, nói lên tính cách tế nhị của tiếng Việt văn học trải qua một lịch sử lâu dài. Tìm hiểu phong cách ngôn ngữ của Nguyễn Trãi nói riêng và của thời kì trung cổ chính là giúp chúng ta nhận ra tính cách liên tục và phát triển của bản sắc ngôn ngữ dân tộc. Hôm nay đây, chúng ta nói nhiều về niềm tự hào dân tộc và tự hào được kế thừa vẻ giàu đẹp của ngôn ngữ cha ông. Và sự kế thừa tốt đẹp nhất là ở chỗ phát triển tiếng nói dân tộc thêm giàu đẹp, thêm trong sáng.

ĐOÀN XUÂN KIÊN

---

(1) Chúng tôi dùng tư liệu văn bản QÂTT theo bản phiên âm của Đào Duy Anh trong *Nguyễn Trãi Toàn Tập*. Hà Nội: Nxb. KHXH, 1976.

(2) Một số bài như *Thơ Tiếc Cảnh* (bài 202, 207), Tùng (b. 219, 220), *Cây Thiên Tuế* (b. 235), *Cây Đa Già* (b. 239) chẳng hạn, có cách hành văn mới quá so với văn

phong thế kỉ XV.

(3) Chúng tôi căn cứ theo A. de Rhodes. Xem A.de Rhodes, *Từ Điển An Nam-Lusitan-La Tinh* (1651) (bản dịch của Thanh Lãng, Hoàng Xuân Việt và Đỗ Quang Chính). Sài gòn: Nxb. KHXH, 1991, tr. 97.

(4) Theo bản chụp in trong Đỗ Quang Chính, *Lịch Sử Chữ Quốc Ngữ 1620-1659.* Sài gòn: Nxb. Ra Khơi, 1972, tr. 100, 105, 106.

(5) Đỗ Quang Chính, Sđd, tr. 30.

(6) Theo bản phiên âm của Đào Duy Anh: "Rỉ sử chim xanh đừng chuốc lối" (b. 228). Bản phiên mới nhất của Paul Schneider: "Dẽ sử chim xanh đừng chuốc lối" (P. Schneider, Nguyễn Trãi et son receuil de poèmes en langue nationale. Marseille: Ed. CNRS, 1987, tr. 339). Tuy cách phiên này có vẻ thuận nghĩa, nhưng về mặt văn bản, đây là phó từ đừng duy nhất trong QÂTT. Chữ này viết nôm là , có thể đọc là dừng, đừng, đành, và rình [cách đọc này tìm thấy trong bản thảo của Malôrica, nghĩa là "sắp sửa"]. Chúng tôi thấy nếu đọc câu thơ trên đây là "Rỉ sứ chim xanh đành chuốc lối" cũng thuận nghĩa. Lại xét toàn thể sáu bài thơ "Hoa Đào" (b.227-232), có ít ra là bốn bài văn phong khá mới, hẳn là giọng văn của thời kì sưu tập lần thứ nhì (thế kỉ XIX), hoặc nữa là do người sao chép bản ghi cũ nhưng có sửa đổi theo ý riêng. Chúng tôi nêu ra đây nghi vấn thuộc về khảo đính văn bản: theo Bảng 1 trên đây, có thể nào tiếng Việt thời QÂTT và Hồng Đức (sau Nguyễn Trãi non 50 năm) đã xuất hiện phó từ đừng chưa?

(7) Xem: *Léopold Cadière, Syntaxe de la Langue Vietnamienne*. Paris: EFEO, 1958, tr. 190.

(8) Thế mà trong bản HĐQÂTT là một tuyển tập thơ ca đời Hồng Đức- cùng ở thế kỉ XV lại có ba trường hợp phó từ chưa/chửa là phó từ nghi vấn (b. 17, b. 33, b. 224). Đây là một hiện tượng lạc lõng, hay sự phiên chép sai lạc, hay là kết quả của sự thay đổi tiếng nói trong khoảng thời gian 50 năm ?

(9) Trương Văn Chình, *Structure de la Langue Vietnamienne*. Paris:Nxb. Paul Geuthner, 1970, tr. 410-411.

(10) Một số bài thơ thấy chép trong cả QÂTT lẫn BVQNT. Câu 1 này có trong BVQNT (b. 69), nhưng chữ khỏi được thay bằng chẳng.

(11) Câu hỏi tu từ là những câu hỏi nhưng không phải để hỏi, vì nội dung câu hỏi đã bao hàm ý trả lời rồi. Không phải ngẫu nhiên mà có tác giả gọi chúng là những câu hỏi hư vấn. Thực chất những câu hỏi tu từ này là những câu phủ định hay khẳng định. Ngữ pháp tiếng Hán gọi loại câu hỏi này là . Xem: Đinh Thanh Thu, *Hiện Đại Hán Ngữ Ngữ Pháp Giảng Thoại.* Bắc kinh: Thương vụ ấn thư quán, 1963, tr. 206.

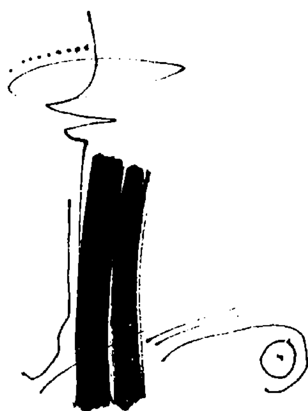
(12) Ngoài ra còn từ đâu thứ nhì, là một phó từ nghi vấn, nghĩa là "ở nơi nào": Trời ban tối ước về đâu ? (b. 14).

(13) Huình Tịnh Paulus Của, *Đại Nam Quấc Âm Tự Vị*. Saigon: Impri. Rey, Curiol & Co, 1895, Tome I, tr. 385 - J.M. Génibrel, *Dictionnaire Annamite-Francais*. Saigon: Impri. de la Mission Tân Định, 1898, tr. 282. - Viện Ngôn Ngữ Học, *Từ Điển Tiếng Việt*. Hà Nội: Nxb. KHXH, 1988, tr. 437.



THÁI DOÃN HIỂU

ông tổ thơ nôm



Trong diễn tiến không ngừng, dòng vă học Nôm Việt Nam đã để lại những thành tự quý giá. Những tác giả cùng những tác phẩr có giá trị lần lượt ra đời: Nguyễn Trãi vớ *Quốc Âm Thi Tập*, Lê Thánh Tông cùng nh thập bát tú với *Hồng Đức Quốc Âm Thi Tậ* ở thế kỷ XV, Nguyễn Bỉnh Khiêm với *Bạc Vân Quốc Ngữ Thi* thế kỷ XVI, một suố truyện thơ Nôm khuyết danh thế kỷ XVII vớ *Thạch Sanh, Tống Trân Cúc Hoa, Nhị Đ Mai, Hoàng Trừu*... và mùa cổ điển thế k XVIII với Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểr (bản dịch *Chinh Phụ Ngâm*), Nguyễn Gi Thiều, Phạm Thái... và đỉnh cao Nguyễn Du (*Kiều, Văn Chiêu Hồn*)...

Vậy thì, ai là người có công đặt nền móng cho văn học Nôm? Đi tìm ngườ khai sáng cho văn học Nôm là cần thiết và quan trọng. Giải quyết được vấ đề này, chúng ta sẽ góp phần thấy được tiến trình của văn học Nôm, sẽ giả thích được chút ít những hiện tượng đột biến trong văn học, bởi sự xuất hiệ của những thiên tài văn học không phải là ngẫu nhiên, sẽ thấy được co đường tất yếu của ý thức dân tộc ngay trong buổi bình minh của lịch sử vă học nước nhà đã chọn cho mình. Có dễ gì khẳng định được Nguyễn Trãi? Tr trước ông đã hình thành hẳn hoi cả một phong trào dưới thời Trần. The *Việt Sử thông giám cương mục*, người đầu tiên làm thơ văn ghi chép từ Há bằng chữ Nôm là Nguyễn Thuyên, một vị thái học sinh dưới thời Trần Thá Tông (1225-1258) đã xốc lên cả một phong trào làm thơ quốc âm. Người t

thường khâm phục khi nhắc đến tên tuổi nhà bác học Nguyễn Sĩ Cố - một Đông Phương Sóc của Việt Nam nổi tiếng về tài phú Nôm và thơ Nôm hài hước, thường nhắc đến danh nho Chu Văn An (?-1370), đỗ thái học sinh tác giả Quốc Ngữ thi tập. Có một truyền thuyết rất thú vị về cuộc đọc thơ Nôm của bá quan quần thần chế giễu việc Trần Anh Tông gả công chúa Huyền Trân cho Chế Mân. Rồi Trần Nhân Tông (1279-1293) nhà vua và là tác giả của *Phú cư trần lạc đạo* và mười bài thơ quốc âm. Cuối thế kỷ XIV có Trần Ngạc - con cả của Trần Nghệ Tông làm thơ Nôm chế Trần Nguyên Đán mưu thông gia với họ Hồ. Cuối thế kỷ XIV, đầu thế kỷ XV Hồ Quý Ly làm nhiều thơ Nôm: Thơ tạ ơn hoàng thượng (Trần Nghệ Tông) ban gươm và cờ; ông dịch chương *Vô Dật (Kinh Thư)* để dạy Thuận Tông, dịch *Kinh Thi* để các nữ quan dạy hậu phi và cung nữ.

Rõ ràng văn học Nôm ở thời kỳ này quả đã phát triển, nó là sản phẩm của ý thức dân tộc sau những chiến công thắng Tống, bình Nguyên.

Những người làm thơ Nôm phần lớn là các danh sĩ, quý tộc, vua chúa, rất tiếc là di cảo của họ đã bị thất truyền, không có văn bản xác thực. Chỉ còn sót lại duy nhất, xưa nhất, quý nhất là *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi (1380-1442) - Người anh hùng và thi hào dân tộc vĩ đại. Tập thơ này được giới phê bình, nghiên cứu đánh giá cao.

Với *Quốc âm thi tập*, Nguyễn Trãi có những đóng góp gì cho nền văn học Nôm cả nội dung lẫn hình thức? Có xứng đáng đóng vai trò mở đầu được chăng?

*

Thế kỷ XV! Sau bốn thế kỷ giữ được độc lập, đất nước lại vừa qua một biến cố trọng đại: thắng xâm lược Minh. Lòng tự hào dân tộc dâng cao, tiếng nói dân tộc lại được trân trọng, văn học Nôm lại hồi sinh. Đương thời, Nguyễn Trãi là người sáng tác nhiều thơ Nôm nhất 254 bài (gấp đôi thơ Hán 115 bài), hầu như ông làm thường xuyên, suốt đời, đều đặn với ý thức thường trực từ cái hồi bị giam lỏng *Góc thành Nam lều một gian* đến cuối đời ông già Côn Sơn. Không những thế, thi hào lại là người trân trọng thơ Nôm người khác, đấy là người duy nhất tỉ mỉ, cẩn thận sưu tập thơ văn Nôm Trần - Hồ, trong lúc các danh nho khác như Phan Phu Tiên, Dương Đức Nhan, Hoàng Đức Lương chỉ chuyên chú sưu tập thơ Hán.

Phải chăng do lòng yêu nước nồng nàn mà Nguyễn Trãi có ý thức xây dựng một nền văn học dân tộc thoát ly khỏi sự ràng buộc, chế ngự, đồng hóa của dòng văn học Hán?

Cho đến tình hình phiên âm chú giải *Quốc âm thi tập* chưa ổn định, có khoảng 20 bài còn lẫn lộn giữa *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi và *Bạch Vân quốc ngữ thi* của Nguyễn Bỉnh Khiêm, còn đại đa số trong đó có thể tin là của Nguyễn Trãi; thời điểm sáng tác các bài thơ không xác định được chính xác...

nhưng bấy nhiêu khó khăn vẫn không đánh đổ được giá trị của tác phẩm, vẫn là cơ sở chắc chắn đủ điều kiện để cho ta làm căn cứ nghiên cứu.

Sau khi Nguyễn Trãi cùng gia tộc bị thảm họa tru di, thơ văn của Người cũng cùng chung số phận. Tháng 3 năm Đinh Hợi (1467), Lê Thánh Tông xuống chiếu rửa oan, gia phong quan tước, cho sưu tập thơ văn. Trần Khắc Kiệm đã để ra 12 năm (1467-1480), sưu tầm các di cảo của thi hào (chắc chắn cũng chỉ được một phần thôi). Can qua liên miên giữa các tập đoàn phong kiến kéo dài từ thế kỷ XVI qua thế kỷ XVIII, thơ văn Nguyễn Trãi lại bị thất lạc. Đến thế kỷ XIX, Dương Bá Cung để công tìm tòi thu nhặt di sản của vị anh hùng dân tộc họ Nguyễn và soạn thành bộ sách ỨC TRAI DI TẬP được xuất bản vào năm Tự Đức thứ 21 (1868). *Ức Trai Di tập* gồm 7 quyển, quyển bảy là *Quốc âm thi tập*. Hiện nay đã được một số người phiên âm, chú giải. Dưới đây là chúng tôi dùng bài Phạm Trọng Điềm, Trần Văn Giáp (xuất bản năm 1956) có tham khảo thêm bản Đào Duy Anh trong NGUYỄN TRÃI TOÀN TẬP để khảo sát.

Quốc âm thi tập làm theo thể thất ngôn bát cú, hoặc thất ngôn tứ tuyệt có xen ngũ ngôn và lục ngôn. Toàn bộ tập thơ gồm bốn môn loại lớn:

1. *Vô đề* (14 chủ đề, có 192 bài
2. *Thời lệnh môn (9 chủ đề, có 21 bài)*
3. *Hoa Mộc môn (23 chủ đề, có 34 bài)*
4. *Cầm thú môn (7 chủ đề, có 7 bài)*

Quốc âm thi tập căn bản là tập thơ tâm sự. Nét chủ yếu này quán xuyến toàn bộ tập thơ. Đọc nó, ta thấy cái tư tưởng muốn yên sống một cuộc đời thanh bần cao thượng những luôn luôn quan tâm đến đời hầu như luôn luôn bao trùm toàn bộ tác phẩm. Lý tưởng chính trị của Nguyễn Trãi là muốn xây dựng một xã hội *"Vua Nghiêu Thuấn, dân Nghiêu Thuấn"* trên đất nước ta, sau khi hòa bình lập lại, tức là một xã hội từ vua cho đến quan đều hành động theo lý tưởng nhân nghĩa, coi tư tưởng nhân nghĩa là nguyên lý chỉ đạo cho mọi chính sách, mọi quan hệ giữa người với người. Ông luôn luôn ao ước được thấy người dân sống trong một xã hội no cơm ấm áo, đầy đủ về vật chất, thư thái về tinh thần đến mức ngay cả *"trong thôn cùng xóm vắng không có tiếng hờn giận án sầu"*. Lý tưởng đó của nho sĩ yêu nước chân chính Nguyễn Trãi không thể thực hiện được vì nó mâu thuẫn với quyền lợi của giai cấp phong kiến từ vua quan cho đến địa chủ quý tộc. Một lý tưởng không tưởng! Một cái vạ lớn! Vì nó, Nguyễn Trãi bị cầm tù dưới triều Lê Thái Tổ, bị cô lập dưới triều Lê Thái Tôn và cuối cùng bị giết. "*Công Thành, thân thoái*", trong thâm tâm Nguyễn Trãi có muốn lặp lại người xưa đâu. Đi về núi là tiểu ẩn, đấy là con đường khổ đau, bất đắc dĩ cuối cùng khi ông không còn dùng tài kinh bang tế thế của mình vào đâu được nữa. Thành thử, trong ông là một mối mâu thuẫn vừa có "*xuất*" vừa có "*xử*", vừa tích cực vừa tiêu cực, vừa nho vừa đạo... Mang nặng tâm sự giằng xé của một cô trung thất thế, không biết ngỏ tấc lòng cùng ai. Nguyễn Trãi chỉ có thể "*tiêu sái*" ít nhiều với cây cỏ,

trăng hoa, sông nước, với rượu, với đèn sách và mượn thơ để giải bày nỗi niềm ưu ái. Chỉ có thơ thôi mới thỏa mãn được nhu cầu ký thác của trái tim nhà ẩn sĩ ấy.

Nguyễn Trãi tâm sự vừa bằng thơ Hán vừa bằng thơ Nôm, chủ yếu bằng thơ Nôm. Thơ chữ Hán với tâm tình chua xót đớn đau di hậu thế những vần thơ cảm khái xé lòng. Thơ Nôm của ông cũng chẳng kém.

Giũ bao nhiêu bụi, bụi lầm
Giơ tay áo đến tùng tâm
(Ngôn Chí 4)

Bắt đầu một cuộc sống "*gội tục*", "*Chim kêu, hoa nở, hương lọn, cờ tàn, tiệc tan*", bắt đầu cái cảnh "*Khăn đen gậy trúc dạo trời chiều*" của một ẩn sĩ. Ông vui cái vui của kẻ trượng phu lánh đục về trong, dù cảnh nhà "*ngặt đến xương*" như Đỗ Phủ, dù "*Cơm hẩm mấy khê*", với "*muối dưa*". Tâm hồn thi nhân giản dị, thanh cao, trong sáng nhưng cô đơn như "*Mảnh trăng trong treo giữa trời biếc*" vậy (thơ Hán). Trong cảnh "*Núi láng giềng, chim bầu bạn, mây khách khứa, nguyệt anh tam*" (anh em), có lúc nhà thơ cũng tự bằng lòng với cảnh "*thanh nhàn*" giữa cõi hồng trần dù "*thiên kim ước đổi*" cũng không được. Nhưng vui là vui gượng kẻo mà, vui đấy rồi lại buồn đấy, cứ luôn thấy lòng nhà thơ phân vân không đành thế nào ấy ngay giữa lúc "*Trà mai đêm nguyệt dậy xem bóng*" hay "*Phiến sách ngày xuân ngồi chấm câu*". Con người Nguyễn Trãi là con người chủ trương nhập thế tích cực, giờ phải ẩn thân, hỏi còn gì đáng buồn hơn.

Trong cô đơn ông mới thấm thía nỗi buồn và không khỏi phân vân có cái nhìn thiên lệch khi hồi tưởng lại quá khứ oanh liệt của đời mình, cho rằng "*Công danh đeo khổ nhục*" và "*Dưới công danh nhiều thác cả*" (lỗi lầm lớn), rồi soát lại thân thế mà ngao ngán xót xa, hối hận:

Một thân lẩn khuất đường khoa mục
Hai chữ mơ màng việc quốc gia
(Ngôn chí 15)

Đốt hương trầm lên đọc sách, sách cũng không khuây khỏa được nỗi buồn, buồn cứ vây quanh tâm hồn nhà thơ giày vò, đớn đau. Bao nhiêu biến cố trong đời Nguyễn Trãi đã trải qua: bọn gian thần lộng hành, cái chết oan khốc của người em họ công thần Trần Nguyên Hãn, Phạm Văn Xảo dưới lưỡi gươm ích kỷ của họ Lê. Tấm gương "hết chim bẻ ná" sờ sờ ra đó và bản thân tấm cô trung của nhà thơ từng bị phỉ báng, bị cô lập, bị cầm tù thì làm sao mà giữ được tiếng thở dài:

Ở thế nhiều khi thấy khóc cười!
(Ngôn chí 9)

Nhân tình thế thái đơn bạc đã đành, cuộc sống hiện tại lại đọa đày ông, "*bạn bè ngày trước thi đỗ*" người thì chết, người thì xa lánh ông, thưa thớt như "*lá ngô đồng thuở mạt thu*", chỉ âm thầm trong "*lâm tuyền thanh vắng*" một mình mình biết, hiểu đời ra làm sao nữa:

Dễ hay ruột biển sâu cạn
Khôn biết lòng người ngắn dài
(Ngôn chí 5)

Có lúc nhà thơ băn khoăn, bế tắc không hướng đi: *Thuyền mọn còn chèo chẳng khứng đỗ*

Giời ban tối ước về đâu?
(Ngôn chí 14)

Thật là bi kịch! Không phải bi kịch cá nhân mà là bi kịch lịch sử. Và nỗi buồn của Nguyễn Trãi chính là một hình thái phản kháng chế độ. Nhưng con người Nguyễn Trãi đâu phải là con người dễ buông xuôi. Người đã từng có những vần thơ trúc chẻ ngói tan, lại phải viết những dòng nước mắt, thậm chí phiêu diêu thoát tục. Con người ấy, cảnh ngộ ấy, có quyền buồn, nhưng không hề bi quan. Ông cố cất mình lên khỏi nỗi đau riêng để giữ lấy nhân cách và tự khẳng định lấy bản ngã của mình. Con người sống nhiều về nội tâm đó sở dĩ buồn là vì phải sống xa đồng loại, không được góp phần mình tham gia đời sống xã hội. Nhà thơ cứ "*đêm đêm thức nhẫn nẻo sơ chung*" - thức trắng đêm chỉ vì:

Bui một quân thân cực nặng
Tơ hào chưa báo hãy còn âu
(Mạn thuật 8)

Khi nào nhà thơ cũng nói đến "*trung mấy hiếu*" "*mài chẳng khuyết nhuộm chẳng đen*" của ông với một niềm thao thức khôn nguôi. Toàn bộ tâm trạng ấy đã làm nên, trong những bài thơ tâm sự cái chất mơ màng lãng đãng sương khói của sự thoát tục và vẻ hồng hào thổn thức của một trái tim đau vì ưu ái.

Đã nghe những tiếng than vãn tuổi già và hình tượng mái đầu bạc xuất hiện. Nhưng lòng nhà thơ lại trở nên trẻ trung thơ thới, ông viết những câu thơ thắp sáng "*Xuân đến tự nhiên mọi vật tươi*". Ông nhìn tạo vật qua con mắt thi sĩ "*Tiếng chuông chiều động ắt còn xuân*" dù "*kiếp thiếu niên đi thương đến tuổi*".

Thơ Nguyễn Trãi nhận thức thế giới và thời cuộc có phê phán nghiêm túc. Dưới ngòi bút triết lý, phúng thích sâu sắc xã hội đương thời của *nhà luật*

pháp không chính thống (1) này, ta thấy mầm mống hiện thực được phơi bày: đó là cảnh "*diều ó bay lượn*" tham quyền cố vị, cái cảnh trớ trêu "*hoa thì hoa héo cỏ thường tươi*", cái thế thái ngang trái "*Lan Huệ chẳng thơm thì chớ, nỡ chi lại phải chốn tanh tao*" (Ngôn chí 19). Nghĩ đến bọn chúng, đủ cho ông phẫn uất mà quay lưng lại với đời:

Sự thế dữ lành ai hỏi đến
Bảo rằng ông đã điếc hai tai
(Ngôn chí 5)

và nếu cần có thể "*Gài cửa ngáy pho pho*". Nhưng Nguyễn Trãi là con người có nhân cách cứng cỏi, đứng thẳng "*lưng khôn uốn*" sẵn sàng "*trừ độc, trừ tham, trừ bạo ngược*". Đã từng mắng xả vào mặt bọn Lương Đăng, đã từng sát mặt với bọn lộng thần Lê Sát, Lê Vấn, Nguyễn Trãi sợ gì mà không cảnh cáo chúng:

Chớ cậy sang mà ép nề
Lời chẳng phải vườn (vẫn) không nghe

Bên cạnh thái độ sống bất khuất đó, trong tư tưởng Nguyễn Trãi còn thấm nhuần một tinh thần nhân đạo sâu sắc, cao cả. Đấy là sự "*đền ơn kẻ cấy cày*" của "*người ăn lộc*" (Bảo kính cảnh giới số 19), băn khoăn về lẽ "*chăn dân*" cho xứng với cương vị kẻ sĩ:

Đọc sách thời thông đòi nghĩa sách
Chăn dân mựa (chớ) nỡ mất lòng dân
(Bảo kính cảnh giới 57)

Ông chăm lo đến đạo đức xã hội, bản thân giữ đạo đức và luôn luôn khuyên mọi người phải sống sao cho phải đạo làm người:

Đạo đức hiền lành được chúng phương
Tự nhiên cả muốn (2) chúng suy nhường (3)
Lợi tham hết lấy, nhiều thì cạnh (4)
Nghĩa phải đem cho ít chẳng phương (5)

Trên đây, phần nào chúng ta tiếp xúc với thế giới nội tâm của Nguyễn Trãi qua hình thái phát biểu trực tiếp. Việc miêu tả thế giới khách quan qua tập thơ cũng là hình thái gián tiếp biểu hiện tâm trạng tác giả.

Tập thơ có 53 chủ đề, mỗi chủ đề lại có nhiều khía cạnh miêu tả. Hiện thực được chú ý cả bề rộng lẫn chiều sâu. Thơ Nôm, đến Nguyễn Trãi quả là có đất để gieo vãi, cấy gặt. Gơtơ nói rất đúng: "*Thế giới rộng lớn lắm, phong phú lắm và đời sống mang một cảnh tượng phức tạp đến nỗi những chủ đề về thơ không bao giờ thiếu*".

Thiên nhiên đã ùa vào trong thơ Nguyễn Trãi từ những vật tầm thường nhất như cây mùng tơi, bè muống, bờ dâm bụt đến khóm trúc, rặng đào, hàng dương, cây tùngm, từ con thuyền dòng sông, quả núi đến vầng trăng, từ đàn chim ríu rít trên trời đến con lợn con mèo hiền lành trên mặt đất... Chúng hiện lên chân thực, sinh động vô cùng với một thiên sứ: trao tư tưởng cho người đọc bằng chính bản thân chúng.

Ở đây, rất hiếm phong cảnh hùng vĩ của non sông đất nước, kiểu như:

Ngạc đoạn kình khoa sơn khúc khúc
Qua trầm kích chiết ngạn tầng tầng
(Ngạc đứt kình phanh non lởm chởm
Gươm chìm giáo gãy bãi tầng tầng)
(Bạch Đằng hải khẩu)

mà phần lớn là những phong cảnh êm ả, thơ mộng, vắng lặng chứa tình người, tình vật:

Hương cac1h gác vân thu lạnh lạnh
Thuyền kề bãi cát, nguyệt chênh chênh
(Tự thuật 31)

Nước biếc non xanh thuyền gối bãi
Đêm thanh nguyệt bạc khách lên lầu
(Tự thuật 26)

Phải là người đã từng chan hòa lòng mình với tạo vật, đã từng "*mời nút vào nhà*", "*gối đầu lên mây*", "*ngày xem hoa động*", "*tối nước chim về*, mới có thể viết được những vần thơ mà Thủ tướng Phạm Văn Đồng nức lòng ca tụng.

Hồn thơ Nguyễn Trãi mở rộng, chan hòa với tạo vật đến mức băn khoăn, đặt biết bao dấu hỏi về cuộc đời để tìm kiếm chân lý. Thơ Nguyễn Trãi giàu chất suy tưởng đặc sắc chính bởi vì nhà thơ biết gửi gắm chút tâm tình của mình cho vạn vật. "*Hoa chăng rụng thảy bày chi phấn*" giống Khuất Nguyên, nhà thơ tự ví mình như đóa hoa luôn luôn phô bày "*chi phấn*" (tài năng, đức hạnh) nào ngại chi cái điều "*sớm nở tối tàn*" (sự biến ở đời). Hoa! Hoa nhiều lắm, hoa nở ngập bốn mùa: mẫu đơn, bông bụt, cúc, một, nhài, sen, hòe lựu... cả một vườn hoa trăm sắc ngàn hương vấn vương quấn quýt trong thơ, trang điểm cho tập thơ với những ấn tượng sâu đậm: một màu đỏ phun lửa, một mùi hương kín thầm, day dưa... Và, điều này quả là bất ngờ trong văn học cổ: sau những đóa hoa thấp thoáng bóng giai nhân: mặt Thái Chân (Dương Quí Phi) trong bóng mai in đáy nước, mặt Thọ Dương (con gái Tống Vũ Đế) qua một thoáng bóng mai, hình ảnh bàn "*tay ngọc dùng dằng chỉ biếng thêu*", hình ảnh thẫn thờ *nàng ngồi ai nỡ để tay không*" cắt chim yến giấy trước cảnh "*Dồi*

qua ngàn liễu vương tơ bạc, bay tiễn lòng hoa động bóng hồng" (Thái cầu). Tình thơ Nguyễn Trãi còn rung động và đa tình biết bao:

Tình thư một bức phong còn kín
Gió nơi đâu gượng mở xem
(Chuối)

Tư tưởng có thanh cao, tình cảm có trong sáng mới hạ bút có thần được như thế, quả đúng là "*thơ là họa cảm thấy*" (Léona de Vinci).

Trước Nguyễn Trãi, chưa có ai ý thức sâu sắc về "*bản ngã*". Ông nói đến "*cái ta*", "*cái mỗ*, khi giá trị về con người mình, quyền sống, quyền suy nghĩ, nói năng của mình được ý thức tương đối đầy đủ. Cái "*bản ngã*" trữ tình của tác giả đã vượt lên trên cái "*phi ngã*" của văn học phong kiến.

Nguyễn Trãi nói rất nhiều về mình, nói rất hay, rất kín. Đây là phẩm hạnh của nhà thơ.

Càng tuổi già càng cốt cách
Một phen giá, một tinh thần
(Mai)

Qua bóng đa già, qua cây tùng, tác giả thể hiện chí hướng phò đời giúp nước của mình:

Đống lương tài biết có bằng mày
Nhà cả đòi phen chống khỏe thay
...
Hổ phách phục linh nhìn mới biết
Dành, còn để trợ dân này.
(Tùng)

Nhà thơ tin ở mình, tự khẳng định vai trò mình:

Vườnn quỳnh dầu chim kêu hót
Cõi trần , có trúc đứng ngăn.
(Thuật hứng)

Tóm lại, tâm sự sâu kín, tư tưởng triết học, luân lý học, vạn vật học, phong tục học... đã được Nguyễn Trãi phát biểu qua lăng kính thơ trữ tình của mình. Đấy là tập bách khoa về đời sống bằng thơ của một tâm hồn nghệ sĩ vĩ đại. Người Việt Nam chúng ta có tình cảm dân tộc rất sâu sắc, tinh thần dân tộc rất mạnh mẽ. Tình cảm dân tộc, tinh thần dân tộc trong đó Nguyễn Trãi không những thể hiện ở bản lĩnh thơ độc đáo mà còn tỏ rõ ở quan niệm tiến bộ, khai sáng: dùng tiếng mẹ đẻ để miêu tả cuộc sống, bộc lộ can trường,

trong lúc nhà nho xưa quan niệm: đối với những vấn đề trang trọng như đạo lý, tâm sự... phải dùng chữ Hán, còn chữ Nôm chỉ để tiêu khiển "*mua vui*". Nguyễn Trãi đã mạnh dạn dùng thơ "*đái tục*" để diễn đạt những vấn đề trên và diễn đạt rất thành công. Điều đó chứng tỏ ngôn ngữ dân tộc có đầy đủ sức sống và khả năng diễn đạt tinh tế tư tưởng tình cảm, tri thức dù phức tạp đến đâu trong mọi trường hợp, dẫu ở thế kỷ khai phá còn chập chững, mò mẫm. Thành công và quan niệm trên đây đã mở đường cho thơ những thế kỷ sau mạnh dạn tiến lên. Ảnh hưởng của Nguyễn Trãi với các nhà thơ kế tục rất to lớn. Người ta học tập ở nhà thơ tất cả từ con người, tư tưởng, đề tài, bút pháp, ngôn ngữ... Khi một ông vua như Lê Thánh Tôn hạ bút viết được những câu thơ thấm tình:

Người nằm trướng vóc mồ hôi mướt
Kẻ hái rau tần nước bọt se
(Hạ thử 46-HDQÂ)

Ai về nhắn nhủ cùng phi Hán
Đầm ấm thì thương kẻ lạnh lùng
(Chiêu Quân-HDQÂ)

hẳn không thể không đọc Nguyễn TRãi:
Loàn đan ướm hỏi khách lầu hồng
Đầm ấm thì thương kẻ lạnh lùng
Ngoài ấy dù còn áo lẻ
Cả lòng mượn đắp lấy hơi cùng
(Tiếc cảnh)

Người ta phát triển, đi sâu vào những đề tài Nguyễn Trãi đã viết. Có đề tài đã trở nên muôn thuở như vịnh "*đông thiên tam hữu*", vịnh trăng... Người ảnh hưởng Nguyễn Trãi trực tiếp, sâu sắc, toàn diện hơn cả có lẽ là Nguyễn Bỉnh Khiêm. Phong cách hai ông có chỗ giống nhau nên khó minh định được khi hai tập thơ của hai tác giả còn có bài lẫn lộn.

Ảnh hưởng của *Quốc âm thi tập* đối với nền văn học dân tộc chẳng khác gì *Ly Tao* đối với văn học Trung Quốc.

Một tác phẩm lớn bao giờ nội dung và nghệ thuật cũng nhuần nhuyễn trong một chỉnh thể. Đọc thơ Nôm Nguyễn Trãi, chúng ta thấy nội dung nào, hình thức ấy. Nguyễn Trãi làm chủ được hình thức, sai khiến được nó phục vụ đắc lực cho nội dung tư tưởng của mình. Dĩ nhiên hình thức cũng có tính độc lập tương đối của nó.

Với nội dung bách khoa về cuộc sống như thế thì hình thức của *Quốc âm thi tập* phải phá vỡ hình thức cũ và cần có những cách tân, những sáng tạo lớn. Điều người ta dễ nhận thấy là thể thơ *Quốc âm* khá phóng khoáng, có

đối ý, đối chữ, đối câu nhưng nhịp điệu, tiết tấu, số chữ không nhất định. Tâm hồn nhà thơ không bị gò bó vào luật thơ, thể thơ.

Nguyễn Trãi có thơ 5 chữ, thể ngũ ngôn:

Già, mặc số trời đất
Giàu ai qua vợ con
(BKCG 55)

Có thơ 6 chữ, thể lục ngôn:

Chông gai nhẹ đường danh lợi
Mặn lạt no mùi thế tình
(Tự thán 10)

Có thơ thất ngôn chen lục ngôn:

thân nhàn dầu tới dầu lui
Thua được bằng cờ ai kẻ đôi
(Ngôn chí 12)

Và ngay cả khi dùng thất ngôn Trung Quốc. tiết tấu thơ bỗng đổi khác thành một thứ thất ngôn mới:

Thơ dưới tục/hiềm câu dưới tục
Chủ vô tâm/ấy khách vô tâm
(Ngôn chí 4)

Cõi phàm tục/khỏi lòng phàm tục
Học thánh nhân/chuyên thói thánh nhân

Có lẽ thể thơ này là cơ sở hình thành thơ song thất lục bát của ta sau này? Ở đây, vẫn có thơ đường luật với phong cách cổ kính, hàm súc, dư ba nhưng đã từ bỏ vẻ uy nghi để nói những chuyện đời sống trần tục hơn.

Nguyễn Trãi còn cách tân một lối thơ mới - lối thủ vĩ ngâm liên hoàn (*Tùng. Đào hoa*). Sự ra đời của lối thơ này là thể hiện khuôn khổ của thơ cũ không còn chứa đựng nổi tư tưởng tình cảm của con người ngày một phát triển cao hơn, tinh tế hơn. Thực ra, đây là lối thơ mà chủ đề tư tưởng được chia nhỏ để đi vào bề sâu của nó. Và sự lắp ghép các tứ thơ có tính chất độc lập tương đối lại với nhau khéo léo đến nỗi nhìn bề ngoài không có ai nhận ra các mối hàn được nữa. Đúng là bản thân của mỗi nhà thơ là kẻ sáng tạo ra luật lệ thơ. Trong một làng thơ chỉ có biết đẽo gọt, gò gẫm, Nguyễn Trãi đã đóng góp đáng kể làm phong phú thêm phương tiện biểu đạt của thơ. Hai

mươi năm sau đó, các nhà thơ trong Tao Đàn của Lê Thánh Tông đã tiếp nhận nó nâng cao cái mới ấy của Nguyễn Trãi. Rồi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Trịnh Căn đều tiếp thu, đặc biệt là thể thơ lục ngôn.

Người ta cho rằng luật lệ thơ là quan trọng, nhưng theo Maicốpxky thì sáng tạo ra luật lệ thơ không phải là mục đích cuối cùng của thơ, mà nó còn tùy thuộc ở những yếu tố quan trọng khác nữa.

Thơ *Quốc âm thi tập* giản dị, trong sáng như tư tưởng, tình cảm của Nguyễn Trãi vậy. Chính tác giả là người có xu hướng đưa lời ăn tiếng nói hàng ngày vào thơ. Khi đọc những câu:

Tuổi cao tóc bạc cái râu bạc
Nhà dột đèn xanh con mắt xanh

thì thấy ngay cái vẻ xuềnh xoàng, mộc mạc nhưng rất đỗi nên thơ.

Xa hoa ở rộng nên khó
Tranh cạnh nhà giàu bởi tham
Nên thợ nên thầy vì có học
No ăn no mặc bởi hay làm

hỏi rằng đấy là khẩu ngữ của quần chúng lao động hay là thơ? Trong rất nhiều trường hợp, Nguyễn Trãi đã khai thác chất liệu thơ ca dân gian, đặc biệt là tục ngữ. Nhà thơ hấp thụ trong Folklore cái tinh túy của trí tuệ nhân dân để mài sắc và phổ thông hóa triết lý của mình với tất cả sự cô đọng của hình tượng thơ:

- *Vàng thật âu lo chi lửa thiêu* (6)
- *Chúa đàn nẻo khỏi tan con nghé* (7)
- *Tội ai cho nấy cam danh phận* (8)
- *Nghề nghiệp cầm tay ở mới cam* (9)
- *Làm biếng hay ăn lở non* (10)
- *Ở bầu thì dành ắt nên tròn* (11)
- *Tật được tiêu nhờ thuốc đắng cay* (12)
- *Lân cận nhà giàu no bữa cốm*
Bạn bè kẻ trộm phải đau đòn (13)
- *Kẻo có sâu thì bỏ canh* (14)
- *Đen gần mực, đỏ gần son* (15)
- *Dễ hay ruột biển sâu cạn*
Khôn biết lòng người ngắn dài (16)
...

Không nghi ngờ gì nữa, nhà thơ cổ điển của chúng ta đã thường xuyên tìm nguồn cảm hứng từ đó, từ trong tác phẩm văn học dân gian. Điều đó chỉ ra

rằng: sở dĩ những thiên tài thật sự không bao giờ khô cạn là vì họ biết tìm về uống trong dòng sữa ngọt của trí tuệ quần chúng mà sáng tác. Cống hiến thành công và quan trọng trên đây của Nguyễn Trãi cho phép chúng ta nhận định: văn học dân gian chính là cơ sở trực tiếp của văn học Nôm. Văn học Nôm chỉ có thể sản sinh và phát triển lành mạnh sau khi đã biết bú mớm đầy đủ những yếu tố dân gian, nếu không nó sẽ què quặt, xa lạ và thiếu tính nhân dân. "*Cây càng cao, rễ càng sâu. Nhà thơ càng dân tộc bao nhiêu càng đi sâu vào nghệ thuật bấy nhiêu*" (H. Tennơ)

Sử dụng yếu tố khẩu ngữ của nhân dân, Nguyễn Trãi có một quan điểm lành mạnh, tiến bộ là từ đống quặng quí của văn học dân gian, qua bàn tay thợ trời tạo lên những hòn ngọc sáng mãi với thời gian, chứ không phải như một số người ở thế kỷ sau đặt nó vào cửa miệng của những người cục mịch, quê mùa như Nguyễn Gia Thiều trong *Cung oán ngâm* và Nguyễn Huy Tự trong *Hoa Tiên truyện*. Cái chính vẫn là do quan điểm chi phối. Thơ *Quốc âm* sở dĩ sắc sảo mà dễ hiểu, mộc mạc mà thơ là vì vậy, vì tác giả của nó biết lấy của quần chúng rồi lại trả về cho họ ở mức cao hơn, hoàn hảo hơn. Nhưng cố nhiên ảnh hưởng của văn học dân gian đến Nguyễn Trãi không phải là sự ảnh hưởng một chiều mà có sự tác động qua lại làm cho người ta khó phân biệt được rạch ròi. Điều đó, ta thấy rõ hơn là ảnh hưởng của Nguyễn Trãi về những vấn đề này ở những nhà thơ kế tục. Thơ Tao Đàn có phần tươi mát, hồn nhiên hơn chính bởi đã biết trút bỏ phần nào cái vỏ cung đình và khoác lên nó màu dân dã. Về sau, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương đã triệt để khai thác chất liệu văn học dân gian vào trong sáng tác của mình và nâng nó lên thành một phương châm sáng tác. Tìm hiểu ngôn ngữ thơ *Quốc âm* của Nguyễn Trãi, người đọc rất đỗi ngạc nhiên trước những sáng tạo của tác giả. Làm thơ, dường như Nguyễn Trãi rất có ý thức về ngôn ngữ. Ông chăm sóc nó với một thái độ trân trọng như con đẻ. Chúng ta đã biết, thế kỷ XV ngôn ngữ, kỹ thuật thơ tiếng Việt còn sơ khai, làm sao Nguyễn Trãi có thể vượt mình, vượt thời đại được. Khắc phục được khó khăn này sẽ đem lại vinh quang cho tác giả.

Bài thủ vĩ ngâm *Góc thành Nam* đầu tập thơ có lẽ là tuyên ngôn về ngôn ngữ của tác giả. Toàn bài không có lấy một chữ Hán nào, nó thuần Việt đến phải giật mình. Bản lĩnh lắm chứ, dân tộc lắm chứ trong một xã hội người ta mở miệng ra là đầy rẫy những chữ nghĩa "*uyên bác*" xem nó như là một cái mốt thời thượng. Nguyễn Trãi uyên thâm Hán học nhưng nhà thơ ít dùng, tránh dùng chữ Hán trong thơ Việt. Toàn bộ tập thơ từ bài đầu đến bài cuối thể hiện sự nhất quán đó. Trong thơ Nôm có chữ Hán nào có thể dịch được thì nhà thơ dịch nó ra tiếng Việt. Chẳng hạn: Thanh điểu: *chim xanh*, trọc tửu: *rượu đục*, dịch địa: *đổi đất*, duy: *bui*, cố lão: *già cũ*, nỗ lực: *mạnh gắng*, bốc cư: *ở bói*, thần phủ: *tôi ngươi*, ngư phủ: *thằng chài*, đại ẩn: *ẩn cả*, hồng nhan: *má hồng*, đại thụ: *cây cả*, hành chỉ: *đi nghỉ*, giải sầu: *cởi buồn*, vô dật: *chẳng nhàn*, cố cùng: *khí bền*, chiến thi: *đánh thơ*, tận lực: *hết khỏe*... đó là

một khía cạnh tư tưởng và phong cách của nhà thơ. Dĩ nhiên, không phả Nguyễn Trãi không biết vay mượn trong lúc mình nghèo. Khước từ thành tựı văn hóa Trung Hoa nói chung và ngôn ngữ chữ Hán nói riêng - một thứ tiến¦ súc tích, chặt chẽ là một sai lầm. Nhưng vấn đề ở chỗ là vay mượn cái gì sı dụng nó ra sao? Nguyên tắc chỉ đạo Nguyễn Trãi vay mượn là: dùng hết cá của mình thiếu mới vay, mượn có chọn lọc và Việt hóa chúng.

Trong văn học, dùng điển cố rất lợi hại và là mốt của nhà nho. Qua *Quốı âm*, Ức Trai có sử dụng điển cố nhưng ít, dường như không muốn làm nặn¦ nề, rối rắm thơ mình, khi ông viết:

Phú quý treo sương ngọn cỏ (17)
Công danh gửi kiến cành hòe (18)
(Tự thán)

thì một người đọc bình thường cũng có thể hiểu ý tác giả muốn nói: ở đờ công danh phú quý chẳng qua là chiêm bao.

hoặc:

Kìa nếu Tô Tần ngày trước
Chưa đeo kiếm ấn có ai chào

nhân vật Tô Tần chẳng ai lạ gì. Nguyễn Trãi có dịch thơ Hán. Dù mộ người có ý thức dân tộc sâu sắc, Nguyễn Trãi cũng không khỏi ảnh hưởn¦ yếu tố Hán tất yếu vốn mang sẵn trong máu mình. Ông dịch những câu thc nổi tiếng Trung Quốc rất khéo để chứa rượu mới trong bình cũ.

- *Có xạ tự nhiên mùi ngát bay*
(Cổ ngữ: hữu xạ tự nhiên hương)

- *Của nhiều sơn dã đem nhau đến*
Khó ở kinh thành ít kẻ ham
(Bần cư trung thị vô nhân vấn
Phú tọa sơn lâm hữu khách tầm)

- *Quân tử nước giao âu những lạt*
(Quân tử chi giao đạm nhược thủy - Lễ Ký)

- *Người hiểm lòng thay hãy sá ngờ*
(Nhân tâm hiểm ư xuyên sơn)

Ông dịch cả Khổng Tử:

Tuy rằng bốn biển cũng là anh em
(Tứ hải giai huynh đệ)

dịch kinh Phật:

Cột cải tình cờ được mũi kim
(Giới tử đầu phong châm)

Thơ *Quốc âm* là thứ thơ điều chỉnh cảm giác, nó thiếu đem lại cho người đọc một trực giác khỏe khoắn. Nhưng bù vào đó, thơ Nguyễn Trãi nghiêng về triết lý, thành thử một mặt có sự bay bổng của tâm hồn, mặt khác có sức nặng của tư tưởng giữ thế cân bằng cho thơ. Thơ triết lý của Nguyễn Trãi phảng phất hơi triết lý thơ Tống. Đây là lẽ biến dịch ở đời:

Hoa càng khoe tốt, tốt thời rữa
Nước chớ cho đầy, đầy ắt vơi
- Xuân đến tự nhiên mọi vật tươi

Và đây là nhân tình thế thái:

- Miệng thế nhọn hơn chông mác nhọn
- Có của bo bo hằng chực của
Oán người nơm nớp những âu người

Có thể nói từ Nguyễn Trãi trở đi, thơ triết lý đã thành một phương châm: thơ không có triết không sâu, triết không có thơ không thấm, tạo nên thế văn - sử - triết bất phân, *thi dĩ ngôn chí* là vậy. Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491 - 1585) - người thừa kế đã phát huy Nguyễn Trãi và trở thành nhà thơ triết lý sâu sắc - cây đại thụ của thế kỷ XVI.

Triết lý là một lợi khí của thơ, nhưng triết lý càng thâm thúy chừng nào nếu triết lý đó được thi sĩ ẩn cho mình trong ngoại cảnh biểu hiện. Phần lớn *Quốc âm thi tập* là thơ ngụ ngôn (19), một cách tân từ truyền thống ngụ ngôn Trung Quốc. Tâm sự sâu kín, tư tưởng, hoài bão, chí hướng... thảy đều được ngụ ngôn hóa.

Chúng ta nhìn thấy tâm linh thi nhân phập phồng rung động kỳ lạ dưới một vầng trăng, một bông hoa, một cành cây, một con vật... được miêu tả. Gần như câu thơ nào cũng mang dáng dấp một ẩn dụ. *Tùng, Mai, Đào hoa...* là những mẫu mực chân chính vì mang tính chất tự truyện. Các nhà thơ lớp sau đều làm thơ ngụ ngôn, đặc biệt những khi họ bất đắc chí cần tâm sự và những khi đánh kẻ thù, thành công nhất trong số này là Nguyễn Công Trứ trong bài vịnh *Cây Vông* nổi tiếng.

Trở lại vấn đề ngôn ngữ, *Quốc âm thi tập* có một đóng góp không kém

phần quan trọng, đó là việc tác giả sử dụng rộng rãi có ý thức từ lấp láy làm cho câu thơ uyển chuyển, hình tượng: Trăng: *lớp lớp*, gió: *nồm nồm*, phơ phơ: *đầu bạc*, áo mặc: *thê thê*, chân đi: *đủng đỉnh*, áo vận: *xênh xang*, có của: *bo bo*, thay lay: *cánh nhẹ*, thu: *lành lạnh*, tằm ôm: *lúc nhúc*, nguyệt: *chênh chênh*... việc dùng từ lấp láy của Nguyễn Trãi ngoài biện pháp tu từ còn góp phần làm phong phú ngôn ngữ dân tộc. Hẳn thấy được giá trị đó nên về sau tác giả *Hồng Đức quốc âm* và Trịnh Căn, mật độ từ láy được dùng đậm hơn, nhuần nhị và duyên dáng hơn. Điểm qua, *Quốc âm thi tập* quả là một tập thơ trữ tình lớn mà nhân vật trữ tình chính là tác giả. Hệ thống hình tượng xuyên qua lăng kính chủ thể thẩm mỹ Nguyễn Trãi là trăng hoa, sông nước, con thuyền, thời gian, những tùng, cúc, trúc, mai, chuối, rau muống, mùng tơi, những hạc, chim bướm, mèo, lợn... đến bình ngọc, tấc son, túi thơ, bầu rượu, Nhan Uyên, Đỗ Phủ... tất cả đã ùa vào thơ xanh mát, tươi trẻ, mặc dù hình tượng thơ rất sống động nhưng chúng cũng không còn là chúng nữa, mà đằng sau đó ta nhìn thấy vẻ đẹp của một *Con Người* đúng như ta quan niệm.

"*Ông cụ thật đáng sợ!*" - Nhà văn Nguyễn Đình Thi thường trầm trồ trước những vần thơ Nôm của Nguyễn Trãi. Cái điều làm cho thi sĩ ngày nay băn khoăn chính bởi vì những vấn đề nội dung và nghệ thuật Nguyễn Trãi đặt ra cách đây gần 6 thế kỷ vẫn còn là chuyện thời sự nóng hổi với ngành thơ hiện đại.

*

Trong một thời đại dài chữ Hán luôn luôn chiếm địa vị độc tôn, thống trị, chữ Nôm bị khinh rẻ (20) và văn học Trung Quốc được sùng bái như khuôn vàng thước ngọc, Nguyễn Trãi một nho sĩ lỗi lạc nhất đương thời, một nhân vật kiệt xuất của lịch sử, sinh ra, lớn lên trong không khí cửa Khổng sân Trình lại làm nhiều thơ Nôm nhất, đi riêng một đường thơ độc đáo, tạo ra một bản sắc thơ chưa ai đạt tới. Ông đạt được nhiều thành tựu có giá trị khai sáng trong một tập thơ lớn, đóng góp một lúc nhiều mặt cho nền thơ dân tộc: đề tài, chủ đề, tư tưởng, thể loại, cấu tứ, ngôn ngữ...

Tư tưởng chính trị của Nguyễn Trãi là chiến đấu cho nền độc lập dân tộc cho nên ông khao khát độc lập văn hóa. Thi hào đã để lại cho đời một tấm gương sáng về một tiết tháo sống, một lý tưởng thẩm mỹ, một thái độ, quan điểm và phương pháp xây dựng văn học dân tộc.

Với *Quốc âm thi tập* rõ ràng Ức Trai có ý thức xây dựng một nền thơ dân tộc độc lập.

Tập thơ có một địa vị lớn trong việc đặt cơ sở cho những thành tựu sau lớn hơn. Những Lê Thánh Tông, Nguyễn Bỉnh Khiêm... hẳn đã thừa hưởng trực tiếp công khai phá mở đường của ông tổ thơ Nôm Nguyễn Trãi.

Chữ Nôm manh nha từ thế kỷ thứ VIII - thời Phùng Hưng *Bố cái đại vương*. Nó âm thầm thai nghén suốt cả dăm thế kỷ. Và người khởi xướng

phong trào là Nguyễn Thuyên, nhưng người thực sự đặt nền đắp móng cho nền văn học Nôm Việt Nam lại là Nguyễn Trãi.

Rồi đây, công tác sưu tầm và ngành văn bản học phát triển có thể phát hiện được tài liệu quý. Chúng tôi mong có dịp được trở lại xác minh, bổ sung thêm cho vấn đề này.

THÁI DOÃN HIỂU

---

1. Chữ dùng của Uýtman

2. Cả muốn: muốn nhiều cho mình

3. Cả muốn chúng suy nhường: muốn cho người khác phải nhượng bộ nhiều

4. Lợi mà tham quá sinh ra cạnh tranh nhau

5. Nếu là hợp đạo thì người ta có cho mình ít cũng chẳng hại gì.

Do câu:

6. Thật vàng chẳng phải thau đâu
Đừng đem thử lửa mà đau lòng vàng

7. Xẩy đàn tan nghé

8. Tội ai nấy chịu

9. Ruộng bề bề không bằng nghề cầm tay

10. Miệng tu hú ăn lớ rú lớ ri

11. Ở bầu thì tròn ở ống thì dài

12. Thuốc đắng giã tật

13. Gần nhà giàu đau răng ăn cốm
Gần nhà kẻ trộm ốm lưng chịu đòn

14. Con sâu làm rầu nồi canh

15. Gần mực thì đen

16. Sông sâu còn có kẻ dò
Lòng người nham hiểu ai đo được cùng

17. Lấy điển trong từ khúc cổ có tên Phi lộ thương hà dĩ hi
Lộ huy minh triêu cánh phục lạc
Nhân tử nhất khứ hà đắc quy
(Sương ngọn cỏ
Sao dễ se
Sương se hôm nay mai lại có
Người chết đi, bao giờ về?)

18. Điển Nam Kha ký, thơ chữ Hán Nguyễn Trãi có câu:
Hồi đầu vãng sự phó Nam Kha

19. Với tư cách là thể loại văn học chứ không phải thể thơ.

20. Nho giáo tàng hình trong chữ Hán. Giai cấp thống trị dẫu tiến bộ mấy, dù muốn dù không cũng phải bám lấy chữ Hán nếu như muốn duy trì nho giáo làm lợi khí tư tưởng để bảo vệ trật tự xã hội.



HÒA ĐA

truyền thống



Trên lãnh vực văn hóa giáo dục , trong khoảng thời gian gần đây, đề tài được nhắc tới nhiều nhất và cũng thiết tha nhất là việc giữ gìn TRUYỀN THỐNG cùc Ông Cha mình. Chúng ta nói đến đạo đức suy đồi, xã hội băng hoại, con người sống không còn liêm sỉ, quan hệ gia đình sút giảm... và chúng ta qui tội cho việc không giữ gìn truyền thống của Ông Cha, không giữ gìn nền đạo lý cổ truyền của dân tộc.

Vấn đề xem ra to lớn và trọng đại đến nỗi tôi nghĩ không phải một hai bài báo, có thể nói cho cùng được. Nhưng nói thế không có nghĩa là không có chuyện để bàn. Ở đây chúng ta thử đặt câu hỏi: Truyền thống của Việt Nam, cụ thể là những cái gì? Và những gì chúng ta cần gìn giữ?

Nếu chỉ xem một cách rất đơn giản truyền thống là những gì mà thế hệ trước truyền lại cho thế hệ sau thì xem ra không ổn tí nào. Có rất nhiều việc rõ ràng là do từ bao thế hệ trước để lại mà không thể coi đó là truyên thống được, chẳng hạn tục đốt vàng mã trong đám tang, tục cúng cô hồn trong dịp Vu Lan, tục xem ngày lành tháng tốt trong việc dựng vợ gả chồng, xây nhà dựng bếp, thậm chí đến việc xem ngày để khai trường, hành quân... những việc ấy khó có thể thuyết phục người khác xem đó là truyền thống của dân tộc được, chúng ta chỉ có thể xem đó như những tin tưởng riêng tư của từng người, không nên chạm đến.

Chúng ta thường xem truyền thống như những cái gì hay đẹp của Ông Cha

mình để lại, từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nghe thật có lý, nhưng nếu chỉ có thế thì xem chừng mơ hồ quá. Có những cái hay cho lớp người này, ở khoảng thời gian này, lại không còn hay đối với lớp người khác trong khoảng thời gian khác, đó là chưa nói đến hoàn cảnh sinh hoạt khác làm chúng ta không còn cảm thấy một việc mà trước chúng ta cho là hay, nay còn hay nữa. Dẫn chứng? - Tục ăn trầu, nhuộm răng chẳng hạn; còn giữ được "Truyền thống" này có chăng là các cụ bà trong ngoài bảy mươi. Hay nói đến trầu cau như những lễ nghi cần thiết, không thể thiếu được trong đám cưới đám hỏi Việt Nam từ trước đến nay, có bạn đọc nào dám khẳng định trong khoảng hai ba thế hệ tới, con cháu chúng ta vẫn còn trang trọng trong bộ y phục cổ truyền, mang mâm trầu cau, khay trầu rượu đến nhà gái làm lễ như ông cha ta trước đây vài thế hệ đã trân trọng giữ gìn như một truyền thống. Hay chúng ta nói đến chiếc áo dài thướt tha duyên dáng của các chị, các bà, luôn được coi như chiếc áo truyền thống của dân tộc; xem ra thì chiếc áo dài ngày nay chẳng còn mấy nét của ngày xưa, mà xét cho cùng chẳng mấy khi quí bà mặc chiếc áo ấy, năm khi mười họa, vào những dịp lễ lớn, mới thấy lác đác vài ba chiếc áo dài lạc lỏng trong rừng quần jean, áo pull... Đó là chưa nói đến chiếc áo dài đó được chế biến, canh cải từ một y phục của Tàu và chỉ mới du nhập vào Việt Nam từ đầu thế kỷ XIX. Xa hơn, chúng ta phải nói đến chiếc áo tứ thân, khăn mỏ quạ của phụ nữ ngoài Bắc mà bây giờ chỉ còn nhìn thấy trên sân khấu, trong các chương trình văn nghệ, hay trình diễn thời trang. Chẳng phải áo dài không đẹp, cũng chẳng phải là một sản phẩm văn hóa sao chép nguyên xi từ nước ngoài (như quần jean chẳng hạn) để một dân tộc luôn trọng truyền thống, phải e dè khi mặc chiếc áo ấy nơi đám đông , trong cộng đồng của mình, trong những ngày lễ riêng biệt của dân tộc. Hiện tượng này chẳng phải chỉ xảy ra trong cộng đồng người Việt ở hải ngoại (để có thể đổ thừa là chúng ta đã bị Âu hóa) mà cũng đã xảy ra ở quê nhà (để có thể đổ lỗi cho kinh tế khó khăn). Điều đó cho thấy có nhiều cái hay , đẹp mà chúng ta không có khả năng giữ được, chỉ vì chúng không còn thích nghi nữa, tiện lợi nữa. Lâu dần liệu những cái đó có còn được giữ gìn lưu truyền như là những truyền thống như chúng ta thường nói không?

Trở lại khoảng thập niên 20 , lúc phong trào Âu hóa phát triển mạnh trong giới thanh niên và giới theo Tây học, người ta kêu gọi cắt bỏ búi tóc, bỏ chiếc áo dài khăn đóng, bỏ đi lối học từ chương chỉ dựa vào điển tích của Tàu để mạnh dạn chuyển hướng học chữ quốc ngữ, học lấy tinh thần khoa học của phương tây , Tự Lực Văn Đoàn với sự đóng góp một sinh khí, tạo nên một sinh hoạt văn hóa mới mà ngày nay không ai chối cãi nữa... Tất cả những việc ấy, bây giờ chúng ta cho là hiển nhiên vì đã thừa hưởng những di sản tích cực đó, chúng đã chịu sự sàng lọc của thời gian và đã có chỗ đứng trong văn học sử; vậy mà lúc bấy giờ đã chẳng thiếu gì người phản đối, buộc tội đó là ngoại lai kêu gọi mọi người hãy giữ gìn Truyền thống của Ông Cha, nghĩa là

muốn chúng ta hãy giữ lấy búi tóc, chiếc áo dài the đen, mở miệng ra là chi hồ giả dã, Thầy Khổng nói, Mạnh tử viết...

Gần đây hơn, trong thập niên 60, lúc quân đội đồng minh đổ quân vào Việt Nam, xã hội xáo trộn mạnh khi tiếp xúc trực tiếp với nền văn minh thực dụng của Mỹ, chúng ta cũng nghe nói đến việc bảo vệ những giá trị cổ truyền của dân tộc, giữ gìn những truyền thống của Ông Cha... Và bây giờ trong một hoàn cảnh đặc biệt trớ trêu, chúng ta chấp nhận lựa chọn những định chế của nền văn minh thực dụng ấy.

Những lời kêu gọi đó, dù của những năm 90 , hay thời thập niên 60, 20, hoàn toàn giống nhau về hình thức; nhưng có ai nói chắc là cái truyền thống mà chúng ta kêu gọi hãy giữ gìn bây giờ với cái truyền thống mà cha ông ta kêu gọi hồi thập niên 20 là như nhau? Mà nếu không giống nhau thì sao gọi đó là truyền thống? Vậy phải chăng truyền thống là cái gì thay đổi với thời gian và hoàn cảnh sống?

Phần đông người Việt chúng ta , đặc biệt thuộc lớp tuổi 50 trở lên thường "dị ứng" với cái gì mới, và cho những gì không giống với cung cách cũ của họ đều là kỳ dị, vong bản , có hại cho Truyền thống. Nhưng cũng nên khách quan mà thấy rằng quần áo chúng ta mặc ngày nay, hồi đầu thế kỷ 20 là một sản phẩm kỳ dị của ngoại lai. Chữ viết chúng ta sử dụng ngày nay, hồi cuối thế kỷ 19 bị coi là loại chữ như dây xích lòng thòng , do bọn "Bạch quỷ" bày ra, không thể so sánh được với loại chữ của thánh hiền (bây giờ chúng ta cũng nên cảm tạ Trời đất đã dun rủi cho chúng ta đã không giữ lấy chữ của Thánh hiền). Trai gái quen nhau, ước hẹn với nhau trước, không có ý kiến của cha mẹ, chỉ cách đây chừng 50 năm thôi đã bị cáo buộc là kém đạo đức, ngược truyền thống của ông cha. Gặp nhau, bắt tay nhau, bây giờ chúng ta cho đó là một cử chỉ văn minh, ngày trước bị coi là suồng sả. Vậy thì cái gì là Truyền Thống? Rõ ràng là những lời kêu gọi hãy giữ gìn lấy truyền thống, mà ở giai đoạn nào của lịch sử , chúng ta cũng có thể tìm thấy dẫn chứng, đã không cản được dân tộc chúng ta tiến hóa, biến đổi. Bây giờ chúng ta mặc âu phục không còn cảm thấy tí gì kỳ dị, chẳng thấy hứng thú gì trong việc ăn trầu, bới tóc, mặc áo dài, khăn đóng, thanh niên tự tìm hiểu nhau trước khi đi đến hôn nhân đã là việc rất tự nhiên, thì những lời kêu gọi suông phải gìn giữ lấy truyền thống đã không có tác dụng gì mấy. Phải chăng những gì hợp với trào lưu tiến hóa, hợp với sự tiện lợi của đa số, được sự chấp nhận của hầu hết mọi người... thì những cái đó sẽ tồn tại, phát triển?

Một đặc điểm kỳ lạ của dân tộc Việt Nam là khả năng tiếp nhận những nền văn minh từ bên ngoài tới, dùng chúng để bổ túc những thiếu sót của mình, tiêu hóa chúng, chọn lọc những gì hạp với mình, rồi lâu dần theo năm

tháng, chúng bị Việt hóa, và chính nhờ khả năng chọn lọc đó mà chúng ta tìm thấy rất dễ dàng, phong tục, tập quán của ta và của Tàu có nhiều điểm rất khác nhau, mặc dù ta đã chịu ảnh hưởng của họ rất nhiều. Văn hóa nói riêng, văn minh nói chung khi có sự tiếp xúc nhau, sẽ không tránh khỏi sự giao lưu, chen vào nhau, ảnh hưởng nhau. Bây giờ làm gì còn có những nền văn minh riêng biệt ? Bảo vệ cái gọi là Truyền thống riêng biệt của mình chỉ còn cách đóng cửa lại đừng tiếp xúc với ai nữa cả. Điều này thì các vị vua quan triều Nguyễn đã làm trong thế kỷ trước và hậu quả ra sao chúng ta đã biết rất rõ. Kêu gọi quay về với truyền thống dân tộc, đó không phải là một việc không nên làm, nhưng rõ ràng việc kêu gọi ấy có tính cách quay về với quá khứ. Việc trước mắt của chúng ta, toàn thể người Việt trong và ngoài nước, trong khoảng thời gian sắp tới là làm sao cho đất nước chúng ta giàu mạnh lên, đuổi kịp và vượt được các nước láng giềng? Và nếu đó là mục tiêu hàng đầu, tối thượng của chúng ta trong khoảng thời gian sắp tới thì việc gì chúng ta lại phải quanh quẩn trì kéo nhau, tạo nên một sức ì không cần thiết, nếu không muốn nói là có hại cho đại cuộc. Kêu gọi quay về với quá khứ, chẳng ít thì nhiều, chúng ta đã làm chậm bước tiến của dân tộc; làm chùn bước, nản lòng những người có tâm huyết đang muốn cống hiến công sức mình cho một tương lai tươi sáng cho Tổ quốc Việt Nam. Chúng ta không thể, cùng một lúc, muốn học lấy tinh thần khoa học của phương tây, phát triển đất nước theo kinh tế thị trường của thế giới, đồng thời cũng muốn giữ lấy, bảo tồn truyền thống cũ xưa của cha ông. Đó là hoang tưởng. Chúng ta không thể chỉ tính đến việc được tất cả mà không mất gì. Đó là chưa nói đến trên đường phát triển xây dựng đất nước, chắc chắn sẽ nảy sinh rất nhiều điều đi ngược lại những quan niệm cũ được coi là hay đẹp, đến lúc đó chúng ta chọn đường nào? Giữ lại cái hay đẹp cũ, hay phải tiến tới? Chúng ta có nghĩ rằng hình ảnh rất đẹp và rất nên thơ của người nông phu với gánh lúa hay bắp cày trên vai cùng với con trâu chậm chạp về nhà trên con đường mòn trong bóng hoàng hôn vàng úa, có còn chỗ đứng trong một cánh đồng cơ giới thấp thoáng bóng nông cơ? - Cũng như hình ảnh cô thôn nữ nhịp nhàng với đôi mái chèo, với giọng hò cao vút trên sông nước miền Nam của thập niên 30, 40 đã lui vào văn học sử, với hoài niệm, và nhường chỗ cho xuồng máy đuôi tôm dập dìu vào những năm 60, 70 tạo thành một hình ảnh sinh hoạt khác. Hay chúng ta vĩnh viễn bằng lòng với tiếng "sáo diều khuya khoắt thổi đêm trăng" và không bao giờ nghĩ đến điện khí hóa nông thôn ?

Stephenson Baden Powell, người sáng lập phong trào Hướng đạo ngày nay, khi đưa ra những nguyên lý để giáo dục thanh thiếu niên, ông có thể đã biết những đức tính ông cho là căn bản để rèn đúc thanh niên thành người hữu dụng trùng lắp với những Nhân Nghĩa Lễ Trí Tín cuả Á Đông. Ngày nay, phong trào Hướng đạo là phong trào hữu hiệu nhất, rộng lớn nhất trong việc giáo dục thanh thiếu niên, và khi một hướng đạo sinh Việt Nam thực hiện

được những đức tính giữ danh dự, có lòng nhân, lễ độ, liêm khiết,... thì lúc ấy anh ta nhân danh cái gì? Truyền thống Việt Nam hay triết lý giáo dục hướng đạo? Xem thế thì những nền tảng đạo lý Khổng Mạnh tuy là những khuôn vàng thước ngọc của một thời, nhưng chẳng phải là những nhãn hiệu đã được "cầu chứng tại tòa", để chúng ta lúc nào cũng vịn vào hòng ngăn chận những sáng tạo, những phát huy mới. Xã hội lúc nào cũng thừa hưởng thành quả của những khai phá mới, những biên cương mới kia mà.

Nói như thế, không có nghĩa chúng ta sẽ chấp nhận một xu hướng vô tổ chức trong khi thực hiện việc phát triển đất nước. Vấn đề được đặt ra cho các nhà văn hóa, giáo dục là phải tìm ra những đức tính nào, những yếu tố căn bản nào mà người Việt chúng ta cần phải có cho công cuộc phát triển, xây dựng đất nước. Và khi chúng ta đã làm được việc ấy thì mặc kệ chúng xuất phát từ Đông hay Tây, từ xưa hay nay, có theo Truyền thống của cha ông hay được du nhập từ ngoài vào,... cứ đạt tiêu chuẩn hữu hiệu, cần thiết cho đại cuộc thì chúng ta dùng. Cái gì không thể phù hợp được tinh thần của dân tộc thì tự nó sẽ bị đào thải; cái gì còn lại theo năm tháng, chính là cái sẽ phù hạp với chúng ta. Có cái sẽ bị đào thải sớm, có cái muộn. Còn nhớ chiếc áo dài của phụ nữ chịu biết bao biến đổi để có hình dáng của ngày nay, từ kiểu cổ cao chống cằm, đến kiểu hở vai, hở ngực Trần Lệ Xuân (thập niên 60); tà áo ban đầu phủ đến gót, sau ngắn dần lên đến quá gối, rồi chia thành ba tà (khoảng đầu thập niên 70) đến bây giờ trở lại hai tà với vạt áo ngang gối. Có ai trong chúng ta dám nói chiếc áo dài ấy thôi không còn biến đổi? Chúng ta phải biết tin tưởng vào khả năng thu nhận và tinh lọc của dân tộc. Những cái mà chúng ta nhìn nhận bây giờ, ngày xưa ông cha ta cho là ngoại lai, vong bổn, thế thì tại sao ta không nghĩ những cái mà chúng ta cho là vong bổn, ngoại lai ngày nay, 50 năm sau con cháu chúng ta lại cho đó là cần thiết?

Kêu gọi giữ gìn truyền thống cha ông một cách chung chung, vô tình chúng ta đã tự huyễn hoặc mình, đồng thời cũng dung túng cho một tình trạng lạm dụng cái gọi là văn minh cũ, kể cả những phó sản của nó. Chúng ta có thể tìm thấy rất dễ dàng những nghịch lý trong việc duy trì hay bảo tồn một cách máy móc cái truyền thống cũ. Kính trên nhường dưới chẳng hạn, bảo một người phải kính trọng một người khác chỉ vì ông ta lớn tuổi hơn chứ không phải vì ông ta đã có một tư cách cao hơn, hay vì có những điều hay mà người trẻ tuổi chưa có, là một việc làm không hợp lẽ! Kêu gọi một thanh niên trên dưới 30, với một lý tưởng cao đẹp, đang muốn đem kiến thức, năng lực mình để dựng xây đất nước, phải kính trọng một bậc trưởng thượng, mà không có tí tư cách của một bậc đàn anh, tối ngày chỉ biết ăn hút, tư túi, khoe khoang, lớn tiếng một cách rỗng tuếch, tất cả kiến thức và sức làm việc là chỉ làm sao để ăn cắp, vơ vét cho đầy túi thì xem ra không ổn tí nào... Đòi hỏi người phụ nữ phải giữ vững tam tòng, tứ đức, trong khi cơ chế gọi là truyền thống cũ lại dung túng cho người đàn ông một quyền hạn to lớn: rượu chè,

cờ bạc, năm thê bảy thiếp, gia trưởng một cách độc đoán...

Chúng ta không hoài nghi những giá trị, tư tưởng cũ. Những giá trị, tư tưởng ấy đã có chỗ đứng trong sinh hoạt của chúng ta rồi. Chúng còn tồn tại lâu hay mau, sớm tàn rụi hay không là do những giá trị nội tại của chúng có còn thích hợp với nhu cầu mới nữa hay không.

Chúng ta có hoài nghi chăng là hoài nghi thái độ BẢO TỒN truyền thống một cách chung chung, hoài nghi thái độ NHÂN DANH truyền thống vốn được thiết lập để bảo vệ cho chính quyền phong kiến, cho giai cấp thống trị. Chúng ta vĩnh viễn không muốn quay về với những truyền thống vốn xem người dân, đất nước, tài nguyên giang sơn như những tài sản của một người, một nhóm người, một giòng họ. Chúng ta có muốn bảo vệ, giữ gìn những tư tưởng kềm hãm mãi mãi dân tộc trong nghèo nàn, lạc hậu, chậm tiến, mãi mãi thua kém người? Mục tiêu trước mắt của chúng ta bây giờ là làm sao cho dân giàu, nước mạnh; đưa đất nước khỏi tình trạng chậm tiến? Mà muốn thế, chúng ta phải bình tâm, khách quan tìm xem những đức tính nào, những khả năng nào được coi là cần thiết mà dân tộc ta cần phải có. Những đức tính, khả năng đó, có thể dân tộc ta đã có sẵn, như thể là truyền thống của chúng ta; cũng có thể chúng ta phải học hỏi làm quen với những cái mới lạ. Chúng ta không sợ phải du nhập cái mới. Cũng sẽ còn những cái cũ thích hợp với xu hướng, trào lưu mới, tự nhiên chúng sẽ tồn tại, vàng thiệt thì sợ gì lửa! Cũng sẽ có những cái cũ hay, đẹp khác không thể thích ứng được với nhu cầu tiến tới của dân tộc thì dần dần sẽ bị tiêu tán. Chúng sẽ có một chỗ đứng xứng đáng trong văn học sử.

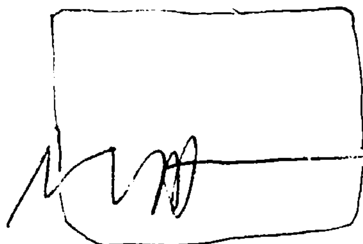
HÒA ĐA



VÕ ĐÌNH

rừng mắm văn nghệ(1)





Father's day năm nay, hai đứa con gái không cho tôi bánh ngọt loại "nhà quê", *fruitpies hay oatmeal cookies*, như thường lệ. Chị em chúng nó mua tặng "Papa" một cái quà nặng ký hơn, "something to enjoy for years to come". Cuốn *The Oxford Book of American Short Stories* (2), gần 600 trang, bìa cứng, bốn màu. Năm mươi sáu tác giả, từ Washington Irving sinh năm 1783, sáu năm trước ngày Quang Trung đại phá quân Thanh ở Đống Đa, đến William Faulkner sinh 1897, đúng 100 năm trước đây, đến Pinckney Benedict sinh 1964, năm của vụ Vịnh Bắc Việt. Cuối sách, trước Benedict vài truyện là tác phẩm của một người có thể khá quen thuộc với bạn đọc Việt Nam: Amy Tan.

Father's Day đến, rồi Father's Day đi, tôi vẫn còn nhâm nhi lai rai cái quà con cho. Thật tình, sách này đọc không sướng. Quá dày, quá nặng, không nằm mà đọc được. Tuy nhiên, đọc ít, đọc chậm lại có cái hay. Có thể vừa đọc vừa suy nghĩ vẩn vơ. Suy nghĩ về đôi điều lấn cấn. Mà thú vị. Ví dụ: trường hợp Amy Tan.

*

Mao Trạch Đông chiếm Trung Hoa lục địa năm 1949. Vợ chồng ông Tan

"dzọt" sang Mỹ. Bé Amy sinh ở Oakland, California năm 1952. Lấy chồng sớm, năm 18 tuổi. Tốt nghiệp cao học Anh văn ở đại học California, Berkeley. Hai cuốn tiểu thuyết được xuất bản và đón nhận nồng nhiệt, vừa bán chạy vừa được giới phê bình khen ngợi: *The Joy Luck Club* (1989) và *The Kitchen God's Wife* (1991).

Xin nói ngay: Hai cuốn tiểu thuyết của bà Tan, tôi chưa đọc cuốn thứ hai. Có lẽ vì đọc cuốn thứ nhất, tôi không khoái lắm. Một truyện trong *The Joy Luck Club* (3) được đem vào tuyển tập nói trên. Được chọn lựa để đem vào tuyển tập này tức là được đánh giá cao. Cao tới đâu không biết, nhưng nhất định là cao. Đủ cao để góp mặt với những bậc thầy đương đại cỡ I.B. Singer, B. Malamud, J. Cheever, J. Baldwin, hay những sư mẫu như Katherine Ann Porter, Flannery O'Connor, Eudora Welty. Ấy thế mà cuốn sách của bà Tan, tôi đọc không thấy khoái. Đọc lại cái truyện được chọn bởi Joyce Carol Oates, cũng không khoái. Cảm động lai rai thôi. Cảm động chỉ bởi vì truyện có dính dáng đến tình mẹ, tình quê v.v...

Lại nghĩ: mình có mắt mà đui chăng? Joyce Carol Oates là một nhà văn thượng thặng, một phê bình gia uyên bác và tài hoa, một giáo sư văn chương nhiều uy tín ở đại học Princeton lừng lẫy, một nghệ sĩ hàng đầu của Mỹ quốc. Một người như thế, chẳng lẽ đem Amy Tan vào tuyển tập, viết những lời ưu ái giới thiệu, *chỉ vì nhà văn Tan thuộc phái nữ, thiểu số, da vàng* v.v... Chuyện khó có. Tôi không tin rằng Oates có thể tầm thường như vậy.

II

Đang phân vân như thế, nhớ đến đôi điều Mai Kim Ngọc viết về Amy Tan trong *Văn Học*, số Xuân Bính Tý (4) vừa qua. Tôi vốn có cảm tình với Mai Kim Ngọc từ nhiều năm nay, từ ngày được đọc cái truyện Vợ Chồng của ông. Ông là một người viết hiếm hoi, có kiến thức, vừa có tài vừa có lòng. Vậy mà đọc lại bài của ông, tôi ngỡ ngàng. Ông chê bai (nhà văn Amy Tan) thậm tệ. Tuy không khoái đọc bà này, tôi vẫn thấy những gì Mai Kim Ngọc viết về Amy Tan quá khắt khe, quá võ đoán. Bá nhân bá bao tử! Joyce Carol Oates là một người tôi ngưỡng mộ từ lâu, mấy chục năm nay. Chẳng lẽ Oates lại thuộc về cái "*khối quần chúng Mỹ, một tập thể tuy có học, nhưng có những nhược điểm khá đặc thù có thể gọi là dễ khai thác?*". Nếu Oates không thuộc về cái "khối quần chúng" đó, vì sao bà chọn Tan cho vào một quyển tuyển tập thứ hàng đầu này? Chẳng lẽ một tên tuổi như Joyce Carol Oates lại tội gì đem mình ra làm bình phong cho một tác giả mà "*kỹ nghệ xuất bản Mỹ đã khai thác*" cho một quần chúng có "*những nhược điểm hoàn toàn phi văn học?*".

Phân vân, phân vân, phân vân.

Phân vân chán chê, tôi coi lại những bài về các tác giả trẻ Việt Nam trong Văn Học số Xuân Bính Tý nói trên. Và nhìn ra đôi điều thú vị.

Ví dụ: Hai người đến Mỹ lúc còn nhỏ tuổi nhất là Lưu Trường Khôi và Nguyễn Phương Quỳnh Trang. Năm 1975, họ mới lên hai. Rời Việt Nam năm lên hai, hay sinh ở Mỹ hai năm sau, thật ra chẳng có gì khác biệt lắm về vấn đề thời gian. Nhưng trên phương diện tinh thần và tình cảm, sinh ở Việt Nam hay sinh ở Mỹ hẳn phải là một sự kiện mang dấu ấn đặc biệt quan trọng trong tâm thức con người.

Ví dụ: Nguyễn Quí Đức. Và Nguyễn Quí Đức làm mình nghĩ đến Trần Vũ. Cả hai rời Việt Nam, đặt chân lên đất khách năm 17 tuổi. Đức ở Mỹ, viết hai thứ tiếng, Việt và Anh. Viết có hồn và có duyên, một cách viết "bình thường" giản dị. Vũ ở Pháp, chỉ viết tiếng Việt, và một bút pháp huê dạng, kỳ quái, độc đáo, táo tợn. Tôi quen Trần Vũ và biết Trần Vũ thừa sức viết văn tiếng Pháp. Vì sao Vũ không viết tiếng Pháp như Đức viết tiếng Anh. Trả lời cho thắc mắc này ắt là thú vị.

Một trường hợp khác, khá ngộ nghĩnh: Andrew Lâm đến Mỹ năm 11 tuổi. Viết tiếng Anh. Trong khi đó Nguyễn Hoàng Nam, nhỏ hơn Andrew Lâm 1 tuổi, nhưng đến Mỹ khi 13 tuổi, lại chỉ viết tiếng Việt.

Ví dụ: Nguyễn Hoàng Nam là người duy nhất, sinh sau 1965, viết tiếng Việt. Nguyễn Quí Đức là người duy nhất sinh trước 1960, viết tiếng Anh (ngoài tiếng Việt).

Ví dụ: (và đây là sự kiện ngộ nghĩnh nhất) Tất cả các tác giả trẻ của cái gọi là "văn chương hải ngoại" hiện nay, từ lớp lớn nhất như Trần Diệu Hằng, Hồ Đình Nghiêm, Trân Sa... đến lớp nhỏ tuổi hơn như Phạm Thị Ngọc, Lại Thanh Hà, đến lớp nhỏ tuổi nhất như Lưu Trường Khôi và Nguyễn Phương Quỳnh Trang, *không có ai sinh ngoài Việt Nam cả.*

Bạn đọc có khả năng phân tích và tổng hợp cao, xin tùy nhiên rút tỉa những kết luận, nhận định từ những dữ kiện trên. Người viết chỉ lưu tâm đến một điều trước mắt: Rồi sau L.T. Khôi và N.P. Quỳnh Trang sẽ có một đợt tác giả khác sanh ở hải ngoại (ngoài lãnh thổ Việt Nam). "Họ sẽ thành công hay thất bại, chúng ta không biết và chưa cần nói đến. Chúng ta chỉ thấy rõ ràng lúc bấy giờ — như Võ Phiến đã nhận định — *công việc của họ lại thuộc về nền văn học nghệ thuật Hoa Kỳ* (tôi xin thêm, hay Pháp, Anh, Đức...) *chứ không phải thuộc về nền văn nghệ Việt Nam. Nghĩa là không dính dáng gì đến chuyện chúng ta đang làm*". (5)

Đến đây, tôi quay về với Amy Tan. Xin nhắc lại: Amy Tan không sinh ở Trung Quốc, đã bị cộng sản chiếm trọn. Bà sinh ở Mỹ, năm 1952, hai năm rưỡi sau ngày cha mẹ bà đến định cư tại California, vài năm trước cả đợt "trung niên trẻ" viết toàm tiếng Việt như Lê Thị Huệ, Trân Sa, Vũ Quỳnh Hương, Lê Thị Thấm Vân... Lớn lên, đi học, lấy chồng, làm việc, viết văn, ở Mỹ. Bà là một người gốc Hoa sinh ở Mỹ, chứ không phải là người Hoa di cư (hay di tản) sang Mỹ và trở thành công dân Mỹ. Theo Mai Kim Ngọc, Tan viết về "*thế hệ cha mẹ*" bà và "*sự thê thảm của Amy Tan là cô* (bà?) *bóp méo cuộc sống có lẽ đầy tư duy đầy trăn trở* (của họ). Ông còn nêu ra sự tương phản

dữ dội giữa Amy Tan và những nhà văn trẻ Việt Nam tại Mỹ. Theo ông, những nhà văn trẻ này "*đã làm văn học nghệ thuật với hãnh diện về quá khứ, về thế hệ cha anh, với sự tự hào là người Việt Nam*".

Tôi trân trọng lòng yêu quê hương và tình tự dân tộc của Mai Kim Ngọc. Nhưng tôi phải nói ra, xót xa nhưng phải nói: Tuy rằng tôi cảm thông sự tha thiết của ông, và tin cậy ở sự chân thật nơi ông, tôi vẫn ngờ vực và e ngại những chuyện "*hãnh diện*" và "*tự hào*" này quá. Lịch sử các dân tộc trên thế giới... Nhưng thôi, đây lại là một vấn đề khác chúng ta có thể bàn trong một dịp khác.

Ở đây, tôi chỉ muốn nói rằng có thể nhà văn Mai Kim Ngọc sung sướng vì có "*câu chuyện văn đầu năm*" muốn "*chia sẻ với bạn đọc*", có lẽ vì "*phấn khởi*" thấy "*cả một hiện tượng văn học tốt lành*" nên đã khá vội vàng trong sự suy xét của ông. Thiết nghĩ chúng ta không nên đánh giá nhà văn Amy Tan ở chỗ những điều bà viết có đúng với "sự thật" (?) hay không. Chúng ta cũng không nên so sánh Tan với những nhà văn trẻ Việt Nam viết tiếng Anh ở Mỹ. Tuổi tác họ khác nhau, thời điểm họ đặt chân lên "đất khách" khác nhau, kinh nghiệm hội nhập họ khác nhau...

Ở đây, tôi chỉ xin nhắc lại một điều: những nhà văn trẻ Việt Nam không có ai sinh ở Mỹ (hay Anh, Pháp, Đức...) cả. Amy Tan sinh ở California.

III

Nhân nói về những nhà văn trẻ Việt Nam (trẻ: lứa sinh ra cuối thập niên 50, trong những thập niên 60, 70) tôi nhớ đến những nghệ sĩ Việt Nam trẻ tuổi khác. Hơn mười năm trước, tôi có dịp làm quen, hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp một vài họa sĩ trẻ và có nhắn nhủ họ:

(...) "*Long, Hòa, Hùng... Ở hải ngoại quí vị là thế hệ mới nhất, trẻ nhất của hội họa Việt Nam đó. Quý vị cứ vẽ tới tấp đi — quí vị đang đi về đâu?*".

(...) *Quý vị đi về đâu chú không thể biết, duy có một điều chú biết chắc chắn là quí vị không có đồng bào đi cùng rồi đó. Trong khi bà con Việt Nam ta ở hải ngoại sống cuộc sống tất bật nhưng đầy đủ cũng không thiếu gì những vị phong lưu dư dã, biết chơi đủ thứ trò vui ở đời. Nhưng "chơi" tranh thì chưa*" (...) (6)

Mười năm trôi qua, những Long, Hòa, Hùng đó nay đã quá 30, sắp tới 40 cả rồi. Nhà, xe, cơm, áo mười năm qua các chàng nghệ sĩ trẻ ấy đã lao đao vất vả làm sao? Nghĩ mà rùng mình, mà thương!

Nghĩ vậy bèn lôi cuốn sách về cuộc triển lãm *An Ocean Apart: Contemporary Art in the United States anh Vietnam* (7) ra coi lại. Tham dự một cuộc triển lãm do Smithsonian Institution ở thủ đô Hoa Kỳ tổ chức là một cơ hội hiếm hoi và một vinh hạnh đáng kể. Là một họa sĩ chuyên nghiệp, tôi cảm thông hoàn toàn những khó khăn về vấn đề mưu sinh và sáng tạo. Tôi mừng cho các nghệ sĩ trẻ (ngay cho cả những nghệ sĩ không còn trẻ lắm) có dịp may góp mặt với thế giới. Và cũng nhân viết bài này, tôi đọc lại sách kỹ hơn.

Hai nghệ sĩ trẻ nhất trong số người tham dự là Bùi Văn Hoàng, sanh năm 1967 (cùng năm sinh với Nguyễn Tấn Băng Phương và Nguyễn Hoàng Nam), đến Mỹ lúc mới 8 tuổi, và Trần Đức Hiền, sinh năm 1963 (xấp xỉ tuổi của Đinh Linh, Andrew Lâm, Lại Thanh Hà, những người viết tiếng Anh, và Phạm Thị Ngọc, Trần Vũ, những người viết tiếng Việt). Hiền đến Mỹ năm 12 tuổi.

*

Hoàng ước ao "*được thấy một vài tác phẩm của tôi làm bằng đá và thép mà lại nằm giữa một ruộng lúa*" (8). Hiền thì tâm sự, sau một chuyến về Việt Nam để hoàn thành một bộ ảnh nghệ thuật: "*Bố mẹ tôi, sau mười năm mới qua được tới Mỹ, lấy làm lạ là tại sao tôi lại muốn trở về Việt Nam như vậy*". (9)

Rõ ràng là có sự ràng buộc với cố quốc. Trong khi đó, Trần Kim, sinh ở Paris năm 1952, định cư ở Mỹ năm 1966, thuộc về lớp "trẻ" nhưng "tiền-75" nhiều năm, lại tuyên bố "*Trong khi làm mỹ thuật — nhất là mỹ thuật trừu tượng — thì qui trình, cảm nghĩ, và thái độ, tất cả đều quan trọng chứ không phải là nơi chốn gốc nguồn của người nghệ sĩ" (10). Điêu khắc "hậu hiện đại" của Kim hoàn toàn thoát khỏi quan niệm hình tượng về nhân dáng và không gian của những năm 50 trở về trước. Liên hệ với Việt Nam, vì những lý do nào đó (gốc gác của cha mẹ?) được biểu lộ một cách khác với Bùi Văn Hoàng và Trần Đức Hiền. Mặc dù cho rằng "gốc nguồn của người nghệ sĩ không quan trọng*", Trần Kim vẫn ý thức rằng "*lối ráp đồ gỗ hay sắt thép lượm lặt của tôi thì vẫn rất Việt Nam; người ta không nhất thiết mua cái mới, chỉ dùng cái đã có sẵn*" (11).

Một người gốc Việt Nam, sinh ở Pháp, mang tên họ Việt, trưởng thành ở Mỹ, mà ý thức như vậy và diễn đạt được ý thức đó, quả là đẹp. Người viết chỉ muốn nói nhỏ với Trần Kim "rất Việt Nam? Vâng, đúng thế. Đó là Việt Nam của một thuở xa xưa, thời còn thiếu thốn trăm bề, một cái đinh rỉ cũng biết quí. Việt Nam bây giờ, nhất là Việt Nam hải ngoại, ngoại trừ những người cùng khổ, đa số đã làm quen khá nhiều với môi trường tiêu thụ: làm cho nhiều, tiêu cho nhiều, vất đồ cũ, mua đồ mới, liên miên..."

IV

Từ một nhà văn, tới Mỹ lúc 17 tuổi, sáng tác bằng cả hai thứ tiếng, Việt và Anh — như Nguyễn Quí Đức — đến một người viết tới Mỹ lúc mới lên 2, viết thuần tiếng Anh — như Nguyễn Phương Quỳnh Trang — đến một nghệ sĩ tạo hình như Bùi Văn Hoàng, tới Mỹ lúc 8 tuổi, những người trẻ gốc Việt này đều sinh ra ở Việt Nam, và mỗi người một cách, họ có những ràng buộc với đất nước khổ đau đã nghe được tiếng khóc đầu đời của họ. Họ làm chúng ta cảm động. Họ xoa dịu phần nào nỗi đau cố quốc trong lòng chúng ta. Họ

sưởi ấm phần nào niềm cô quạnh lạc lõng của chúng ta. Những người trung niên như chúng ta yêu họ và biết ơn họ.

Ví như chúng ta đang lê bước trên con đường vắng gập ghềnh, trong ánh chiều nhá nhem, chúng ta đi, đi mãi mà vẫn chưa thấy được "làng xa lặng lẽ sau tre trúc",) vậy mà bỗng dưng thấy có bóng dáng người khác đi cùng trên con đường. Những người trẻ xôn xao trò chuyện, chân đi xăng xái, mỗi người cầm lủng lẳng trong tay một cây đèn soi sáng mặt đường. Yêu lắm chứ. Biết ơn lắm chứ.

Nhưng những bạn trẻ đồng hành này không đi cùng chúng ta mãi đâu. Họ đi nhanh. Cách bước, cách đi của họ khác chúng ta. Họ sẽ bỏ chúng ta lại sau với riêng chúng ta. Và đường càng xa càng có thêm người mới. Cứ thế, các đợt tiếp tục nhau. Và chúng ta chỉ còn có thể tưởng tượng được mà thôi nơi đến của họ một ngày kia. Một nơi chúng ta chưa bao giờ đặt chân, chưa bao giờ hình dung ra được.

Nói cụ thể hơn, xã hội tiêu thụ Tây phương đầy quyến rũ đã rình rập, bủa vây. Và sẽ bắt được một số lớn trong họ, theo quy luật chung của cuộc chơi. Những kẻ sống sót, hoặc may mắn hơn, hoặc tài ba hơn, hoặc cả may lẫn tài, sẽ tiếp tục con đường. Tiếp tục con đường mà trong lòng ràng buộc với những thôi thúc, những quằn quại khác. Những thôi thúc không phải của quá khứ, dân tộc. Những khắc khoải không ăn nhằm gì nữa với sự kiêu hãnh hay niềm tự hào... *Và thế là hay cho họ.*

Trong tuyển tập của nhà Oxford ấn hành nói trên có một truyện ngắn, "The Lecture", của Isaac Bashevis Singer. Sinh năm 1904, thành danh ở cố quốc Ba Lan như chủ bút của một tạp chí văn chương, ông di cư sang Mỹ lúc đã 31 tuổi, vài năm trước hiểm họa Quốc Xã Đức tiêu diệt hàng triệu người. Ở Mỹ, ông sống thanh bạch, sáng tác đều đều bằng tiếng Yiddish. Ông lý sự: "Tôi thích viết chuyện ma; không có ngôn ngữ nào để kể chuyện ma mà thích hợp hơn một ngôn ngữ trên đường hủy hoại, một ngôn ngữ chết như Yiddish. Ngôn ngữ càng chết chừng nào con ma càng sống động chừng đó!". Đều đều trong mấy chục năm, văn phẩm của ông được dịch ra Anh ngữ. Năm 1978 Singer được trao tặng giải văn chương Nobel, *như một nhà văn Mỹ quốc.*

Tôi còn nhớ người ta kể lại trong báo rằng sáng đó phóng viên của một hãng thông tấn lớn ở New York tìm được Singer đang ngồi ăn sáng với vợ ở một quán *doughnuts* tầm thường trong khu bình dân Brooklyn. Phóng viên cho ông biết mới nhận được tin từ Âu châu rằng ông được trao tặng Nobel. Singer nói: Thế à? Cám ơn bạn nhé. Rồi chấm bánh vào cà phê sữa, tiếp tục bữa ăn sáng.

Chẳng biết sáng ấy, mồm thì nhai *doughnut* nhưng trong lòng Singer thì như thế nào. Có ngẩn ngơ nhớ lại cái ghetto tối tăm nghèo nàn bên Đông Âu không? Có thấy mình đem lại vinh dự cho Ba Lan không? Có thấy nổi lên trong lòng một niềm kiêu hãnh về dân tộc Do Thái với năm nghìn năm lịch sử và nền văn hóa sâu sắc thâm thúy trải dài vòng quanh trái đất không?

Hay là trong lòng chỉ râm ran một nỗi bẽ bàng...?

VÕ ĐÌNH
VII-1996

Chú thích:

(1) *Rừng Mắm*, tên một truyện ngắn (rất hay) của Bình Nguyên Lộc.

(2) *Oxford University Press*, New York, N.Y., 1992. Editor: Joyce Carol Oates.

(3) *The Joy Luck Club* là một cuốn "tiểu thuyết" gồm nhiều đoản văn tiếp nhau và iên hệ với nhau.

(4) *Văn Học* số 117 & 118 Câu Chuyện Văn Đầu Năm, tr. 15.

(5) Võ Đình, Làm ăn... văn nghệ, Văn, IX-1982.

(6) Võ Đình, Thư Cho Một Họa Sĩ Trẻ, *Văn Học* số 11, XII-1986.

(7) Nhân tiện xin nói rõ để làm sáng tỏ một việc đã qua nhưng vẫn còn gây một số c mắc: Bản thân tôi có được mời gởi tranh cho cuộc trưng bày, và được mời rất sớm, '3, nhưng đã không tham dự vì những lý do hoàn toàn thuộc phạm vi nguyên tắc và ệ thuật. Tuy nhiên, Smithsonian Institution đã có liên lạc với tôi nhiều lần để tham o ý kiến, và tôi đã hoan hỉ đóng góp. V.Đ.

(8), (9), (10), và (11) Từ *An Ocean Apart*, tiểu luận Anh Văn của Jeffrey Hantover, dịch ra Việt ngữ của Nguyễn Ngọc Bích.

(12) Huy Cận.





MỘC HƯƠNG

thúy kiều: nỗi ám ảnh bất hạnh hay hân hạnh?



LTS: *Tòa soạn đã nhận được - qua bưu điện và e-mail - nhiều ý kiến chung quanh bài viết của nhà văn Lê Thị Thấm Vân đăng trên Hợp Lưu số 30, tháng 8&9, 1996.*

Tôn trọng quyền tự do phát biểu, tòa soạn lần lượt đăng tải các ý kiến ấy trong số này và các số kế tiếp.

Sau đây là bài viết của nhà văn Nguyễn Thị Hoàng Bắc, ký dưới bút hiệu Mộc Hương *(là bút hiệu chị vẫn thường sử dụng cho những bài tiểu luận, nhận định...)*

Hợp Lưu

*

Hợp Lưu số tháng 8 & 9, tôi được đọc bài tiểu luận: "Thúy Kiều: Nỗi Ám Ảnh Bất Hạnh" của Lê Thị Thấm Vân (LTTV) được chủ bút Khánh Trường giới thiệu như tiếng nói của một nhà văn trẻ: *"trẻ đồng nghĩa với phủ nhận, khai phá và mở đường" (Lời tòa soạn).*

Tôi xin có mấy ý kiến thô thiển, góp ý với tác giả Lê Thị Thấm Vân và tòa soạn.

Để được nghiêm chỉnh, khi trích văn để dẫn chứng, tôi có ý trí văn câu viết, tuy có hơi dài, nhưng để bảo đảm đầy đủ mạch vă không cố tình cắt vụn, đục bỏ, xuyên tạc để thủ lợi cho mình khi Trừ những khi phải lặp lại để nhấn mạnh thì mới phải ngắt đoạn.

1) Tác giả LTTV viết:

"Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung
Phũ phàng chi bấy hóa công
Ngày xanh mòn mỏi má hồng phôi pha"

"Khi viết những câu thơ này, tôi thắc mắc, không biết Nguyễn I tới mẹ ông (cha ông có tám vợ) hoặc ba người vợ của ông không? H người đàn bà chia xẻ cuộc đời cùng ông, nhưng có số phận chồng c chỉ nghĩ đến ả đào đàn hay trong quán rượu... Cô Nguyệt ở Triều Kh hầu ở nhà người em. Cô lái đò tình cờ gặp. Nữ sĩ Hồ Xuân Hương. I Thúy Kiều của Thanh Tâm Tài Nhân ở xứ Trung Hoa?" (Tr 78).

Tôi đoán chừng (không biết có đúng không, nếu sai xin nghe giả), dưới mắt LTTV, Nguyễn Du là một thằng ăn chơi, ích kỷ, m xá là mất nết, bản thân hắn ta và một lũ đàn ông thời đó "năm thê là chuyện thường tình", thật là chẳng ra gì, trung thành ca ngợi v không thấy, lại dư giấy mực đi ca ngợi một con đĩ?

Tôi không phải là Nguyễn Du, nên chẳng có lý do gì để mà biện tội cho Tiên Điền được. Nhưng ai cấm tôi hiểu sự vụ Nguyễn Du kh cho một con đĩ thập thành thay vì những trường thi ca ngợi sự tı của những người vợ, lại là một điểm son ghi đậm *thái độ cấp tiến khoáng của một người đàn ông tốt bụng và nhân ái đã cảm thông thảm thương của một người đàn bà tội nghiệp trong một guồng máy quá khinh bạc đàn bà.* Tôi hiểu là thời đó, thời phong kiến, xã hội chỉ có chỗ đứng cho đàn ông mà không có chỗ đứng cho đàn b không đi học, không đi thi, không làm quan, chỗ đứng của họ chỉ là *cạnh* một người đàn ông. Vì vậy, bằng mọi giá, người đàn bà phi cách để đứng gần một người đàn ông, đậu trên tay một người đàn có học, càng danh giá cao sang bao nhiêu thì cuộc đời mình sẽ k nhiêu (quan niệm này ngày nay cũng không phải là không còn tồi giới phụ nữ, không chỉ ở nước ta mà cũng còn rơi rớt ít nhiều ở nh gọi là tiến bộ nam nữ bình quyền, nhưng việc này lại đi vào mộ khác). Tóm lại, đặt vào thời điểm đó, cuộc đời của những người đ mẹ của Nguyễn Du, cuộc đời của bà Thượng Thư Nguyễn Nghiễm của các phu nhân, thê, hầu, thiếp của Đông Các Đại Học Sĩ Nguyễ Hồ Xuân Hương có đau đớn kêu lên:

"Chém cha cái kiếp lấy chồng chung"
dẫu sao cũng là cuộc đời của *những người đàn bà thành công trong công cuộc chạy đua để tìm một vị trí bên cạnh đàn ông*. Cuộc đời của họ, theo cái nhìn của cái xã hội chính danh định phận bấy giờ không mảy may là *cõi đoạn trường* thì không thể trách Nguyễn Du sao chẳng vì họ mà kêu lên một *tiếng kêu đứt ruột*?. Tác phẩm văn chương đâu thể có đời sống nào khác ngoài cái đời sống mà tác giả đang sống? Không tin, LTTV có thể coi lại đoạn Kiều bán mình, Kiều (cũng như cả cha mẹ, anh em chị em, làng xóm cho đến bà mối) cũng chắc ăn, tưởng rằng Kiều *sẽ được làm vợ* (dẫu là vợ bé) Mã Giám Sinh! Và suốt cả đời Kiều tóm tắt cũng chỉ là cuộc đời đau khổ của một người đàn bà đẹp và bất hạnh đã một mình phấn đấu không mệt mỏi để đứng vào khuôn phép của xã hội (xin được làm vợ, được một chỗ đứng bên cạnh những Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Thúc Sinh, Từ Hải). Cái đỉnh cao của sự phấn đấu ấy của Kiều là lúc khuyên Từ Hải thôi đừng làm giặc nữa, để Kiều được một chỗ đứng đàng hoàng như các bà quan khác:

Cũng ngôi mệnh phụ đường đường
Nở nang mày mặt rỡ ràng mẹ cha

về một mặt nào đó phản ánh giấc mơ huyền ảo nhất của người phụ nữ trong xã hội phong kiến (võng anh đi trước, võng nàng theo sau), một mặt khác nó là bài học kêu gọi nỗ lực quyết tâm hoàn lương lớn nhất của một cô điếm! Lớn đến nỗi nhắm mắt tin người, dẫu đã bị gạt gẫm hàng trăm hàng triệu lần. Cũng vì cái quyết tâm đó mà kiều bị LTTV đánh giá ngu si đần độn: *"bị thiên hạ lừa bao nhiêu lần mà vẫn chưa khôn, cuối cùng còn khuyên bậy chồng làm chồng phải chết oan như bị trời trồng"* (tr 79).

Ngoài sự thông cảm, tôi lại hiểu là Nguyễn Du *can đảm*. Nguyễn Du *chịu chơi*. Nguyễn Du *lãng mạn*, Nguyễn Du *tiến bộ*, trong khi cả nước coi đàn bà như một thứ rong rêu cỏ dại hoa hèn bám vào đàn ông, cây trầu leo quấn cây cau (cổ tích Trầu Cau), cây liễu dựa vào cây tùng (khi về hỏi liễu Chương Đài), phu xướng phụ tùy (nàng Mạnh Quân cư án tề mi), hình ảnh những phụ nữ trung trinh tiết liệt, tiết hạnh khả phong là những tấm gương sáng chịu đựng cho mọi đàn bà con gái noi theo, văn học cổ không thiếu những tác phẩm đề cao những tấm gương như thế... Nhưng *khóc thương một cô gái điếm*, thì cho tới thời Nguyễn Du, chỉ có Nguyễn Du là một! Bao lần sau đó, mới đến thời của Chu Mạnh Trinh, và xa hơn nữa, mới đến Phạm Quỳnh, rồi án Kiều, lẩy Kiều, bói Kiều (từ án sách đến bờ tre xưởng máy, ra chiến trường vẫn còn thấy Kiều ngâm)... khiến cho LTTV bực bội! Cách nhìn tiến bộ của Nguyễn Du và những người không khinh bỉ, không kỳ thị một con đĩ lại dính đến sự bực bội của LTTV?

2) LTTV viết: *"Kiều còn được xem là bản cáo trạng cuộc đời, như cuốn sách giáo huấn cách dạy làm người, như bản ngợi ca tình yêu, gầy dựng niềm*

tin, bắc cầu thông cảm" (tr 79)... *"Hình ảnh Kiều luôn được ca ngợi, truyề tụng, trở thành một thứ role model, làm tấm gương cho nhiều thế hệ phụ n Việt Nam soi.* (tr 79)

Tôi xin nhắc mấy ý để tham khảo:

Ở thời Nguyễn Du và sau đó nữa, các nhà đạo đức so sánh Truyện Kiề như một quyển dâm thư làm bại hoại thuần phong mỹ tục của nước ta đế nỗi Kiều được coi như loại sách cấm porno có ba chữ X:

"Đàn ông chớ đọc Phan Trần Đàn bà chớ đọc Thúy Vân, Thúy Kiều"

là một câu truyền khẩu mà ai đọc Kiều cũng biết.

Bài bác truyện Kiều đã là một phong trào có từ thời tác giả của nó m(khai sinh ra nó.

Cho đến một người cực kỳ lãng mạn như Tản Đà, nhà thơ của những đà nương mà cũng đánh giá Kiều:

"Đôi hàng nước mắt, đôi làn sóng
Nửa đám ma chồng, nửa tiệc quan
Tổng đốc ví thương người bạc mệnh
Tiền đường chưa chắc mã hồng nhan."

Nếu nói theo ngôn ngữ chanh chua độc ác thời đại thì có thể diễn câu củ Tản Đà như sau: *"Kiều, con đĩ mạt hạng, chồng chết chưa chôn đã lẳng lơ liế trai, chẳng qua là vì âm mưu của cái thằng tổng đốc mặt đen sì nọ không thành nên rầu máu quá mới phải nhảy xuống sông chớ quí báu gì!"*

Nguyễn Công Trứ còn đi mạnh hơn, rõ ràng hơn, sát phạt hơn:

"Từ Mã Giám Sinh cho đến chàng Từ Hải
Cánh hoa tàn đem bán lại chốn thanh lâu
Thế thì Kiều còn hiếu vào đâu?
Mà bướm chán ong chường cho đến thế!
Bạc mệnh chẳng lầm người tiết nghĩa
Đoạn trường cho đáng kiếp tà dâm"...

Đến thời Ngô Đức Kế thì Kiều là một thứ "*ai, dâm, sầu, oán*" làm tiêu điề cơ đồ đất nước. Tuy nhiên, Ngô Đức Kế không lên tiếng như một nhà đạo đứ mà là một nhà cách mạng, điều đó có thể hiểu sự công kích của ông theo mộ ý nghĩa khác.

Cho đến thời trước 75, văn chương báo chí ở miền Nam thường nhan nhã xuất hiện những câu như: *"bắt được năm nàng Kiều đang đi khách trong độn ổ của má Bảy"*, chẳng hạn. Kiều đồng nghĩa là con đĩ, thế thôi. Chỉ tội ch một nữ dân biểu hồi đó có cái họ Kiều thì cũng bị báo chí xỏ xiêng là "nàn

Kiều lá đổ trên mười đầu ngón tay", vân vân...

Đã có vô số những sự khích bác còn dữ dằn độc ác và lăng mạ Kiều trước và hơn cả LTTV nhiều nên tôi không đồng ý với điều bạn Khánh Trường cho rằng bài viết của LTTV là *"khai phá, mở đường"* (LTS)

Còn lấy kiều làm role model cho phụ nữ Việt Nam thì đâu có gì sai? Cái tín hiệu Kiều gửi lại cho tất cả các phụ nữ không phải là *"làm đĩ là nghề tôi chọn"* (LTTV, tr 84) như LTTV hiểu mà là: quyết tâm chống lại các thế lực cấu kết của bọn lưu manh đàn ông (Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Bạc Hạnh, Hồ Tôn Hiến) lẫn đàn bà (Tú Bà, Bạc Bà), đã ép buộc cô làm đĩ". Sự đối đầu dẫu bất thành nhưng là một sự chống đối bền bỉ, liên tục và dũng cảm trong tuyệt vọng (tự sát, bỏ trốn, lấy chồng...)

Nếu phụ nữ Việt Nam đọc Kiều, hiểu Kiều và bị ám ảnh bởi Kiều không những họ không hề bất hạnh mà lại vô cùng hân hạnh! Chống lại ý niệm *"đàn bà là đồ chơi của đàn ông"* (chữ của Đỗ Khiêm) phải chăng là giấc mộng lưu truyền của phụ nữ, không riêng gì phụ nữ Việt? Đi trước ý niệm trên là sự chống lại ý niệm "đàn bà là đồ chơi *chung* của đàn ông", Kiều là chiến sĩ tiên phong, là ngọn cờ đầu làm vẻ vang cho phụ nữ đấy chứ!

Tôi chỉ ngại cho lời phát biểu của LTTV đã vào miệng các nàng Kiều Việt nam có vẻ như bản tuyên ngôn của một thứ đạo đức làm đĩ *"Làm đĩ là nghề tôi chọn, trước là nuôi sống bản thân tôi, sau là giúp những người đàn ông không vợ, không bồ giải quyết sự dồn nén sinh lý"* (tr 84). Không khéo cuộc cách mạng phụ nữ sẽ lại bị đánh lừa vào cái bẫy sập của ai đó và sắp sa vào cái vòng lẩn quẩn: đứng lên từ chối làm đồ chơi chung của đàn ông rồi lại trở lại cái tự nguyện làm đồ chơi chung cho đàn ông vì các nhân danh tự do và làm chủ thân xác!

3) Tôi không lạ khi LTTV dẫn chứng một cô đầm nào đó đã nói câu trả lời *"yes, so what?"* cũng như một ông thầy Mỹ *"rất am tường văn chương Tàu", đọc xong (truyện Kiều) phán ngay "như vậy thì đâu có gì là vĩ đại? Vay mượn của văn chương Trung Hoa quá nhiều"* (tr 83), nhưng điều tôi lạ là LTTV lại đồng ý với hai người nước ngoài, một người có học tiếng Việt, một người thì am hiểu văn chương Trung quốc. Điều này không dựa trên cái gì gọi là tự ái dân tộc hay cái gọi là nước Việt Nam ngàn năm văn hiến. Lý luận nằm ở chỗ là: *cho tới thời của Nguyễn Du, chưa ai viết tiểu thuyết bằng thơ tiếng Việt (thời đó chưa có lối tiểu thuyết văn xuôi cho đến người viết truyện văn xuôi tiên phong Phạm Duy Tốn xuất hiện,) hay được như Nguyễn Du, chưa ai sử dụng được tiếng Việt tài tình hơn Nguyễn Du trong cái thời điểm mà từ những văn thư chính thức của triều đình, những lề lối từ chương được chính thức giảng dạy, thi cử hoạn lộ, những con đường mở ra tương lai sáng lạn cho mọi người, tất cả đều hoàn toàn được sử dụng bằng chữ Hán.* Chữ nôm (tiếng Việt) được coi như một đứa con hoang vô thừa nhận (nôm na là cha mách qué) và chính bản thân Nguyễn Du cũng không được tiếp thu cái thứ tiếng Việt đó trong lề lối giáo dục chính qui của thời ấy. Vậy có gì sai và đáng xấu hổ khi, so với những

cuốn tiểu thuyết viết bằng thứ chữ nôm (tiếng Việt) vụng về ngờ nghệch của thời ấy như Nhị Độ Mai, Phan Trần, Bích Câu Kỳ Ngộ... khi có ai hỏi về văn chương nước Việt cho đến thời của Truyện Kiều - Nguyễn Du, khi tôi phải nêu tên Truyện Kiều - Nguyễn Du để nói về cái đỉnh cao nhất văn học của Việt Nam thời ấy?

LTTV đã viết một câu rất đúng: *"Truyện Kiều có giá trị tương đối của nó trong văn học sử của một quốc gia"*, câu đó có thể dùng để trả lời ngay với anh chàng giáo sư Mỹ đã phán cái câu so sánh Tàu-Việt trên kia. Tuy nhiên, nếu ông ta đã đọc được tiếng Tàu, mời ông ta học đọc tiếng Việt, để ông ta có dịp so sánh bản Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân và bản Truyện Kiều "viết lại" của Nguyễn Du, thì ông ta sẽ hiểu rõ hơn về cái tài "viết lại" của Nguyễn Du. Tôi không chắc nhận xét của LTTV *"... ai cũng biết truyện Kiều vay mượn tiểu thuyết Tàu"* và *"nếu ta hãnh diện một thì Tàu phải hãnh diện mười"* (tr 83) sẽ được ông giáo sư trên đồng ý.

Cũng như thế, nếu phải đặt lại vấn đề "viết lại" Doctor Zhivago bằng tiếng Việt như LTTV đề nghị, LTTV sẽ thấy mọi người sẽ "viết lại" một cách hoàn toàn khác nhau. LTTV sẽ viết lại không giống Phan Thị Trọng Tuyến, Nhất Linh không giống Phạm Thị Hoài, Nguyễn Tuân, Nguyễn Mộng Giác không giống Trần Vũ... vân vân. Sau Nguyễn Du chúng ta có thể có những tiểu thuyết gia viết bằng tiếng Việt tài tình bằng ông hoặc hay hơn ông, nhưng ở đây, tôi chỉ dừng lại ở thời điểm của Nguyễn Du thôi.

4) Vậy thì trả lời câu hỏi của LTTV đặt ra: *"Truyện Kiều ngoài giá trị văn chương nghệ thuật vì ngôn ngữ đẹp, bóng bẩy, nhạc điệu thi vị, tình tiết éo le, Kiều đã đóng góp gì khác cho Việt Nam?"* (tr 82). Những giá trị mà nhà văn LTTV đặt vào Kiều vừa khít với với điều kiện của một cuốn tiểu thuyết ba xu rẻ tiền "ngôn ngữ đẹp, bóng bẩy, nhạc điệu thi vị, tình tiết éo le" mà rỗng tuếch, đọc xong chỉ đáng ném vào sọt rác vì chẳng gợi cho người đọc bất cứ một suy tưởng nào. Cho nên LTTV đã đi ngay vào kết luận: *"Mục đích (Truyện Kiều) chỉ để "mua vui cũng được một vài trống canh"*. Nguyễn Du không khiêm nhường khi viết ra câu này" (tr 83).

Trở lại cái ý chính của tác giả LTTV, đánh đổ Truyện Kiều, chứng minh nhân vật Kiều sa đọa, trụy lạc, ươn hèn và dốt nát (khuyên bậy chồng, bị gạt hoài mà vẫn chưa khôn ra) Nguyễn Du bất tài mất nết (mua vui cũng được một vài trống canh, có ba bà vợ, không khen vợ mà lại khen đĩ...) với cái tâm huyết của LTTV là muốn cho mọi người thấy rõ được vai trò nạn nhân đáng thương của người phụ nữ Việt Nam trong cái đất nước luôn luôn bị đói nghèo dốt nát, lạc hậu đe dọa (mà LTTV khẳng định rằng phần lớn do ảnh hưởng độc hại của Truyện Kiều).

Về quan điểm bình vực phụ nữ, tôi thấy ý kiến, cái nhìn và lòng thương cảm của Nguyễn Du đối với những nàng Kiều tội nghiệp ngày trước bị chà đạp trong xã hội phong kiến *"đau đớn thay phận đàn bà, lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung"* và nỗi thương tâm đau đớn của người đàn bà Việt Nam của

LTTV đối với phụ nữ Việt, những nàng Kiều hiện đại *"mặt trẻ măng, non choẹt, cửa mình bắt đầu có kinh, lông đang mọc, vú vừa nhú"* không khác gì nhau. Tôi tưởng tượng người đồng minh Nguyễn Du đọc xong bài viết của LTTV chắc sẽ đọc tặng LTTV một câu Kiều (lại Kiều, biết rồi khổ lắm nói mãi):

Cũng người một hội một thuyền đâu xa?

Không biết LTTV có vui lòng nhận cho không?

LTTV bàn đến đất nước và văn hóa –*"một nước mà chỉ có văn chương là một nước nghèo, nếu không nói là bất hạnh... nếu như người Việt Nam ngày nay vẫn còn tự kỷ ám thị mình với Truyện Kiều và vẫn nhìn Truyện Kiều... như là chứa đựng những trí tuệ, triết học Phật giáo cao siêu nhất, tấm gương liệt nữ sáng chói nhất thì có lẽ sự kiện này chỉ nói lên được một điều: đó là sinh hoạt văn hóa của chúng ta bước đi có hơn chậm quá"* (tr 84), thì tôi cũng lạm bàn về văn hóa và đất nước:

Nếu phải khóc thương cho Việt Nam, chứ không riêng gì cho phụ nữ Việt Nam mà cả dân tộc Việt, đất nước Việt, không hình ảnh nào đúng hơn cho Việt Nam hiện nay bằng hình ảnh Kiều... Việt Nam cũng như Kiều đã có thời là con nhà gia giáo, những thời phá Tống bình Chiêm của Lý Thường Kiệt, những lần Hưng Đạo đại vương hai lần rượt quân Hung nô bách chiến bách thắng chạy dài, tiếng thét ở ải Chi Lăng. lời Bình Ngô Đại Cáo vang lên khắp nước, Quang Trung hai lần đại thắng quân Thanh, cuộc chiến đấu bền bỉ không chỉ ở ngoài chiến trường mà còn nằm trong trận chiến thầm lặng chống lại dã tâm đồng hóa của người phương Bắc: "bắt dân ta thắt bím, gióc tóc như người phương Bắc" (Việt sử Trần Trọng Kim), nó còn nằm trong quyết tâm bảo vệ thứ tiếng nói riêng và văn hóa riêng của dân tộc, một dân tộc nhược tiểu với *"một ngàn năm nô lệ giặc Tàu, một trăn năm đô hộ giặc Tây"* mà không chịu mất tiếng nói, chữ viết, phong tục riêng biệt của mình, dẫu cũng đã có một ngàn năm bị (được) học chữ Tàu và một trăm năm bị (được) học chữ Tây, chưa kể tới tiếng Nga, tiếng Mỹ.

Bài học Kiều không chịu làm điếm cho khách làng chơi thì *"nước Nam ta"* không chịu làm tay sai cho bọn thực dân Tây, Tàu, Mỹ, Nhật là ý nghĩa câu nói của Phạm Quỳnh *"Truyện Kiều còn, tiếng ta còn. Tiếng ta còn, nước ta còn"*.

Sao lại dám bảo *"một nước mà chỉ có văn chương là một nước nghèo, nếu không nói là bất hạnh..."*?

Còn tại sao địa thế nước ta không trải dài trên một lục địa bao la rộng lớn như nước Mỹ với dân cư đông đúc, tài nguyên thiên nhiên giàu có để trở thành một siêu cường quốc bậc nhất tha hồ xử kiện cho các nước "người em bé nhỏ", mà phải nằm chết tiệt dưới chân một anh ba bụng bự lúc nào cũng không ngớt nuôi mộng *"Lâm Đại Nam Du"*? Câu hỏi cũng chẳng khác nào

chúng ta hỏi: sao Mã Giám Sinh chẳng phải là một người lái buôn đàng hoàng tử tế nhỉ, như cái bề ngoài *"mày râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao"*, sao Kiều lại gặp phải một tay bản lĩnh dày kinh nghiệm xung trận như Tú Bà ngay trong trận đụng độ đầu đời của một cô bé mười bảy tuổi khi nàng quyết tâm chống cự, từ chối cuộc đời làm đĩ bằng cách tự sát, vân vân và vân vân...

Đau đớn cho thân phận phụ nữ Việt Nam nằm trong số phận tang hoang của cả cơ đồ đất nước như hiện nay: *"ngày trước bọn ngụy bán nước thì ngày nay bọn cán bộ bán đất"* (lời của một bác phu xích lô Sàigòn), hồi tưởng lại cũng có một thời nào trong quá khứ hùng tráng của đất nước và con người Việt Nam, than lên mấy câu Kiều:

"Khi tỉnh rượu lúc tàn canh
Giật mình, mình lại thương mình xót xa
Xưa sao phong gấm lụa là
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường
Mặt sao dày gió dạn sương
Thân sao bướm chán ong chường bấy thân"

Mấy câu Kiều ngắn ngủi để than lên cho thân phận một con đĩ tan xương nát thịt giữa đám lưu manh làng chơi bạo dâm cũng được, mà kêu lên cho số phận cơ đồ đất nước tôi đang bị phanh thây xẻ thịt trong tay bọn bán đất bán được nước cầu tài cho các tên thực dân Âu Á thời đại, đều cũng thảm thiết và tuyệt đúng như nhau, thì quyết Truyện Kiều không thể chỉ là thứ tiểu thuyết ba xu đọc mua vui rồi vứt vào sọt rác được!

Cũng thế, Truyện Kiều "ám" chúng ta hay chúng ta bị *"tự kỷ ám thị với Truyện Kiều"*. Nói như thế chẳng khác nào gặp trời mưa trời nắng, ta chạy đến nấp dưới một tàng cây trú nắng trú mưa, một bữa kia buồn buồn, vác cây đại đao ra múa lên một đường huê dạng trông cũng hoa mắt, chặt tàng, hạ cây kia xuống, rồi hét tướng lên rằng:

- Cái tàng cây kia, sao mi dám ám trên đầu ta, che khuất ta, để ta không thấy được trời cao đất rộng?

Tôi cũng hiểu ý LTTV bực bội vì muốn văn học chữ nôm ta có cái gì lớn hơn, nguy nga hơn, đồ sộ hơn, về cả hai mặt văn chương và tư tưởng. Chứ đi đâu, hỏi đâu cũng đáp Kiều, rờ đâu cũng đụng Kiều, bói đâu cũng nhằm Kiều thì... nhàm chán chết được. Có thể về mặt sử dụng chữ nghĩa bay lượn trong văn chương, tài nghệ của Đặng Trần Côn trong Chinh Phụ Ngâm Khúc không thua kém gì tài nghệ của Nguyễn Du, có thể về mặt tư tưởng triết học Côn Sơn Ca của Nguyễn Trãi, Chu Thần Thi Tập của Cao Bá Quát hơn hẳn cái mớ triết dân gian tập hợp của Đoạn Trường Tân Thanh. Nhưng "tội tổ tông" của Nguyễn Trãi, Đặng Trần Côn, Cao Bá Quát là họ đã viết bằng chữ Hán, tuy vẫn là một phần của di sản văn hóa dân tộc nhưng sức phổ biến không thể mạnh được bằng Kiều, hay nói một cách cải lương, "đi sâu vào lòng

dân tộc" bằng Kiều. Điều này nghe ra giản dị nhưng lại gợi ra một vấn đề lớn khác.

Còn nếu LTTV uất ức vì *"Đâu hết đàn ông con trai Việt Nam?"* (trang 84) thì tôi đoan chắc là ít nhất có một người đàn ông không dính líu gì đến nỗi uất ức của cô. Người đó chính là Nguyễn Du. Xin can LTTV đừng giận cá chém thớt, vì đôi khi thớt thì lớn mà cá thì bé.

Tôi hoàn toàn đồng ý với LTS của Hợp Lưu: *"Lịch sử là chuỗi dài những thành tựu và chối bỏ"*. Nhưng vấn đề là chúng ta phải biết là thành tựu nào đáng gìn giữ và thành tựu nào cần chối bỏ.

MỘC HƯƠNG



NGUYỄN MẠNH TRINH

thơ trích từ địa chỉ của một người

tặng Lê Bi

những câu thơ làm vỡ vầng trăng
ngọn gió xõa ánh đèn tím xẫm
trích lục địa chỉ của tháng năm
một người bắt đầu từ vô tận

những vầng trăng ngả đổ trong thơ
đêm. tháng tám dội cơn địa chấn
tầm mắt khuya tạm ngõ bất ngờ
ai, treo vực thiên thu tự vẫn

thơ. trăng. tôi. cõi những em. tôi.
hồi sinh lại trong khuôn mặt lạ
những vì sao. rất sáng nụ cười
thơ vực dậy bóng tối xiêu ngã.

NGUYỄN MẠNH TRINH



HỒ MINH DŨNG

hỏi thăm

1.
Loanh quanh không biết hỏi ai
Vào chùa gõ cửa hỏi người đi tu:
Rằng trời đất đã qua chưa,
Để còn sao nước lụt về đầy sân?
Người tu ngẩng mặt làm thinh
Nghe lá phong tụng vài kinh, đỡ buồn.

2.
Người điên đứng chống nạnh sườn
Người không điên chặn giữa đường, hỏi thăm:
Quê nhà xa đã mấy năm
Còn đeo cục đá bên hông, buồn cười?

tiễn đưa

Em tiễn đưa ta, cám ơn
May ta không tiễn đưa ta, một mình
Rủ nhau ôm chặt cột đình
Dột, không phải dột, khối tình tan mưa.

đò ngang

Co chân nhảy cũng tới bờ
yêu nhau cũng gắng qua đò một phen
Đò qua tới bến thì thôi
Quay về ngồi đợi một bên, một đời.

gặp nhau

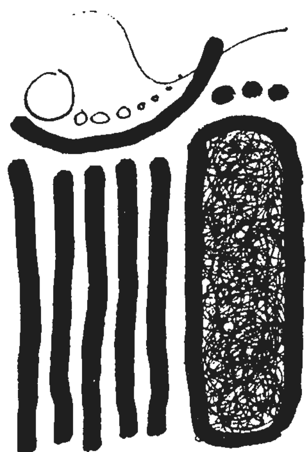
Ta gặp ta ở giữa đường
Gặp như đã gặp kẻ lường gạt ta
Ta đưa ta đến ngã ba
Rồi chìa tay bắt tay ta, giã từ.

HỒ MINH DŨNG



NGUYỄN XUÂN QUANG

tôi, nguyễn xuân quang, hãnh diện là man di xích quỉ của hừng việt



Người Trung Hoa gọi các tộc Hừng Việt sống ở phần đất Trung Hoa ngày nay trước khi họ tới chiếm cứ đều là man di mọi rợ. Phía nam là Nam Man, Đông là Đông Di, phía bắc là Bắc Địch, phía Tây là Tây Nhung.

Man Di không phải là từ Hán mà là từ Hừng Việt. Người Trung Hoa chỉ gắn thêm vào cái nghĩa xấu xa mà thôi. Chúng ta tự gọi mình là Man là Di... Từ Man, Di là từ Hán phiên âm của Hừng Việt, không phải nguồn gốc chữ Hán.

"Sách viết chữ Hán thường gọi Mường là Man, Mang (có lẽ là do cách phiên âm)... Man, Mang cũng bao hàm nghĩa rộng để chỉ tất cả các dân tộc thiểu số. Chữ man dùng để phiên âm tiếng Mường (chỉ địa danh) cũng phiên âm tiếng Hán thành Man" (Trương Sỹ Hùng Bùi Thiện, Vốn Cổ Văn Hóa Việt Nam, nxb VHTT Hà Nội 1995 tập I tr.18). Người Thái gọi người Mường là Mọi là Mang (tr.17)

Như thế Mán, Mường, Mọi, Mèo, (Miêu), Mon, Miên, Mông ... đều là Man, Mang cả. Ta có thể gọi chung là Man Việt.

Tại sao chúng ta tự gọi mình là Man Di?

I. Man là gì?

1. Man Mán có nghĩa là Người (human being).

Như đã nói trong nhiều dịp, Mường có nghĩa là Người, như thế Man, Mang cũng có nghĩa là Người. Mạng, mống cũng có nghĩa là người như chúng ta thường nói chỉ có mấy mạng, mấy mống loe ngoe tương đương với chỉ có mấy người loe ngoe. Chúng ta tự gọi mình là CON NGƯỜI.

Ta có thể kiểm chứng lại bằng ngoại ngữ. Cũng xin mở một dấu ngoặc ở đây, hiện nay các nhà ngữ học cố gắng xếp ngôn ngữ Việt vào một nhóm dòng tộc ngôn ngữ, người xếp vào nhóm ngôn ngữ này, kẻ xếp vào nhóm ngôn ngữ nọ, chúng ta hãy gạt bỏ hết qua bên những sự xếp loại có tính cách cục bộ đó. Chúng ta là NGƯỜI nên ngôn ngữ Việt liên hệ với tất cả các ngôn ngữ loài người. Hiện nay tất cả mọi ngành, mọi giới đều cho rằng nguồn gốc loài người có chung một mẹ Đười (homonid). Do đó xin đừng ngạc nhiên hay thắc mắc tại sao chúng tôi so sánh hay dùng Việt ngữ giải nghĩa tất cả mọi thứ ngôn ngữ trên thế giới hiện nay và ngược lại dùng ngôn ngữ thế giới giải thích Việt ngữ. Chúng tôi nghĩ rằng chúng tôi đã tìm ra được cái chìa khóa mở cánh cửa dẫn tới tận cùng nguồn gốc ngôn ngữ loài người qua Việt ngữ. Sẽ có những bài viết riêng. Xin đóng ngoặc lại.

. Từ Mường phiên âm qua Anh ngữ là Hmong đọc theo cách phát âm của người Mường ngày nay là Hờ Mong có Hờ Mo là Homo: người. Homo là thể giản lược của Homong (Hmong). Âu ngữ *homo, homme , huma, humas, human, humanes:* người, liên hệ với Mường, Man, Mán. Mường cũng có thể viết Mường = màng theo ươ=a như đường = đàng. Màng, Mang là Man, Mán. Người Mường ngày nay cũng nhận Mường có nghĩa là Người.

. Ấn-âu Ngữ:

Phạn ngữ *mánu-h*, 'man, mankind, father of men' (người, nhân loại, cha của con người); Gothic *manna* 'man', Cổ ngữ Anh *mann* 'man, human being', Anh ngữ hiện kim 'man': người. Cổ ngữ Iceland mannr 'man, human being', Cổ Thượng Đức ngữ (Old High German) *man* 'man'... Tiền-cổ Ấn Âu **man*(u)- 'man, begetter, progenitor' (người, đấng sinh thành, tổ tiên).

Anh ngữ Man (people) chính là Man, Mán, Mường (Người).

.Á-Phi (Afroasiatic):

Tiền cổ-Thượng Du Đông Cushitic (Ptoto-Highland East Cushitic) **man*(n)- 'man, person, số nhiều: people; Gedeo manna '*man*, person, people'; Kambata *manna* 'men, people'; Hadiyya *manna* 'people' (Sasse 1982:133 and 143; Hudson 1989:96 and 112).

. Phần Lan-Ugrian (Finno-Ugrian):

Phần Lan mies/miehe- '*man*'(đàn ông); Vogul *mansi* 'a Vogul' (collinder 1955:99; Rédei 1986-1988:866-867) **manc* (có dấu sắc trên n và c).

.Nam Ấn (Dravidian):

Tamil *màntar* 'human being, male person'; Parji *manji* (n có dấu ngã) "man'; Gondi *manja* 'man, human being' (Burrow-Emeneau 1984:425-426, số 4791). Để ý tới từ *manji* là Người.

.....

Để thuyết phục những người đa nghi chúng tôi xin nói rộng thêm ra một vài từ liên hệ họ hàng với Anh ngữ *man* là Man, Mán, Mường. Đi đôi với man là woman, đàn bà. Có người giải thích woman có *wom*(an) là womb, dạ con chỉ đàn bà. Từ wom chính là Việt ngữ vòm, chỉ vật khum tròm. Dạ con của người cũng có đỉnh khum tròn trông giống mẫu tự Hy Lạp "o lớn" (omega). Theo chuyển hóa v=b, wom, womb = bom = bọng, bụng. Bụng liên hệ với dạ, dạ con. Woman cũng có thể là do 'man' ghép với tiếp đầu ngữ wo-. Wo là vo là vú (phái có vú nuôi con bằng sữa), là vợ. Điều này tương ứng với Việt ngữ đàn bà có bà là bù (a=u) là bu là vú, là u (người Huế gọi cái vú là cái bù). Bà cùng vần với ba là nước như ba ba là rùa nước ngọt, bả là vật bỏ xuống nước làn cho cá say nổi lên, bã là chất còn lại sau khi đã vắt hết nước... Woman là người có vú, có sữa. Anh ngữ wife, vợ có wi(fe) = vi = vợ, vú, theo cách phát âm "wai", "vai" liên hệ với *vải*, vãi (ni cô). Ta thường nói ông bà ông vải. Vải tương ứng với bà. Wai liên hệ với mái, mại (w=m).

Mường ngữ mái là vợ:

Bà mái anh mo,
Xuống sân bắt một mái gà.

(Trương Sỹ Hùng Bùi Thiện, Vốn Cổ Văn Hóa Việt Nam, nxb VHTT Hà Nội 1995 tập I tr.248)

Mường ngữ mại là con gái, nữ nhân tình:

Bên trai lấy trầu ra thết mại

(Trương Sỹ Hùng Bùi Thiện, Vốn Cổ Văn Hóa Việt Nam, nxb VHTT Hà Nội 1995 tập I tr.294).

Anh ngữ *maid*, con gái, thiếu nữ, gái tân... liên hệ với mại, mái.

Anh ngữ *nanny*, vú em, cái (nanny-goat: dê cái); Á-phi ngữ (Afroasiatic): Tiền cổ-Nam Cushitic *nat'a 'woman', tộc Dahalo Nát'a 'woman'... Proto-Nostratic (Tiền cổ - Ngôn ngữ của chúng ta) *nat'- 'woman' liên hệ với Việt ngữ nạ, nái, nàng, nường...

Anh ngữ *boy* chính là Việt ngữ bòi, b... Khái Hưng có một nhân vật nổi tiếng là một thứ biểu tượng về tình dục (sex symbol) trong Trống Mái tên là Vọi. Vọi là vòi là bòi, là boy.

Anh ngữ *gail, girl* liên hệ với Việt ngữ gái, ghế, "ghe" (ghe là khe, chỉ bộ phận sinh dục nữ).

......

Như thế Anh ngữ Man chính là Man, Mán có nghĩa là Người.

2. Man là suy nghĩ.

Con người khác con vật là có trí óc biết suy nghĩ. *L'home est un rosea pensant* (Pascal). Việt ngữ man, mang, màng cũng có nghĩa là nghĩ, nhớ su tư như không màng tới hàm nghĩa không nghĩ tới, lòng dạ mang mang, man máng như là...

Phạn ngữ mani là "kẻ suy tư", "thinker", đây chính là "homo sapiens' Theo n=d (này=đây, chỗ) ta có mani = mandi. Man di chính là man "thinker". Man Di là một "thinker".

3. Man Là Xích Quỉ, Con Trời.

Man, Mang có nghĩa là Đỏ.

.Mâng (mưng) đông là rạng đông, rực sáng (Huỳnh Tịnh Paulus Của, Đạ Nam Quốc Âm Tự Vị) có nghĩa là đông phương hồng; mâng hàm nghĩa đỏ

.Việt ngữ mang là giống hươu nai có lông màu hung, màu vàng tương ứn với Anh ngữ chỉ loài nai hung đỏ Red deer hay Wapiti.

.Phạn ngữ *manga,* muỗng, muỗm, xoài, Quan thoại máng Hán Việt *mông* Anh ngữ *mango*. Mang(a) hàm nghĩa đỏ, vàng . Trái xoài có thịt và vỏ chí màu vàng, vàng đỏ. Manga, mango là trái mang, muỗng, muỗm, trái "đỏ" trái "vàng".

Ta có thể kiểm chứng lại bằng qui luật chuyển hóa m = b như mày = ba (chúng), mồ hôi = bồ hôi: man, mang = ban, bang, bàng. Ta đã biết ban, bàn bang, bàng là đỏ như ban sởi, cây bàng (Nguyễn Xuân Quang, Nước Xíc Quỉ ở Hoa Kỳ, Thế Kỉ 21, Xuân Bính Tý).

Mã-Nam Dương ngữ *'bang'* là đỏ.

Ta có thể kiểm chứng thêm một lần nữa bằng b=v ta có mang = vang, đ

Nước sông còn đỏ như vang,
Nhiều nơi lịch sự hơn chàng, chàng ơi.

Vang là đỏ và là từ nôm rất cổ của chúng ta. Pháp ngữ *vin* (rượu đỏ) liê hệ với Việt ngữ vang từ ngàn xưa chứ không phải khi chúng ta bị Pháp đô hộ dân quê không có rượu vin uống nên không thể vay mượn vang để diễn t màu sắc. Thật vậy ta còn có cây vang một thứ cây có gai thường trồng làm hàng rào, rễ làm màu nhuộm đỏ. Bông vang màu đỏ thắm dùng làm bột mà đỏ. (Huỳnh Tịnh Paulus Của, Đại Nam Quốc Âm Tự Vị).

.Ta cũng có hoa vông vang. Vông là chuyển hóa của vang cũng có nghĩ là đỏ như mặt đỏ như hoa vông là mặt đỏ thắm. Cây vông có hoa đỏ, lá gó nem. Vông là đỏ mà đỏ là mẹ mặt trời nên gậy vông tiêu biểu cho mẹ. Kh mẹ chết con phải chống gậy vông:

cha gậy tre, mẹ gậy vông

(Nguyễn Xuân Quang, Nước Xích Quỉ Ở Hoa Kỳ, Thế Kỷ 21, Xuân Bín

Tý).

Vậy Man, mang liên hệ tới đỏ, tới trời, là con trời. Man hàm nghĩa là Người Đỏ, Con Trời chính là Xích quỉ.

Mặt khác ta cũng thấy từ Người có nghĩa là đỏ, rạng.

-Việt ngữ Người (nghĩa của Man): theo uo=o (cưỡi = cỡi), người = ngời. Ngời là sáng là rạng, liên hệ tới trời.

Bây giờ ta giải phẫu từ Người:

. Trước hết cắt ra làm hai:

Ta có Người là ngư / ời. Ngư là ngu là u (mẹ) như Ngu cơ = U cơ. Theo qui luật 0=d (ẩy=dẩy) ta có ời = dời (trời). Người là con của u (mẹ) trời.

. Cắt bỏ ng:

Ta có ng/ười = ười. Đây cũng chính là áp dụng qui luật chuyển hóa ng=0 như ngù ngà ngù ngờ = ù à ù ờ): người = ười.

Ười, ươi là trời (xem đười ươi ở dưới). Vậy Người hàm nghĩa trời, con mẹ trời.

. Theo qui luật chuyển hóa ng=đ:

Ta có người = đười. Đười là thủy tổ của con người. Đười liên hệ với đời, sự sống. Với đ=tr đời = trời. Trời là sự sống, trời ban cho sự sống, trời sinh, trời đẻ. Người, đười liên hệ với trời.

. Theo Ng=0 hay đ=0:

người = đười = ười = ươi.

Ta gọi con urang utan là đười ươi. Urang là *orang* (Mã Nam Dương ngữ là người). Điểm này chứng minh đười người. Urang là u rạng, u trời. Con vật này có thói quen bắt được người thường nắm chặt hai tay người rồi ngửa mặt nhìn trời cười như nói trong truyện "Đười Ươi Giữ Ống". Ươi vì thế có nghĩa là người, trời. Đười ươi là đười người (dã nhân), đười trời (nhìn trời). Như thế ta thấy người, đười, ươi liên hệ ruột thịt với trời, hàm nghĩa trời.

. Chàm ngữ *urang*, Mã Nam Dương ngữ *orang*, là người có (u/o)rang = rạng. Rạng là sáng là ngời là Người.

Urang, orang giải nghĩa theo tiếng việt có u(rang), o(rang) là u (mẹ), là o (cô, bà, người Huế hay dùng) ; rang là rạng là ngời. Urang, orang là u, o trời. Người là con u, o trời.

Tóm lại Man, Người hàm nghĩa Đỏ, Trời. Man chính là Xích Quỉ. MAN là NGƯỜI TRỜI, CON MẸ TRỜI, NGƯỜI ĐỎ (Xích quỉ).

Từ Man, Mang, Người của chúng ta đẹp vô cùng, ý nghĩa vô cùng. Man, Mang, Người là Trời, con Trời, là con vật duy nhất biết suy nghĩ. Con Người là con Ngời, con Rạng, con Trời. Chúng ta tự gọi mình là Man, Mang, Người đẹp biết bao, tuyệt vời biết bao, ý nghĩa biết bao.

Sau đây xin rút ra qui luật Nguyễn Xuân Quang về Người:

"Tất cả những tộc nào tự gọi mình là Người (Human Being, people) đều liên hệ ruột thịt với Con Trời Man Việt, họ Hồng Bàng thờ Mẹ Trứng Nước Thần Nông và Mẹ Mặt Trời Viêm Đế". Ví dụ thổ dân Ainu, Hà Di ở Nhật Bản (có từ Di) tự gọi mình là Ainu cí nghĩa là Người; người Inuit (Eskimo ở Alaska) có nghĩa là Người, người da đỏ Navajo có nghĩa là Người... đều liên hệ với Con Trời Man Việt (có bài viết riêng).

II. Tại Sao Chúng Ta Tự Gọi Mình Là Di?

Cổ thư Trung Hoa cũng gọi các tộc quanh mình, có trước mình tại phần đất Trung Hoa ngày nay là Di như Tứ Di, Cửu Di, Man Di, Di Việt, Hoài Di Đông Di...

Kinh Thư viết "Tứ Di tả nhậm". Bốn Di thuận phía trái. Bốn Di cũng là tứ hải, theo sách Nhĩ Nhã là bốn thứ dân lúc trước ở quanh nước Tầu tức Việt tộc (Kim Định, Hùng Việt Sử Ca, Thằng Mõ Xb,1984, tr.126)

Di Là Gì?

Trong bài Giời Là Gì chúng ta đã biết Di là chuyển hóa của Gì và có nghĩa là trời (Nguyễn Xuân Quang, Giời là Gì, Y Tế Phổ Thông số 24, tháng 12 1994 tr.77-79). Ở trên ta thấy di có thể là phần đuôi của chữ mani = mand tách ra và có cùng nghĩa với man (người, thinker). Theo i=oi như thì = thời (giờ), Di = Dời, Trời.

Chúng ta có thể kiểm chứng lại:

. Bà dí: bà bóng Mẹ Trời.

Chúng ta cũng có từ bà đồng, bà dí, đồng dí. Đồng là mẹ như Đồng Nai là Mẹ Nước (Nguyễn Xuân Quang, Cái Là Đực?). Dí đây là rí, di là trời. Bà dí là bà bóng mẹ trời, giống như từ đồng bóng.

.Chim gi: chim trời.

Theo chuyển hóa d=g, di= gi (đọc là zi). Ta có một loài chim gọi là chim gi (ri, di). Loài chim này có lẽ được gọi là chim trời vì có loại chim gi lông đỏ mỏ đỏ, màu mặt trời. Ngày nay chim gi chỉ một loài chim nhỏ Anh ngữ gọi là finch. Thuở nhỏ khi còn ở Bắc tác giả thấy trong các lễ phóng sinh toàn thả loại chim "giời" này về giời. Thiên Chúa giáo cũng dùng chim gi 'finch' này biểu tượng cho Chúa Trời. Có một bức tranh vẽ chúa Trời lúc còn nhỏ cầm trong tay con chim gi 'finch' này.

. Ri, rí: giời

Theo d=r ta có di= ri, rì, rí.

Ở Phú Thọ, đất tổ Hùng Vương ngày nay còn lưu truyền lại bài hát ghẹo dân ca chế riễu tục tảo hôn với tựa đề "bà Rằng bà Rí":

Bà Rằng, bà Rí
Ối rằng bà đi,
Ấy đi là đâu,

Bà đi khắp chốn,
Nối giây tơ hồng
Nối ruyên (duyên) ông chồng
Làm khổ đời tôi

....

Bà rằng bà rí thật ra là bà răng bà rí. Bà răng bà rí là bà trăng bà giời. Ri, rí chính là gì là giời. Duyên chồng vợ là do trời trăng định nên mới trách bà mai bà mối trời trăng xe duyên vớ phải chú chồng còn phải cõng đi chơi để rỗ ngủ nhè:

Bồng bông, bồng bồng,
Cõng chồng đi chơi,
Đi qua vũng lội,
Đánh rơi mất chồng,
Ai có thương tôi,
Thì cho tôi mượn,
Một cái gầu sòng
Để tôi tát nước,
Vớt chồng tôi lên.

...

Phú Thọ là đất Tổ Việt. Tổ Việt đã dùng từ ri, rí, rì chỉ mặt trời trước thời Bắc phương xâm lăng. Nên nhớ là chúng ta thuộc chủng Hồng Bàng thờ Mẹ Mặt Trời nên gọi là bà Rí (chứng tích là Mặt trời trên trống đồng Đông Sơn chẳng hạn), Trung Hoa không thờ Mẹ Trời.

.Phan Ri: Bản Trời.

Phan Ri hay Phan Rí phiên âm từ Chàm ngữ Parik. Có lẽ Panrik đúng hơn? Parik với Pa, Pan là bản: chỗ ở, làng. Theo P=m, Pan = Man, Mang, Mường chỉ chỗ người cư ngụ. Rik cho ra ri, rí: trời. Kiểm chứng lại bằng Việt ngữ một lần nữa. Phan là ban, bản. Trong Việt ngữ không có P dùng đơn độc, ta có ph=b như bỏng=phỏng, Anh ngữ cũng có qui luật này, f tương đương với ph Việt ngữ f >b như foot, chân >boot, giầy. Áp dụng qui luật này ta có Phan = ban. Ban chính là bản, chỗ dân cư ở như Bản Mê Thuột hay Ban Mê Thuột, bản thượng. Bằng một cách khác, từ Phan nếu coi h là h câm ta có Phan=Pan. Pan đây cũng là bản như Japan : Nhật Bản.

Như thế Parik, Phan Ri, Phan Rí là Bản Trời.

.Trung Hoa gọi mặt trời là jih, dịt (nhật) là do di nói trại đi.

.Phạn ngữ *'di'* là chiếu sáng (to shine), là bay.

Chiếu sáng là mặt trời. Bay là chim. Chim là biểu tượng của trời.

.Âu ngữ: Hy-lạp ngữ *dios*, trời, Pháp *dieux*, Anh ngữ *divine, divinity*: thần thánh, *deity*: thần, thượng đế, trời, Spanish: *dios*, Ý *dio*... Ta thấy rõ như ban ngày di, dei đều liên hệ với di, ri, gì của Việt ngữ. Âu ngữ di, dei chỉ thần

thánh, thượng đế... riêng Việt ngữ chỉ Mặt Trời, Mẹ Trời.

Ngay cả Anh ngữ "to die", chết cũng có nghĩa là về chầu trời, về chầu d dios theo đúng nhân sinh quan của chủng thờ Mặt Trời Hồng Bàng. Tı sinh, trời dưỡng, trời gọi về. Tương ứng với "to die" ta có từ "đi" cũng nghĩa là chết như ông ấy đi vào lúc ba giờ đêm. Đi là chuyển hóa của di (d= cây da =cây đa). Từ mất (chết) cũng liên hệ khắng khít với mặt (trời).

.Man Di có thể coi như một từ ghép giống như manji (n có dấu ngã) "ma của tộc Parji Nam Ấn; Vogul mansí 'a Vogul', Phần Lan-Ugrian (Finı Ugrian).... Ta có Man = Di, Người. Ta có thể kiểm chứng lại bằng ngôn n Hà Di (có Di và Ainu là Người). Ni, Niu của ngôn ngữ Hà Di có nghĩa Người. Theo n=d (đây = này, đó = nọ) ta có Ni = Di, người).

Hiểu như thế, Man Di là từ của chúng ta, ngàn đời vẫn còn mang ngh là Người, Ngời, Con Trời, Trời, Xích Quỉ. Chúng ta hãy hãnh diện NGƯỜI, là MAN DI, là Xích Quỉ dù cho thiên hạ có nói gì mặc họ. Nếu c người Việt thấy xấu hổ không dám nhận thì tôi xin vỗ ngực mà nói rằng "T Nguyễn Xuân Quang, hãnh diện là Man Di Xích Quỉ, con Trời..."

NGUYỄN XUÂN QUAN



PHỐ THỊ NGỌC NI

tình yêu

Chúm môi hồng thổi bay lên
cánh tình em khẽ đến bên anh quì
tình yêu ngôn ngữ diệu kỳ
nói ra trời đất hiểu gì không anh
dài tay em vẫy trời xanh
tấm tình anh cũng long lanh bay về
hai ta chụm lại vai kề
cột đời nhau giữa môi thề thủy chung

PHỐ THỊ NGỌC NI



TRẦN LONG HỒ

ông kỳ lân



Ấp Kiên Thành, thuộc huyện Tuy Viễn, tỉnh Qui Nhơn vốn có một ngôi đình rất lớn. Không ai rõ ngôi đình được xây cất từ lúc nào. Dân chúng trong làng nghe các trưởng lão kể lại rằng.

Thuở xa xưa khi người dân bắt đầu sinh sống tại làng, trong một đêm mưa bão và cuồng phong, người ta thấy một tia chớp xé ngang trời và tiếng sấm nổ chấn động cả vạn vật. Lằn sét đánh thẳng vào lưng chừng núi, ngay đầu làng. Đến khi mưa tạnh, gió ngừng, trời đất yên bình trở lại, dân chúng thấy ngay chỗ sét đánh có một ngôi đình tọa lạc sừng sững ở đó. Ngôi đình được xây bằng đá, tuy nhỏ nhưng chắc chắn, tựa như ai vạt một góc núi, đẽo ra mà thành. Ngôi đình có cửa hai cánh, to và nặng nề. Trước thềm đình có hai kỳ lân cũng bằng đá, cao quá đầu người.

Vị lão trượng cao niên nhất của làng cho biết, từ ngày có ngôi đình, dân chúng được mọi sự bình an. Trẻ sinh ra không chết, người không mang bệnh tật. Người ta đến cao tuổi chỉ chết già. Thời tiết tốt đẹp, mưa thuận gió hòa. Ruộng, rẫy phì nhiêu. Gia súc đầy đàn. Đời sống người dân sung túc, an lành.

Đến một ngày kia, có người nào đó đã tiểu tiện trước cửa đình. Cả làng không biết ai đã làm chuyện đó. Sau có người mách rằng trong dòng họ Nguyễn ở cuối làng có người mắc bệnh dại. Thế là các vị lão trượng họp với các chức sắc, cho rằng kẻ họ Nguyễn đã làm chuyện xúc phạm thần thánh, phải bị trừng trị. Thế là, dân chúng trong làng nghe theo, bắt người dại họ Nguyễn đó, đem thiêu sống trước cửa đình để tạ tội. Đến đêm đó, không biết vì sao trời đất nổi cơn thịnh nộ. Mưa bão và cuồng phong giáng xuống ngôi làng suốt một ngày cho đến hết đêm. Hừng sáng, dân chúng mới phát giác

một ông kỳ lân đã biến mất. Trước cửa đình chỉ còn một ông bên trái. Ông bên phải đã đi mất tự lúc nào. Hai ông kỳ lân này rất nặng, đứng quay đầu ra ngoài nhưng nghiêng mặt vào nhau. Sức người không thể nào lay chuyển nổi.

Từ lúc ngôi đình mất một ông kỳ lân, đời sống dân chúng bất an. Trồng trọt, cày cấy thì bị mất mùa. Chăn nuôi thì gia súc mắc bệnh dịch mà chết hàng loạt. Người ta bị bệnh tật rất nhiều. Có nhiều bệnh kỳ lạ, thầy thuốc không hiểu tại sao. Có người đang đi, tự dưng lăn đùng ra chết. Có những gia đình, sinh con ra đúng ba ngày, vàng da, vàng mắt mà chết. Trộm cướp cũng nổi lên khắp nơi từ đầu làng cho đến cuối xóm. Người ta tổ chức tráng đinh lại thành đội ngũ để dẹp trộm cướp cũng không xuể. Các bô lão, chức sắc trong làng thường xuyên họp hội nghị để có kế hoạch để cải thiện đời sống dân chúng nhưng không sao giải quyết nổi. Mọi người bận rộn càng lúc càng nhiều mà cuộc sống càng ngày càng tệ.

Một ngày kia có một lão trượng cao niên nhất cho rằng dân làng cần phải có hành động thiết thực hơn để tạ lỗi với thánh thần. Tại vì sức người cố gắng bao nhiêu năm nay vẫn không cứu vãn nổi tình trạng khó khăn. Mọi người đồng lòng với nhau rằng, hằng năm cử một người con trai khỏe mạnh đi ra khỏi làng để tìm lại ông kỳ lân đã mất. Chỉ có cách đó mới làm vui lòng thánh thần và cứu được đời sống của dân chúng.

Do đó, hằng năm cứ đúng vào ngày mưa bão đã mất ông kỳ lân, ban quản trị làng họp nhau lại, đề nghị một danh sách gồm những thanh niên gồm tuổi từ mười tám đến hai mươi lăm. Rồi họ bàn luận với nhau để cuối cùng bỏ phiếu chọn một người con trai xứng đáng gánh vác trọng trách của dân làng giao phó. Người nào được chọn phải thề quyết tử với tất cả dân làng, chưa tìm được ông kỳ lân thì không trở lại. Ai trở về tay không sẽ bị tội chết. Gia đình nào có con trai được chọn để nhận lãnh sứ mạng này, được ghi vào sổ công trạng của làng, được hưởng phần ngũ cốc do dân cống hiến, được ngồi chiếu trên trong các dịp lễ lạc. Gia đình đó phải lấy làm vinh dự vì có con trai được chọn đi tìm ông kỳ lân.

Thực sự, trong thâm tâm mọi người đều kinh hãi vì chuyện này. Hằng năm, cứ đến đúng này mất ông kỳ lân, làng đều bị cuồng phong và bão tố. Thiên địa thảm sầu. Sét chớp rựng trời. Sấm động bốn phương. Dân làng đều phải ăn chay cầu nguyện ba ngày ba đêm. Gia đình có con trai được chọn đi tìm ông kỳ lân, tuy ngoài mặt vui vẻ nhưng trong lòng sầu khổ. Vì hơn nửa thế kỷ qua, chưa có thanh niên nào tìm được ông kỳ lân. Họ đi biệt tăm, biệt tích. Mấy chục năm trước có hai người lần lượt trở về tay không. Dân làng chiếu theo luật lệ phải xử tử họ. Chính cha mẹ phải làm gương, cột con trai mình vào một cái cọc, bắt quì trước đình, bỏ đói, bỏ khát cho đến khi chết. Xác họ được chôn phía sau đình.

Từ đó, đến nay, đã qua năm mươi năm dân chúng sống trong sợ hãi. Họ không sợ thiên tai hay trộm cướp mà sợ con trai bị bắt đi. Dần dà, qua nhiều

năm, gia đình nào cũng sợ có con trai khỏe mạnh, nên số con gái trong làng gia tăng mà con trai lại thiếu. Con trai nào sinh sống trong làng, còn sót lại cũng là loại ốm yếu, trói gà không chặt, đi đứng không vững, gió thổi cũng bay. Vì thế, đời sống trong làng càng ngày càng thảm bại.

Năm đó, thanh niên trong làng chẳng còn ai khỏe mạnh. Họ Nguyễn ở cuối làng chỉ có một người con trai vừa được mười tám tuổi. Ngày xưa, trong họ này có một người bị bệnh dại, bị dân làng kết tội tiểu tiện trước đình và bị thiêu sống. Anh tên Phúc, vì anh mới được sanh ra đã bụ bẫm, to lớn nên cha đặt tên anh là Phúc. Mẹ anh đã chết khi sanh anh ra. Người cha không dám cho con ăn vì sợ anh khỏe mạnh. Anh chỉ được húp nước cháo và gặm khoai mì. Hằng đêm, cha Phúc bắt anh đeo đá và cột anh lại, mục đích cho anh gầy ốm. Nhưng người cha làm đủ mọi cách cũng không kềm nổi Phúc. Anh lớn như thổi. Càng bị hành hạ Phúc càng to lớn và khỏe hơn. Cha của Phúc phải đành chịu như vậy. Ngày qua, cha và những người thân thuộc trong dòng họ nhìn thấy Phúc vạm vỡ mà buồn tủi. Không ai nói ra nhưng họ biết cái số mệnh anh sẽ bi đát vào năm mười tám tuổi.

Phúc chẳng sợ điều đó. Phúc ăn nhiều, lớn nhanh. Lúc Phúc được mười tuổi, sức khỏe đã dồi dào, thân xác vạm vỡ. Phúc đẹp hồn nhiên. Phúc lớn lên trong khung cảnh làng, một xã hội đã có nhiều tị hiềm, ganh ghét, thù oán,... Nhưng Phúc sống ung dung như cây cỏ giữa trời. Mặt Phúc lúc nào cũng tươi tỉnh, không hằn nét đau đớn hay hận thù. Lòng Phúc phơi phới, an nhiên, tự tại như rừng núi sau đình.

Nhà Phúc nghèo, mới mười tuổi mà Phúc đã phải làm thuê cho những kẻ giàu có trong làng. Trong số những người giàu, có gia đình cụ tiên chỉ. Cụ là người có chức sắc lớn nhất trong làng. Cụ có ba con gái, hai con trai nhưng Phúc chỉ thích người con gái út rất xinh đẹp tên là Khuê. Vào năm Mạnh được mười tuổi thì Khuê vừa tám tuổi. Mới chừng tuổi đó mà cô đã nổi tiếng xinh đẹp nhất trong làng.

Một hôm Phúc theo cha đến nhà cụ tiên chỉ để làm thuê. Cha Phúc là loại đàn ông lý tưởng, đạo đó, còn sót lại trong làng. Người ông ốm yếu, ho hen, đi đứng ngả nghiêng. Chưa đầy bốn mươi mà thân thể ông đã bạc nhược. Đi làm ở đâu ông cũng mang Phúc theo. Hai người làm nhưng chỉ được trả công một. Thật sự cha Phúc chỉ lãnh việc rồi giao cho Phúc làm. Ông chỉ ngồi một chỗ, vừa ho vừa thở. Mọi chuyện đều do Phúc làm hết. Mười tuổi, mà sức của Phúc đã bằng một người lớn.

Từ dạo ấy Phúc đã biết cô bé Khuê. Cha Phúc cũng như mọi người khác không thích làm cho cụ tiên chỉ vì cụ keo kiệt. Nhưng Phúc thích làm việc cho cụ.

Một hôm Phúc vác cái bao khoai lang vào nhà sau cho cụ tiên chỉ. Phúc phải đổ khoai vào kho rồi trở ra vồng để mang số khác vào. Lúc Phúuc xách cái bao trở ra thì gặp Khuê đứng tựa cửa. Cô bé tròn xoe mắt nhìn Mạnh, khẽ hỏi:

— Anh tên Phúc phải không?
Phúc gật đầu:
— Dạ phải, tiểu thư.
Khuê mỉm miệng cười:
— Anh không được dạ.
— Dạ, tôi không dám.
— Tại sao anh không dám?
— Cha tôi bảo phải lễ phép với mọi người trong nhà cụ tiên chỉ.
— Anh biết tôi là ai không?
— Dạ biết!
Khuê thích chí hỏi:
— Tôi là ai?
— Dạ, tiểu thư Khuê.
— Đúng, tôi là Khuê. Anh gọi tôi là Khuê, không được gọi tiểu thư.
— Dạ, tôi không dám.
— Anh là con trai, tại sao anh nhát gan quá vậy.
Phúc bực tức nói:
— Tại cha tôi bảo sao, tôi làm vậy. Tôi đâu có nhát.
Khuê bụm miệng cười:
— Anh làm gì mà hung dữ quá vậy.
Phúc dã lã nói:
— Xin lỗi tiểu thư.
— Anh gọi tôi là Khuê, không gọi tiểu thư nữa.
— Dạ!
— Anh cũng không được dạ.
— Dạ!
Khuê chìa tay ra, đưa cho Phúc một cái gói:
— Cho anh cái này.
Phúc rụt rè không dám nhận. Khuê thúc dục:
— Lấy đi.
— Tôi không dám, sợ cụ lớn phạt.
— Tôi cho anh mà.
— Cái gì vậy?
— Một củ khoai thôi.

Phúc nhận củ khoai xong nhưng đứng tần ngần, không biết phải làm Khuê chỉ cái băng gỗ:
— Anh ngồi xuống đây, ăn khoai xong hãy làm tiếp.
— Tôi sợ cha tôi la.
Khuê tức giận nói:
— Tại sao cha anh ác thế, bắt anh làm mà không cho ăn.
Phúc lắc đầu:
— Không phải thế, sáng nay cha tôi cho tôi ăn cháo rồi.

Khuê tươi cười nói:

— Ờ, anh ăn khoai đi.

Phúc ngồi xuống ghế, ngốn ngáo ăn khoai, cả vỏ và ruột. Khuê đến ngồi bên cạnh, lấy khăn lau mặt cho Phúc:

— Mặt anh dính đất tèm lem.

Hai đứa bé ngồi bên nhau nhìn ra ngoài trời. Thời tiết lúc nào cũng mát lạnh. Nền trời trong xanh. Từng mảng mây xám trôi lơ lửng phía trên núi, tận đằng xa.

Ăn khoai xong, Phúc ngẩn ngơ nhìn Khuê. Phúc không ngờ Khuê đẹp và duyên dáng như vậy. Thấy Phúc nhìn, Khuê chúm chím môi nói:

— Anh còn đói bụng chứ gì, muốn ăn nữa không?

Phúc lắc đầu:

— Tôi no rồi. Tôi chưa được ai lau mặt bao giờ.

— Vậy hả. Khuê chưa lau mặt cho ai hết. Ai cũng nói Khuê nhỏ. Người ta chỉ lau mặt cho Khuê. Bây giờ, Khuê mới lau mặt cho anh.

— Tôi phải làm gì cho Khuê mới được. Cha tôi dạy, nhận của ai thì phải làm trả công lại.

— Khuê không cần.

— Không được. Để tôi cõng Khuê đi chơi.

— Ờ, anh cõng Khuê ra đồng hái hoa lau làm cờ đi.

— Nhưng Phúc phải khiêng cho hết khoai vô kho.

Khuê xua tay:

— Không cần, để Khuê kêu tráng đinh làm giùm phần việc của anh.

Phúc e ngại nói:

— Tráng đinh có việc của họ mà!

— Thì mỗi người của họ làm thêm một chút cho anh.

Nói xong Khuê gọi người làm vào dặn dò công việc và cấm họ không được nói lại với cụ tiên chỉ.

Phúc cõng Khuê đi vòng ngõ sau ra đồng. Hai đứa nhỏ luồng trong cỏ lau. Mùa nắng ấm, cỏ lên cao quá đầu người. Phúc mạnh khỏe, cõng Khuê trên lưng mà vừa đi vừa chạy, không hề mệt mỏi.

Khuê cười vang. Phúc hỏi:

— Khuê sợ ngã không?

— Không, ngã trên cỏ không đau. Nè, anh Phúc mấy tuổi?

— Mười tuổi.

— Khuê tám tuổi. Vậy anh Phúc làm anh, Khuê làm em.

— Ờ.

— Qua bên kia đi anh Phúc.

— Chỗ nào.

— Phía cái đình ở đằng kia kìa.

— Mình đừng qua đó, thần linh phạt.

Khuê le lưỡi:

— Người ta nói tổ tiên anh bị thiêu sống trước đình phải không?
— Ờ!
— Tại sao vậy?
— Ông ấy tiểu tiện trước đình nên bị thần linh phạt.
— Vậy mình đi chơi chỗ khác đi anh Phúc.
— Ờ!
— Anh Phúc cõng Khuê qua bên kia đi.

Phúc hăng hái cõng Khuê chạy bay trong đám cỏ lau. Mùi cỏ đồng hăng hăng lẫn với mùi thơm thoang thoảng từ người Khuê làm Phúc cảm thấy khoan khoái. Phúc thán phục thầm, da thịt Khuê thơm tho, con gái nhà giàu quả thật khác người nghèo.

Sau đó, mỗi ngày, sau khi cha Phúc nhận việc xong Khuê bắt tráng đinh làm hết rồi cùng Phúc ra đồng dạo chơi. Hai đứa hái hoa lau làm cờ chán, đến bắt châu chấu, bắt dế. Lúc đi, Phúc cõng Khuê trên lưng. Không biết tại sao, Phúc thích cõng Khuê và Khuê thích ngồi trên lưng Phúc. Hai đứa nhỏ đi chơi dính với nhau ngoài đồng. Bắt được bao nhiêu châu chấu và dế, Phúc đưa cả cho Khuê.

Sự việc gì cũng không che giấu được lâu. Sau đó cụ tiên chỉ biết được, cha con Phúc đến nhận việc, lãnh tiền nhưng không làm gì cả. Trái lại thằng con trai khỏe mạnh, xấu số kia lại dẫn dắt đứa con gái cành vàng lá ngọc của cụ, đi rong chơi ngoài đồng suốt ngày. Mặc dù chúng nó còn nhỏ, thằng Phúc tuy mười tuổi nhưng nó lớn xác, vạm vỡ, lỡ nó biết chuyện trai gái sớm hơn người bình thường thì tiêu đời con nhỏ. Nghĩ vậy, cụ bắt tráng đinh đè Phúc ra khám xét. Phúc chỉ là một đứa con nít ngây thơ. bấy giờ, cụ mới yên lòng, đuổi cha con Phúc, cấm tuyệt không được lai vãng đến lãnh địa của cụ.

Từ đó, Phúc không còn dịp gặp được Khuê nữa.

Qua nhiều năm, đến năm đó, Phúc được mười tám tuổi. Phúc trở thành một thanh niên to lớn, vạm vỡ, cao gấp rưỡi người bình thường. Anh có vẻ đẹp rắn rỏi, phong trần. Thân xác Phúc lớn lên qua bao thử thách của gian khổ trong cuộc sống. Tinh thần anh cũng được hung đúc bởi truân chuyên trong xã hội. Phúc là một thứ cỏ cây không khuất phục trong giông bão, cứng cáp giữa thiên nhiên và hồn nhiên như tạo hóa ban cho. Phúc không biết đến ganh ghét và hận thù. Anh đối xử với mọi người với cả tấm lòng thành thật và yêu thương.

Nhà Phúc nghèo, cha bị bệnh chết khi anh được mười sáu tuổi. Anh sống một mình trong căn chòi lá ở cuối xóm. Anh chỉ mặc một cái khố quấn lại như chiếc quần cụt, quanh năm ở trần, không có áo. Phúc không có đất đai, chẳng có tư sản. Anh làm công thuê cho mọi người để sống. Mọi công việc nặng nhọc trong làng đều được phú thác cho Phúc.

Khi Phúc xuất hiện trong đám đông. Anh đứng sừng sững giữa đám người nhỏ nhoi. Tóc anh đen, cứng, bó ra sau gáy. Mặt anh vuông, cương nghị. Chân mày rậm, mắt sâu. Mũi anh cao, môi đen, miệng rộng. Cổ anh to, cằm

bạnh. Thân thể anh rắn rỏi, bắp thịt cuộn từng thớ.

Năm đó cũng là năm mà Phúc sẽ được chọn đi tìm ông kỳ lân. Mọi người không nói ra, nhưng tất cả đều nghĩ rằng. Phúc là người được chọn. Anh không còn ở trong làng bao lâu nữa.

Tới ngày đầu tháng sáu, mùa hè này, là ngày, năm xưa ông kỳ lân bên phải bị mất tích. Đó cũng là ngày được chọn để tiễn đưa một người con trai trong làng ra đi tìm lại ông kỳ lân. Từ tháng ba ban quản trị của làng đã nhóm họp. Tất cả thanh niên trong làng từ mười tám đến hai mươi lăm tuổi đều được đưa lên danh sách bàn cãi. Nhưng năm nay, không ai lo lắng vì đã có Phúc, đương nhiên lãnh nhiệm vụ này.

Còn một tuần nữa đến ngày trọng đại tiễn đưa người đi tìm ông kỳ lân, các chức sắc trong làng đã chuẩn bị buổi lễ tạ tội thánh thần trước đình.

Trong khi đó, Khuê đã trở thành một thiếu nữ xinh đẹp. Dáng người cô mảnh mai, đi đứng nhẹ nhàng. Không cần bó chân mà dáng điệu cô rõ vẻ khuê các. Mặt Khuê hình trái xoan, nước da tựa trứng gà bóc. Mũi cô cao và thon đều. Môi cô không thoa bất cứ thứ gì mà hồng tự nhiên. Tóc cô dài ngang vai, óng ánh, mượt mà.

Khuê ít khi ra ngoài. Cô chỉ theo thân phụ ra cúng đình vào những dịp lễ lộc. Cụ tiên chỉ biết con gái út mình đẹp lắm nên cụ toan tính tìm một chàng rể gầy yếu cho cô. Để hai người có thể sống đời ở kiếp. Bởi vì bất cứ thanh niên nào trong làng cũng phải trải qua bảy năm thử thách. Cụ tiên chỉ nghĩ rằng, năm này thằng rể thoát nạn nhưng sang năm, biết đâu chẳng có tên nào khỏe mạnh hơn, họ bắt nó thi hành nhiệm vụ thì tàn đời con gái. Vì thế, cụ thăm dò xem có thanh niên nào ốm o, bạc nhược để chọn tấm chồng cho con.

Vào ngày lễ tạ tội thánh thần. Như thường lệ cả làng tổ chức lễ trước sân đình. Mọi người chuẩn bị từ mấy tháng trước. Các giáp được phân chia công việc. Các bàn quan lão hay quan trùm đứng đầu mỗi giáp phải lo cắt cử người lo quét dọn, lau chùi từ bên trong cho đến ra ngoài đình. Giáp nào được cắt cử lau chùi ông kỳ lân ngoài cửa đình cũng sợ hãi. Họ thắp nhang cúng vái, lạy lục thật đủ lễ rồi mới dám tiến hành việc lau chùi. Ngoài sân đình cũng được dọn dẹp sạch sẽ, phẳng phiu. Ban tư văn của làng được giao nhiệm vụ tổ chức buổi lễ.

Đến ngày lễ các chức sắc và dân làng đều tề tựu đông đủ. Chiếu trên, chiếu dưới, và cả khoảng đất không chiếu cũng được phân định hẳn hòi. Các lão trượng, chức sắc ở phía trên, ngồi gần cửa đình, rồi lần lượt đến các người có chức phận nhỏ hơn. Sau cùng là dân chúng. Riêng những dòng họ như họ Nguyễn, vì đời trước mắc tội với thánh thần nên không được tham dự. Thật sự, họ Nguyễn chẳng còn ai. Chỉ có Phúc là người duy nhất của dòng họ. Phúc được phép đến vì anh là người chủ lực trong ban khiêng kiệu. Nếu bỏ Phúc ra ngoài thì ban này không còn ai đủ sức cán đáng công việc. Vì một kiệu có hai đòn, mỗi đòn có hai đầu cáng. Một mình Phúc chịu cả hai đầu cáng. Phần còn lại, hai thanh niên giữ một đầu cáng. Như vậy sức của Phúc bằng cả bốn

người gộp lại.

Chỉ có cụ tiên chỉ được quyền đi kiệu. Tiểu thư Khuê cũng đi kiệu nhưng do gia đình bỏ tiền ra thuê các bạch đinh trong làng. Nói là thuê, nhưng thật sự cụ tiên chỉ cho họ chút ít tiền lấy lệ. Những bạch đinh đâu dám đòi hỏi tiền bạc. Họ được giao nhiệm vụ khiêng kiệu nghĩa là có cơ hội tham dự buổi lễ. Được vậy, họ mừng lắm rồi. Trong số người được thuê đó, có Phúc. Anh được giao nhiệm vụ khiêng kiệu cho tiểu thư Khuê.

Ngày lễ, trời tốt đẹp, nắng ráo. Đường đi khô nhưng gập ghềnh vì đất lồi lõm. Trận mưa lớn cách đó gần một tuần đã để lại nhiều ổ gà và những thớ đất sần sùi. Ban khiêng kiệu phải chịu cực khổ. Đất khô, bén đâm vào chân đau thốn, khó chịu lắm nên những thanh niên khiêng kiệu vừa đi vừa hít hà.

Ngồi trên kiệu, tiểu thư Khuê có thể vén màn ngắm nhìn trời đất. Nhưng cô chẳng màng đến cảnh vật chung quanh. Bao nhiêu nhà cửa lụp xụp. Cây cối khô cằn đó chẳng có gì là hấp dẫn. Khuê chỉ nhìn về phía trước. Cô muốn ngắm người khiêng kiệu là Phúc đang gò lưng, mang cô trên vai. Phúc chính là người mà cô đã từng gặp năm xưa, đã cõng cô dạo chơi ngoài đồng.

Trời mới hừng sáng mà nắng đã nóng lắm rồi. Mặt trời chiếu xuống hừng hực làm mọi người thở dốc. Ngồi trong kiệu mà Khuê còn cảm thấy nóng nực. Cô muốn cởi bớt áo ngoài nhưng không dám. Cô muốn mở màn cho rộng ra nhưng ngại người ta xầm xì. Thế thì cô chỉ còn một cách, hé chút màn cửa, nhìn Phúc đang hì hục khiêng kiệu.

Thân hình Phúc rắn chắc, da màu đồng láng bóng. Từng bắp thịt anh nổi cuồn cuộn từ vai, xuống lưng cho suốt hết hai cánh tay. Anh mặc chiếc quần cộc màu nâu xám, cũ kỹ, bạc màu. Hai bắp đùi và chân Phúc cuộn vun từng thớ thịt. Mỗi bước chân anh đi, các thớ thịt nổi vồng lên. Mồ hôi trên vai, lưng chảy qua quần, ướt lem nhem, lan xuống đùi.

Khuê nhìn vai, lưng, tay, đùi của Phúc. Cô ngắm nghía từng thớ thịt của anh uốn éo, vun lên, thụp xuống theo từng động tác. Có lúc chúng chuyển động như từng đợt sóng lan đều đặn trên cơ thể Mạnh. Có lúc chúng vồng lên cao, đứng sững theo động tác vận sức thật mạnh của anh. Bỗng nhiên cô cảm thấy trong người nóng ran. Từng làn hơi ấm di chuyển đều đặn khắp thân thể cô. Mỗi khi Phúc chuyển động dưới kia thì hơi ấm trên người Khuê cũng chạy cùng khắp. Trong một giây phút thật ngắn ngủi, cô muốn vươn tay tới, sờ lên làn da nâu đồng, láng bóng, hâm hấp mồ hôi của Phúc. Cô muốn xoa nhè nhẹ lên bờ lưng rộng, nổi cuộn những bắp thịt. Cô muốn mân mê lên bờ vai và bắp tay xăn cứng của Phúc.

Một làn gió nhẹ thổi qua làm Khuê giật mình. Cô đỏ mặt, nóng bừng hai vành tai. Cô nhìn chung quanh, không thấy ai hết.

Phía trước kiệu, Phúc lầm lũi đi. Thanh cây tròn chịu dưới hai đầu cáng đè lên vai anh, hằn từng vết đỏ như màu máu tươi. Nó đè lõm bắp thịt vai của Phúc xuống. Nó chà xướt làn da nhuễ nhoại mồ hôi của anh.

Khuê cảm thấy xót xa quá. Cô muốn ra lệnh cho kiệu dừng lại. Cô muốn

xuống đi bộ chung với những thanh niên khiêng kiệu, trong đó có Phúc. Cô ước gì, cô và kiệu nhẹ hẳn đi để thanh cây kia không đè lên vai Phúc nữa. Khuê ngoái nhìn ra sau. Bốn thanh niên chịu hai đầu cán, gầy yếu quá. Họ đi xiểng niểng, mồm thở hồng hộc. Khuê nhìn ra phía trước. Cô không ngờ Phúc khỏe như vậy. Một mình Phúc chịu sức nặng bằng của cả bốn người kia mà bước chân anh vẫn vững, hơi thở đều đặn, không có vẻ gì là mệt nhọc cả. Càng nhìn, càng nghĩ, Khuê càng cảm thấy tội nghiệp cho Phúc.

Toán người khiêng kiệu cho tiểu thư Khuê đi sát vào kiệu của cụ tiên chỉ. Phúc phải đi chậm lại rồi dừng bước.

Mặt trời lên khá cao, nắng bắt đầu gay gắt. Những giọt mồ hôi trên trán Phúc chảy dài xuống mắt làm anh cảm thấy khó chịu. Phúc nghiêng đầu, chùi bớt mồ hôi lên vai. Đột nhiên, anh ngước mặt nhìn lên kiệu, cùng lúc ấy tiểu thư Khuê cũng đang nhìn xuống. Phúc bắt gặp khuôn mặt tuyệt đẹp, da trắng như ngọc ngà, hai mắt đen láy đang nhìn anh không chớp. Đã từ lâu, Phúc không gặp được Khuê. Thỉnh thoảng Phúc có thấy Khuê từ xa nhưng chưa bao giờ anh có dịp được nhìn cô thật gần như ngày hôm nay. Phúc không ngờ, ngày nay, tiểu thư Khuê đẹp như vậy. Anh ngơ ngẩn nhìn Khuê, không chớp mắt.

Phúc không hề sợ hãi cho thân phận thấp hèn của anh, đã dám trèo đèo nhìn ngắm tiểu thư Khuê. Anh cũng không hề biết chuyện nhìn tiểu thư Khuê một cách sững sờ như vậy, trước mặt mọi ngời là điều không nên làm. Anh không cần biết những điều vụn vặt ấy. Anh nhìn Khuê với ánh mắt say mê và hồn nhiên. Còn Khuê cũng nhìn Phúc không chớp. Cô không e ngại đạo lý xã hội và gia đình. Cô nhìn Phúc với ánh mắt ngưỡng mộ và mến yêu.

Cả hai nhìn nhau, cùng một tâm trạng với hai cung cách khác nhau. Cả hai đều là hai tác phẩm tuyệt trần của tạo hoá. Phúc đẹp tự nhiên và mạnh khõe. Anh như một báu vật được sinh ra trong điều kiện tự nhiên của trời đất, lớn lên qua bao cảnh ngộ bạc đãi của cuộc đời, nhưng vẫn rạng ngời nét phương phi thân xác và thanh cao tinh thần. Còn Khuê, như ngọc quí được trau chuốt, nâng niu từ thuở mới ra đời. Cuộc sống nhung lụa càng làm sáng chói vẻ đẹp rực rỡ và nếp thanh cao của cô. Một bên đầy vẻ phong trần và một bên rạng ngời khuê các.

Nụ cười của Khuê như có sức thôi miên, cuốn hút Phúc. Nụ cười cô mở ra cả một chân trời sáng lạng và tràn đầy niềm tin cho Phúc. Tự nhiên, Phúc mỉm cười. Nụ cười anh thật hồn nhiên và chân thành, phúc đáp cả tấm lòng anh đối với Khuê.

Chiếc kiệu của cụ tiên chỉ đã đi xa. Phúc cùng toán người lại lầm lũi bước tới.

Khi hai chiếc kiệu tới sân đình thì mọi người đã tề tựu đầy đủ. Các lão trượng, chức sắc trong làng phân chia thứ bậc. Các chiếu được sắp xếp từ cao xuống thấp. Người càng cao chức phận càng ngồi gần phía cửa đình. Đám cùng đinh phải lui ra sau. Mạnh bị đuổi ra tận cùng của khoảng đất trống.

Không ai muốn đứng gần kẻ đã có tổ tiên dám nhục mạ thánh thần.

Từ xa nhìn vào đình, xuyên qua khoảng sân chật ních người. Thềm đình uy nghi với bàn thờ khói hương nghi ngút. Trên thềm, bên trái, trơ trọi một ông kỳ lân đứng ngẩn ngơ. Ông quay nghiêng vào trong. Vẻ mặt uy nghiêm của ông như không còn hiệu lực. Sự lẻ loi của ông kỳ lân làm oai lực của ông bị giảm sút.

Phúc nhìn ông kỳ lân mà cảm thấy thương ông. Trái lại mọi người sợ hãi ông lắm. Nghi lễ đầu tiên của ban tư văn là bái tội với thánh thần, cụ thể là ông kỳ lân. Từng người, theo tuổi tác và chức phận xếp hàng đi lên thềm đình, đốt nhang, khấn vái. Họ cắm nhang vào cái lư hương thật lớn được đặt trước cửa đình. Rồi ban tế lễ bắt đầu đọc kinh. Mùi hương nhang ngào ngạt cộng với lời đọc kinh trầm trầm làm không khí buổi lễ càng nghiêm trọng hơn.

Buổi đọc kinh diễn ra chưa tàn một cây nhang thì trời đất bỗng nhiên âm u. Trên không tối dần lại. Mặt trời đang chói sáng, đột nhiên bị bàn tay khổng lồ nào che khuất. Nắng lui dần rồi tắt hẳn. Mặt trời tắt nghỉ hoàn toàn và trời đất chìm trong bóng tối dầy đặc. Giữa cơn bàng hoàng sợ hãi của mọi người đột nhiên có tiếng đàn bà rú lên, tiếp theo là nhiều tiếng trẻ con kêu khóc. Sau đó là hàng trăm, hàng ngàn tiếng kêu la kinh hoảng dậy lên cùng khắp. Mọi người trên sân đình chạy tán loạn trong cơn kinh hoàng.

Phúc đứng phía sau, trên một ụ đất cao. Anh đã nhìn thấy bóng Khuê trên chiếc chiếu đầu tiên của cụ tiên chỉ, trước chút ánh sáng cuối cùng lịm tắt. Anh thấy cô đứng lao đao, ngả nghiêng trong làn sóng người xô đẩy nhau loạn xạ.

Phúc chạy thẳng về phía trước, xô giạt mọi người. Sức anh mạnh hơn người nên đẩy dạt được tất cả ra hai bên. Anh vừa chạy vừa nhắm chừng khoảng cách. Trong cơn hỗn loạn, Phúc nghe tiếng người kêu khóc, van xin. Tiếng la hét đau đớn. Tiếng người sám hối cho ngày tận thế. Tiếng người thú tội, xin khỏi xuống địa ngục, cầu mong được lên niết bàn. Tiếng người gào thảm thiết, kêu cha, gọi mẹ, réo con.

Mặc kệ những lời kêu khóc đó, Phúc cắm đầu chạy về phía cửa đình. Chỉ trong chốc lát Phúc đụng phải một người, anh liền quơ tay chụp lấy. Người ấy nhỏ thó, mềm mại và toát ra mùi hương thoang thoảng. Phúc kêu lên:

— Tiểu thư.

Tiếng người ấy đáp lại:

— Anh Phúc.

Phúc ôm choàng ngang hông Khuê, xốc cô lên lưng và chạy thẳng vào đình. Phúc vừa thở vừa hỏi:

— Tiểu thư có sao không?

Khuê đáp nhỏ:

— Gọi Khuê là em. Không gọi tiểu thư nữa.

Phúc gật đầu:

— Dạ!

— Em không sao cả. Anh có bị gì không?

— Không.

— Mình đi đâu vậy?

— Vô trong đình.

— Vô trong đó làm gì?

— Không biết.

Phúc vừa chạy tới thềm đình thì trời sáng dần. Nhưng mặt trời chưa kịp ló dạng thì mây từ đâu kéo tới dầy đặc rồi gió nổi lên dữ dội. Trời đất tối sầm trở lại.

Mưa đổ xuống như thác lũ và gió gào thét bốn bề. Người ta vừa ngưng kêu khóc được vài giây lại bắt đầu la hét tiếp. Trong bóng tối lờ mờ, người ta bò lê bò càng, ngổn ngang trên sân đình. Họ cứ bò lết lung tung, người này đè lên người kia. Kẻ này đạp lên người nọ.

Bấy giờ cơn kinh hoàng bớt dần. Người ta vừa than khóc vừa chửi rủa nhau thậm tệ. Vợ chồng kêu nhau. Cha mẹ con cái réo nhau. Tiếng khóc la, tiếng chửi thề vang dậy, lẫn trong tiếng mưa gió thét gào.

Phúc và Khuê lách qua cửa, chui vào trong đình. Bên trong ấm áp và sáng sủa hơn. Có ngọn đèn của ai để trên bệ thờ tỏa ánh sáng lung linh.

Phúc thả Khuê xuống, hỏi nhỏ:

— Em có lạnh không?

Khuê lắc đầu, hỏi lại:

— Anh có mệt không?

Phúc nhìn Khuê, bẽn lẽn đáp:

— Không.

Cả hai nhìn chung quanh. Trong đình không rộng như mọi người tưởng. Bên trong chỉ bằng một gian nhà vuông vắn. Phía trong có bệ thờ bằng đá. Trên bệ có tượng thần cũng bằng đá, cao bằng hai người thường. Ánh sáng lờ mờ từ dưới bệ chiếu lên trên, soi rõ khuôn mặt tượng đang nhe răng lởm chởm. Tóc tượng thần loà xòa xuống vai. Một tay tượng thần cầm thanh gươm dài, tay kia cầm cây chỉa ba. Mắt tượng long sòng sọc.

Khuê không dám nhìn, nói nhỏ:

— Ghê quá.

Phúc cười:

— Tượng đẹp.

Khuê nhìn lại Phúc. Cô không nói gì rồi ngước lên nhìn pho tượng.

Bên ngoài đình vẫn tối om. Mưa gió thét gào khốc liệt. Phúc hỏi nhỏ:

— Mình ra ngoài kia hay ở đây?

Khuê lắc đầu:

— Ra ngoài kia làm gì. Chúng ta ở đây qua đêm.

Phúc ngạc nhiên hỏi:

— Mình ở đây suốt đêm. Trời hết mưa thì sao?

— Mưa sẽ suốt cả đêm.

— Làm sao em biết.
Khuê bậm môi, gật đầu:
— Em biết. Mưa sẽ không dứt cho đến khi trời sáng.
Phúc không nói gì. Anh không biết tại sao Khuê biết được chuyện trời đất. Anh quay lại nhìn Khuê. Dưới ánh đèn lờ mờ, Mạnh thấy hai má Khuê ửng hồng trên làn da trắng xanh, nhợt nhạt vì lạnh.
Khuê mỉm cười:
— Để em cởi áo, phơi cho khô.
Phúc ngạc nhiên hỏi:
— Ở đây đâu có nắng?
Khuê mím môi đáp:
— Mặc áo ướt sẽ bị bệnh. Phơi quần áo không cần nắng cũng khô.
Phúc có vẻ lo lắng, ngước mặt nhìn tượng thần. Bức tượng đứng sừng sững, đầu cúi xuống, mắt trợn trừng. Tay cầm chỉa ba hướng về phía Phúc và Khuê. Miệng tượng thần há rộng, lưỡi thè ra, đưa răng lởm chởm.
Khuê mỉm cười, nói nhỏ:
— Tượng thần đâu có nói gì.
Phúc ngập ngừng hỏi:
— Sao em biết tượng thần không nói gì?
Khuê không đáp, hỏi lại:
— Anh có nghe tượng thần nói gì không?
Phúc lắc đầu, không nhìn tượng thần nữa. Anh quay lại, thấy Khuê đã cởi áo ngoài tự lúc nào. Trên người cô chỉ còn cái yếm màu hồng nhạt. Phúc giật mình hỏi:
— Tại sao em dám cởi áo trước mặt thần thánh?
Khuê liếc mắt nhìn Phúc:
— Tượng thần không la, em chỉ sợ anh nói thôi.
Phúc lắc đầu:
— Anh đâu có nói gì. Anh chỉ sợ tượng thần.
Khuê bật cười:
— Tượng thần không biết nói. Chỉ có con người biết nói.
Phúc gật đầu:
— Em nói đúng.
Khuê chỉ tay về phía bệ thờ:
— Anh lấy cái chiếu ấy lại đây.
Phúc ngạc nhiên hỏi:
— Lấy chiếu lại làm gì?
— Chúng ta phải ngủ qua đêm ở đây.
Phúc chưng hửng hỏi:
— Tại sao mình phải ngủ đêm ở đây?
Khuê mỉm cười, chỉ tay ra ngoài cửa:
— Mưa dai dẳng như vậy, đến mai mới tạnh.

Phúc đồng ý. Anh kéo cái chiếu lại gần rồi cẩn thận nắm một góc chiếu giủ cho sạch bụi. Khuê lại nói:

— Chúng ta phải cởi quần áo ra phơi cho khô.

Phúc giật mình nói:

— Không được, em là con gái, anh là con trai. Chúng ta ở chung với nhau trong đình đã là không nên, còn cởi quần áo...

Khuê tươi cười:

— Em không sợ. Thần thánh không bao giờ la rầy, chỉ có con người bày đặt nhiều chuyện.

— Nhưng lỡ có người biết được, cụ tiên chỉ sẽ bắt nhốt anh.

— Không ai biết được. Bây giờ mọi người đang trong cơn kinh hoàng. Họ đang lần mò về nhà.

Phúc im lặng nhìn Khuê. Dưới ánh sáng lờ mờ, anh thấy cô xinh đẹp quá. Gương mặt cô trắng như ngọc. Cái yếm hồng của Khuê che hờ hững trên bờ ngực trắng ngần, phập phồng.

Khuê mỉm cười, hỏi nhỏ:

— Anh có thương em không?

Phúc gật đầu. Khuê bẽn lẽn nói:

— Anh là con trai, muốn làm nên nghiệp lớn, phải biết thoát lên trên những chuyện bình thường.

Phúc gật đầu. Khuê nói tiếp:

— Bây giờ anh quay lưng lại đây, hướng mặt ra cửa.

— Để làm gì?

— Em phải cởi quần áo?

Phúc hồn nhiên hỏi:

— Em vừa bảo anh phải thoát lên chuyện bình thường thì anh nhìn em cởi quần áo đâu có sao.

Khuê đỏ mặt nói:

— Nhưng anh không nhìn được, quay mặt ra đằng kia mau.

Phúc vâng lời xoay mặt ra cửa. Anh nghe tiếng vải ướt sột soạt trên da thịt. Một lúc sau, Khuê nói nhỏ:

— Xong rồi.

Phúc lại hỏi:

— Bây giờ, anh làm gì?

— Em nằm quay mặt vào vách. Anh quay lưng về phía em. Cấm anh không được nhìn.

Phúc gật đầu nói:

— Không nhìn làm sao anh thấy em.

— Anh thấy em để làm gì?

— Em bảo phải nằm quay lưng về phía em.

— Ờ, anh mở mắt cũng được nhưng chờ em nằm xong đã.

Một lát sau, Khuê nói:

— Xong rồi.

Phúc quay lại. Anh giật mình, tim đập thình thịch trong lồng ngực. Khuê đang nằm cong lưng ra ngoài, quay mặt vào vách. Trên người cô không còn mảnh vải nào cả. Toàn thân cô trắng như ngọc như ngà.

Phúc vừa run vừa thích thú. Anh muốn đưa tay sờ lên làn da trắng nuột ấy nhưng không dám.

Khuê căn dặn:

— Anh nằm xuống chưa.

Phúc gật đầu:

— Anh tính nằm xuống đây.

— Ờ, anh nằm xuống đi, còn chần chờ gì vậy.

Phúc nghe lời, nằm xuống quay lưng về phía Khuê. Lưng anh chạm vào làn da mịn màn của Khuê. Anh cảm thấy nóng ran chỗ ấy. Khuê lại dặn:

— Bây giờ, anh phải nằm yên, nhắm mắt ngủ.

Phúc vâng lời nhưng anh không thể nằm yên được. Một lúc sau, Phúc hỏi:

— Anh cởi quần được không?

— Không được.

— Em bảo cởi quần áo cho khỏi lạnh.

— Nhưng anh đâu có mặc áo, chỉ có chiếc quần cụt ấy thôi, không cần cởi.

Hai người không nói gì nữa. Trong đình tối lờ mờ nhưng ấm áp. Ngoài kia mưa còn rơi và gió vẫn thét gào.

Phúc nằm lơ mơ, nửa mê nửa tỉnh. Trong đầu anh vẫn in đậm hình ảnh thân thể ngọc ngà của Khuê.

*

Trời càng về khuya càng yên lặng hơn. Bên ngoài chỉ có tiếng mưa rơi và gió thổi. Không còn âm thanh kêu khóc của dân làng nữa.

Bên trong đình càng yên lặng hơn. Ngọn đèn lờ mờ trên bệ thờ vẫn chập chờn hắt xuống chút ánh sáng huyền ảo, dật dờ.

Phúc nằm xoay mặt về phía bệ thờ. Bỗng dưng anh thấy ánh đèn lao chao và bóng tượng thần lay động. Phúc giật mình, nhìn kỹ lại, rõ ràng không phải ánh đèn lao chao mà cái bóng của tượng thần đang di động trên vách đá. Thanh gươm và cái chĩa ba của tượng thần cũng di chuyển theo. Thanh gươm đưa lần về phía Phúc và Khuê còn chĩa ba đang nhấc lên cao.

Phúc nín thở theo dõi cái bóng trên vách đá. Anh kinh hoàng đến độ không cử động nổi. Anh cố gọi Khuê nhưng không thể mở miệng ra được.

Cái bóng trên vách đá đang nhấc một chân lên, thật rõ, tượng thần đang muốn bước xuống bệ thờ.

Phúc ngước cổ, cố xoay đầu lên. Anh trợn mắt, há hốc miệng ra nhìn. Từ trên bệ thờ tượng thần bằng đá đang đặt một chân xuống sàn đình. Sức nặng

của tượng thần ước chừng cũng phải ngàn cân nhưng bàn chân đặt xuống sàn đá không phát ra tiếng động nào. Để bàn chân xuống xong, tượng thần lại nhấc chân kia lên.

Tuy còn kinh hãi nhưng Phúc bớt sợ phần nào, anh chỏi tay, nhỏm người lên.

Bấy giờ tượng thần đã đặt cả hai chân xuống sàn đá. Tay thần cầm gươm chúc xuống nhưng tay cầm chỉa ba đang giơ lên cao. Phúc cứ ngỡ thần muốn hành động trừng phạt hai người. Nhưng không, mắt thần không trợn, miệng đã khép lại, không còn nhe răng nữa. Thần bước tới hai bước. Lạ thay, bước chân của tượng thần không gây một tiếng động nào. Ngay cả Khuê đang ngủ trên sàn cũng không hề hay biết.

Tượng thần chỉ đứng cách Phúc vài bước. Thần đưa gươm chỉ vào Phúc, nhép môi nói:

— Ta là thần giữ đình.

Phúc cố lấy bình tĩnh, lắp bắp nói:

— Chúng con biết tội, xin thần tha cho.

— Các ngươi có tội gì?

— Dạ, tội xúc phạm thần thánh.

— Không có, các ngươi không có tội gì cả. Ta chờ đợi các ngươi ở đây đã lâu lắm rồi. Gần một thế kỷ qua, ta trông ngóng các ngươi lắm.

Phúc run lập cập nói:

— Dạ, thần đâu biết chúng con là ai.

Tượng thần hả miệng cười, nhưng không phát ra chút âm thanh nào:

— Ngươi tên Phúc, còn con bé kia là Khuê. Ta đã biết các ngươi từ lúc các ngươi chưa sanh ra đời. Bây giờ các ngươi vào đây là thuận theo lòng trời.

— Dạ, thần nói gì con không hiểu.

— Ngươi chưa hiểu kịp cũng không sao. May ra có con bé kia, nó sẽ hiểu nhanh hơn ngươi.

— Dạ, để con gọi Khuê dậy.

— Không cần, ta cũng đang nói chuyện với nó.

— Khuê đang ngủ mà.

— Ngươi không biết gì, ta đang nói chuyện với nó trong giấc ngủ. Nhà ngươi đừng lo, những gì ta nói với ngươi, con bé ấy biết hết.

— Dạ, xin thần dạy bảo.

— Ta vâng mệnh trời xuống đây để cứu giúp xứ sở ngươi. Vào một đêm cách đây gần một trăm năm, trời đã giáng ta xuống, vào trong ngôi đình này. Ta có bổn phận phải cứu người. Đáng lẽ ra, các ngươi đã được sinh ra cách đây hơn năm mươi năm.

Phúc ngạc nhiên hỏi:

— Thần nói vậy nghĩa là sao?

— Tại vì lũ người ngu xuẩn trong làng đã làm trì hoãn lệnh trời. Hừ, đúng lý ra ta đã được giải thoát từ lâu, chứ đâu phải đợi đến giờ này để gặp các

ngươi.

— Thần nói gì, con không hiểu.

— Gần một trăm năm trước, ta đã dự định chọn gia đình của tổ tiên ngươ nhưng không ngờ đám người ngu ngốc trong làng đã giết hắn mất. Thuở đó ta được đưa xuống trần chưa được bao lâu, thời may ta thấy được một ngườ thông minh xuất chúng, văn võ song toàn. Đó là tổ tiên ngươi. Người đã t dân làng thiêu sống trước đình.

— Tổ tiên con đã bị bệnh dại.

— Không phải, hắn là một người tài ba, trí tuệ siêu quần. Một người thôn minh, tài trí nhưng sinh bất phùng thời phải lui về ở ẩn. Hắn nói nhiều điề mà người đời không hiểu nên gán cho mắc bệnh dại. Có kẻ quyền thế tron làng muốn chiếm người vợ đẹp của hắn nên gán cho hắn tội xúc phạm đế thánh thần là ta. Đáng tiếc là ta đang trong giai đoạn chờ nhập thế, không c quyền lực vượt ra khỏi ngôi đình này, nên chẳng làm gì được. Tên ác nhâ kia đã gán tội cho tổ tiên ngươi dám tiểu tiện trước cửa đình rồi xúi giục dâ làng đem thiêu sống hắn. Chính thật, phân trước cửa đình là do mấy con kh độc trong rừng, ban đêm ra phóng uế. Dân làng ngu dốt, tối tăm chẳng biê phân biệt thiệt hư, đã làm chuyện xằng bậy. Ngay đêm đó, vợ hắn đã uốn nước tro mà chết. Ta mất lỡ dịp may, tức giận gây ra mưa gió để trừng phạ dân làng.

Phúc nghe tới đây, tức giận nói:

— Như vậy, tổ tiên con không có tội gì mà bị chết oan.

Tượng thần từ tốn nói:

— Nhà ngươi không nên tức giận. Chuyện đó xảy ra gần trăm năm rồ Đáng lẽ xứ sở ngươi không chịu nhiều truân chuyên như vậy. Ngươi nghe đây chẳng qua, con người đã tự di hại con người thì bây giờ phải chính con ngườ giải thoát cho con người. Ta cũng phải thông qua thân phận con người m hành động.

Phúc lắc đầu nói:

— Thần nói cao siêu quá, con không hiểu.

-- Chẳng có gì là cao siêu cả. Chẳng qua ngươi vốn bản chất thật thà, nhâ thời không nghiệm ra điều ta vừa nói.

— Nếu con không thể nghiệm ra thì sao?

— Sẽ có người chỉ bảo cho ngươi.

— Xin thần cho con biết người đó là ai.

— Người đó chẳng phải xa lạ với ngươi đâu. Con bé đang nằm ngủ bê cạnh ngươi đó.

— Người đó là Khuê.

— Đúng vậy, con bé ấy sẽ nói cho ngươi biết.

— Nhưng Khuê nhỏ tuổi hơn con.

— Nó nhỏ tuổi nhưng thông minh và khôn ngoan hơn ngươi. Cứ yên ch nó bảo sao thì ngươi làm vậy.

Phúc ngập ngừng hỏi:

— Chẳng lẽ Khuê bảo gì con cũng phải nghe theo hay sao?

— Nhà ngươi quả nhiên thật thà. Những gì ngươi đã biết rồi thì không cần phải nghe. Những gì ngươi không biết thì phải nghe lời con bé ấy.

— Con xin vâng lời thần dạy.

— Còn một chuyện này nữa.

— Dạ, xin thần chỉ dạy.

— Trong đêm, ta làm mưa gió năm xưa, vô tình ta đã đánh ngã một tên lính canh của ta xuống vực sâu dưới khe núi.

Phúc ngạc nhiên hỏi:

— Lính canh của thần.

— Đúng vậy. Hai lính canh của ta là hai kỳ lân ngoài cửa đình. Trong đêm mưa đó, nước vào thềm đình nhiều quá khiến cho lớp đất dính dưới chân tên lính canh bị nhão thành bùn. Tiếp đó, những cơn sấm động làm rung chuyển quá mạnh khiến tên lính bị trợt ra ngoài và lăn xuống khe núi. Vì mưa nhiều quá, nước chảy xóa hết dấu vết nên dân làng không biết. Bấy lâu nay, dân chúng không biết gì, cứ bày chuyện xằng bậy, mỗi năm cử một thanh niên ra khỏi làng để tìm tên lính canh của ta. Họ còn làm chuyện bậy hơn nữa, nuôi dưỡng toàn một lớp thanh niên gầy yếu, trói gà không chặt, khiến ta mất hết đường giải thoát. Thời may, ngươi được sanh ra đời, khỏe mạnh, đáng mặt làm trai. Thêm nữa, có con bé thông minh đỉnh ngộ kia. Ta bèn xui khiến cho các ngươi gặp nhau.

Phúc ngoái lại nhìn Khuê đang nằm cong lưng, trần truồng mà ngủ. Nhìn lần thứ hai mà Phúc vẫn thấy hồi hộp, trống ngực đánh thình thịch.

Tượng thần trách cứ:

— Con bé ấy đã căn dặn ngươi không được nhìn nó mà.

Phúc cố giải thích:

— Tại thần nhắc đến Khuê nên con mới quay lại.

Tượng thần gục gặc đầu:

— Cũng được, nhà ngươi phải nhìn con bé ấy thì mới có chuyện xảy ra. Nhờ thế ta có đường giải thoát.

Phúc chợt nhớ đến ông kỳ lân ngoài cửa đình, bèn hỏi:

— Còn một ông kỳ lân ngoài thềm đình. Dân làng đã bắt con phải đi tìm ông kia. Từ hôm nay đến ngày đó chỉ còn một tuần nữa.

Tượng thần xua tay nói:

— Không sao. Hết đêm nay, tên lính còn lại của ta cũng hết nhiệm vụ rồi.

Phúc ngơ ngẩn hỏi:

— Thần nói vậy, nghĩa là sao?

— Hết đêm nay, ta không còn là ta nữa.

— Con không hiểu.

— Thế này. Bắt đầu ngày mai, tượng đá mà ngươi thấy trên bệ thờ chỉ là tượng đá, không có hồn nữa, vì ta đã đi rồi.

— Thưa, thần đi đâu ạ?
— Ta đi đâu thì con bé kia sẽ cho ngươi biết.
— Khuê?
— Đúng vậy. Một khi ta đã đi thì tên lính canh còn lại không cần thiết nữa. Nhà ngươi phải làm việc này.
— Dạ, xin thần dạy bảo.
— Ngươi thấy cây chỉa ba trên tay ta hay không?
— Dạ thấy.
— Bây giờ, ngươi làm theo lời ta dặn. Ngươi bước đến trước mặt ta, với lên nắm hai bàn tay ta, nhắm mắt, hít một hơi thật dài. Sau đó, ngươi rút cây chỉa ba ra, để ý cái cán của nó. Ngươi đi ra ngoài thềm đình, đút cán chỉa ba vào cái khe dưới bụng tên lính canh. Xong xuôi, ngươi hít một hơi thật dài, lấy sức đẩy bật tên lính canh đó cho ngả ra khỏi thềm. Tự khắc nó sẽ lăn theo triền núi mà rơi xuống vực sâu. Lúc đó, nó sẽ rớt xuống cùng chỗ với tên bạn kia.
— Như vậy con phải đẩy bật cho ông kỳ lân rơi xuống khe núi?
— Đúng vậy, ta sẽ tiếp tục làm mưa suốt ngày hôm sau nữa. Nước mưa sẽ xóa hết dấu tích của tên lính canh này.
Phúc gật đầu rồi lại phân vân nói:
— Lúc nãy, Khuê bảo chỉ mưa hết đêm thôi. Sáng mai mưa sẽ tạnh.
Tượng thần bật cười:
— Nhà ngươi thật thà quá. Con bé ấy nói thế, chẳng qua là dụ ngươi ở lại đêm nay trong đình với nó.
Phúc gật đầu. Anh đứng lên, đi lại trước mặt tượng thần. Phúc vốn cao lớn nhưng chỉ đứng ngang bụng tượng thần. Anh theo lời chỉ dẫn, với lên nắm hai bàn tay tượng thần rồi nhắm mắt, hít một hơi dài. Phúc cảm thấy một luồng hơi nóng từ hai bàn tay tượng thần truyền qua. Phúc rùng mình, cảm thấy trong người bừng bừng sức mạnh. Anh nắm cây chỉa ba rút một cái "soạt". Cây chỉa ba bằng thép nặng mấy trăm cân đã trở nên nhẹ tênh trong tay Phúc.
Nắm chỉa ba trong tay, Phúc đi thẳng ra ngoài thềm đình. Anh theo lời dặn của tượng thần, đút cán chỉa vào cái khe dưới bụng ông kỳ lân. Lạ thay, Phúc chỉ đẩy nhẹ một cái. Ông kỳ lân nặng mấy ngàn cân đã bị đẩy bật ra ngoài, rồi lăn lông lốc theo triền núi. Thoáng chốc, ông kỳ lân đã mất biến trong màn đêm.
Phúc trở vào trong đình, cúi đầu nói:
— Con đã làm xong rồi.
Tượng thần gật đầu nói:
— Tốt, ngươi đút cây chỉa ba vào tay ta.
Phúc làm y lời. Lạ thay, cây chỉa ba vừa đút trở vào bàn tay tượng thần thì vụt biến mất. Bàn tay thần cũng nắm chặt lại thành nắm đấm. Phúc đang ngạc nhiên thì tượng thần nói tiếp:

— Nhà ngươi phải nhớ thanh gươm này. Nó là của con trai ngươi.
— Thưa thần, con chưa có vợ con.
— Nhà ngươi thật thà quá. Ngươi chỉ cần nhớ lời dặn của ta.
— Dạ!
— Không ai rút nổi thanh gươm này ra khỏi tay ta, trừ con trai ngươi. Đúng mười tám tuổi, ngươi dặn nó đến đây lấy thanh gươm này.
— Dạ!
— Ngươi còn muốn hỏi gì nữa không?
— Dạ có.
— Ngươi hỏi điều gì?
— Con phải làm sao để cụ tiên chỉ gả Khuê cho con?
— Nhà ngươi không cần phải làm gì cả. Tự khắc lão sẽ gả con bé ấy cho ngươi.
— Nhưng...
— Ngươi không phải lo, ta đã đi vào giấc mộng của lão, ra lệnh cho lão phải làm rồi.
— Dạ, cám ơn thần.
Tượng thần nghiêm sắc mặt nói:
— Ta phải cám ơn các ngươi mới phải.
Phúc ngẩn ngơ hỏi:
— Tại sao vậy?
Tượng thần bật cười:
— Con bé ấy sẽ nói cho ngươi biết. Bây giờ đã đến lúc ta phải đi.
Phúc đang ngẩn ngơ thì tượng thần lần lần tan thành khói, cuộn dần lại thành một luồng hơi dài. Cùng lúc đó, Khuê chợt rên khẽ một tiếng rồi xoay người lại. Luồng hơi của tượng thần liền xông thẳng lại, chui vào bụng Khuê rồi biến mất.
Phúc trố mắt nhìn thân thể nuột nà của Khuê đang nằm trên sàn gạch. Anh quay lại, thấy tượng thần vẫn đứng sừng sững như cũ trên bệ thờ. Nhưng một bên tay tượng thần đã nắm lại thành nắm đấm. Cái chỉa ba đã biến mất tự lúc nào.
Phúc đi lại gần Khuê, ngồi xuống bên cạnh. Khuê vươn tay ôm lấy cổ Phúc. Cô khẽ nói:
— Ôm em đi anh Phúc.
Phúc khẽ "dạ" trong cổ họng. Anh ôm ghì lấy Khuê. Hai người quyện lấy nhau trên sàn đá, trong khung cảnh ấm cúng và trang nghiêm của ngôi đình.

*

Câu chuyện đến đây là dứt. Sử sách ghi lại rằng. Đứa con trai của Phúc và Khuê mang tên Huệ, để ghi nhớ ân huệ của thần thánh đã ban cho.
Đứa bé tên Huệ, dòng họ Nguyễn ấy là một trang nam nhi hào hùng. Sử

chép rằng, Huệ là một người dũng mảnh, thừa hưởng dáng dấp cao lớn của cha. Huệ là người có chí lớn, yêu nước, thương nòi, kế thừa trí thông minh phi thường của mẹ. Dáng Huệ nhanh nhẹn, khỏe mạnh, can đảm, mắt như chớp sáng, tiếng như chuông vang. Người đời sau còn kể lại rằng, ánh mắt Huệ sáng chói, ban đêm tỏa ra ánh sáng soi rõ chung quanh.

Năm mười tám tuổi, Huệ nghe lời cha dặn, vào đình rút được gươm thần. Từ đó Huệ là một người kiệt xuất, tài năng lỗi lạc.

Sau đó, loạn lạc nổi lên khắp nơi, xứ sở sâu xé, ngoại bang xâm lấn từ phương Bắc, đột nhập vào phương Nam. Huệ dẹp yên loạn lạc, đuổi ngoại xâm, đánh Nam, dẹp Bắc, dựng lại cơ đồ, tạo nên Đế nghiệp.

TRẦN LONG HỒ



ĐỖ QUYÊN

bài học rất riêng của bản thân

Nhiều khi mình muốn nằm xuống -
– nằm suốt tháng ngày ôm phụ nữ, nằm mãi lại trên thảm cỏ triền núi ấy,
nằm trốn nợ hay trốn các vị khách không ưa,
nằm tiêu cơm đầy bao tử và tiêu một ngày trống rỗng sắp qua,
nằm nhai vội chiến thắng hay nuốt vội thất bại,
nằm phủ phục hoàng hôn và khụy lụy bình minh

Lại nghhĩ đến các gáy sách suốt đời đứng thẳng...
Rồi, lại nghĩ đến các gáy sách đang bị xếp nằm
Mình lại muốn nằm xuống

nhà thơ...

Nhà thơ sửa bản thảo
bằng cây bút chì thẳng như thời gian, nhọn như giọt lệ

Thời gian không chuốt các giọt lệ
Giọt lệ không kéo dài thời gian
Cả hai ở trên cây bút chì - cây bút chì trên tay nhà thơ sửa bản thảo

ĐỖ QUYÊN



NGUYỄN THỊ HỒNG NGÁT

có một mái nhà

Mái nhà ấy là bầu trời xanh biếc
là biển xanh - và hàng cây cũng xanh
Những màu da đen, vàng, nâu, trắng
sống bên nhau, đầm ấm, thanh bình

Mái nhà ấy có nụ cười tươi tắn
có những mái đầu tóc dài, ngắn bên nhau
mái nhà ấy có bao nhiêu dân tộc
xa xứ bao năm vẫn chẳng đổi màu.

Mái nhà ấy có con đường - thảm cỏ
có tiếng chim kêu và hoa nở bốn mùa
màn đêm khép - xin nỗi buồn cũng khép
để cây đàn thánh thót tiếng nhặt thưa.

tạm biệt los angeles

• tặng Đặng Khoa và các bạn

Thôi em chào nhé, chị về
Nhà em dẫu đẹp đến mê cả người
Giàu sang phô cả ra ngoài
Vườn cây trái chín rụng hoài suốt đêm
Nhà em chăn ấm, nệm êm
Dường như vẫn thấy còn thèm gì đây
Bỗng dưng mắt chị cứ cay
Cứ thương nhớ, cứ vơi đầy mãi đâu...
Cứ thèm ăn một đĩa rau
Cứ bâng khuâng mãi cái nghèo xứ ta

Thôi em chào nhé, chị về
Nhà em dẫu đẹp vẫn là nhà em

Chị về với mái nhà quen
Với hơi thở, với lấm lem bụi đời
Ở đâu quen đấy mất rồi
Làm khách cũng chẳng bằng nơi nhà mình
Biết em sống chẳng vô tình
Chị về ru lại bóng hình người xưa...

gửi lại bài thơ yêu

Thành phố ào ạt cơn mưa
Người đi vội tìm chỗ trú
Ào ào rồi bỗng tạnh không
Con đường trở về bến cũ...

Người đi, người đi, người đi
Sàigòn lung linh ánh sáng
Rất nhiều gương mặt không quen
Sau rất nhiều năm xa vắng

Bạn cũ bao năm dời xa
Đời riêng có nhiều cay đắng
Cuộc sống ào ạt đi qua
Tóc xanh bây giờ ngả trắng

Tôi cười mắt cũng chân chim
Nhưng Sàigòn thì vẫn trẻ
Đôi lứa yêu nhau vẫn thế
Nụ hôn thấm giọt mưa chiều

Xin gửi lại bài thơ yêu
Đặt bên góc vườn êm ả
Gửi lại giọt thương giọt nhớ
Của tình dan dở đôi ta

NGUYỄN THỊ HỒNG NGÁT
Los Angeles 26.7.1996

TRIỆU BÔN

chuyện những cái giếng thơi làng chành



Mỗi thiên tài đều tự tìm cho mình một lối riêng để đi tới vinh quang. Ông lão Kỷ làng Chành là một trong những trường hợp xuất chúng như vậy.

Có điều, ông lão không phải là một thiên tài về văn chương, thiên văn, vật lý, toán học, hóa học... mà là một thiên tài về đào giếng thơi.

Giếng thơi ở làng Chành nhiều vô thiên lủng, nhưng tất cả đều cho một thứ nước vàng vàng gạch cua, chua sít vị phèn, tanh ngòm mùi gỉ sắt. Nước ấy tắm cho lợn, lợn cũng chê, đừng nói tắm giặt, nấu nướng cho người. Vậy nên dần dà những cái giếng bị bỏ hoang. Phải lấp đi. Dân làng Chành đành quay lại với nước ao bèo. Ai sạch sẽ hơn, phải băng đồng và leo núi để gánh nước tận ngoài sông Go.

Cái năm trời làm mất mùa, quân Nhật bắt đầu phá lúa trồng đay, người chết đói thưa cả làng, tiếp theo là chết dịch tả. Một tay ông Kỷ lần lượt chôn cất cho đứa con gái nhỏ, đứa con trai lớn, rồi đến vợ ông. Bỗng chốc ông trở thành kẻ bơ vơ, với cái gia tài gồm một nếp nhà tranh với ít cái bát sành, nồi đất, vắng hơi người, mốc meo. Chiều chiều ông Kỷ ra nằm vật vã giữa ba ngôi mộ liền kề bên nhau mà gào khóc: “Cho tao đi với. Bớ mẹ con nhà bay! Tao có tệ bạc gì mà bay bắt tao ở lại một mình?...”

Bấy giờ ông Kỷ mới ngoài ba mươi tuổi một chút. Ông thật lòng muốn chết theo vợ con. Khốn nỗi, lão trời vốn thích chơi khoảnh với con người. Nghe tiếng kêu xé lòng của ông Kỷ, lão trời bèn thả xuống cho ông một cái

phao cấp cứu. Ấy là cái khoảnh khắc chớp lóe đủ để ông nhận ra một tài năng bẩm sinh của mình, một con đường sống, và trở thành người danh tiếng.

Sau đận nạn dịch tả hoành hành, người ta đâm ra ngờ vực những nguồn nước chung chạ ở sông Go và ở các ao bèo. Họ cho rằng nạn dịch chính từ đó mà ra. Những nhà dư dả miếng ăn lại nghĩ đến chuyện đào giếng dùng riêng cho gia đình. Thôi thì, chẳng thà chịu uống nước vàng phèn vẫn còn hơn cái thảm cảnh người chết không còn người đi chôn.

Một hôm sớm sang hè, trời đất oi nồng ngột ngạt, ông Lý Cự chống ba toong đến nhà ông Kỷ. Lý Cự không vào nhà, đứng giữa sân dỗ đầu ba toong cộp cộp xuống đất, hắng giọng:

- Chú Kỷ có nhà không? Ra tôi bảo.

Kỷ chạy ra, chắp hai tay trước bụng:

- Thưa bác Lý. Bác gọi tôi có việc gì?

- Phải nhích nhắc tay chân lên. Nằm đấy mà khóc, liệu có uống nước mắt cầm hơi được không?

- Thưa bác Lý. Tôi có còn việc gì nữa đâu.

- Có việc mới đến tìm chú. Mai lên tôi sớm.

- Thưa bác Lý. Nhưng là việc gì chứ ạ?

- Tôi muốn moi lại cái giếng ngoài vườn. Lẽ ra, tôi sai bọn thằng Tản, thằng Vược. Nhưng tôi với chú dù sao cũng là chỗ họ hàng. Chú hiểu chưa?

Sáng hôm sau, Kỷ đóng cái khố vải nâu rách hở mông, đến nhà Lý Cự. Kỷ chắp tay sau lưng, lững thững dạo khắp vườn trước, vườn sau, vẻ mặt rất trầm ngâm. Lý Cự đi bên cạnh, thỉnh thoảng lại chỉ tay, hỏi:

- Đào dưới gốc dừa kia kìa?

Kỷ lắc đầu:

- Không.

- Hay ở cạnh bờ ao?

- Không.

- Thì ở chân giàn trầu.

Kỷ phát cáu. Đó là biểu hiện của con người có hiểu biết sâu sắc đang miễn cưỡng phải tiếp chuyện với một kẻ ngớ ngẩn.

- Bác Lý đừng nói nữa. Để tôi nghĩ!

Lý Cự mỏi chân, vào sập ngồi vít cong cái xe điếu cành châu, rít thuốc lào tanh tách. Lúc sau Kỷ bước vào, ngang nhiên ngồi lên sập, cái dáng co ro khúm núm của kẻ đầy tớ vụt biến mất. Kỷ rung đùi nói đủng đỉnh:

- Chỉ sợ bác không có gan nghe theo lời tôi.

Lý Cự ngẩng lên, bỏ qua cho cách nói xấc láo của thằng em họ khố rách, có lẽ vì lúc đó trong mắt Kỷ có cái gì rất lạ, lấp lóe như mắt người đang lên đồng.

- Chú định đào ở đâu?

- Chỗ kia kìa - Kỷ ra góc sân gạch, nơi Lý Cự đặt một hòn non bộ cao ngang vai, bên dưới có khe nước nuôi cá cảnh - Nhà này mỗi chỗ ấy là được, bác Lý

ạ.

Lý Cự quắc mắt:

- Mày bảo tao đào sân lên?

Kỷ điềm nhiên gật đầu:

- Không đào sân, thì chịu ăn nước thối. Tùy bác.

- Chẳng lẽ không còn chỗ nào khác?

Kỷ đứng dậy kéo lại vạt khố, định ra về. Lý Cự vừa muốn vung ba toong phang vào đầu Kỷ vừa muốn giữ Kỷ lại bàn tiếp. Từ thuở hai đứa cùng đánh khăng, đánh ù với nhau, lớn lên người trở thành ông lý trưởng, người rách rưới đói khát suốt đời, thật tình Lý Cự vẫn có chút nể trọng cái tính suy nghĩ thấu đáo, khẳng khái, mà lại khéo tay khéo chân của Kỷ.

- Hẵng moi cái giếng cũ đã - Lý Cự dịu giọng - Dạo nọ chúng nó mới lấp non nửa giếng thôi mà. Moi đất lên, phát dọn cây cỏ chung quanh, múc hết nước cũ đi...

Kỷ phẩy tay:

- Việc ấy bác Lý sai người khác. Tôi không bõ làm.

Kỷ nói, và bước qua ngưỡng cửa. Lý Cự gọi giật:

- Chú có chắc là đào sân lên thì được nước trong?

- Không được tôi còn nói làm gì?

- Hễ sai, thì sao?

- Thì bác Lý cứ bắt đền.

Lý Cự nhếch môi cười:

- Bắt đền cái khố rách của chú à? Thôi được. Cho chú đào, đào không xong phải lấp giả. Làm ngay hôm nay chứ?

- Chưa.

- Đợi gì nữa?

- Bác Lý cho tôi vài đấu gạo, một bơ muối. Tôi phải ăn no mấy bữa mới cầm xẻng được. Một khi tôi đã làm, là làm kỳ xong. Một mình tôi. Cấm ai động tay vào.

Sáng hôm sau, lúc mặt trời lấp ló sau lũy tre, Kỷ thay cái khố dài bằng cái khố đoạn thủng lỗ chỗ mặt sàng, chính thức bắt tay vào việc, Lý Cự nhìn Kỷ suốt từ đầu tới chân. Những cánh tay, ống chân vêu vao, tấm lưng trần móp lại, đếm được từng dẻ xương sườn.

- Chú khỏe chưa?

Kỷ không trả lời, bảo Lý Cự đưa cho mình cái xẻng và con dao rựa. Kỷ nắm hai bàn tay vào cái xẻng, làm động tác đào, hắt, ướm thử, cầm dao phạt ngắn bớt, lại phạt thêm khúc nữa, rồi nhằm trúng mạch vữa bập lưỡi xẻng thật mạnh, bẩy tung viên gạch đầu tiên lên.

Lý Cự cũng cởi trần, quần lá tọa may bằng vải tây trắng lận mấy vòng trước bụng, tay phe phẩy cái quạt giấy phết nhựa quả cây đen bóng như sừng, đứng xem Kỷ làm. Đột nhiên Lý Cự bật cười, gập quạt lại thành khúc gậy, cầm trỏ vào cái bìu có mấy sợi lông loăn xoăn thòi ra chỗ khố rách của Kỷ.

- Chú mày tìm đúng mạch nước trong, tôi đãi chú hẳn bộ quần áo mới, với đôi khố dài bằng đũi. Cái khố kia, vứt quách đi.

Không để ý tới lời hứa của ông Lý trưởng, tâm trí Kỷ dồn hết vào lưỡi xẻng. Loáng sau đám gạch trên sân đã bị lật tung. Lưỡi xẻng của Kỷ xén ngọt hết lớp đất màu, đến lớp đất pha, đất đen, rồi đất sét vàng...

Mặt trời lên cao, Lý Cự vào sập rít thuốc lào, chiêu hớp nước chè xanh, phe phẩy quạt nhìn ra đống đất đã vờ vờ một góc sân. Cái chỏm đầu của Kỷ không thấy đâu nữa, chỉ thấy những lát đất dưới hắt tuôn lên như cái vòi phun hết sức thần tình.

Liền mấy ngày, Kỷ lầm lì như người câm. Khi nào mệt quá, hoặc khát nước, Kỷ mới gọi người thả thang leo lên mặt đất một lúc. Cái hố Kỷ đào đã sâu lắm, nhìn xuống thấy tối om, nhưng những lát đất dưới đó hắt lên vẫn khô khốc. Thế là giữa vợ chồng Lý Cự nổ ra chuyện om xòm. Bà Lý rỉa rói chồng:

- Giá nó đòi cuốc mồ cuốc mả nhà này lên, thầy cũng chịu hay sao?

Ông Lý hét lên:

- Cuốc cái mả bố mày. Cuốc sao được mồ mả nhà tao!

- Chưa biết mả bố đứa nào. Nó sắp đào sập cái sân, có mà bú c... nó!

- Nó không tìm được mạch nước trong, tao chôn sống nó luôn dyưới đó. Chôn sống cả mày!

- Thách đấy!

- Thách hả? - ông Lý vơ cái ba toong, nghiến răng ken két - Thách này!...

Bà Lý bỏ chạy, dẫm phải váy, ngã lăn ra hè sân, nằm giẫy đành đạch, miệng tru tréo: - "Ối làng trên xóm dưới. Thằng Lý Cự đang gây án mạng, làng nước ơi!..." Lý Cự phát hoảng, xăm xăm chạy ra miệng giếng mếu máo:

- Kỷ ơi là Kỷ. Chuyến này mày giết tao rồi.

Không nghe tiếng đáp lại, chỉ thấy những lát đất vẫn từ dưới hố sâu vun vút hất lên. Tối mịt Kỷ mới dừng tay.

Sáng hôm sau không thấy Kỷ đến đào tiếp, Lý Cự càng bị bà vợ nhiếc móc như dứt từng mảng thịt. Lý Cự gọi mấy tay tuần đinh mang gậy, tay thước, dây thừng rồi đích thân dẫn đầu đi bao vây nhà Kỷ.

- Phải cho nó nhừ xương - Lý Cự nói với đám tuần đinh - Đứa nào nhẹ tay tao bảo!

Nghe tiếng chân người rậm rịch quanh nhà, Kỷ vẫn nằm trên chiếc chõng tre hỏi vọng ra:

- Ai đấy?

Một gã tuần đinh bất thần đạp tung tấm liếp che cửa, ập vào bẻ quặt hai tay Kỷ ra sau. Lý Cự giật cái tay thước gỗ lim trong tay gã khác, bậm môi giơ thẳng cánh tay định bổ xuống đầu Kỷ. Nhưng Lý Cự bỗng giật mình chùn tay vì tiếng quát sắc lạnh của Kỷ:

- Đừng động vào tôi!

- Mày... mày lừa tao - Lý Cự hổn hển - Mày phải chết!

- Tôi lừa cái gì bác. Bác Lý?

- Lừa cái gì hả - Lý Cự rít lên - Nước đâu? Nước đâu?

Kỷ thở phào, không giấu hết sự khinh bỉ:

- Tưởng chuyện gì! Về xem có nước hay chưa? Chưa có, hãy quay lại mà giết, mà xé, mà ăn thịt người ta!

Lý Cự bảo mấy tay tuần đinh trói Kỷ vào cột nhà để Kỷ khỏi trốn, xong hắn lật đật chạy về nhà, vươn cổ nhìn xuống đáy giếng. Thấy ánh nước lấp loáng dưới đó, hắn gọi vợ lấy gầu ra, nối dây thật dài, múc thử lên xem. Quả nhiên được một gầu nước trong vắt. Lý Cự ghé mũi ngửi, uống ừng ực mấy ngụm liền. Lý Cự kéo vạt áo lau những giọt nước long lanh dưới cằm, hả hê nói với vợ:

- Nước thế này mới là nước chứ. Suýt nữa tôi giết oan mất chú ấy...

Công bằng mà nói, Lý Cự không phải là kẻ nuốt lời hứa. Khi lòng giếng được kè đá, thành giếng được xây xong, Lý Cự đã khoản đãi người em họ nghèo khó của mình một bữa rượu thịt no nê. Xong, Lý Cự còn tặng Kỷ một thúng gạo ngon, ba quan tiền kẽm, và ba mươi vuông đũi tốt, thừa thãi cho Kỷ may một bộ quần áo mới và xé ra làm thêm một đôi khố dài.

Người khắp vùng Chành lũ lượt kéo nhau đến xem cái giếng nước vừa trong veo vừa ngọt lịm của nhà ông Lý Cự. Tiếng thơm không cánh mà bay tới tai quan chánh, quan hàn, tới tận quan tri phủ. Với cái cán xẻng ngắn một mẩu, với bộ quần áo đũi đẹp đẽ, Kỷ thung dung lui tới các cửa quan, đổ mồ hôi trộn lẫn niềm say mê hứng thú ra mà mang những chút bổng lộc hiếm hoi về.

Mỗi lần được trả công, hoặc được ban thưởng gạo thịt, Kỷ đều đặt lên bàn thờ, thắp hương, sì sụp khấn vái, nước mắt lã chã thương nhớ "ba mẹ con nhà nó" chẳng còn sống đến bây giờ.

Cũng từ đó, hầu như Kỷ vắng nhà quanh năm. Cái giếng này đào chưa xong đã năm bẩy nhà ngấp nghé mời Kỷ đến đào những cái giếng khác. Lưỡi xẻng mang từ nhà Lý Cự đi, chỉ được dăm ba tháng đã mòn tận chuôi.

Cái hôm Kỷ xuống chợ tỉnh sắm lưỡi xẻng mới, ngỡ đâu thế gian này sắp vỡ tung vì tiếng hô dậy trời của những dòng thác người kéo nhau đi biểu tình cướp phủ, cướp huyện. Mãi sau Kỷ mới vỡ nhẽ là thời Tây đã hết, từ nay là thời ta. Nhưng dù thời nào, con người vẫn cần nước trong hơn nước đục. Nhất là từ khi dấy lên phong trào "Sạch sẽ là yêu nước", nhà nhà đều thi đua dành dụm sắm màn, sắm ấm đun nước sôi, chậu rửa mặt, công việc đào giếng thơi của Kỷ càng bận rộn liên chi hồ điệp, và những lưỡi xẻng dưới tay Kỷ càng mòn vẹt đi trông thấy.

Lâu dần, trong con người ông Kỷ nảy sinh ra ý thức của một nhà bảo tồn bảo tàng. Những lưỡi xẻng mòn vẹt không bị vứt lăn lóc trong xó nhà nữa, mà được ông buộc dây treo lên vách, cứ mười cái một hàng.

Đâu như từ hàng lưỡi xẻng thứ tư, trên đầu ông Kỷ loáng thoáng xuất hiện những sợi tóc bạc. Sang tới hàng sau, tóc ông đã ngả màu muối tiêu. Ông Kỷ định cố gắng treo đủ sáu hàng lưỡi xẻng mòn lên vách rồi nghỉ hẳn. Vinh

quang đến thế là đủ. Với cái gia cảnh của ông Kỷ, giầu có mà làm gì. Dẫu có được một cơ ngơi tử tế, thì biết để lại cho ai. Vì thế, càng trở về già ông Kỷ càng hay uống rượu, càng hay mua quà cho trẻ con, và cho những người bạn nghèo vay mượn mà chẳng bao giờ tính chuyện đòi lại. Ông tâm niệm ông không bạc bẽo với đời, ắt hẳn đời không bạc bẽo với ông.

Có ai ngờ, đến cái ước vọng một đời tay vo miệng lốm mà cũng không xong. Tai họa đến với ông Kỷ mới vô tình làm sao!

Một hôm ông Kỷ đi đào giếng ở xã bên, được chủ nhà đãi rượu say mèm. Ông khật khưỡng bước trên đường làng, cây xẻng ngắn kẹp nách, hai bàn tay bận ôm khư khư một vốc kẹo. Vốc kẹo ấy là ông Kỷ tiện chân rẽ vào cái quán bên đường mua về cho trẻ con hàng xóm. Tại ông hay cho. Lâu nay lũ trẻ sinh hư, hễ thấy bóng ông là chúng xúm lại đòi quà. Hôm ấy cũng thế. Bọn trẻ hóng hóng chờ trước ngõ nhà ông Kỷ. Vốc kẹo chỉ một loáng đã hết nhẵn. Một đứa bé gái bật khóc:

- Ông ơi, cháu chưa được cái nào!

Đứa khác cũng bắt chước bạn, nhành nhạch đòi:

- Thằng Bình được những ba cái. Cháu bắt đền ông!

Ông Kỷ đứng bần thần giữa bọn trẻ, hai bàn tay sần sùi cố xòe ra phân trần là ông không còn cái kẹo nào. Một đứa trai đang nhai bỏm bẻm bỗng nhổ phẹt cái kẹo xuống đất, kêu ré lên:

- Chúng mày ơi. Tay ông Kỷ khiếp quá!

Không hiểu ý đứa trẻ, ông Kỷ càng xòe rộng hai bàn tay, huơ huơ trước mặt chúng:

- Các cháu xem. Có còn cái nào đâu. Cho ông khất đến mai. Đến mai...

- Eo ơi, khiếp quá!

- Hử. Khiếp cái gì?

- Bàn tay ông kìa!

Ông Kỷ trợn đôi mắt đục ngầu hơi men nhìn lại bàn tay mình.

- Tay ông làm sao. Ông rửa sạch rồi đấy chứ!

Bọn trẻ càng hốt hoảng. Chúng ném vội những cái kẹo đang bóc dở vào bờ rào, ù té chạy. Ông Kỷ thoáng buồn cho cái tính bất nhân của trẻ. Nhưng ông không buồn lâu. Lúc sau ông đã lăn ra giường ngáy như sấm.

Hôm sau, ông Kỷ mua đầy hai túi kẹo, nhưng không thấy đứa trẻ nào bén mảng tới ngõ nhà ông. Ông ngồi trên bậu cửa, dạng chân nhai kẹo một mình, thương bọn trẻ không biết bận chuyện gì mà không đến.

Ông Kỷ đào thêm được vài cái giếng nữa rồi bỗng lạnh băng, không một ai đến mời ông đi nữa. Nằm nhà, ông tỉ mẩn nhìn lên năm mươi mấy cái lưỡi xẻng mòn treo trên vách, tự giải thích rằng mấy trăm cái giếng nước trong đâu phải là ít, nay mình mới được nghỉ ngơi dăm bữa nửa tháng là phải lắm. Nhưng nghỉ được vài hôm ông Kỷ đã thấy buồn bực trong người. Ông lân la sang mấy nhà bạn nghèo chơi cho khuây khỏa. Vậy mà, hễ thấy ông Kỷ rẽ vào ngõ nhà nào, nhà ấy liền đóng sập cửa lại. Suốt buổi chiều, ông Kỷ không

giáp mặt được người nào. Lúc ông đang vừa đi vừa cúi đầu nghĩ xem tại sao có sự lạ lùng này, chợt có tiếng một cô gái la rất to:

- Ai đấy! Nhờ bắt con trâu hộ tôi với!

Ông Kỷ quay lại, thấy con trâu đang cong đuôi nhẩy lồng lên như ngựa phi về phía mình. Ông xắn tay áo, thoắt cái đã dùng hai ngón tay bóp mạnh vào hai bên sẹo mũi con trâu, làm nó đau, phải đứng khựng lại. Ông Kỷ mừng rỡ:

- Mang thừng lại đây. Cháu!

Nhưng, cô gái cũng đứng sững cách ông một quãng, mặt tái mét.

- Ông buông ra!

- Sao lại buông ra?

- Buông ra. Tưởng ai tôi mới nhờ. Chứ ông thì không khiến!

Chẳng hiểu cơ sự ra sao, ông Kỷ càng ngơ ngác:

- Ô hay. Sao cháu hỗn với bác?

- Đã bảo ông buông ngay nó ra cơ mà!

- Này này - Ông Kỷ nổi xung - Đồ mất dạy! Tao giúp mày mà mày trả ơn thế đấy phỏng?

Đứa con gái cong cớn quát lại:

- Cái đồ hủi cùi hủi cụt. Buông trâu người ta ra!

Toàn thân ông Kỷ run bắn, không phải vì tức giận, mà vì choáng váng, giống như ông bị người ta cầm búa tạ giáng xuống đỉnh đầu. Té ra là vậy. Thảo nào, hôm trước gặp một tốp mấy bà trong làng ra sông Go gánh nước, ông Kỷ hỏi tại sao có giếng rồi mà họ còn phải đi gánh nước sông, cả mấy người đều cúi mặt làm thinh.

Mình bị hủi. Người ta không dám dùng nước ở những cái giếng mình đào... Ông Kỷ tê tái trong lòng trở về ngồi bó gối trong góc nhà vo ve tiếng muỗi bay. Bên ngoài trời sập tối lúc nào. Ông Kỷ giật mấy tấm tranh trên mái nhà xuống đốt đống lửa ro, xòe hai bàn tay ra nghiêng ngó nhìn thật kỹ. Quả tình bàn tay ông không được nhẵn nhụi mịn màng như tay người khác. Mấy lớp chai sần sùi, lớp trên bong chưa hết lớp dưới đã bong theo. Ở các kẽ tay, vì quanh năm suốt tháng phải sục trong bùn đất dưới sâu đều bị lở loét. Được nghỉ ít lâu, nay những vết loét kẽ tay của ông Kỷ đã lành, đang lên da non, nhưng chúng vẫn làm cho bàn tay ông dị dạng, khó coi...

Đống lửa tàn, ông Kỷ thở dài ảo não và có cảm giác tiếng thở dài của mình thấu đến tận trời - "Một liều thuốc độc là xong!" Ác nỗi, hình như cái bệnh này dù chết rồi vẫn còn lây sang người khác. "Không. Mình không được mang họa cho dân làng! Thì... Thì... Thì..." Ông Kỷ chặc lưỡi nghĩ tới một đám cháy nhà. Khi mình chỉ còn là một cục than, tức thì cái hủi cũng chết theo... Hãy khoan! Phải xem mình có đích thị mắc cái bệnh chết tiệt ấy không đã chứ. Cứ kể ra, cái tuổi ông là chết được rồi. Hiềm nỗi, sau cái chết của ông sẽ là hàng trăm cái giếng nước trong - công sức của cả một đời ông - bị bỏ hoang, bị lấp đi, thì ông không thể cầm lòng.

Hôm sau, ông Kỷ lặng lẽ ra đi từ lúc còn tối trời để không một ai nhìn thấy mình. Ông lên bệnh viện tỉnh. Ở đó, người ta soi kính hiển vi, thử máu, chiếu điện, làm những gì gì nữa rồi mới đi đến kết luận là ông Kỷ không hề có hiện tượng mắc bệnh hủi.

Về tới làng, ông Kỷ hớn hở cầm giấy ghi kết quả khám bệnh chạy khắp ngõ trong xóm ngoài, gặp bất cứ ai ông cũng chìa tờ giấy ra:

- Đọc mà xem. Làm đếch gì có chuyện tôi bị hủi!

Oái oăm, lời nói của ông Kỷ chẳng lọt được vào tai ai. Nhác thấy ông, đầu óc họ đã tớn tác vì sợ hãi mất rồi.

Cứ thế.

Cứ thế.

Khoản tiền ít ỏi còn lại trong túi ông Kỷ chẳng được mấy nả đã cạn kiệt mà không thể vay mượn, nhờ vả được ai. Ông nằm nhịn đói mấy ngày liền. Vào lúc thoi thóp, ông Kỷ chợt nhớ là bà chủ quán rượu dưới gốc đa - bà Điều - còn nợ ông những hơn bốn mươi đồng bạc.

Từ cái thuở đồng tiền còn rủng rỉnh trong túi, một lần ông Kỷ vào quán bà Điều, uống rượu chán chê, đâu chỉ hết sáu bảy đồng. Lúc ông rút tờ bạc năm chục ra trả, bà Điều kêu lên:

- Tiền to thế, tôi lấy đâu mà trả lại?

- Thì cứ để đấy - ông Kỷ cười dễ dãi - Uống mươi lần là hết chứ mấy nỗi.

Thế rồi ông quên bẵng tới giờ.

Ông Kỷ khật khừ lần từng bước ra quán bà Điều. Chẳng đợi ông nhắc nhiều, bà Điều nhớ ngay ra khoản nợ. Bà rót cho ông Kỷ bốn chai rượu đầy, với một bọc lá dong gói mấy cái bánh nướng, một cái bánh chưng, mấy thanh kẹo lạc. Xong, bà quầy quậy:

- Nợ tôi trả thế là hết rồi. Ông mang đi đâu thì mang.

- Hì hì - ông Kỷ cười yếu ớt, nhưng rõ ràng ông đang vui - Tôi có bị hủi đếch đâu mà sợ?

Bà Điều xua tay rối rít:

- Đi đi. Hàng quán tôi còn có khách khứa. Ông đừng làm tôi phải chết đói lây. Đi đi!

Lúc ông Kỷ quay đi bà Điều suýt bật khóc. Ở trật tuổi của bà với ông Kỷ, thiếu gì kẻ sang người hèn, nhưng hiền lành, xởi lởi như ông Kỷ, làng này chỉ có một. Nghĩ vậy, nhưng gọi ông Kỷ lại, trò chuyện với ông đôi nhời, thì bà không dám.

Ông Kỷ ôm bốn chai rượu và cái bọc lá dong ra một ngôi mộ cổ ở rìa đồng, uống, ăn, lại uống, uống... từ chiều cho mãi tới lúc trăng muộn nhô cao ngang ngọn đa. Uống tới giọt rượu cuối cùng, ông Kỷ ngả lưng xuống lớp cỏ đẫm sương làm ông rùng mình sởn gai ốc. Phải về thôi - ông tự nhủ - Mình sắp lả đi rồi. Về nhà, dù có chết cũng không mang tiếng chết đường chết chợ.

Vào tới đầu làng, ông Kỷ thấy trong người nôn nao khó thở. Ông rẽ vào một lối ngõ định tìm chỗ khuất gió. Và, ông chợt nhớ sau giậu cúc tần này có

cái giếng do chính tay ông đào.

Ông Kỷ còn nhớ, cái giếng này đã bị bỏ hoang hơn năm nay. Chủ nhà của nó phải dọn sang làng bên, để xã lấy đất lập trại chăn nuôi, chỉ thấy dây xấu hổ mọc trùm lên đám nền nhà cũ.

- Vào thăm nó một tý - ông Kỷ lẩm bẩm nói với cái giếng như nói với một con người - Con ơi! Cho dù chủ cũ của con còn ở đây, con vẫn bị bỏ hoang như thường. Vì ta sinh ra con, mà ta thì mang tiếng bị hủi...

Ông Kỷ dang tay ôm lấy thành giếng, áp má vào lớp xi măng mát lạnh. Bất giác ông nhận ra có một mảnh trăng khuyết sáng vằng vặc đang đợi chờ ông dưới đó.

- Ôi giếng ơi!... Ta còn phải về nhà làm gì nữa nhỉ? Ta ở lại đây với con. Chỉ lòng con mới hiểu được lòng ta. Giếng ơi!...

Nói rồi ông Kỷ trườn xuống, khoan khoái tận hưởng cái giây phút biết từ nay mình đã thoát khỏi cô đơn.

TRIỆU BÔN



HUỲNH MẠNH TIÊN

lưu kháng II

(Về TV thường sân si chính sử)

Đã một thời ta nguyên hình thần thoại
Đực cô đơn giữa cỏ nội mây ngàn
(Gióng lỗi hẹn bởi chín đời đã hẹn)
Tàu cỏ
Yên cương
Ta ốm nghén tuần hoàn
Thì ta đã một thời đăng cơ thần thoại
Bệ vệ giáp trời, diện lạc sắt ngu ngơ
Yểm huyệt mạch rồng đơn điền phong tỏa
Chính sử luân hồi thổ ngữ cầu cơ

Nay lên đồng huyền sử viết lại:
Ngựa sắt về trời, Ngài – trần thế – "đi sô"

HUỲNH MẠNH TIÊN



ĐỖ KH.

linda mặt ngang

Linda mặt ngang
Không biết hôn chỉ biết cắn

17 tuổi ở một động đĩ ở Batàm
Linda không biết làm mát xa
Linda mặc quần lót rộng

Linda âm đạo chật
Vừa bằng hai ngón tay
Linda malay
Rất là dễ nhột
Ở gần lồn và ở gần lỗ tai

Linda hai gò bồng đảo căng tràn nhựa sống
Lúc lắc gọi mời như hai quả tuyết lê
Linda làm việc sáng và tối vào cả ngày lễ
Quốc tế lao động
Nàng ngồi trang trọng
Khép đùi cùng hai chục chị em
Trong một con hẻm
Khuất sau mưa và tiếng nhạc xập xình

Linda trét môi son lên ngực tôi
Nàng lấy tay chùi và nàng cười

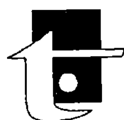
Linda Linda mặt ngang và ít lông
Cha mẹ nàng ở tận cái gì bahru
và nàng cũng chẳng buồn nhớ tới
Đồ con bất hiếu
Nhờ ai nuôi nấng cho đít mày u lên chắc nịch
(như hai quả bưởi)

Linda cắn làm tôi đau lưỡi
Linda cắn làm tôi không nừng nổi
Tôi như mưa mềm trên nàng èo uột trườn người

Linda không bú
Linda không cho liếm
Bàn tay nàng rất đẹp che lấy cửa mình
nhan sắc cũng chẳng kém

Linda mặt ngang miệng rộng và lồn bé chút xíu

ĐỖ KH.



PHẠM TƯỜNG VÂN

nheo mắt nhìn

Trước lạ sau quen
Tắt đèn tìm đóm
Tình cũ chưa tàn
Tình sau đã nhóm

Bước chân đi
Cấm kì trở lại
Chạy bở hơi tai
Hoa phải hơi giai
Được một - bỏ hai

PHẠM TƯỜNG VÂN



LỆ HẰNG

tháp gậy



Trăm sự chỉ vì vài phút quảng cáo của tivi. Màn kịch dài vô tận bắt đầu, tôi miễn cưỡng phải đóng vai chính. Chuyện được mẹ kể lại, bằng đủ giọng đủ kiểu, căng thẳng, lo âu như có quân khủng bố trang bị bom mìn, súng cối đầy người rình mò đâu đây. Cũng xin nói ngay, tôi chính là tên khủng bố nguy hiểm đó, ít nhất đối với bố mẹ tôi. Tôi chán tôi lắm rồi, nhưng tôi cứ phải sống, trơ ra, không còn cách nào khác. Từ những xung động nào đó của cha mẹ, của thiên hà tinh tú, tôi chui vào đời, có mặt, có tên giữa trời đất lạnh lùng ngơ ngác, rồi cứ thế, nuốt vào, tống ra đủ thứ thực phẩm sống chín, chua ngọt, béo bùi. Quay đi ngó lại, tôi lớn lên hồi nào không hay. Đêm mò tới, đều đặn. Tôi cúi xuống nhìn tôi, xoa bóp rồi cấu cào, vô ích, hai mắt mở đầy, tôi hoảng hốt nhìn tôi lầm lì trong gương. Mẹ tôi thường e ngại nhìn tôi, lén lút đâu đó. Tôi bực lắm, nhưng dù sao bà cũng là mẹ tôi.

Cái màn quảng cáo đó như thế này... Một bà xơ già, khăn choàng đen, yếm ngực, da nhăn nheo. Mặt mũi khô khẳng như vậy, tôi cam đoan bà cụ nghiêm nghị này cả đời chưa bao giờ dám hít hà nhòm ngó chi đến những việc tối ư hệ trọng mà loài người vẫn thì thào gọi là dục tình. Cách bà cụ chăm chút, nghiêng ngó, búng ngón tay vào cái gậy của pho tượng trông rất ngộ. Nếu tôi có thể vượt thoát tuổi dậy thì thảm hại của tôi, vào được Đại Học như những đứa trẻ bình thường khác, chắc mẩm tôi phải học kỹ thuật quảng cáo của thời đại điện toán thật sâu sát ra trò. Bà cụ quảng cáo cho một loại keo dán,

chuyện giản dị hết sức, trên màn ảnh thiên hình vạn trạng của tivi, người ta có hàng trăm tiết mục quyến dụ khách hàng ra sức mua sắm rồi mắc nợ, mắc nợ rồi mua sắm, độc địa hơn nhiều. Nhưng cái vụ keo dán này đã gây chấn động dữ dội trong gia đình ba người của chúng tôi. Nhân vật "tôi" bị dựng dậy, "củ" đậu phụng, đậu đen, đậu đỏ của tôi múa loạn cào cào trước đôi mắt đã được xâm chì vĩnh viễn màu xanh đen của mẹ. Có gì đâu, bức tượng thằng bé bị gẫy vòi nước ngoài vườn. Bà xơ thương hại thằng nhỏ, mất vòi, làm sao nó hí hởn tưới nước cho bồn hoa của bà nổi nữa. Tu viện mà không có tí vòi của nó, chịu chi thấu, cây cỏ khô héo hết. Bà cụ cẩn thận dán keo, chưa chắc bụng, bà rình chờ hai mươi bốn tiếng dí mắt vào cái vòi, ngắm nghía, chóc một cái, gậy của thằng nhỏ cứng nguyên, ngon lành. Mặt bà xơ già sáng bừng lên.

Mẹ nhìn tôi, đôi mắt ngày thường, vẫn kín đáo che dấu mọi thương xót bà dành cho tôi, bây giờ nhen nhóm chút hy vọng mơ hồ nào đó. Bố cũng nhìn tôi, rồi quay vội đi ngay. Tôi đau thốn trong bụng phải lủi vào phòng tắm. Cái mặt người trong gương lầm lầm nhìn chăm bẳm vào tôi. Tôi ở lì trong toilet rất lâu. Cửa cài chặt, tôi vẫn biết bố mẹ đang nói gì ngoài phòng chơi, la liệt ghế bàn. Họ sẽ bàn bạc rì rầm, rồi quay ra đay nghiến đổ thừa cho nhau đủ thứ tội.

Nhân vật chính vẫn là tôi.

Một lúc sau, chán đấu chưởng bằng mắt với cái mặt người dài thượt trong gương, chán rờ rịt soi mói chính mình, nghe ngoài phòng im ắng, tôi rón rén đi ra. Bất ngờ quay ngoắt lại, chớp một cái, tôi thấy mẹ dòm lén. Tôi ứ máu bầm lên, muốn nghẹt thở, cáu quá, tôi trừng trạo quay lại, chắc mặt tôi lúc đó bậm trợn hung dữ lắm, nên mẹ đóng ập cửa, thụt mất. Cửa phòng tôi đang khép, tôi kéo ra, chui tọt vào, chưa đã giận, tôi mở cửa, đóng ầm lại, rồi lại dằng cửa ra lần nữa, rồi ầm nữa, ầm nữa. Tôi làm ồn dữ, mẹ tôi cứ im ỉm, giả vờ không nghe. Tôi thua vậy, không có ai thèm chấp nê thằng người bất hạnh như tôi nữa, suốt đêm tôi tức tối hành hạ gối chăn, nệm giường không tiếc tay, người tôi mỏi nhừ, mồ hôi giòng giòng tuôn xuống, tôi thở rống nhọc nhằn như con ngựa què cụt.

Người ta, lại người ta, không có chữ nào khác thơm tho hơn chữ người, tôi buộc lòng phải dùng thứ ngôn ngữ mọi người đang dùng, dù tôi rất không muốn, người ta, nói với nhau nhiều lần, đến tai tôi chẳng khó khăn gì, cha mẹ tôi là người giàu có, họ giả vờ khinh thường cha mẹ tôi ở sau lưng cho đỡ tức, nhưng trước mặt, họ cứ vồn vã chào hỏi, khúm núm bắt tay, nịnh nọt, khen tặng. Tôi cũng chẳng biết tại sao họ phải làm như vậy! Cứ coi như bố tôi là người giàu nhất trong nhóm cộng đồng Việt tộc ở đây. Rồi sao? Họ biết tổng bố tôi khôn hơn cáo già, có bao giờ ông mở tay cho ai một đồng teng nhỏ. Nịnh nọt ông cũng hopeless như gõ cửa cảnh sát ăn mày phép lạ. Tội nghiệp, có lẽ đó là một căn bệnh di truyền của người nghèo? Mẹ tôi ly kỳ hơn bố tôi nữa. Bà lộng lẫy và đóng kịch rất giỏi, bà vẫn tự hào bà diễn xuất thần sầu

hơn các kịch sĩ nhà nghề của thế giới. Khác với họ, toàn thể động tác của bà, nó nhịp nhàng không thể chê được, nói, cười, đưa đẩy, ngọt ngào, chớp mắt, dạ vâng, hân hạnh... tất cả đã là kịch. Cả cuộc đời bà là một vở kịch. Người chồng đầu tiên của mẹ, thỉnh thoảng bà vẫn kiêu hãnh khoe với bạn, ông lão xuống tận mồ, nằm nghe giun dế nỉ non khóc, vậy mà coi bộ hồn ma ấy vẫn thòm thèm dữ lắm, những lúc bố tôi chểnh mảng lo ra không ân cần với mẹ, ông lão vẫn hiện về eo xèo đòi hỏi. Mẹ quả quyết mỗi lần bà mang hoa tulip đến thăm - ông ta là người Úc gốc Hòa Lan, nên rất mê hoa tulip - hàm râu quai nón rậm rì của ông lão vẫn run lên dưới mộ. Họ cưới nhau dịp nào, dĩ nhiên tôi không biết. Tôi không phải là con của ông ta. Chính ông đã vận động chạy giấy tờ du học cạy cục đưa mẹ từ Sài Gòn sang đây trước năm 75. Ông ta sống dữ quá, ham hố đủ mọi trò, bia, rượu, thuốc lá, đàn bà, khoản nào ông cũng chơi trội gấp bốn lần thiên hạ. Ông chết sớm, quằn quại đau đớn trên giường bệnh cả năm, đó là cái giá của những kẻ còn tiếc nuối của đời phải trả trước khi về lại với đất. Mẹ chép miệng nói như vậy. Mẹ và lũ con của ông ta quyết liệt kiện tụng tranh dành tài sản của ông già khốn khổ đó dài dài gần ba năm. Tiền luật sư của hai phía nuốt gần hết gia tài ông cụ để lại. Cuối cùng hai phe đều kinh hoảng rợn người. Họ đau lòng tế sống các ông các bà luật sư bệ vệ uy nghi, áo thụng đen, đội tóc trắng bện bằng thừng trão và len giả... bởi nếu tiếp tục ỷ thế luật sư cò cưa kiện cáo nhau, giấy tờ ùn ùn bò lên nóc thượng, chắc chắn hai bên sẽ phải bán nhà trả không đủ tiền tòa, tiền luật sư, tiền giấy, tiền cò hàng trăm khoản... Họ chua chát bóp bụng cứa đôi những thứ còn lại cho nhau để giải quyết ngoài tòa cho gọn. Uổng ghê, mẹ than hùi hụi, giá chi lũ con riêng của ông khôn hơn một chút, chịu half and half với bà ngay hôm đầu, lúc ông cụ vừa nhắm mắt, mẹ đã thành bà triệu phú trẻ măng từ dạo đó. Có tiền triệu hồi hai mươi nhăm tuổi nõn nường, cuộc đời sẽ huy hoàng lộng lẫy hơn cầm bạc triệu lúc đã tròm trèm trên dưới bốn mươi.

Chuông điện thoại rung reng. Tôi thót người quấn vội khăn quanh bụng, chụp máy. Tôi biết thừa ai gọi cho tôi.

"Hello. Sissi phải không?"

Tiếng cười dòn tan trong ống nghe: "Lỡ không phải tui thì sao, bồ ẩu dữ."

Tôi thì thào: "Chỉ có mình em gọi thôi, bố mẹ không bao giờ dùng số điện thoại này."

"Oai dữ he, bồ sống khốn khổ như một thằng vua nhỏ."

Tôi tái mặt với hai tiếng khốn khổ Sissi dùng. Đúng phóc như vậy đó, nhưng tôi vẫn khó chịu hậm hực lúc kẻ khác ngang nhiên nhận xét này nọ về tôi. Mẹ cũng nói trong nhà này tôi là một ông vua nhỏ. Không hiểu sao, dòng bên nội của tôi rất hiếm con. Bố mẹ tôi trông ngon lành hơn thiên hạ nhiều lắm. Vậy mà bà vật lộn tơi bời mới có được một đứa con, đã vậy, tôi lại trục trặc bất thường ngay từ lúc nhỏ. Mẹ phải nhờ vả cha cụ và mấy bà xơ giới thiệu mới gửi được tôi vào Academy dành riêng cho con nhà giàu. Tôi chịu

đựng lũ bạn nội trú được hai tháng, cổ co dúm lại, lủi thủi tránh thật xa những con mắt rình mò, những lời xầm xì sau lưng. Đêm tới, tôi chùm chăn khóc ấm ức một mình. Kiệt sức vì phải chịu đựng sự độc ác thường xuyên, liên lỉ hằng giờ. Tôi tìm đủ mọi cách phá phách, đánh lộn, gây gổ và cả trò cắp vặt để được bị đuổi. Mẹ khóc như mưa lúc đón tôi về nhà. Thoát được cảnh phải trơ thân biến thành trò chơi cho lũ bạn cùng trường giải trí, tôi rơi vào cái bẫy đau lòng khác của mẹ. Tôi sống như một con thú lạ, chui rúc xó xỉnh nào, cũng nhớn nhác sợ thiên hạ tò mò dòm ngó. Mắt người, với tôi, kinh tởm hơn rắn rết. Mẹ vẫn nói tôi là bom mìn là hơi độc, đạn pháo trong nhà này.

"Hồ sao vậy?" Sissi lo ngại hỏi.

"Không sao hết."

"Hồ kỳ quá, tụi nó nó Hồ điên đó. Phải sống đi chứ, đời có bao nhiêu đâu?"

"Lại lên giọng bà cụ rồi. Nghe thầy cô giảng hoài, bộ nhớ của tui đầy nhóc, chứa không nổi nữa đâu bồ?"

Sissi nhượng bộ: "Được rồi, forget it... sao hôm thứ Bảy, Hồ không đến?"

Tôi ấp úng: "Ờ... bận quá..."

Sissi cười ngất: "Thôi biết rồi, Hồ nói dối dở ẹt, Hồ nhát gan quá, thấy đám đông là rét run lên. Cái mặt tội nghiệp, cứ phải gân lên làm bộ ngầu. Sợ thì nói thật đi cho nó nhẹ người, như tui nè, thích gì cứ nói, có sao đâu? Tui nhớ bồ quá chừng rồi, mai gặp nhau hè."

Tôi ú ớ nói ngọng: "Cám ơn."

"Chúa ơi! Sao lại cám ơn?"

Tôi càng ngọng dữ hơn: "Rồi sao? Không cám ơn thì làm cái gì bây giờ?"

Sissi giận quá, cúp máy. Tôi tung khăn tắm ra, cái khăn mắc dịch in hình thần Eros cởi trần bắn cung làm tôi càng tức bụng hơn. Tôi lăn đùng ra giường, ngửa mặt kêu trời. Nước mắt trào lên, hôi hổi, tôi khóc ngất. Sực nhớ, tôi hoảng hồn bò dậy, quấn khăn, chạy ra cửa, nhòm lỗ khóa. Không có ai rình, tôi bò ra giường, vất hết chăn mền xuống đất, vò xé mình đến tức thở. Đêm hôm đó, tôi ngủ mơ thấy mình bị một ê kíp bác sĩ trói chặt chân tay trên bàn mổ lạnh buốt. Họ có cả một bàn dài kéo kềm đủ loại sáng choang choang. Họ cưa đục xoèn xoèn ngang người tôi, ngay vành bụng rồi ghép vào thân ngựa. Tôi biến thành người ngựa, lòng thòng gặm đá trên đồi, tôi nhớ mãi khoảnh đồi trơ trụi trong giấc mơ, chỉ có đá sỏi và một bầy ngựa cái hí lộng vang trời, bụi hồng hăng lên mùi ân ái.

Hôm sau, Sissi đến tìm. Tôi ở lì trong phòng khóa trái cửa lại, nằm, bò, nép vào góc nhà, cơ mặt co giật, tay chân run bây bẩy. Mẹ tiếp cô bé, bà khốn khổ, Sissi cũng khốn khổ. Còn tôi, tôi chỉ muốn chết. Ruột gan tôi cồn cào. Tôi dựa đầu vào tường. Cơn sốt ập đến, quật tôi ngã dúi vào chân giường. Lúc Sissi buồn bã ra về, mẹ đi thẳng vào phòng tôi, kiên nhẫn gọi cửa. Ban đầu tôi nhất định không mở. Bà lì lợm gõ mãi, gõ mãi. Chịu không nổi, tôi mở cửa. Bà nhìn tôi ngồi bệt dưới sàn, giọng nhão ra:

"Sao mặt con xanh lè vậy?"

Tôi quay mặt đi, mẹ cũng ngồi bệt xuống sàn với tôi:

"Con bé thiệt tội, nó không hiểu gì cả..."

Tôi vẫn ngồi im. Mẹ than thở:

"Bố mẹ chỉ có mình con, con là tài sản quí nhất của bố mẹ. Bố có rất nhiều tiền. Ở bên Mỹ, ông nội con cũng có rất nhiều tiền. Tất cả sẽ thuộc về con với một điều kiện nhỏ..."

Tôi biết hết, nên lặng thinh chờ. Vết thương đã làm độc gần mười năm Hôm đó, tôi nhớ cho đến chết, ở một hồ nước dành cho học sinh tập bơi, tô ham vui, sơ ý quên nỗi bất hạnh của mình. Sợi thung quần tắm hơi cũ, b thõng nước, tuột xuống. Thầy dạy bơi quay mặt đi không nhìn, nhưng lũ bạı dòm trừng trừng vào đó, sửng sốt. Tôi chạy te về nhà, gào lên: "Mẹ ơi! Mẹ ơi!... tại sao con lại như thế này..." Bà đã ôm choàng lấy tôi. Tôi khóc rống lên. Bà vuốt hoài mặt tôi, ướt nhèm, giọng lạc hẳn đi: "Tội nghiệp con tôi." Nhìn vẻ mặt hoảng hốt cùng cực của tôi, bà khóc òa lên không thèm che dấu nữa. Tôi vùng vẫy đấm thình thịch vào ngực bà khóc ngằn ngặt. Bà càng gh chặt tôi vào người, mếu máo. Tôi trừng trạo: "Con bị đau bệnh gì kỳ quá vậy?" Mẹ bệu bạo: "Không, con không bị đau gì hết. Tại bố con, tại ông nộ con... ăn chơi lang chạ quá..." Bà nghẹn giọng nín ngang, tôi ngơ ngác nhìn bà không hiểu, nhưng từ đôi mắt thống thiết của mẹ, tôi chợt hiểu, bà còn đau lòng nhục nhã hơn tôi nữa. Từ đó, tôi nghiến răng chịu đựng nỗi cay cực một mình. Cả cuộc đời này với tôi là một chuồng thú, cọp beo, rắn rết, gấu mèo, chó khỉ... Chỉ một Sissi, xinh đẹp nhất trường, hai mắt sáng ngời còn nhìn thấy tôi. Tôi nhìn ra ngoài cửa, mẹ dành phòng rộng và đẹp nhất cho tôi. Tôi thích khung cửa sổ mở ra khoảng vườn đầy bóng cây, bốn mảng tường trong phòng, sơn cùng một màu với mây trời ngoài cửa.

Mẹ lay nhẹ vai tôi, giọng nài nỉ: "Sao con ngồi im hoài vậy? Con không bao giờ chịu nói chuyện với mẹ? Con không thương mẹ sao Hồ?"

Tôi quay đi: "Người như con yêu thương là một trò hề. Mẹ biết rõ như vậy rồi."

"Mẹ có tiền, mẹ sẽ lo cho con, dễ lắm, bác sĩ ở đây giỏi như thần, họ thay tim, thay thận, cưa cả xương sọ mở banh não bộ người ta nữa kìa. Bệnh của con dễ như chơi. Ông nội con già lắm rồi, ông sẽ để hết tài sản cho con với điều kiện con phải lấy vợ, có con như mọi người. Hồ, quay lại đây, con phải nhìn mẹ. Mẹ là người sinh ra con, mẹ thương con đứt ruột đứt gan, con cứ bc ra như vậy, mẹ chịu không nổi. Mẹ chết, ai lo cho con?"

Tôi lầu bầu: "Lẽ ra mẹ không nên sinh ra con, như thế tốt hơn."

Mẹ không giận bởi mẹ nghe lời oán trách này một nghìn lần cũng chưa đủ.

"Con oán hận mẹ dữ vậy con? Nói đi... cứ hét rống lên cho mẹ nghe, đừng làm thinh nữa. Nói cho mẹ nghe đi, mẹ phải làm gì cho vừa bụng con bây giờ?"

Tôi ngồi lì như bàn như ghế. mẹ lải nhải: "Trước sau gì, con cũng phải đi bệnh viện, càng sớm càng tốt con à. Con không thương mẹ, được đi, nhưng còn Sissi, con bé dễ thương như vậy, nó yêu con hết lòng, nó có tội gì đâu để bị con lầm lì xa lánh."

"Đừng nhắc đến cô ấy nữa, mẹ làm con điên lên bây giờ. Bộ mẹ muốn con biến thành thú vật trước mặt cô ấy? Mẹ biết rồi đó, con không phải là người. Mẹ đã sinh nhầm một đứa con của sở thú."

Mặt mẹ tái bầm, quen chịu đựng mọi cơn điên tỉnh bất thường của tôi, bà vẫn dịu dàng, giọng nói ngọt ngào của bà nhiều khi làm tôi điên ruột:

"Đừng nói phẫn như vậy. Trời phạt chết. Nói cho cùng, thời bây giờ ai dám nhận mình là người nữa đâu? Cả gia đình hoàng gia, từ bà nữ hoàng tới dâu rể, hoàng tử lẫn công nương họ động cỡn rối ren thành những con thú lạ cho người ta xầm xì ngạo chơi, họ có khác gì những động vật hiếm sắp bị tận diệt, được tưng tiu dòm chừng gắt gao. Không ai hoàn toàn đâu con ạ, tin mẹ đi, cả mẹ nữa, mẹ múa may kịch cọt tối ngày, có sao đâu? Đời đúng là sở thú, không hơn không kém. Cái quan trọng nhất của con người trong cái chuồng thú khổng lồ này là làm sao thâu tóm quyền lực và tiền của chặt cứng trong tay mình. Con phải phấn đấu cho con và cho mẹ nữa. Lỡ bố con... ông sinh lòng cưới vợ khác gia đình mình sẽ tan nát hết. Mẹ năn nỉ con gãy lưỡi... càng ngày con càng xa cách mẹ... thôi được, con không thương mẹ, nhưng con phải nghĩ đến Sissi, nó là một con bé tốt bụng và chân thật."

Gương mặt thảm hại của mẹ làm tôi mềm lòng. Tôi ngồi lặng đi rất lâu, cuối cùng tôi hạ giọng thật nhỏ:

"Mẹ luôn luôn nói quanh co về chuyện của con, con lớn rồi, mẹ nói hết trắng đen rõ ràng cho con nghe một lần đi, ra vô bệnh viện cả trăm lần, hết bác sĩ này đến bác sĩ kia vạch vòi ngó ngoáy chẳng được múi nào."

"Lần chót, mẹ bảo đảm với con..."

"Con rất muốn tin mẹ, nhưng con nghĩ vô ích. Cái duy nhất con muốn bây giờ là biến mất khỏi cuộc đời này, biến luôn, mẹ nghe rõ chưa?"

Mẹ rùng người, đôi mắt mẹ đờ ra. Tôi cao giọng, cố kìm vững lòng mình, giọng tôi vẫn gằn lên uất hận:

"Con bị như thế này từ lúc mới sinh, phải không?"

Mẹ yếu ớt gật đầu: "Lúc sinh con xong, mẹ mệt vã người ra vì đau đớn, nghe cô y tá reo hai tiếng con trai. Mẹ không còn muốn thấy bất cứ thứ gì trên đời này nữa. Qua ngày thứ hai, mẹ nhòm nó sao giống hạt đậu, mẹ nghĩ chắc tại nó còn nhỏ, sau đó, mẹ tìm mọi cách nhìn kỹ những đứa bé khác. Mẹ cố dấu tất cả mọi người, cố hy vọng. Sau này, nó cứ như thế mãi..."

Tôi đứng lên ngay. Mẹ níu lấy tay tôi: "Con giận mẹ sao Hồ?"

Tôi lạnh ngắt, tay chân tôi cứng đờ ra. Tôi nói với bà, giọng điệu của một quan tòa, vừa kiểu cách khoan dung vừa uy lực hăm dọa:

"Không, con không giận mẹ... lẽ ra, mẹ không nên có con, một nửa đứa con cũng không nên có, con sống dở chết dở như thế này... thật ra, nhân loại

nên tự diệt, nếu con có quyền, con sẽ cấm tất cả các bà mẹ phưỡn bụng khoe thành tích truyền sinh của họ. Không lợi ích gì hết, cái nhân quần điêu tàn này, đất xoi mòn, đồng cỏ nhiễm độc, biển đen thui hóa chất, trái tim teo tóp lại... vậy mà lũ trẻ con tiếp tục chui ra... con nghĩ mấy bà mẹ kinh khủng quá..."

Mẹ kêu lên: "Con điên rồi... không có con, rồi bố mẹ làm sao với một đống của cải như thế này. Mẹ cật lực vì con, mẹ muốn cho con hết... nhà này của con, xe của con, công ty của con..."

Tôi nhìn mẹ. Người đàn bà này đã sinh thành ra tôi? Bà có cái gì ở trong đầu? Tiền bạc, âm mưu, sang đoạt, lừa đảo? Thấy tôi, mặt cứ lạnh như băng, mẹ khổ sở phân trần:

"Không phải lỗi tại mẹ, bên ngoại mấy dì con sinh nở bình thường. Trai gái đủ bộ hết. Mẹ nghĩ oan nghiệt này truyền từ bên nội. Dòng nội con kiêu căng lắm, ai cũng đòi làm vua. Từ ông tổ, cụ cố, nội con nữa, cụ nào cũng muốn đi trên đầu thiên hạ, giọng cụ nào cũng cố gân lên sang sảng như vua chúa quan quyền. Tiếc mồ mả chôn không đúng chỗ, đường công danh cụ nào cũng lùi xùi dang dở. Cả một dòng họ ai cũng thèm làm vua, không có cách nào ra tay uy quyền, một chức quan nhỏ xíu cũng không. Để đỡ thèm các cụ đua nhau cưới thật nhiều vợ, không quân hầu khanh tướng, các cụ đành làm vua trên bụng đàn bà. Bên nội con truyền từ bảy đời, ai cũng chín mười vợ. Mẹ nghĩ mỗi cụ na ních vào bụng chín bà vợ trẻ già đủ loại, nội cái trò ghen hờn căm tức nhau, oan khí từ bảy tám đời truyền lại, ác nghiệp chắc thấm vào xương tủy con cháu, bởi vì những kẻ phải đem thân lẽ mọn thường là hạng nghèo khổ cùng đường, họ uất ức đau khổ nhưng buộc phải câm nín cho tới chết. Bên nội có mấy cụ dâu phẫn chí quá phải tự tử đó con, bà nội ruột của con, sinh hai lần đều chết non, lần chót, vừa sinh bố con được ba ngày, nghe tin ông nội cưới thêm vợ hầu dưới quê, bà buông tay, ngã từ trên thang, băng huyết rồi chết. Ông nội buồn lắm, uống cạn mấy thùng rượu, sáu tháng sau ông lại oang oang nói với bà con trong họ: Vợ con vẫn là thứ duy nhất cho phép đàn ông hoạnh họe ra oai mà không sợ đi tù."

*

Ngày hôm sau tôi gặp Sissi để làm hòa. Ban đầu cô đòi đi tắm biển. Tôi không từ chối nhưng quay đầu xe phóng thẳng lên núi. Cô nhìn tôi, đôi mắt óng như huyền ngọc. Tôi đưa cô lên động núi. Đứng ngoài cửa động, cô xoay váy mỏng, làm tôi cuống quít, thấy trời đất xầm tối. Tôi mở mắt, vờ tìm tên động. Mùa xuân trời nõn như bông. Cô mặc váy mỏng sóng sánh như tơ trắng, đường viền satin chạy quanh lớp ren nhỏ in dáng đùi thon thả của cô cũng rập rờn một âm rừng đầy non động thác ghềnh. Rặng núi xanh rì, vươn mãi tận trời nào xa lắm, nhìn không thấy. Cô nắm cứng tay tôi, tung tăng không biết mỏi. Vào động, vừa khuất người, đoàn du khách rì rầm theo dấu đèn

bấm của người hướng dẫn. Cô xoay người ép tôi vào vách đá, hôn kín môi. Tôi ngại quá phải né người đi, rồi mặc cô ưỡn lên hít đầy ngực hơi lạnh của núi, cô hôn tôi mài miệt, môi tôi tê đi toàn hơi đá. Nhạc êm đềm hắt ra từ nhiều khe núi, gắn cassette vào những ngọn đèn mờ. Nhạc tình ru bay. Sissi mơ mộng, hai tay vung vẩy, môi bóng lên trong ánh đèn chập choạng của động núi thâm u bí hiểm.

"Mom của Hồ nói với em, chừng nào anh vào đại học, Mom sẽ thuê thạch động một ngày làm lễ cưới cho hai đứa mình. Em sẽ mặc áo cưới kiểu Macedonian như Nữ hoàng Cleopatra. Mom nói nghe Oui Devant Dieu trong động núi tráng lệ này, cuộc hôn nhân của tụi mình sẽ vững vàng như đá."

Tôi ngang phè: "Anh không thích đám cưới. cái bà Cleopatra đó có mấy đời chồng. Anh không thích làm Caesar, cũng không mê thằng cha Antony. Anh ghét tự tử bằng rắn độc."

Sissi trố mắt nhìn tôi. Vụt một cái, mặt cô ta cứng lại, rắn như đá. Thế là toi một ngày. Cô ta giận mặt bì bì không rằng không nói, hỏi mấy cũng ừ hử như mụ bình vôi. Tôi đưa bình vôi về nhà. Bụng dạ tôi nhừ tử, chua như bún thiu.

*

Một tuần sau, tôi nhập viện. Mẹ cẩn thận cắt những bài báo rất chính xác về thành tích y khoa đem vào cho tôi đọc. Mẹ phẩy phẩy mấy bài báo vào cằm tôi, mặt hớn hở:

"Đây con coi, họ ghép cái tai mới cho Danielle bằng chính xương sụn của cô ta."

Tôi liếc sơ bài báo, tôi đọc nó mờ cả kính cận rồi, lạ gì. Phép lạ y khoa đó, chẳng làm cô ta xinh đẹp thêm một ly nào. Thượng đế, đấng toàn năng còn lầm lộn ê hề ra đó. Nhân loại có hàng trăm nhà thơ, hàng vạn nhạc sĩ, hàng nghìn nhà văn... Họ khát khao cái đẹp, căm thù cái ác. Vậy mà cái ác vẫn tung hoành làm chủ cả trên trời dưới đất. Thấy tôi thần mặt, mẹ hào hứng hứa hẹn:

"Bác sĩ nói với mẹ, con sẽ mê đi chừng ba giờ. Tỉnh dậy, mọi việc xong hết. Rồi con sẽ cưới vợ, mẹ sẽ lo cho con một cái đám cưới ra trò, sẽ mời toàn dân xịn, hạng tôm tép đừng hòng ló mặt đến. Mẹ sẽ mướn lạc đà để đón Sissi về nhà mình. Con sẽ có tất cả mọi thứ như một ông hoàng. Nè con, ước chi mẹ kiếm được cái đồ quí của Napoleon để ghép cho con... tha hồ cho con bay bướm, nghe nói ở bên Pháp, có người mua được. Hồi Hoàng đế bị đày chết ở đảo St Helene, bác sĩ tiếc của trời lén cắt ngâm thuốc để dành tới bây giờ. Bố con nói, giá mua được đồ nghề của cụ Einstein, phải biết, con sẽ một bước nhảy phắt lên bậc thông thái dễ như chơi..."

Tôi nói nhỏ: "Mẹ nhớ giữ kín, đừng cho Sissi biết gì hết."

Mẹ tươi cười: "Đừng lo, con trai cưng của mẹ... con nghỉ hè ba tháng kia mà, mẹ tính đâu ra đó hết rồi, ba tháng đủ liền da liền thịt. Sau đó con tha hồ vùng vẫy tung hoành với Sissi của con."

Mười giờ kém năm phút, tôi được đẩy vào phòng mổ, bốn bác sĩ bảy tám y tá chùm khăn đội mũ. Tôi nằm đơ người, như một đống thịt xương tội tình. Cái đèn tròn, bàn nhôm, dao kéo, kềm gắp to nhỏ đủ loại sáng choang. Tôi lạnh người, giấc mơ người ngựa, vẫy vùng trên đồi trọc, bầy ngựa cái hí lộng, bụi đất đỏ ngầu... Tôi làm dấu, tôi đọc kinh, tôi lầm rầm cầu nguyện, lung tung, rối loạn. Tôi sợ cứng người, thanh gỗ, vòng cao su đen trói hai cánh tay tôi ghìm vào bàn mổ, mũi kim chích, ống chụp, giây rợ chằng chịt, đầu ngực, bụng tim... nối vào đủ thứ máy. Da thịt này, của tôi hay thiên la địa võng nhân quả trùng trùng? Có một người đàn bà tôi yêu quí quá chừng, nhưng trong đáy lòng, tôi vẫn âm thầm hận bà đã dạng chân đạp thốc tôi vào đời.

Tôi bình phục rất nhanh. Mẹ tôi mừng như điên. Bà gia sức o bế chiều chuộng tôi đủ mọi thứ. Ông nội hứa sẽ bay sang ăn tết với tôi, thằng cháu đích tôn, ông sẽ mở tiệc thật lớn mừng dòng họ Vũ từ nay có người nối dõi. Gia tài không sợ lọt vô tay người lạ nữa. Phen này mẹ yên trí làm giàu. Chưa bao giờ bà hớn hở dễ chịu như lúc này. Mẹ xoa tay đi lui đi tới khắp mọi phòng, nhà rộng mênh mông, bà không kêu chóng mặt nữa. Mẹ gọi thợ sơn quét lại các phòng từ trên lầu xuống tầng trệt dưới đất. Suốt ba tháng trước tết, nhà tôi, hết tiệc lớn đến tiệc nhỏ. Ăn sinh nhật của bố xong, tiếp đó, mừng lễ thành hôn, cúng kỵ ông ngoại, sinh nhật chú tài xế. Sinh nhật mẹ chưa chịu bò tới, hết mục để mở tiệc, ngày bố tôi sang Mỹ lo công việc, tiện thể đón ông nội tôi sang Úc, bà hừng chí quá bày tiệc mừng sinh nhật Dingo. Con chó dobermann dữ như chằng, vẫn làm hàng xóm sợ xanh mặt không dám chạm vào hàng rào nhà tôi. Họ ghét chó, nhưng sinh nhật chó vẫn phải mang quà đến mừng. Mẹ đem chó đi tiệm chải lông cho mịn, đòi cô thợ quen may cho Dingo bộ đồ vét bằng len mịn đàng hoàng, chó thắt nơ đỏ, đeo kính gọng vàng, vểnh râu chụp hình với bánh kem hai tầng trông rất trí thức. Mẹ đúng là dân kịch cọt chuyên nghiệp.

Tôi và Sissi nhảy bài luân vũ đầu tiên. Thật ra tôi không thích nhảy lắm, nhưng Sissi thích, tôi phải chiều cô ta. Tôi thích nói chuyện với Sean hơn. Nó trầm ngâm nhìn tôi vất vả quay Sissi theo nhịp trống kèn. Nhảy xong, tôi hôn nhẹ lên má Sissi để cám ơn. Mẹ rất tài ba mục tiếp khách, tiệc tùng nhảy nhót là nghề ruột của mẹ. Dĩ nhiên Dingo không biết cắt bánh, tôi e ngại chặn cửa lúc mẹ sửa soạn dắt chó ra chụp hình với khách:

"Mẹ tính kỹ chưa, Dingo ưa cắn bậy lắm đó."

"Yên trí. Bác sĩ cho toa mua thuốc đàng hoàng, một viên mười tám đồng, mèn ơi thuốc cho chó còn đắt hơn thuốc bệnh của người nữa. Mẹ cho Dingo uống hai viên, nó sẽ hiền khô đứng chụp hình với khách, mẹ cá với con, sau cú này, nhà mình sẽ thành dân quí tộc nhờ mở party cho chó, với gần trăm khách tham dự. Chuyến này cho thiên hạ lé mắt ra."

Nghĩ cảnh thiên hạ xúm xít khoe quần áo vòng vàng son phấn với con Dingo, tôi ngại quá:

"Mẹ coi chừng, bác sĩ chó không phải là ông thần, ngay cả Thượng Đế, cụ ấy cũng lẩm cẩm lắm rồi... đàn ông đàn bà, cụ nặn sao lộn giống tùng phèo hết."

Mẹ cười ngất, dí nhẹ vào trán tôi nói nhỏ: "Đừng nói thế, con trai của mẹ! Nhờ ai bây giờ con kềnh càng hử? Đàn ông đâu đó chễm chệ rồi đấy."

Nói xong, không chờ tôi cự nự, mẹ thuỡn thẹo dắt con Dingo đủng đỉnh ra chào khách. Cái mõm chó khụt khịt bóng lên, kính đeo mắt của Dingo bị lệch, không sao, mặc đồ vét vào, gã Dingo trông bảnh chọe lắm.

Đàn trống làm tôi đau đầu, tôi trốn ra vườn với Sean. Tôi không thích nhìn cảnh thiên hạ túm tụm chụp hình với chó. Tôi nói nhỏ với Sean:

"Nhớ nghe, mười hai giờ... Đêm nay hai đứa mình làm vua một cõi, cửa sau mở sẵn như mọi lần."

Sean chưa kịp gật đầu, tiếng la hét chói lói, tiếng chân người rầm rập, đàn trống tắt ngấm. Sean hoảng hốt kéo ngược tôi vào nhà. Sissi lao ra cửa trước, cái mặt mới biết đánh phấn, trắng bợt ra vì sợ. Mẹ kinh hoảng đứng ngẩn giữa nhà như không tin cảnh tượng chung quanh thật mộng giả chân. Mẹ hổn hển nói không ra hơi:

"Chết rồi con ơi... bà Tâm bị đứt lìa mấy ngón tay... Dingo nổi điên cắn người... chuyến này... dám phải đền tiền cho bà ấy, mụ ta giàu, biết đền bao nhiêu cho đủ... biết vậy, mẹ mời người nghèo, có gì dễ lo hơn... gọi chú Tài cho mẹ mau đi con..."

Tôi nhìn mẹ, nhìn khách khứa chạy túa ra vườn. Chú tài và ba khách đàn ông phải cật lực mới xích nổi Dingo vào chuồng. Lúc mẹ tất tả đưa bà Tâm đi bệnh viện. Tôi bỏ mặc chú tài lo gọi thợ giặt thảm. Máu chan cùng rượu. Bánh kem, tôm thịt, hoa tươi, tách đĩa vung vãi đầy nhà. Tôi chán quá bỏ lên lầu với Sean, cõi lặng thinh này êm ả hơn. Tôi không hiểu tại sao? Tôi cũng không muốn hiểu, cả Sean nữa. Chúng tôi ít nói, và nếu cần nói rất ngắn. Bên cạnh Sean, tôi nhẹ người, không lo âu, hoảng hốt như hôm nào rụng rời trong động núi với Sissi. Cô ta càng nồng cháy tôi càng teo tóp ngại ngần. Là tình yêu hay một thói lệ bình thường phải có? Sissi nồng như cỏ, cô ta là một khu rừng. Tôi sợ cô ta nhìn thấy tôi... có bao điều chỉ có thể nói với Sean, ruột phơi ngoài da, vui buồn phun ra hết:

- Này Sean, tao thực sự là đồ giả.

- Đừng lo. mọi thứ trên đời này đều giả hình giả tưởng, giả tuốt hết, từ thằng vua, thằng tổng thống, giả hết.

- Đúng như vậy, nhưng chả lẽ Sissi cũng là đồ giả nữa sao?

- Có thể, ai biết được, tim gan của cô ta thơm thúi như thế nào?

- Trước kia tao yêu cô ấy quá chừng chừng...

- Còn bây giờ?

- Tao không biết, chịu thôi.

- Có nhiều thứ mình không biết nổi, Sissi dễ thương đấy, sao mày không thử?

- Có lẽ tao sợ. Cứ mỗi lần cô ta muốn chạm vào nó, tao rúm cả người, tay chân lạnh toát như đồng. Tuần trước, ngoài hồ bơi, Sissi cởi phăng hết, nhìn rõ mồn một. Cô ta có mông có ngực. Chúng bốc lửa. Có thể lửa của cô ta ghê gớm quá, vèo một cái, tao bốc thành hơi mẹ nó rồi.

Sean thương cảm, nó chồm lên, hôn tôi. Tôi nhắm nghiền mắt lại. Cảm xúc bùng lên dữ dội, chúng tôi dìm nhau vào lũ lụt, cuồng si và điên dại, Sean rú lên từng hồi. Sau đó, nó sung sướng khóc như con gái. Tôi nằm ôm Sean, vuốt ve cho nó nín. Thật ra chúng tôi sợ tất cả loài người. Họ kiêu hãnh vì họ là người bình thường. Còn tôi và Sean... chúng tôi không thể nào sống như họ được.

Tôi nhắm mắt. Đêm chìm xuống, trăng và lùm cây ngoài vuông cửa mở toang hoang. Quầng trăng chui hẳn vào phòng. Tôi ôm Sean ngủ vùi. Tầng lầu không một ai ngoài hai đứa. Lúc tôi chập chờn mở mắt. Tôi choáng váng nhìn thấy... mẹ... Mặt bà bạc hơn nguyệt bạch, trắng hơn vôi tường, lạnh hơn đá. Bà hét lên một tiếng thảm thiết, rồi từ từ khụy xuống, vật đầu vào cửa, rầm một tiếng. Thằng bạn của tôi thảng thốt chồm phắt lên, đứng sựng người trên giường, mắt trợn dọc, quên quấn khăn vào bụng. Tôi chết điếng. Đòn chí mạng đã đánh gục bà mẹ đầy tham vọng của tôi.

Khổ quá, tôi vẫn là nhân vật chính.

LỆ HẰNG
Tháng 12-95

CHIA VUI

Nhận được hồng thiệp báo tín
thứ nữ của ông bà Lê Ngọc Châu (Luân Hoán):

cháu LÊ NGỌC THẠCH BÍCH

kết duyên cùng thứ nam của ông bà Nguyễn Gởi:

cậu NGUYỄN MINH DŨNG

Hôn lễ cử hành tại Montréal, Quebec, Canada
vào thứ Bảy, 21 tháng 9 năm 1996 (nhằm ngày 9 tháng 8 năm Bính Tý)

Hợp Lưu chia vui cùng thân bằng quyến thuộc hai họ
Chúc hai cháu hạnh phúc mãi mãi



NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

cảnh cáo cơn mộng người

Phố thị phố thị
Trong đầu tôi đang giấu một quả bom
Sắp nổ sắp nổ
Có cách chi cảnh giác nổi
Những giấc mơ vẫn vật vờ trong bóng tối
Những điên điên rồ rồ vẫn vờn đuổi quanh giường
Và tôi đang muốn ói mật xanh

Nhưng tôi không say không say
Như một khi tôi đã quá tỉnh
Không ai có thể chuốt rượu
Hay bùa mê thuốc lú
Cho tôi một lần nữa
Và cũng chỉ một lần hơi nhừa nhựa
Cho tôi yêu cầu lũ phiền muộn này được nổ tung
Nửa chiếc bóng dật dờ trong tôi
Cũng được nổ tung
Bằng vết thương chập chững biết bay
Bằng gió âm u xô ngã những hiên đời quá lệch
Bằng khoảng cách chỉ một giờ chiêm bao
Cho tôi xin một vài giây
Một vài giây thôi mà
Được níu lại tay Người

Được níu lại một cành bông giấy đỏ
Huế và xác của con sông Hương
Đám lục bình tuổi nhỏ
Áo ai xanh xanh mãi đọt non cao
Cho tôi van nài những tiếng thở dài

Không còn cách chi kèm giữ nổi
Những tiếng nổ ký ức làm banh xác
Bầy chim di trú

Bây giờ tôi thực sự muốn nổ tung
Niềm hoan lạc nào của nỗi chết vừa động cỡn
Tiếng rú của mèo đêm lâu lắm mới được nghe
Cùng những tiếng động cơ quái thai
Đau nhức từng khớp xương nhân loại
Đêm tĩnh lặng đâu còn nữa
Ở Oklahoma loài người bị ma qủy lộng quyền quyến rũ
Những tòa nhà chọc trời sụp đổ
Những tên sát nhân cương đầy những tuổi thơ nấm mộ
Đêm tĩnh lặng dĩ nhiên không còn nữa
Sao còn chần chờ gì mà chưa chịu nổ
Quả bom đã làm khổ nhau suốt hai mốt năm
Hỏi nhỏ Người
Sao đất trời ở đây
Cứ bắt tôi tiêm hoài những kháng tố

Ừ thì thôi Người cứ đứng dậy và đi ra
Cứ thản nhiên bước ra
Gạt hết nắng
Gạt hết mưa
Bất chấp mọi ám ảnh yêu ma
Đâu cần hay biết chi
Đóa hồng Người tặng hôm nọ vẫn còn đau
Một cành gai

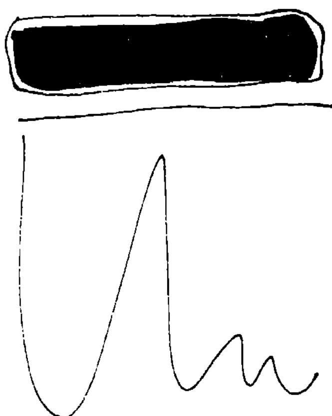
Đâu cần phải cảnh giác mãi
Về một quả bom trong đầu ai

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH



TRẦN DUY PHIÊN

bóng đè



1.

Ra khỏi nông trường, trời nhá nhem tối, xe đổ dốc, tôi vẫn không sang số nhỏ. Máy nổ dòn, xe cắt gió lao vút. Mũ vải bẹt về sau, dây quai xiết vào cằm, bụi đường xát mặt nghe đến rát. Cái mụ quỷ ấy đang làm gì hử? - Tôi chợt nghĩ về vợ - Khuôn mặt bèn bẹt, mắt sụp, da mốc, những bước đi nặng chịch... Bóng vợ dật dờ vỡ vụn theo từng cơn sóc. Tê lạnh thấm dần vào lòng, thấm rất sâu. Trên đường về, cảm giác này đã đến với tôi không biết bao nhiêu lần. Và, đầu tôi rối tung như cái màn ảnh phải lúc nguồn sáng nhiễu loạn. Đến hồi chỉnh được, cái bóng vợ lại chình ình hiện ra gần xuống. Giờ này chắc đang vần quanh xó bếp, cái đầu tổ quạ, cái mông cối xây, miệng mồm không ngớt gầm gừ. Còn chúng nó - những đứa con của chúng tôi - như mọi khi, ngồi quanh bàn ăn đợi cha về... Ôi, ác quỷ đẻ ra thiên thần! - Có ai biết rõ điều đó như tôi không? Cái trò nghịch lý trêu ngươi! Vẫn giữ nguyên tốc độ lao xuống, tôi lấy đà cho xe lên dốc. Đường nhựa vắt ngang qua rừng heo hút. Những vách núi sâu thẳm dựng đứng xanh thẳm. Đó đây không một bóng người bóng thú, chỉ có gió bao quanh, táp vào áo quần, thốc vào cổ vào bụng. Ào ào. Vun vút. Và giật lùi.

Về tới cây cầu sập, trời tối om, tôi mở đèn. Cây cầu bắc tạm về phía trái hiện ra, xương xẩu và như dài hơn ban ngày. Giảm tốc, tôi cho xe xuống mô cầu, hơi lạnh phả vào người. Một dải đen kịt bên dưới, xa xa lấp lánh mấy

đốm sáng như vụn lửa, tiếng nước réo rắc mơ hồ. Xe đến đâu, đà gỗ dập vào thanh cầu kêu lộc cộc. Bữa sau ta về sớm hơn - Tôi thầm nghĩ và nhớ lại mình đã tự nhủ như thế nhiều lần nhưng có bao giờ tránh được cái giờ giấc chết tiệt này! Rồi mẹ nó cằn nhằn, một người đàn bà xấu đay nghiến thì phải biết! Tự dưng tôi tiếc nuối những ngày sống độc thân rong chơi đàm đúm... Tiếng lộc cộc dứt hẳn, đá cuội lổn ngổn. Sang số mạnh, tăng ga, chân thủ bàn thắng, tôi lái xe trườn lên mố cầu.

- Cho quá giang với! - Giọng một người con gái rất trong vang vọng phía sau.

Gió bên kia núi tràn qua nhưng tôi nghe khá rõ, âm sắc quen thuộc. Ồ, đúng rồi - tôi quả quyết - tiếng của người tôi yêu ngày trước. Biết đâu cô ấy lỡ đường? Vừa lên tới, tôi quành xe lại, nhấn thắng, pha đèn, mở hết mắt. Tựa vào đoạn còn lại của vài cầu gãy, một bà lão có đôi mắt to quá cỡ nhìn như hớp lấy tôi, tóc buông xõa rối tung theo gió, mặt khô tóp, quần đen áo trắng đã ố màu. Trong ánh đèn rọi tới, bà đứng như cắm vào cầu, nếu cánh tay không đưa chiếc nón cời lên ngực thì đó là cái xác khô cóng. Tôi muốn lên tiếng nhưng cổ họng nghèn nghẹn. Khách qua đường, việc gì mà xía vào! Nhưng cô ta ở đâu? Tôi quét ngang ánh đèn, tìm. Không có gì hơn ngoài bóng đêm, thân cầu gãy và bà lão.

- Lẹ lên! - Tôi hét khống rồi quành xe lại, tư thế sẵn sàng cho lăn bánh.

Phút chờ đợi nôn nao, tôi cho tay rờ rẫm yên sau nhưng có thấy gì đâu. Không phải người thường! - Tơi chợt nghĩ và phóng xe với tốc độ tối đa.

Về đến nhà, húc đổ một cánh ngõ, cả người và xe ngã nhào ra hiên. Bỏ ăn, tôi nằm nghe sốt hâm hấp. Biết nói thế nào với vợ con một chuyện như thế! Mấy đêm ngày liền tôi sợ ngủ, cứ nhắm mắt bà lão lại hiện ra.

Không ngờ bệnh tình trầm trọng đến nỗi vợ tôi phải bán nhà chạy chữa. Năm sau, gia đình tôi dời ra ngoại ô.

2.

Nhà làm xong, tôi lo ngay đến vườn. Nhỏ nhà lớn vườn có thua chi ai - Tôi thường an ủi vợ con và cả chính mình bằng cái lý sự cùn ấy, khi nhìn ngôi nhà tranh bè bè trên mảnh đất mới. Anh tha vợ con bỏ xó rừng! - Vợ tôi cũng thường trả miếng đanh độc bằng cái giọng cáu bẳn chì chiết rồi bỏ đi. Tôi lặng câm, vừa đau vừa tức. Đã lâu, có thể trước ngày chúng tôi lấy nhau, tôi ngấy đến tận cổ cái giọng thùng rách của bà ấy. Xin đừng hỏi đã thế vì sao chúng tôi nên vợ nên chồng, đó là thứ truyện dài u ám trong đời tôi, chỉ biết bây giờ tôi thường oán trách sao trời bất công, đến nỗi không thả vào mồm vợ tôi một giọng nói ngọt! Nhưng lúc bình tâm, tôi nghiệm ra bà ấy có lý. Những lần vào thị, tôi thấy bà ấy có lý hơn nữa. Khốn thay cái lý nằm trong người vợ xấu. Và mụ ấy mỗi năm một xấu thêm, mặt mày thân thể hóa ra dị

dạng như một người mắc bệnh xấu. Lại nữa, tính khí cũng phát triển theo như mùa quả sung mãn của một giống cây độc xanh tốt. Tháng ngày khuất thân dưới vòm bóng khắc nghiệt, người tình phụ bạc năm xưa trong tôi xuân sắc tươi thắm dịu hiền thêm ra, như bông hoa được vun tưới bằng những lời nguyền rủa tận cõi lòng đắm say điên dại. Được - tôi hạ quyết tâm - ta sẽ dập tắt cái lưỡi lửa nhọn hoắt ấy bằng một cơ ngơi trên đám đất hoang này. Một vườn cây xanh tốt mọc lên trong đầu tôi.

Người bạn láng giềng bày khôn cho tôi lên bãi rác tìm cây giống.

- Chán cha chi - anh nói - năm kia tôi cũng lần mò tới đó. Nhãn xoài măng cụt chôm chôm bầu bí cà chua, thứ gì ở chợ bày bán thì đấy có cả. Ba sôi hai lạnh chỉ tổ khổ công tốn của, thối ình mà mọc khối ra!

- Ừ - Tôi gật đầu, thầm cám ơn - Mình sẽ lên bãi rác.

Sáng sớm, tôi theo con đường hướng về cánh rừng tây bắc. Nghe lời bạn, tôi đi bộ, mang theo cái bao tời to tướng. Cơn mưa dứt từ chiều qua, con đường đất đỏ khô ráo sít chặt. Nắng trong. Rừng hai bên xanh mướt. Phải tìm cho ra măng cụt, tôi thầm nghĩ, dại gì dẫn về cái ngữ mít bơ, rẻ mạt! Măng không có thì sầu riêng, một ký sáu trăm, gấp hai lần gạo!

Lên tới đầu dốc, đổi bao qua vai, tôi rẽ vào con đường phía phải. Phen này mẹ nó phải úp cái mặt bẹt xuống đất. Ý nghĩ ấy như cất bớt phần nặng cái bóng đè lên tôi. Gió đông bắc thổi nhè nhẹ, mũi tôi đã bắt được mùi khét. Lờm lợm. Đích thị rồi! Áng chừng hướng, tôi nôn nao bước. Mùi rác đậm dần. Bên kia mấy lùm cây, bãi lấp ló xuôi theo triền trọc. Ta đi băng cho mau! Tôi háo hức tìm lối xuống. Có ngày mình hóa ruồi mất! Tôi cười. Qua khỏi cái khe khô, bãi rác hiện ra ngút ngợp. Chà, lớn hơn mình tưởng nhiều lắm, gấp tám lần sân vận động thị xã. Dừng lại vuốt mồ hôi, tôi đưa mắt nhìn quanh.

Gần lối xe vào, cách chỗ tôi đứng chừng trăm mét, dưới chân đống rác cao nghều nghệu, một người ngồi quay lưng về phía tôi, hai tay khua động. Khổ người nhỏ, nửa thân dưới như ngập vào rác. Một bà lão! Tôi quyết chắc như thế trên mỗi bước lại gần. Mấy lọn tóc ló dài khỏi vành nón cời lòa xòa trên khổ lưng bé xíu. Cái rổ trống không nằm bênh cạnh. Đào tìm gì đây? Cây giống? Rác mới làm sao có cây mọc! Kiếm sống? Ừ, mót nhặt nhôm nhựa. Tôi thẳng đến, cố vượt qua để xuống phía dưới, nơi rác đã hoai và lúp xúp mấy cụm cây xanh. Cách người đàn bà mươi bước, tôi chững lại. Nghe động, bà ngoái lui, đôi mắt to quá cỡ như có vảy lửa, miệng rộng tận mang tai dính dáp mấy về lông xám. Bà gừ, hươi cầm ra, bên dưới, một cái xác chó. Giây phút bà lão nhìn tôi đủ cho đám ruồi bu lại xác con vật. Một lổ khoét ở vế chó ánh lên đỏ hỏn. Bất ngờ, bà gạt tung cái nón, quay lại cho tay vào xác chó tướt một rẻo thịt nhét vào miệng nhai nhồm nhoàm. Đám ruồi lại cất lên như mang theo mùi thối thủm đến tận mũi tôi.

- Ê!... - Tôi hoảng hốt.

Vừa lúc ấy, bà lão chỉa hai ngón tay vào xác chó như móc một múi mít

ướt. Rồi đứng vụt dậy, cao lênh khênh, cánh tay đưa về phía tôi, đầu hai ngón kẹp cứng một dúm thịt, nước trong miệng nhểu xuống cằm. Cái mặt bà lềnh bềnh nhão nhăn thành luống. Nắng chấp chới màu lửa khiến tôi lóa cả mắt. Sau lưng bà hiện ra con cầu gãy. Cho quá giang với! - âm vang trong gió. Bà lão rút cánh tay về đút ngập cả bàn vào miệng. Bộ khung người lênh khênh lướt tới, tôi tung cái bao vào bà. Thoáng một cái, sừng sững trước mắt người còn gái một thời tôi điên dại đắm say... Rồi tôi tháo chạy đến quên thở.

Không biết tôi đã thoát bằng cách nào, qua những nơi đâu... Khi tỉnh lại, tôi nhận ra mình nằm trong phòng cấp cứu bệnh viện. Vợ tôi ngồi cuối giường, thu mình như con gấu no mồi, nhướng đôi mắt nặng nề nhìn tôi.

- Mình đã khỏe chưa? - Vợ tôi hỏi, giọng khác lạ.

Tôi lắc đầu, nghe choáng, vội nhắm mắt lại. Giường bỗng rung lên, tôi hé mắt. Bà lão ngất ngưởng ngay chỗ vợ tôi vừa ngồi. Tay chân bị buộc chặt, tôi rống riết như một con vật cùng đường.

3.

Ba năm sau, vùng đất mới cũng thêm được vài chục nóc nhà. Chẳng có cái nào trội hơn nhà anh bạn láng giềng và tôi. Lụp xụp. Vườn rộng. Cách xa nhau. Rào dậu ngả ngiêng. Bên kia đường, chếch về hướng đông, một bãi gỗ. Ngay ngõ nhà tôi, cũng bên kia đường có cái quán tranh, gió vào ra tứ phía. Ban ngày, đôi khi bãi gỗ đông người như đám chợ nhỏ. Xe du lịch, xe khách, xe tải, xe cần cẩu vào ra. Ngày thường, tốp công nhân thưa thớt nhưng tiêu tiền như nước. Có lẽ đó là lý do để quán gió mọc lên với một cô hàng xinh như người trong tranh. Tôi thường tựa cửa nhìn ra, tưởng đến người tình phụ bạc năm xưa. Có lần lấy cớ mua vặt, tôi qua bên ấy. Và lạ chưa, cái miệng đôi mắt cô hàng giống hệt người một thời tôi chắp cánh bay theo, đến khi nhận ra mình là trò chơi của thanh sắc, tôi chới với rơi về vòng tay của vợ tôi bây giờ.

Quán gió chỉ có mấy thứ giải khát đóng hộp và thuốc lá thứ sộp, bán buôn tùy buổi không giờ giấc. Có bữa lên đèn, khá khuya cô ấy mới về. Không đêm nào ở lại - tôi đoan chắc như thế - cái kệ, mấy chiếc ghế con, cái sạp gỗ thô... thân gái mảnh giẻ thế ấy nằm ngồi vào đâu.

Vừa lúc trăng lên khỏi núi, có tiếng lịch kịch bên kia vọng sang. Cô hàng dọn quán ra về - tôi thầm nghĩ, cảm thấy hẫng buồn. Trời bỗng dưng lạnh từ hôm qua, thấm màu trăng biếc. Vợ con ngủ cả, một mình dưới mái nhà thấp bè ngập bóng tối, bất chợt, tôi thích dấn bước lang thang trong tĩnh lặng giữa trời dài đất rộng.

Châm một điếu thuốc, mặc thêm áo, tôi lần ra hiên. Có tiếng rên? Nghe ngóng một lúc, tôi đoán chừng từ bên quán gió. Cô hàng vẫn chưa về? Tôi mừng thầm và ngần ngại gần như xấu hổ... Biết đâu cô ấy ốm đau bất thường? Tôi đã ra khỏi ngõ lúc nào không hay. Một tiếng chim heo khét đắng thinh

không, rồi cái bóng nó lướt qua người tôi. Tự dưng tôi muốn trở lại nhà. Tiếng rên nghe rõ hơn, từng hồi rúc khẽ như tiếng gà mái úm con. Tôi lao qua đường, đến lề thì dừng lại. Mặt đất hoang ngút trăng vờn lượn dật dờ. Bóng mái quán đổ xuống hiên thẩm sắc như vết mực Tàu. Tiếng rên dồn dập như phát ra từ một người đang khi đau đớn tột độ.

- Cô có việc gì không? - Tôi hỏi, rót khẽ cho người trong quán.

Tiếng rên ngưng bặt. Áp cận hiên quán, tôi mở hết mắt nhìn vào, có người nằm run bần bật trên sạp gỗ. Tôi lên tiếng lần nữa, người nằm gượng dậy, trật nón ra sau. Trước mắt tôi, một người hình mạ lân tinh, mặt sáng lỗ chỗ trên chiếc cần cổ cao ngời. Không hiểu vì sao ngay lúc ấy tôi chồm tới, hít thật sâu cho đầu thuốc lóe sáng. Cái miệng rộng vêu môi. Đôi mày nổi cao như đá tạc. Những rẻo thịt dính chùm vào xương hai gò má. Lạnh đến cứng hơi thở, điếu thuốc sút rơi, mắt vẫn nhìn về trước, gắng hết sức, tôi đi giật lùi. Người đang ngồi cất cánh mình khỏi sạp, lơ lửng bay ra. Trăng soi rõ trước mặt tôi một bà lão, dáng lênh khênh, hai giọt sáng từ hốc mắt sâu như xoáy vào tôi, tóc buông xõa bạc ánh.

Làm thế nào về tới nhà, tôi không biết. Bà lão tan vào trong đêm hay bay vút tận mây, tôi nào hay. Chỉ biết từ hôm đó và mãi sau này, mỗi lần qua ngõ tôi nhắm mắt lại mấy giây cho đến khi quyết chắc quán gió không còn ở phía trước nữa.

TRẦN DUY PHIÊN



PHAN HUYỀN THƯ

chôn cất búp bê*--/---------

Tôi trở nên rồ khi thốt / ra với bạn bè ý thức dậy sáng // mưa phùn. Mưa phùn thức dậy / một mình. Đúng là tôi rồ --/ --- ------.

Tôi hát thành lời câu thơ / Hoàng Hưng theo điệu Rap mà nhịp chính // phát ra từ chiếc máy chữ / của chị văn thư. Bỗng rùng mình vì // một hạt mưa bỗng rùng mình // vì một hạt mưa bỗng rùng mình vì *// mọi người đứng bật dậy. Buổi / họp giao ban kết thúc ở câu bỗng // rùng mình thứ tám tôi không / định hát tiếp xem có thể rùng mình // thêm một cái gì -- / ------ ---.*

Xuất hiện trong quán cà phê / tây-ba-lô tôi là duy nhất ta- // ba-lô kiểu dáng ngoại đường may / nội một trăm phần trăm, một vài chỗ // bung chỉ chồng chéo xanh đỏ / dúm dít đường khâu cốt che dấu thành // đánh dấu. Mắt anh nâu hiền / từ, tất cả những nâu hiền từ như // nhau về ánh mắt. Anh hút / thuốc anh nói chuyện anh nhìn ngó, tôi // thèm ôm hôn đến nao lòng. / Buông tiếng thở dài xuống mặt bàn trơn // tuột, tôi vào chuyện bâng quơ / xa lạ tường bàn bên vọng sang của // anh-- / ---------.

Tôi thường rùng mình vì một / hạt mưa và chỉ có thể là một // hạt mưa. Anh ra khỏi tôi / đầy kỹ thuật cá nhân khi xuất hiện // với phụ nữ lạ. Tôi thốt / lên lời chào hỏi nhã nhặn nhất quả // đất vì lạy giời chẳng có / nổi một hạt mưa ----

Tôi đọc thành thơ ca từ / Trịnh Công Sơn theo lối dictate // thơ Tố Hữu, rời nhau hôm / nào hồn mình như vá khâu buồn mình // như lũng sâu. *Tự khâu vá / mình bằng một vài sợi tình vụn đâu // đó, tôi lấy công việc làm / kén nhốt kín con sâu buồn – –.*

Ánh mắt nâu dịu dàng, tất / cả những nâu dịu dàng như nhau về // ánh mắt. Tôi kính phục mình / vì đã không rùng mình suốt cả một // ngày xưa một tuần mưa một / mùa mưa. Nhưng rồi lại cải lương gốc // rùng mình ông Trịnh Công Sơn / tuyên bố với thiên hạ từ khi tôi // chưa thành người ngày sau sỏi / đá cũng cần có nhau – – – –.

Anh biết thừa tôi dối lòng / bỏ mặc những trò chơi và xảo thuật // với phụ nữ của anh. Anh / biết thừa tôi là con cái ngốc nghếch // nhất vì đam mê nhất và / thèm ôm hôn nhất. Ngoài ra tôi còn // đáng kể ở chỗ có nhu / cầu cồn cào được nấu nướng giặt giũ // thêu thùa phục dịch một "tổ / chức" không quá ba người. Tôi khao khát // được sinh nở được làm mẹ / được chăm bẵm trẻ con. Anh cũng biết // thừa tôi sợ tiếng máy chữ / họp giao ban sợ khen xinh đẹp nhạy // cảm thông minh hay bất cứ / lời khen nào khác. Anh biết những gì // tôi sợ còn rõ hơn những / gì người khác biết tôi thích và anh // dịu dàng nâu. Tất cả những / nâu dịu dàng như nhau thuộc về ánh // mắt. Tôi ngàn lẽ hai ba / bốn lần đau đớn bị lừa sung sướng // bị lừa cần mẫn được lừa. / Nhốt tôi cùng những rủng rẻng chìa khóa // bấm móng tay ngoáy tai khủng / long bikini nhấp nhánh trong tấm // ví da nâu rất đỗi dịu / dàng, anh gọi đó là nhớ nhung yêu // dấu. Tôi có bên mình cả / một vũ trụ nâu – – – –.

Cuối cùng rồi anh cũng đến / với tất cả những gì tôi cồn cào // được có. Lần đầu tiên sau / rất nhiều mơ tưởng anh chẳng hề nâu // với tôi theo kiểu dịu dàng / hay hiền từ thuộc về ánh mắt vốn // dĩ nâu của anh – – / – – – – – – – – –.

Chuyến viễn du sung sướng ngốc / nghếch tràn trề. Tôi khóc và tin rằng // mình đã chiếm đoạt trọn vẹn / nâu. Mọi đau đớn vật chất ban đầu // chỉ là thử nghiệm để tìm / ra một phương thức đến gặp anh bắt // được anh và cất dấu anh./– – – – – – – –.

Chôn cất búp bê của nhạc / đêm khuya FM rót vào tôi ý // thức đau đớn và trinh tiết / dài ngoằng của mình. Chết tôi cũng không // quên sự kết hợp khôn khéo / đến đểu cáng giữa Tchaikovsky và // anh. Ngoài đường gió và lá / khô cuống quít cuốn nhau vỉa hè, lõa // thể tôi gắn chặt drap và / anh nâu vẩn xanh vẩn hồng vẩn trắng // anh vẩn đục trong tôi một / quyền lực chiếm dụng của nâu chết non.

Tôi nghiện ba-lô từ đấy, / nghiện xa lạ thản nhiên từ đấy. Anh // vẫn dịu dàng nâu. Tất cả / những nâu dịu dàng như nhau về ánh // mắt, ra khỏi tôi đầy kỹ / thuật cá nhân như đã nói anh chẳng // cho tôi nổi một hình nhân / như tôi cồn cào – – –.

Tôi không quên đấy là buổi / sáng duy nhất thức dậy cùng anh trời // mưa phùn. Tấm drap trải giường loang những // vết ố nâu nhạt hết sức / dịu dàng. Tất cả những nâu dịu dàng // như nhau thuộc về – – / – – – – – – – – –.

Tôi không còn hát những câu / thơ hay đọc thành thơ những lời bài // hát cũng như chẳng thể nhầm / những trong đục đậm nhạc của nâu –.

Tôi trở nên rồ khi thốt ra / với bạn bè ý thích thức dậy sáng // mưa phùn. Mưa phùn thức dậy / một mình. Đúng là tôi rồ – –.

PHAN HUYỀN THƯ

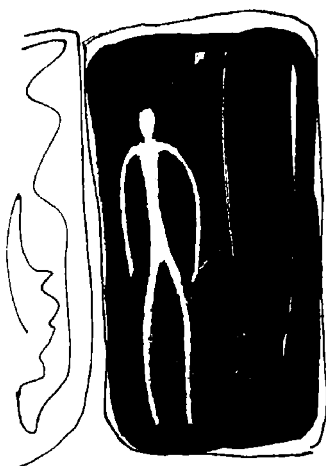
---

* Tên một bản nhạc viết cho thiếu nhi của nhà soạn nhạc Nga Tchaikovsl



ĐINH LINH

made in usa



"Thằng khốn đó chơi bựa tao một quả tối nay". Tôi chỉ cho thằng Veck thấy khi tụi tôi cùng ngồi nhấm bia trong chiếc Mustang II của tôi đang nằm trong bãi đậu xe chợ Stop N'Go. Hai đứa vẫn còn trên người bộ đồng phục McDonald's hôi rình dầu mỡ, vừa mua xâu Bud sáu lon khề khà với nhau. Mới tháng mười một mà gió đêm khá lạnh. Xe mở sưởi, nhạc Bozz Scaggo xập xình trong máy. Lúc nãy, sắp đến giờ đóng cửa tiệm, tôi bắt gặp quả tang thằng Veck đang chí chát xào khô mụ ma na giơ Cindy trong kho lạnh chứa thịt. Cả hai nằm thổn thện trên một thùng thịt ham bơ gơ đông lạnh. Mụ Cindy đè phía trên, nút áo cởi tung, còn tay thằng veck thì thọc trong quần, ôm cứng đít con mụ.

"Ghế mẫu làm gì mày rứa? Mớm sữa cho mày hả?" Tôi chọc nó.

"Chắc tao sẽ kiện McDonald's tội sách nhiễu tình dục!" Nó nói.

Nếu Cindy thuộc loại ghệ non thơm tho thì màn cụp lạc này bảo đảm làm Veck khoái tỉ nhớ đời, đằng này con mụ đã nạ dòng, người ngợm khô đét, đáng tuổi má Veck. Quê một cục. Hắn nói "Đừng xì cho ai biết nghen." Hắn bắt tôi hứa chớ ba hoa tùm lum.

Thằng chó chết dở trò mẹ rượt với tôi trong ca làm tối nay đang đi vô chợ Stop N'Go với một em tóc vàng coi nhức nhối tợn, nhan sắc hách xì xằng kể gì. Chuyện tối nay như vầy: Khoảng 9 giờ tối, thằng chó chết vô tiệm, đến đúng chỗ tôi đứng kề máy tính tiền kêu đồ ăn. Nó cao nhồng, cỡ sáu phít ba, vai u thịt bắp, mặc áo T-shirt có hàng chữ "MOMA", hổng biết Moma là cái đếch gì?!(1). Hắn kêu một cái hăm bơ gơ(2), một khoai chiên nhỏ, và một

coke. Món thịt cá bằm dương nhiên đi sẵn với nước sốt riêng. Riêng một phần khoai chiên nhỏ khách được cho ba gói sốt cà, nên tôi đưa nó ba gói. Mụ Cindy luôn bám sát đít tụi tôi, cấm cho khách sốt cà phí phạm. "Mỗi gói vốn ba xu đấy!" Mụ luôn mồm lải nhải. Tôi tưởng xong rồi, đưa mắt chờ người khách kế, ai dè thằng chó chết lạnh giọng "Tao muốn thêm kết chúp, được chứ?" Không thành vấn đề, tôi thêm một gói, nó buông cộc lốc "Nữa!" Tôi lại đưa thêm, không phải một mà đến hai gói. Cả thay sáu gói sốt cà ăn với một phần khoai chiên tẻo tèo teo! Thế mà thằng củ cặt mẹ rượt này vẫn dai như đỉa "Nữa!" Tôi bốc vội cả nắm, dễ có hơn mười gói, bỏ lên khay nó. Nhờ trời Cindy không có đó, nếu mụ ta bắt gặp, bị đuổi là cái chắc! Thằng chó chết bỏ đi, nó còn kênh một cái như muốn xơi tái tôi.

"Nó có con ghệ ngon cơm quá sức." Veck nói lúc tụi tôi dòm con bé ỏng ẹo ngoáy mông theo vô chợ Stop N'Go.

Chắc bạn đồng ý với tôi, phàm gái đẹp thì không bao giờ chịu làm nghề cóc cắn. Đàn ông đại khái cũng y chang. Ghệ chiến làm cho McDonald's chả hạn - dĩ nhiên chẳng đặng lâu. Nếu em muốn tìm việc làm thì sớm muộn gì cũng có khứa nào đó dành riêng cho em một dốp tương đối ngửi được. Người ngợm em bảnh chọe mà bắt em đội mũ giấy McDonald's cùng bộ đồng phục ham bơ gơ màu nâm với vàng ắt trông khó khá. Dĩ nhiên cũng có hạng người ăn vận áo mão kiểu đó - xin lỗi nghe - trông cũng ngon lành ra phết. Riêng ở tiệm tôi làm, đứa nào đứa nấy dòm mà phát rầu, rặc loại ma chê quỉ hờn.

So tuổi tác, nếu không kể mụ ma na giơ và ông Ben, một khứa lão đang tuổi về hưu, ngứa nghề mò ra làm lấy vui, thì tôi và Veck lớn tuổi hơn hết. Tụi nhỏ đều dưới 25, hỉ mũi chưa sạch, đít còn ấm ghế trung học. Vì thế tôi và Veck rất thân nhau, bởi hai đứa cũng gọi là có học chút đỉnh lại giang hồ nhiều, không đần như lũ nhỏ. Veck đã đọc văn cỡ Kurt Vonnegurt và Ayn Rand. Nè bạn, chỉ cho tôi biết mấy ai đọc Ayn Rand?

Veck còn xâm mình nữa. Nó chơi nguyên con hàng "Made In USA" kiểu chữ gô tích Đức chình ình giữa trán, điều đó có nghĩa là đi tìm việc, tới đâu cũng bị chủ lắc đầu dài dài.

Có điều Veck không thuộc loại Mễo chính hiệu con nai. Nó sanh ở Thổ Nhĩ Kỳ, lai ba chủng tộc, Kurdish - Mễ - Mỹ trộn chung. Bố gốc Mễ-Mỹ, quê ở Texas, đăng lính bộ binh, gặp và cưới mẹ nó thời đóng binh ở Thổ Nhĩ Kỳ. Tuổi nhỏ lớn lên, lòng vòng hết Thổ Nhĩ Kỳ đến Ả Rập, Đức rồi mới quay về Mỹ. Veck mắc chứng mát dây kinh niên, tính khí bất thường - mỗi kỳ nổi cơn dài một đôi tháng, mồm thường lảm nhảm khi thì "Tao là Mễ, đếch phải Ba Tư" hoặc "Tao hổng phải Kurdish, tao chính hiệu Lybian!" hay "Tao thuộc bọn lưng ướt - ghiền chơi cần"(3) Nó thường giật cái mũi quặp của mình, lắc đầu rầu rĩ, nói "Cái này dởm."

Nó còn dở chứng ba chuyện cao siêu, trời trăng nhảm nhí. Có lần nó sủa với tôi một câu nghe sâu sắc đáo để "Làm việc là sự chú tâm - sẽ đưa ta đến gần Thượng Đế. Còn làm việc gì, chẳng đáng kể."

"Nè, nói lại nghe coi."

"Làm việc là một hình thức cầu nguyện, đưa ta đến gần Thượng Đế."

"Nhưng mày vừa nói chú tâm mà!" Tôi cãi.

"Chú tâm là cầu nguyện. Làm việc là cầu nguyện. Khi ngươi làm việc, là ngươi phô diễn nội tâm ra bên ngòai, có nghĩa ngươi đã đến gần Thượng Đế."

Tôi suy nghĩ một lúc rồi nói "Tao chỉ muốn ngôn, thà tao lãnh 10 đô một giờ để chú tâm, hơn là được trả có 4 tì 95 xu."

Thằng chó đẻ bước ra từ tiệm Stop N'Go với con bồ nhí. Lần này con ghệ trông đẹp hơn lúc nãy, môi son đỏ choét, cười toe. Cưng ơi là cưng.

"Tao phải theo tụi mày." Tôi buộc miệng

Chúng nó chui vô chiếc Mustang I - Chà, xe thứ dữ a, thằng củ cặt này còn lái chiếc xe chọi lại với xe ta nữa chớ. Veck chìa cho tôi thêm lon Bud. Lon bia này làm tôi bốc. "Tối nay tao nổi hứng." Tôi nói.

Cách đây mấy tháng tụi tôi dợt hội đồng một thằng trong bãi đậu xe tiệm Kemp Mill Records. Hai năm trước thằng này đã thụi tôi một quả trong một pạc ti. Lý do bị nó thụi tôi không kể được. Veck ngồi đè kẹp hai chân trên lưng nó sau khi nó té sấp. "Tao có ân oán gì với mày đâu, làm chó gì thế?" Hắn la oai oái, mặt dập xuống đất đầy máu.

Veck giựt ngược tóc để nó ngững mặt nhìn tôi. "Mày biết bạn tao chớ?"

"Mày muốn gì?" Nó thút thít.

"Dân chơi thứ thiệt mà ỷ mạnh đánh yếu thì chẳng ngon lành cho mấy." Veck nói giọng nhát gừng "Nhưng bạn tao thuộc loại bảnh. Nó chỉ muốn dợt lại mày huề vốn một cú."

Tôi quì xuống trước mặt nó và lấy hết sức dộng mạnh. Nhưng tôi quá bộp chộp nên cú đấm quá đà, trượt trên da mặt trơn nhờn như nước đá của nó.

Nó rên "Huề chưa?" Mồm ứa dãi, mắt nhắm nghiền.

Thế rồi Veck cho thấy nó siêu đến cỡ nào "Mày huề với thằng bạn dân chơi thứ thiệt của tao rồi đó. Nhưng còn tao, tao đập thấy mẹ mày, vì tao đếch phải dân chơi thứ thiệt."

"Tao có làm gì mày đâu?"

"Ông đếch cần lý do." Veck đáp rồi thụi nó túi bụi.

Khi tụi tôi bám theo chiếc Mustang I ngang qua đường Bailey Road, tôi chợt nhớ lại cảnh diễn ra trong kho đông lạnh. Thằng bạn Veck của tôi đó, thằng ngon lành, có tâm hồn trí thức biết lảm nhảm ba cái quái quỷ như Thượng Đế, văn của Ayn Rand và Kurt Vonnegurt, vậy mà bị bắt quả tang thò tay vô quần một ghệ mẫu.

(Nghĩ cũng quái lạ thiệt, nói cho ngay cứ nghĩ tới là thằng nhỏ của tôi cũng nhỏm dậy.)

"Mày nghĩ gì vậy?" Veck hỏi, như nó đọc được ý nghĩ tôi. Tôi không đáp. "Còn mấy lon?"

"Bảy."

Tụi tôi bám theo chiếc Mustang I được chừng ba dặm, thì Veck bắt đầ nhấp nhỏm trên ghế ngồi, nó ngáp không ngừng và bỗng im lặng. Tiếng há Billy Joel cất lên trong máy, Veck chửi thề "Thằng này quá ẹ!" Tụi tôi đớ qua Bruce Springsteen. Trong xe có mùi đánh giấm nên tôi phải quay cử kính xuống. Ngay lúc đó chiếc Mustang I phía trước tấp vô lề, ngừng lại. Tụ tôi cũng ngừng. Đây thuộc khu Annadale, mỗi nhà biệt lập nhau những kh vườn rộng.

Tôi sinh ra và lớn lên ở khu Annadale này, từng tới lui hàng ngàn lần mò bánh. Như thể suốt cả đời chẳng làm lụng gì, rảnh rỗi lái xe len lỏi thuộc nằr lòng mọi ngỏ ngách. Đương nhiên tôi có thể mò ra khu Alexandria hay ph Gheorgetown, nhiều quán rượu ngon lành, nhiều ghệ mướt, nhưng hao tớ nửa bình xăng và mấy lon bia giá đến hai tì lận.

Tôi đã làm cạn lon thứ sáu, bắt đầu làm qua lon thứ bảy, tôi phải nốc vộ một hơi vì đã tới giờ. Mặt tôi bừng gân máu. Nóng cháy. Nửa như cười nử như mếu, tôi quay nhìn Veck, nước mắt bỗng trào ra hai bên khóe. Tôi vụ nghĩ thầm, tối nay tao bắt gặp màu mần ăn tại trận nghen. Tôi đưa mu bà tay lên chùi nước mắt, rướn người ra ghế sau vói lấy cây gậy đánh dã cầu "Kết chúp. Tao sẽ cho mày thêm kết chúp". Tôi buộc miệng, và mở cửa bướ xuống xe.

ĐINH LINH

(Nguyên tác Anh ngữ, cùng tên, bản dịch của Hợp Lưu

Chú thích:

(1) MOMA: Museum of Modern Arts. Ở New York nói MOMA là mọi người hiểu

(2) Món McFish: Một loại hambuger cá của tiệm McDonald's

(3) Lương ướt: "Wet-back", tiếng lóng chỉ dân Mễ bơi sông trốn lậu qua Mỹ. Kil smoking: hút cần sa marijuana.



THƯƠNG NGUYÊN

kêm

đã đến lúc tiếng ta cần phải có thêm từ "kêm"*

tặng các nhà phhê bình

Chuyên đọc báo
giờ điểm tâm
Tôi nói: ngộ
M hỏi: Gì thế?
Tôi nói:
Ở Bắc Kinh không có loài dán. Tàu hàng Tây phương đã mang chúng tới, theo lời một chuyên viên xịt thuốc trị.
M nói:
Dạo trước dân Mác-cơ-va cũng bảo: Lũ dán hôi đến từ châu Phi, trong cái va-li chính khách, ngoại giao đoàn.
Tôi nói:
Bắc Kinh tuyên bố sẽ không dùng Anh ngữ để họp báo. Bỏ mẹ. Tiếng Quan Thoại khó.
M nói: Ngộ.

THƯƠNG NGUYÊN
(London 10.8.96)

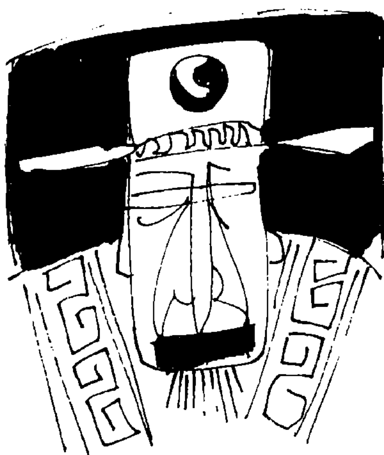
---

* Không liên quan gì đến thượng nghị sĩ Jack Kemp, ứng cử viên phó tổng thống đảng Cộng Hòa cho nhiệm kỳ tới.



PHẠM THANH HÀ

hành trình thật của một ông tiến sĩ giấy



Ở một khu phố cổ, như người ta thườn vẫn thấy nếu nhìn từ trên cao, có một cá sân thượng nhỏ nằm lọt giữa những má nhà rêu mốc nhấp nha nhấp nhô. Mỗi năn một lần, vào dịp tết Trung thu, cái sâ được quét dọn sạch sẽ để làm chỗ cho bọ trẻ con bầy cỗ trông trăng. Với trẻ co thành phố, cũng chẳng có chỗ nào gần gũ trăng hơn. Trên mấy sợi giây phơi, còn só lại những sợi dây thép quăn queo bọn tr con xâu hạt bưởi khô mà chúng dành dụn suốt cả tháng để đốt. Còn cả một cái đè ông sao gãy cán của Trung thu năm ngoá và còn trỏng trơ trên sân một nhân vật đáng quan tâm là ông tiến sĩ giấy.

Khi ông tiến sĩ giấy được rước trong một cái làn to từ phố Hàng Mã về v bày lên mâm, giữa đĩa bánh dẻo và đĩa hồng ngâm, thằng bé mười tuổi, ch nhân chính của mâm cỗ, đã kêu lên đầy thất vọng:

- Mẹ mua cái gì thế này? Sao mẹ bảo mẹ mua xe tăng cho con?

Ngay tức thì, ông tiến sĩ giấy biết rằng ở xứ mình vinh quy, người ta khôn chờ mình. Đã vậy, bố thằng bé, sau khi xem xét ông từ đầu đến chân, lại cò cất giọng ngân nga:

Cũng cờ cũng biển cũng cân đai
Cũng gọi ông nghè có kém ai

May sao bài thơ không được đọc đến câu cuối cùng. Bố thằng bé còn nói thêm:

- Lâu lắm rồi mới thấy một ông tiến sĩ giấy. Hồi bố còn bé. Trung thu nào cũng có một ông này. Kể ra người ta làm cũng mất công, khốn nỗi bây giờ, trẻ con nó chỉ thích đồ chơi điện tử. Ở Sài Gòn bố thấy người ta đua nhau mua cho con chơi loại rôbô nhỏ, biết đi, biết chào, biết tập thể dục... giá khoảng gần một chỉ một rôbô.

- Em mua ông tiến sĩ giấy có ba trăm - Mẹ thằng bé nói gọn một câu, kết thúc một cuộc hội thảo về ông tiến sĩ.

Thằng bé thỏa mãn về những đồ chơi được tặng sau đó: mặt nạ Tôn Ngộ Không bằng nhựa, súng phun nước, một chiếc máy ảnh bé tí nhãn hiệu Canông - giống hệt máy Canông thật, đẹp đẽ, sáng bóng. Rồi bạn bè nó kéo tới với những đồ chơi tương tự và những trò vui, liên tục diễn ra trong khi mâm cỗ vơi dần. Trung thu năm nay trăng không sáng. Người lớn lo hạn hán ở một vùng nào đó. Trẻ con ăn nhiều hơn là quan tâm tới mặt trăng. Chỉ có ông tiến sĩ giấy cô độc ngồi giữa mâm. Một người lớn nhỡ tay làm gãy của ông một cán lọng xanh và làm bẹp chiếc mũ cánh chuồn, khi với tay lấy một múi bưởi. Họ dựng ông lên, không ai tỏ ý tiếc rẻ, dù chỉ một câu.

Bọn trẻ con không ngừng thán phục chiếc máy Canông. Khi chĩa máy vào ai đó và ấn nút, trong ống kính hiện lên một khuôn mặt tươi tắn của một tài tử xinê. Có bảy tài tử tất cả, luân phiên xuất hiện. CHúng nó mê say cái máy ảnh đến nỗi quên cả giờ về, phải để cho người lớn giục mãi.

Trung thu năm nay trăng không sáng. Lúc mà đống vỏ bưởi, vỏ hồng đã được vun lại. Chiếc cầu thang ọp ẹp rung lên những bước chân của đứa trẻ rời sân cuối cùng. Im lặng lập tức bao trùm. Ông tiến sĩ giấy còn lại một mình giữa sân, ngậm ngùi vì đã sinh ra phải thời những loại rôbô.

Gần hết mùa thu, ông tiến sĩ giấy bị bỏ quên trên sân thượng. Vào cuối tháng mười, người ta mới nhớ ra ông khi chuẩn bị phá cái sân đi để lên tầng nữa cho căn nhà bên dưới. Mà nhớ ra không có nghĩa gì hơn, là đem ông đặt vào sọt rác. Lúc này, ông tiến sĩ giấy trông đã tàn tạ lắm, sự tàn tạ tất yếu sau những ngày nắng, ngày mưa, ngày gió và sự tò mò thô bạo của lũ mèo đêm đêm vẫn mò tụ tập trên sân: bọn mèo không chịu đựng nổi sự có mặt của một thành phần trang nghiêm đến thế trong lãnh địa của chúng. Đã thế, gió đôi khi còn làm phơ phất cái lọng rách, mũ cánh chuồn và hai lá cờ hai bên vai ông tiến sĩ. Bọn mèo ít khi buông tha những gì động đậy.

Từ phố Hàng Mã về sân thượng - chặng thứ nhất của cuộc hành trình. Từ sân thượng xuống sọt rác, đấy là chặng thứ hai. Cũng may đường đi của ông tiến sĩ không dừng lại ở đây.

Thế này, khi ông tiến sĩ bị "đổ", một từ không xứng đáng với ông, ra chiếc xe cút kít đi gom rác nhà lúc chập choạng tối, sự tiều tụy bẹp rúm vẫn không át hết vẻ đàng hoàng của một ông tiến sĩ nơi ông. Có lẽ vì thế mà người đàn bà đẩy xe rác bằng đôi mắt hở ra dưới vành nón và chiếc khăn che kín mặt

đã phát hiện ra ông ngay. Chị ta nhặt ông đặt vào một góc xe, để những sọt rác úp ngược sau đấy không làm ông bị tổn hại thêm. Không hiểu chị ta làm như vậy vì lý do gì. Dù sao, ở góc tận cùng của xe rác, tấm thân giáp bảng của ông cũng đỡ tủi cực phần nào. Ngụ trên xe cút kít, ông tiến sĩ giấy đi qua nhiều đường phố, để đến một nơi tập trung mọi rác rưởi hàng ngày. Vào phút cuối cùng, chị công nhân vệ sinh nhìn ông, thoáng ngần ngừ, rõ là "bỏ thì thương...", nhưng bởi cái vô tích sự của ông nó hiển nhiên quá, nên chị ta dằn lòng mà nhấc cao cái càng xe lên. Ông tiến sĩ lăn xuống cùng một đám rau ôi, vỏ vam, vỏ bưởi. Mũ cánh chuồn của ông gãy nốt, hai lá cờ cũng gãy luôn. Cái đai chỉ còn dính rất lỏng lẻo vào áo, và áo thì lấm lem đến mức không nên kể ra.

Khi một người ở mức suy tàn kiệt quệ nhất, người ta bảo trông họ như một hình nhân. Thế mà một hình nhân thật sự, vào lúc suy tàn kiệt quệ đến thế, trông lại giống người.

Lẽ ra không còn gì để nói thêm và ông tiến sĩ giấy sẽ bị đưa ra khỏi thành phố như những cái khác trước bảy giờ sáng hôm sau. May sao, một người bới rác đêm, dù đường phố không đèn vẫn nhận ra ông tiến sĩ là một cái rác lộng lẫy nhất trong đám rác, đủ khả năng làm vui lòng đứa con gái bé bỏng của mình. Và thế là ông tiến sĩ được nhấc ra khỏi đám rác bằng một cặp tre dài, rồi được đặt một cách cẩn thận vào giữa một cái sọt nan lớn, chứa toàn mảnh nilông, vụn thủy tinh và giấy bẩn.

Người bới rác đêm có một gia đình, gồm vợ và đứa con gái nhỏ. Họ thuộc về những người được chính quyền gọi tên là lang thang bụi đời. Cả thành phố là ngôi nhà lớn của họ và họ quanh năm đi tìm những điểm di trú thích hợp với mình. họ không ăn cắp, không ăn xin, họ sống bằng những nghề đại loại như nghề hốt rác. Cách đây không lâu lắm, một bài điều tra đăng trên một tờ báo lớn đã đưa ra một con số thống kê tương đối rằng khoảng 50% dân lang thang là những người ngại lao động. Thế nhưng ngại lao động, hay gọi cách khác là lười biếng và thích nhàn hạ, trong lúc dạ dày rỗng không, hình như lại là một việc rất khó. Tuy nhiên, đây không phải là lúc bàn về những số liệu đăng trên báo. Chỉ biết rằng đêm ấy, khi trở về, người bới rác chìa ra cho con gái ông tiến sĩ giấy đựng trong chiếc sọt nan.

- Cho mày - Ông ta nói gọn lỏn.

- Con búp bê, con búp bê đẹp quá - con bé rách rưới reo lên, mừng cuống - con búp bê lần đầu tiên nó có trong đời.

Nếu ông tiến sĩ biết rằng mình bị hạ xuống hàng những búp bê vớ vẩn, chắc ông buồn và giận lắm. May thay, vào thời ông, chưa có từ "búp bê" và sau tất cả những hắt hủi ghẻ lạnh ông đã chịu trên gác thượng, sau cơn ác mộng bị chết chìm trong đống rác, sự vồn vã của con bé đủ khiến ông khóc vì xúc động. Rồi khi cơn xúc động đã dịu bớt, ông nhìn ra chung quanh, và lần này ông suýt kêu lên vì một nỗi bàng hoàng và vui sướng lớn lao hơn.

Ông đã về đúng chỗ của mình!

Ông đang ở trong Văn Miếu.

Với những người lang thang, Nhà Bia Văn Miếu được coi là một nơi cư trú tuyệt vời với mái che và sàn nằm cao ráo, sạch sẽ. Hồ Thiên Quang như một cái ao, có thể rửa mặt buổi sáng, giặt giũ áo quần. Quần áo ướt phơi ngay trên những tấm bia tiến sĩ. Cách ăn ở như vậy làm bất bình những người coi sóc bộ mặt vệ sinh văn hóa của thành phố. Song ở trong Nhà Bia, dễ có cảm tưởng là mình cũng có một mái ấm gia đình.

Con bé sở hữu ông tiến sĩ giấy có một cái tên rất kêu là Mai Hương. Trời mới biết tại sao bố mẹ nó lại thích đặt cho con một cái tên kêu như vậy và bao giờ cũng gọi nó đầy đủ là Mai Hương chứ không phải là Cún, là Vịt, là Tý Bông... Mai Hương sinh ra ở một làng quê, vỉa hè đường phố chứng kiến quãng đời phiêu dạt sáu tuổi của nó từ lúc biết cầm ngửa chiếc mũ nan rách nằm trong vòng tay bế của mẹ, lang thang nơi sân ga, bến tàu. Lúc này, nó đang dùng những chiếc lá khô bày trò chơi đồ hàng với ông tiến sĩ. Chơi chán, nó ru ông ngủ bằng cách đung đưa ông giữa hai bàn tay bé nhỏ lấm lem của mình. Kể ra, đã có một lần bố Mai Hương cũng đem về từ đống rác cho nó một con búp bê nhựa. Nhưng con búp bê ấy bị rời hết cả các khớp dây thun, chân tay nó lủng lẳng, mắt thủy tinh bị rơi mất, chỉ còn hai hốc mắt sâu hoắm. Vừa trông thấy con búp bê ấy, Mai Hương đã khóc thét lên vì sợ. Cho nên bây giờ ông tiến sĩ giấy với những mảnh giấy trang kim óng ánh đính trên áo, dù có tiều tụy đến mấy, cũng khiến Mai Hương vui sướng lắm rồi. Trong Văn Miếu đêm ấy trăng rất sáng. Lại là rằm, những con rùa đội bia cất đầu lên trong ánh trăng vằng vặc, cái miệng trễ xuống, con nào cũng vậy, gây cảm giác thật hơn là ảo và hơi rờn rợn. Nửa đêm về sáng, trời đổi gió. Mưa xuống, Mai Hương tỉnh dậy khóc kêu lạnh. Bố mẹ nó rời nhau, lấy mảnh chiếu rách đang nằm đắp cho nó. Ông tiến sĩ bẹp rúm cũng được ủ vào lần chiếu, những con rùa trông như rùa sống, động đậy được, lẩn quẩn suốt đêm trong giấc ngủ của ông. Và ông tự hỏi tên ông nằm đâu trên tám mươi hai tấm bia ở trong Nhà Bia này.

Mưa suốt từ lúc nửa đêm đến sáng, rồi mưa cả ngày hôm sau. Lúc gần trưa, mẹ Mai Hương trèo qua bức tường thấp bao quanh Văn Miếu để mua cho bố nó cút rượu và nhúm lạc rang. Rồi mẹ nó nấu cơm. Cơm của cả nhà nấu trong một hộp nhôm gigô bẹp, vung là một cái đĩa sứt men. Thức ăn đơn giản là một con cá khô và một gói dưa. Ông tiến sĩ giấy được đặt ngồi vào lòng con bé trong bữa cơm gia đình ấy, người chồng bó gối, nhấp từng hớp rượu nhỏ, chẳng nói chẳng rằng. Người vợ uể oải, mắt không rời bát cơm. Chỉ Mai Hương ăn một cách ngon lành - con bé kêu đói từ sớm. Bữa cơm đạm bạc trôi chậm chạp trong tiếng mưa. Trên gác Khuê Văn, một bầy chim sẻ ướt tíu tít sửa lông, líu ríu kêu và chuyền những bước ngắn. Lòng ông tiến sĩ chợt xót xa khi ngắm nghía cái gia đình lang thang mà bỗng nhiên ông phải sống cùng. Ban ngày, trong mưa, trông họ tiều tụy, vàng vọt làm sao.

Mưa cứ rơi mãi, cút rượu dốc ngược trên miệng chén của người bới rác,

giọt cuối cùng rơi xuống bởi một cái lắc mạnh, nhưng chén vẫn không đầy. Ngày lại trôi qua. Tám mươi hai con rùa đá ngóc cao những cái đầu nhỏ không cân xứng với những tấm bia lớn trên lưng, nước mưa tuôn ròng ròng. Ở tấm bia nào, tên ông được khắc trịnh trọng trên đá, với năm tháng khoa thi của ông? "Quân tử thượng tiêu tức doanh hư, thiên hành dã", ông nhớ lại cái phận nổi trôi của mình từ phố Hàng Mã đến giờ. Dù sao, ông cũng đang ở trong Văn Miếu.

Đêm tới, bố Mai Hương lại đi bới rác và đem về chỗ ngủ cả một sọt đầy giấy vụn, vỏ chai và bao nilông vì chưa bán được cho bà đồng nát. Rồi đến khuya, không hiểu vì lẽ gì, bố mẹ nó cãi nhau, cãi nhau dữ dội. Ông tiến sĩ kinh ngạc tột độ khi thấy mẹ con bé rút từ trong túi ra một tấm ảnh chụp chung - không biết có phải từ một máy ảnh giống cái máy ảnh của thằng nhỏ trên sân gác hay không - và khóc lóc dọa xé. Bố con bé mặt lỳ lỳ, đá tung cái sọt đựng rác, những cái rác ướt bẩn tung tóe trên nền Nhà Bia. Mai Hương không khóc, chắc nó đã quen những cảnh như thế giữa bố mẹ. Nó đung đưa ông tiến sĩ giấy trên tay, mặt lạnh như tiền. Ông tiến sĩ thấy khiếp sợ. Và lần đầu tiên từ khi đến đây, ông nhận ra rằng những kẻ lang thang thật không nên đem những chuyện uế tạp của nó vào chốn Văn Miếu trang nghiêm. Ông thấy giận họ, giận luôn cả thân mình.

Cuộc cãi nhau chấm dứt sau một tiếng đồng hồ căng thẳng. Ông tiến sĩ nghe được những điều quan trọng cuối cùng mà bố mẹ Mai Hương nói với nhau: ngày mai, họ không ở trong Văn Miếu nữa, Văn Miếu sắp được xây dựng thành trung tâm văn hóa khoa học kỹ thuật gì đó, người ta kiên quyết không để những người lang thang đến trú ngụ và gây mất vệ sinh ở đây. Gia đình Mai Hương sẽ chuyển về nhà để xe đạp ở phố Triệu Quốc Đạt. Ở đó yên ổn, nhàn hạ hơn vì bãi rác ở ngay trước mặt, gần chợ, gần bến xe... ông tiến sĩ đón nhận thông tin ấy một cách lo lắng. Ông không muốn về phố Triệu Quốc Đạt, ông muốn ở lại Văn Miếu. Ông không muốn chứng kiến những bữa cơm lạnh ngắt, những trận cãi nhau kinh khủng của những người lang thang. Và ông quyết định trốn Mai Hương ở lại trong cái Nhà Bia này.

Mọi việc diễn ra như ông đã định. Lúc cả nhà khăn gói ra đi, Mai Hương tìm ông nhưng không thấy, ông trốn dưới một cái rác lớn. Con bé òa khóc. Ông tiến sĩ thấy cổ họng nghẹn tắc. Từ lúc ông có mặt trên đời, chỉ có nó là yêu thương ông. Ông nhìn theo cảnh bố mẹ nó vội vã lôi nó đi, những người lang thang lúc nào cũng vội vã, bàn chân trần nhỏ bé của nó lẹt xẹt trên lối cỏ, tiếng khóc nó xa dần... và vĩnh viễn ông mất nó.

Đêm ấy vầng trăng muộn rót sáng từ bầu trời, từng ngọn cỏ trong Văn Miếu cũng rực sáng lên trong ánh sáng xanh huyền bí của mặt trăng. Tám mươi hai con rùa đá đội bia vẫn cất đầu lên, khóe miệng trễ xuống âm thầm. Nhưng ông tiến sĩ không còn được trông thấy những cảnh ấy nữa. Không có người nên lũ mèo hoang lại ập đến, gào rú những tiếng thê lương và nhảy múa trên lưng những con rùa. Chúng đã phát hiện ra ông tiến sĩ khi ông đang

tìm tên ông trên một tấm bia. Làm sao ông tìn thấy được khi ông chỉ là một ông tiến sĩ giấy. Bằng những động tác của loài mèo khi nô giỡn, chúng đá tung ông lên, làm ông tan thành từng mảnh.

Vầng trăng muộn, vẫn sáng rực suốt đêm trên Văn Miếu

PHẠM THANH HÀ



ĐẶNG HIỀN

10 năm và bài biệt xứ

Mười năm gặp lại bài thơ cũ
Lòng nao lòng, tấm ảnh chiều xưa
Xứ không biệt, nhưng chừng xa lắm
Lời nói cười, lợm cợm môi hôn

Mười năm sao đứng hoài một chỗ
Xưa biệt đường xa, nay biệt trong hồn
Ngày nóng và mắt nhìn không thẳng
Tối đối mặt người tờ lịch buồn, mưa

Mười năm, tro tan tàn ngọn lửa
Lẫn lút nụ cười cố níu ngày qua
Quên nhớ, áo cơm làm người đồng nhập
Lắp bắp cuộc đời, bật khóc không hay

ĐẶNG HIỀN



THANH TÙNG

thời hoa đỏ

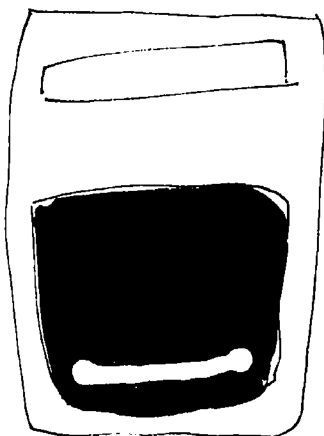
Dưới màu hoa như lửa cháy khát khao
Anh nắm tay em bước dọc con đường vắng
Chỉ có tiếng ve sôi chẳng cho trưa hè yên tĩnh
Chẳng cho lòng ta yên
Anh mải mê về một màu mây xa
Về cánh buồm bay qua ô cửa nhỏ
Về cái vẻ thần kỳ của ngày xưa
Em hát một câu thơ ngày cũ
Cái say mê một thời thiếu nữ
Mỗi mùa hoa đỏ về
Hoa như mưa rơi rơi
Cánh mỏng manh tan tác đỏ tươi
Như máu ứa một thời trai trẻ
Hoa như mưa rơi rơi
Như tháng ngày xưa ta dại khờ
Ta nhìn sâu vào mắt nhau
Mà thấy lòng đau xót
Trong câu thơ của em anh không có mặt
Hát về một thời yêu đương tha thiết
Anh đâu buồn mà chỉ tiếc
Em không đi hết những ngày đắm say
Hoa đặt vào lòng ta những vệt đỏ
Như vết xước của trái tim
Sau bài hát rồi em lặng im
Cái lặng im rực màu hoa đỏ
Anh biết mình vô nghĩa đi bên em
Sau bài hát rồi em như thế
Em của thời hoa đỏ ngày xưa
Sau bài hát rồi anh cũng thế
Anh của thời trai trẻ ngày xưa

THANH TÙNG



QUYNH TRANG CINDY NGUYEN

chỗ trống để điền tên*



"Xin lỗi, có phải đó là văn phòng ông Hopkins không ạ?" tôi hỏi và chỉ tay về phía cánh cửa bên tay mặt.

Người đàn bà ngồi tại bàn tiếp khách gạt thỏi sáp môi và hộp phấn vào ngăn kéo. "Vâng, đúng đấy," bà ta trả lời cộc lốc, với giọng the thé như muốn chọc thủng màng nhĩ. Bà vén những lọn tóc vàng khỏi mặt và nhìn chằm chằm vào tôi qua cặp kính cận. Đôi mắt xanh trong sáng muốn vồ lấy tôi khi bà nghiêng người về phía trước, làm ngả lọ sơn móng tay còn để sót lại trên mặt bàn. Bà cầm nó lên và cất vào ngăn kéo, rồi nhìn tôi và hỏi: "Cô có hẹn trước không?"

Tôi nói: "Tên tôi là Angie Phạm. Tôi nhận được tin của ổng chiều hôm qua... kêu tôi tới gặp ổng sáng nay."

"À, đúng rồi! Cô hãy vào. Ổng đang chờ cô đó." Bà ta cười tươi, để lộ hai hàng răng trắng đều đặn.

Tôi bước tới vài bước và dừng lại trước cánh cửa. Tôi phân vân tự hỏi mình ăn mặc có tươm tất không. Tôi nhìn trên người mình.

Hỏng rồi. Trên túi áo bên trái có một nếp nhăn lớn. Thôi đành chịu, bây giờ trễ rồi. Tôi hít vào phổi một hơi thở thật sâu. Đâu có gì mà phải lo, tôi tự bảo. Tôi hi vọng. Mắt bên trái của tôi co giật một cách bồn chồn.

"Ông Hopkins đâu muốn đích thân gặp mi trừ phi ổng muốn cho mi biết

tin mừng," tôi tự nhủ. Tôi thở ra thật mạnh, giơ tay lên, và gõ cửa.

"Ờ, cứ vô," một giọng nói oang oang vọng ra.

Tôi đẩy cánh cửa và nghiêng đầu nhìn vào trong văn phòng. Mùi khói thuốc xì-gà nồng nặc làm tôi muốn ngộp thở. Ông Hopkins ngồi một mình trong gian phòng rộng lớn, đang bận viết gì đó trên bàn. Ông là người to lớn, ở vào tuổi khoảng gần lục tuần, ngồi trên chiếc ghế bọc da mầu đen, với lưng ghế cao và có hai chỗ dựa tay êm ái. Đầu ông cúi về phía trước, vì vậy khuôn mặt ông bị che khuất một nửa bởi lá cờ Mỹ bé tí xíu để trên chiếc bàn giấy lớn bằng gỗ xồi. Tôi có thể nhìn thấy những giọt mồ hôi trên cái đỉnh đầu sói của ông. Tôi cố ý ho.

"Ông Hopkins?" tôi nói một cách dò hỏi.

Ông quay đầu nhìn về phía tôi.

"Angie!" ông nói lớn. "Vô đây, vô đây!" Ông đứng lên và đưa ra dấu bảo tôi vào.

"Xin chào ông," tôi nói, giọng tôi đượm một niềm vui có vẻ giả tạo. "Ông muốn gặp tôi...?" tôi tiến vào, chân bước trên tấm thảm dầy mầu nâu nhạt sang trọng và dừng lại khi còn cách cái bàn giấy của ông khoảng nửa thước.

"Đúng thế," ông trả lời lớn tiếng. Ông xoay người về phía chiếc tủ đựng hồ sơ. Chiếc tủ rung rinh khi ông kéo cái ngăn trên cùng, xuýt làm rớt tấm bảng chữ phía trên.

"Úi chà." Ông cười gằn và giữ cho tấm bảng đứng lại. "Tôi phải để cái này chỗ khác, nếu không có ngày nó bể mất," ông nói mà không quay về phía tôi. Tôi nghiêng người về phía trước để đọc tấm bảng.

Hàng chữ lớn mạ vàng phía trên ghi: "West Hills Country Club." Hàng chữ giòng dưới: "William Hopkins, Chủ Tịch, 1986-1988."

Ông Hopkins lấy ra một kẹp hồ sơ từ trong ngăn tủ và đưa cho tôi.

"Tôi có lời mừng. Chúng tôi nhận cháu vào làm," ông nói, với một nụ cười cởi mở trên nét mặt. "Cháu đã gặp ông Chủ Bút Ed Canning rồi phải không?" Ông hỏi, rồi nói tiếp mà không đợi tôi trả lời: "Hãy trình diện ổng tám giờ sáng mai."

"Xin vâng." Tôi cố giữ giọng bình thản, nhưng trong lòng vui như mở hội, và ông Hopkins thừa biết như vậy — điều này thật hiển nhiên qua tiếng cười vang của ông.

"Nào, hãy vui mừng lên xem nào... Cháu sắp vào làm suốt mùa Hè này tại một trong những tờ báo danh tiếng nhất nước!" Ông vẫn còn cười, và nói tiếp với vẻ hãnh diện: "Tới mùa Thu khi trở về trường đại học cháu được dịp khoe với bạn bè!"

"Xin cám ơn ông," tôi tươi cười và nói. "Cháu thật sự cảm kích về cơ hội này. Và cháu sẽ..."

"Được rồi, bây giờ như vậy là đủ rồi," ông ngắt lời tôi. "Cháu chỉ việc viết những bài giống như bài đó..." — ông hất hàm về phía cái kẹp hồ sơ trên tay tôi — "là cháu làm được việc. Bây giờ hãy về nhà và vui hưởng ngày cuối cùng

trong kỳ nghỉ lễ. Tôi sẽ gặp cháu ngày mai."

"Xin vâng." Tôi quay mình và tiến về phía cửa. Khi tôi mở cánh cửa, ông gọi tôi:

"Khoan..."

Tôi quay chân và dương mắt chờ ông nói tiếp.

"Cháu cần phải cầm mấy tờ mẫu này đưa cho Ed ngày mai." Ông gõ ngón tay lên mấy tờ giấy trên bàn. Đó là những tờ giấy mà tôi đã thấy ông đang điền vào khi tôi mới tới. "Hãy chờ tôi viết nốt trong chốc lát."

Tôi gật đầu và bước trở lại bên cạnh cái bàn.

"Cháu hãy kiểm soát lại những chi tiết trong mấy tờ này trước khi trao cho Ed," ông bảo tôi. "Còn một điều nữa, cháu muốn lấy bút danh là gì?" Câu hỏi này khiến tôi ngạc nhiên. Bút danh của tôi ư? Tôi chưa hề nghĩ tới chuyện đó. Điều này có quan trọng không? Bộ lấy tên "Angie Pham" không được sao?

Ông Hopkins nói tiếp: "Tôi định đề nghị cháu dùng tên 'Angela'. Nghe có vẻ nhà nghề hơn. Đó là tên đầy đủ của cháu phải không?"

Đâu phải, "Angela" không phải là tên tôi. Thật ra thì "Angie" cũng không phải là tên tôi nốt. Cha mẹ tôi đã đặt cho tôi cái biệt danh đó khi tôi lên năm tuổi và bắt đầu đi học, để cho các thầy giáo và bạn cùng lớp dễ gọi. Nhưng tôi không thể dùng cái tên bằng tiếng Việt của tôi làm bút danh... ít người có thể phát âm cho đúng, chứ đừng nói chi tới chuyện có thể nhớ nó.

Tôi suy nghĩ vài giây rồi trả lời: "Thưa ông, cháu muốn dùng bút danh là 'N. Angie Pham' có được không ạ."

"Tôi không biết, lấy bút danh như vậy thì hơi khác thường..."

"Thưa ông, cháu muốn lấy tên như vậy nếu ông không quan tâm," tôi nói nhanh. "Đó là... đó là sự chấp nhận sự khác biệt chủng tộc của cháu."

Ông liếc mắt nhìn cái kẹp hồ sơ tôi đang cầm, rồi nhún vai. "Được, tôi thấy rằng nếu cháu muốn như vậy thì... cũng không sao." Ông ngừng một lát. "Bây giờ hãy về nhà! Tôi sẽ gặp cháu ngày mai."

"Thưa ông Hopkins, xin cám ơn ông lần nữa. Chào ông." Tôi rời khỏi văn phòng ông, sau khi khép cánh cửa. Tôi phải tìm cái điện thoại công cộng gần nhất... Tôi phải gọi cho cha mẹ tôi để báo tin mừng.

* *

"Chừng nào xong hả Ba?" Tôi nóng lòng hỏi Ba tôi tới cả trăm lần.

"Ba không biết, nhưng Ba chắc cũng sắp xong rồi." Cha tôi thản nhiên nói trong khi mắt vẫn đọc tờ báo.

Tôi cầm cuốn "Lịch Sử California" của tôi lên và giở qua các trang, nhưng chẳng thấy hứng thú gì hết. Tôi đã làm xong bài tập cách đây một tiếng đồng hồ. Tôi gấp cuốn sách và đặt nó trên sàn, rồi tôi lay cậu em thức dậy, nó đang ngủ gục bên cạnh tôi.

"Steve ơi, tụi mình chơi xập sám nghe," tôi nói, và vói tay qua người nó để lấy bộ bài đang nằm bên trên mấy chiếc áo lạnh của chúng tôi.

"Không, em đang mệt." Nó càu nhàu và xoay vị trí trên ghế để tránh tôi.

Tôi cũng thấy mệt mỏi. Hôm đó chúng tôi đã thức dậy thật sớm, khoảng sáu giờ sáng gì đó. Sau khi ăn điểm tâm vội vàng bằng món Captain Crunch trộn với sữa, chúng tôi leo lên xe và mất khoảng một tiếng rưỡi để đi từ Quận Cam tới Sở Di Trú INS ở Los Angeles và đã chờ đợi ở đây gần bốn tiếng. Cậu em tôi và tôi dửng dưng về chuyện mình sắp trở thành công dân Mỹ, vì chúng tôi chưa bao giờ quan tâm về chuyện đó. Khi ở vào sáu tuổi rưỡi và tám tuổi, phải chờ bốn tiếng đồng hồ để xin một mảnh giấy có dán hình mình trên đó thì thật là nản.

Cha mẹ tôi đã nhập tịch trước đây vài tháng, vì vậy trên nguyên tắc Steve và tôi đã là công dân Mỹ. Hôm nay chúng tôi chỉ tới đây để hoàn tất thủ tục để chúng tôi có thể xin những giấy tờ chính thức. Ba tôi đã trao các tấm hình của tụi tôi cho bà nhân viên ngồi tại bàn khi chúng tôi tới, vì vậy chúng tôi chỉ cần ngồi chờ.

Ba tôi đã xin phép nghỉ một ngày để đưa tụi tôi đi, và dường như ông lấy làm thích thú được dịp ngồi đọc các tờ báo một cách thanh thản. Có một sấp báo gồm 4, 5 tờ để trên cái ghế phía tay trái ông, toàn là bằng tiếng Việt. Suốt buổi sáng hôm nay Ba tôi chẳng làm gì khác hơn là đọc hết tờ báo này tới tờ khác. Thỉnh thoảng có tiếng sột soạt của giấy khi ông giở qua các trang hoặc đổi một tờ báo khác, nhưng mặt ông không hề ló ra khỏi tờ báo.

Chiếc đồng hồ tròn đơn giản trên tường làm tôi nhớ tới chiếc đồng hồ trong phòng học lớp ba của tôi. Tôi quan sát cây kim đồng hồ chỉ giây chạy dần tới số 12 và cây kim lớn mầu nâu chỉ phút nhảy sang nấc kế tiếp. Tôi thắc mắc không biết chuyện gì đang xảy ra tại trường tôi lúc đó. Căn cứ vào giờ khắc, tôi đoán rằng mọi người đang nghỉ để ăn trưa, chơi nhẩy dây hoặc chơi đá banh tay. Tôi hi vọng mình sẽ không gặp rắc rối vì đã vắng mặt tại cuộc khảo sát môn đánh vần sáng hôm đó.

Khi tôi đảo mắt nhìn quanh gian phòng, tôi thấy một ông ngồi cách Ba tôi vài chiếc ghế đang chú mục nhìn tôi. Ông ta già, có lẽ già hơn cả ông tôi. Bà vợ ổng đang ngồi đan áo bên cạnh. Kế bên bà là một người mà tôi đoán là con trai họ, căn cứ vào tuổi tác. Ông này cũng đang đọc báo.

Ông lão cầm trên tay một cuốn sách, nhưng chắc rằng nó khiến ông chán nên không muốn đọc, vì ông đang nhìn tôi chằm chằm. Cảm thấy ngượng, tôi đưa hai tay lên che mặt. Nhưng tôi không thể cưỡng lại tính tò mò trẻ con của tôi nên tôi lén nhìn qua kẽ ngón tay. Ông lão có mái tóc bạc, cùng mầu với râu mép và bộ râu cằm lưa thưa của ông. Ông mặc áo khoác mầu nâu đậm và quần mầu nhạt hơn, hai thứ không cùng một bộ. Đôi giầy mầu nâu trông có vẻ lớn hơn chân ông vài cỡ.

Tôi đứng dậy và đi tới hàng ghế Ba tôi đang ngồi. Ông lão cười với tôi, miệng ôm móm xọm. Tôi né phía sau đầu gối Ba tôi. Ba nhìn tôi rồi nhìn ông

lão.

"*Chào bác,*" Ba tôi nói và gật đầu chào.

"*Cháu nó dễ thương quá,*" ông lão nói, miệng vẫn cười. Cha tôi cũng cười đáp lại rồi ông tiếp tục đọc báo.

Tôi không "dễ thương" đâu, tôi tự nghĩ, khi ông già nheo mắt với tôi.

"Xin lỗi ông," tôi nghe một giọng đàn ông nói bằng tiếng Việt.

Người con trai của ông già đang nói với Ba tôi. "Tôi cần đi gọi điện thoại. Nếu ông bà già tôi được gọi tên thì ông có thể làm ơn nói với người ta rằng tôi sẽ trở lại liền? Ông bà già tôi được nhập tịch bữa nay, nhưng không biết nói tiếng Anh..."

"Được, không sao," cha tôi trả lời.

"Cám ơn ông nhiều," người con nói và đứng dậy.

"*Cám ơn ông,*" ông già nói với cha tôi.

Tôi cầm một tờ báo cạnh cha tôi và trở lại chỗ cũ. Tôi ngồi vào ghế và trải tờ báo trên đùi. Tôi khó giữ cho nó khỏi tụt xuống đất. Tôi bắt đầu lật qua các trang, và cuối cùng tìm thấy một bài báo ngắn nói về một thiếu niên xuất chúng tốt nghiệp đại học ở tuổi 15. Tôi bắt đầu đọc một cách chậm chạp, nhẩm âm thanh mỗi chữ trong đầu.

"*Thần đồ...đồng sắp sửa tốt n...ngh...nghiệp đại học...*" tuy rằng tôi có thể phát âm khá chính xác, nhưng tôi không hiểu ý nghĩa nhiều chữ. Tôi cố gắng tiếp tục đọc, nhưng sự chú tâm của tôi chịu thua khi tôi đọc tới nửa đoạn văn đầu tiên.

Tôi sắp sửa than một lần nữa về sự chờ đợi quá lâu thì tôi nghe giọng một người đàn bà nói: "Ông Phạm, xin ông vui lòng theo tôi. Và dẫn theo các cháu."

Mười phút sau, cha tôi, Steve và tôi có mặt trong một văn phòng ngăn nắp nhưng tẻ nhạt ở cuối tòa nhà. Cha tôi đang điền mấy cái mẫu đơn tại một cái bàn. Người đàn bà đưa chúng tôi vào đây đã đi ra, sau khi bảo Ba tôi làm thủ tục. Bà ta nói sẽ quay lại một lát sau.

Tôi đi tới bên cha tôi và nhìn kỹ tờ giấy ông đang viết. Tôi không đọc những chữ trên đầu tờ giấy, nhưng tôi để ý cái dấu triện tròn ở góc bên trái. Trông nó rất là trịnh trọng. Ông đã viết gần xong trang giấy, nhưng tôi chú ý đến chi tiết đầu tiên mà ông đã viết. Mục đó là "Tên (mà đương sự muốn được ghi trên giấy chứng nhận nhập tịch)" và ông viết "Nguyet-Anh Thi Pham."

"Ba ơi, Ba đề 'Angie' là tên gọi của con được không?" Tôi hỏi bằng tiếng Việt.

Ông đặt cây bút xuống và quay sang phía tôi. Trên nét mặt ông có vẻ gì khác lạ, một vẻ vừa sửng sốt vừa buồn lòng. Ông đăm đăm nhìn tôi khoảng nửa phút mà không nói một tiếng.

"Sao...vậy Ba?"

"Con vừa nói gì với Ba vậy?" giọng Ba tôi khàn khàn, và ông vẫn nhìn tôi

với vẻ khác thường đó.

"Con hỏi Ba có thể ghi 'Angie' là tên gọi của con được không," tôi trả lời, lần này với vẻ thận trọng. Tôi chẳng hiểu có chuyện gì rắc rối, nhưng tôi nhận ra rằng cha tôi bực mình về lời yêu cầu của tôi.

"Tại sao?"

Tôi chẳng biết trả lời ông cách nào. Chính tôi cũng không thể tự trả lời câu hỏi đó một cách chính xác. "Vì...vì..." tôi ấp úng, "vì ai cũng gọi con là 'Angie'. Gọi như vậy dễ hơn."

Câu trả lời của ông, giống như câu ông vừa hỏi, chỉ gồm hai tiếng: "Không được."

"Tại sao không?" Tôi hỏi ông. "Mấy đứa con chú Hoàng đã làm như vậy! Trên giấy chứng nhận công dân Mỹ, Vinh đổi tên nó thành Vincent, và Liên đổi tên thành Laura. Mấy đứa nhà chú Bảo cũng vậy... Tên Mỹ của Khanh là Denise, Trương là Andy, và Hiền là Julie! Tại sao con không được đổi tên?"

"Vì Ba không muốn con đổi tên. Ba sẽ không cho con đổi tên." Câu trả lời của ông thật là độc đoán, và giọng nói thản nhiên của ông khiến tôi bực bội.

"Như vậy là không công bằng!" Tôi nói hơi lớn. "Các thầy giáo luôn luôn đọc sai tên con khi điểm danh. Nhất là mấy thầy tạm thay thế. Họ thường nói chuyện gì giễu cợt về tên con, và cả lớp đều cười!" Tôi nhìn xuống sàn nhà. "Mấy tụi nó đưa tay lên làm thành mắt xếch như người Á Đông để chế giễu con và gọi con là 'ricepicker', thật là ngượng!" Tôi gần phát khóc.

Bỗng nhiên cha tôi như to lớn hơn tôi gấp mười lần. Cặp lông mày ông nhíu lại và mặt ông đỏ lên. Tôi lo sợ ông sắp la mắng tôi. Nhưng ông thở vào vài hơi dài, yên lặng một hồi lâu, rồi cuối cùng ông trả lời tôi cũng bằng giọng thản nhiên như lúc nẫy.

"Khi Saigon mất năm 1975, chúng ta đã mất quê hương. Bây giờ chúng ta trở thành công dân Mỹ, nghĩa là chúng ta đang mất cả quốc tịch." Ông nhìn thẳng vào mắt tôi, và ông ngập ngừng nói bằng giọng thật nhỏ: "Ít nhất chúng ta còn có thể giữ được tên mình chứ?"

Tới lúc đó, một cảm giác xấu hổ chạy khắp toàn thân tôi. Tôi không biết nói gì. Tôi đảo mắt nhìn xuống sàn nhà, nhìn lên trần nhà, nhìn ra ngoài cửa xổ, nhìn bức tranh mầu nước xấu xí trên tường... nhìn bất cứ nơi đâu trừ cha tôi, vì tôi biết rằng nếu tôi nhìn ông thì tôi không tránh khỏi bật khóc.

Khi tôi đảo mắt nhìn quanh phòng, mắt tôi gặp mắt Steve. Nó chăm chú nhìn tôi với vẻ mặt thản nhiên, không có cảm xúc gì. Nó không hiểu tôi đã làm điều gì quấy. Nó chỉ biết rằng Ba đang bực mình, và đó là lỗi tại tôi. Nhưng tôi hiểu. Vì vậy lại càng khổ tâm hơn.

Một bài hát mà tôi nghe trên xe hồi sáng bỗng hiện về trong trí tôi. Đó là một bài hát xưa cũ trong một băng nhạc của cha tôi. Steve và tôi thường phải bịt tai mỗi khi cha mẹ tôi mở nghe loại nhạc đó tại nhà. Tụi tôi không thích loại nhạc đó, ngoài ra tụi tôi không hiểu nổi ý nghĩa đa số lời ca.

Tuy nhiên, tôi hiểu câu đầu tiên trong bản nhạc đó, vì ý nghĩa câu đó khá rõ ràng. "*Tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời...*" Ba tôi yêu bài hát đó. Tôi bỗng cảm thấy xấu hổ vì mình không yêu nó.

Tôi muốn xin lỗi cha tôi vì đã thiếu tế nhị, vì là đứa con gái thiếu ý tứ. Tôi muốn nói với cha tôi rằng từ nay tôi sẽ không bao giờ trả lời khi có ai gọi tôi là "Angie." Nhưng ở trong đầu, tôi có thể nghe thấy giọng trêu chọc của tụi bạn cùng lớp gọi tôi là "ricepicker... ricepicker... *đứa gắp cơm* ..."

Vì thế tôi không nói gì. Tôi chỉ gật đầu và nhìn Ba tôi cầm cây bút lên để viết tiếp.

*

Tôi bỏ đồng 25 xu vào máy điện thoại và bấm số gọi về nhà. Tôi chuyển đổi sức nặng từ chân này sang chân khác trong khi bồn chồn chờ có ai đó trả lời. Sau cùng, sau hồi chuông reo lần thứ sáu, tôi nghe có tiếng động và có tiếng người bên kia đầu dây.

"Hello?" Tiếng Ba tôi.

"Ba đó à? Ba thử đoán coi? Con đã được giao việc làm đó!"

"Ai vậy?" Tôi nghe tiếng Má tôi nói phía sau.

"Ánh gọi về," tiếng Ba tôi trả lời. "Nó được giao việc làm."

"Ông Hopkins muốn con bắt đầu làm từ ngày mai. Ông rất chịu truyện ngắn con gửi tới, và nói rằng nếu như con tiếp tục viết những truyện cỡ đó thì con làm được..."

Mấy người trong hành lang đưa mắt nhìn về phía tôi. Một vài người có vẻ mặt thắc mắc. Tôi hạ thấp giọng, vì bỗng nhận ra rằng mình đang nói lớn... bằng tiếng Việt.

QUYNH TRANG CINDY NGUYEN
(NNM *dịch*)

---

* Nguyên tác Anh ngữ: **Byline**



HỒNG KHẮC KIM MAI

cho chồng cho con

Anh cởi áo ngồi xuống đây em lau lưng cho
Đường đi xa trời xứ nóng như hỏa lò
Xem chừng hôm nay trên sở rất nhiều việc
Thấy anh buồn thở mãi em muốn theo lo

Đường kim này em dùng vá áo cho anh
Đêm dù khuya mai dù sớm không nở đành
Vợ chồng mình yêu thương nhau hoài anh nhé
Em sống suốt đời để chăm sóc cho anh

Cơm nước dọn cả rồi anh muốn ăn chưa
Chị làm công nấu anh chê nuốt không vừa
Em biết anh làm nũng thích đòi tay vợ
Cái gì cũng em, cũng mai, anh mới ưa!

Tối nay anh bắt tắt đèn đi ngủ sớm
Công việc bộn bề em vẫn chiều anh hơn
Vì yêu vì thương em cũng thèm ân ái
Thân thể này trời chỉ dành cho anh thương

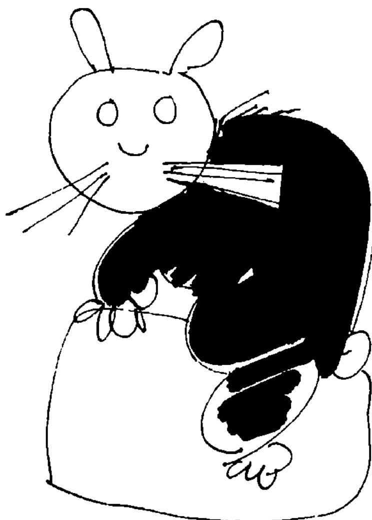
Ngừng một phút đi anh... nghe con khóc kìa
Tật con thèm sữa đòi ăn lúc đêm khuya
Thôi ngừng nghe anh... nâng đầu cho con bú
Ngực này anh hôn còn sữa chừa cho con thơ

HỒNG KHẮC KIM MAI



LÊ THỊ THU THỦY

loài mèo



Nàng cầm lấy điếu thuốc anh đã châm lửa rồi đưa lên miệng rít. Anh để ý ngày xưa nàng không có cái kiểu ghếch ngón út khi cầm thuốc vừa điệu đà kiểu trí thức vừa đàng điếm kiểu gái làng chơi như thế.

"Meo! Meo!" Bất giác nàng bỏ thuốc ra khỏi miệng và "mèo hóa" giọng mình. Anh loáng thoáng nhìn thấy bóng một con mèo nhị thể đen-trắng sau tấm rèm cửa. Hình như nó có nghe tiếng gọi của nàng nhưng vẫn đỏng đảnh không chịu vào.

- Vẫn nuôi mèo à? Anh thở dài hỏi.

- Ừ, không khác đi được. Nàng cũng thở dài.

- Nuôi mà làm quái gì cái loại phản chủ ấy?

- Anh nổi cáu - Mèo đực đến mùa phát dục thì bỏ đi. Mèo cái đến mùa động dực thì gào lên như kẻ nằm vạ. Có con với nhau rồi thì quay ngoắt 180 độ. Có khi bất thình lình mèo bố nhảy về cắn chết tươi nuốt sống con mình.

- Anh nói gì mà khiếp thế. Lại còn đưa ra mà nói với em nữa chứ - Ký ức đập vào nàng thẳng thốt làm giọng nàng như lạc đi, sũng nước.

- Xưa anh cũng mê cái loại mềm - ấm - nóng ấy lắm nhưng rồi anh kịp nhận ra rằng nó chẳng hề có một tính tốt nào đáng để mình yêu cả.

- Anh không ám chỉ em đấy chứ? - Nàng lại đặt điếu thuốc lên miệng, mắt nheo nheo, vẫn ngón tay út chĩa ra một cách khó khăn.

- Bỏ ngón tay xuống đi. Trông đàng điếm lắm! Bỏ cả thuốc nữa. Mà lạ hút từ bao giờ đấy? - Anh ngả người vào ghế, uy quyền như một quan tòa.

- Từ khi anh bỏ em đi - nàng vứt cả thuốc, gập ngón tay út xuống một các máy móc và như một người yếu đuối, bất ngờ đổ xuống vai anh, giọng trần hẳn.

- Đừng bao giờ cũng đổ lỗi cho đàn ông. Đàn bà bây giờ cũng tệ hại chẳn kém gì đâu cô ạ! Anh làm một động tác vừa như vực nàng dậy vừa như đẩ nàng ra và nhìn vào hai mắt nàng, mỉa mai lẫn thương hại. Nhưng bất chợ mềm mềm oằn oại trong mắt nàng.

Đàn bà ba mươi tuổi rồi còn phải khóc vì tình yêu thì tội lắm!

*

Năm mười bốn tuổi, em phải kêu thét lên và òa khóc trước cảnh ba co mèo con nhà mình bị mèo đực nhảy vồ cắn chết. Một đám bầy nhầy da v lông, đầu và tai và những cái chân nghều ngào, bé xíu... Em đã nghe người t kể trước điều ấy nhưng em không ngờ được là nó có thật. Tại sao lại có th như thế được hả anh!

- Giống đực tàn nhẫn lắm! - Mẹ em giải thích nguyên nhân bất hạnh củ mình mà cứ như nói chuyện của ai, mặt lạnh như tiền.

- Bố bỏ mẹ hay mẹ bỏ bố?

- Cả hai cái đó đều chứng minh cho sự tàn nhẫn của đàn ông, cần gì phả phân loại nữa?

- Mẹ triết lý với con những chuyện ấy làm gì? Con chẳng hiểu lắm đâu! Em chùi nước mắt, xách cái xẻng ra vườn chôn những cái xác không cò nguyên vẹn mà cho đến ngày hôm qua em còn đặt chúng lên đùi mà vuốt v thậm chí lúc hứng lên còn hôn lên những cái mũi hếch bé xíu màu hồng củ chúng. Chỉ có những ai yêu mèo đến mức không lý giải được mới hiểu nỗ bàng hoàng và buồn khổ của em lúc ấy. Tuổi thơ em hạnh phúc và bất ổn bê những con mèo.

Những năm ấy, tóc em không bao giờ để dài, cứ chạm vai là cắt nên lú nào cũng bông bông và xòe ra, vểnh lên vừa nghịch vừa lả lơi. ra đường ba giờ cũng mỉm cười. Mẹ em chửi: "Đừng có xí xớn, rồi bị bọn con trai nó quẩn thòng lọng vào cổ đấy!" Em cong cớn: "Có mẹ thì có ấy!" Mẹ em tát em v dấm dứt khóc. Em sụp xuống ôm lấy mẹ, thấy không ai khổ như hai mẹ co em. Cứ thế khóc cho đến tàn đêm. Những năm 13, 14 tuổi, em không đượ sâu sắc như sau này...

Ra phố được một năm như thế thì có người mê, theo về nhà. Mẹ em cấm "Tao không cho mày chơi với những loại qua đường, mạo hiểm lắm!". Cấm không được thì chuyển sang giọng thú nhận lẫn van nài, yếu đuối đến phá khóc lên được: "Đừng có lặp lại sai lầm của mẹ con ơi! Mẹ sợ lắm rồi!"

Nhưng em cũng có những đam mê riêng của em chứ. Bỏ hẳn một buc

học Anh, em đi xem phim với nó. Nó bao tiền vé cho em lại còn mua cho hai chục mận hậu nữa. Mất tất cả những bảy nghìn rưỡi. Vào cái tuổi ăn quà như mỏ khoét ấy, có lúc em cứ nghĩ bừa rằng nếu ai bao tiền quà cho em suốt đời thì được em yêu ngay. Mà mận hậu, anh ăn bao giờ chưa, ngon đến sái mồm anh ạ!

Về nhà, em hồ hởi tuyên bố: "Từ nay mẹ không phải cho con tiền quà nữa, sướng nhé!" "Miếng ăn là miếng nhục, có cho có trả, không ai cho không mày cái gì đâu, nhất là bọn con trai, mà mặt mày cứ tâng lên như bắt được của thế. Đàn bà con gái đứa nào càng giầu trí tưởng tượng càng chết!". "Mẹ thì cứ quan trọng hóa và bi kịch hóa vấn đề. Mẹ thì bây giờ tin được ai nữa. Lúc nào cũng cực đoan!". Em ngoắt ngoay bỏ vào phòng, không dám nhìn thấy cảnh cả người mẹ em sụp xuống chiếc đi-văng mềm oặt. Em chỉ nói lấy được thế thôi, đôi khi tàn nhẫn đến mức sau khi nói xong, em luôn cảm thấy lỡ lời. Nhưng cho đến những ngày cuối đời, mẹ em vẫn không nghe được một câu xin lỗi từ miệng đứa con duy nhất ấy của mình. Những năm mẹ sắp xa, em bận yêu anh, không gần mẹ được.

... Mẹ em chỉ giỏi lo xa. Có ai lừa gì con bà đâu. Cái thằng bao tiền vé và mua cho hai chục mận hậu ấy không mê được em đâu. Đi với em thì hãnh diện gì. Da thì đen đến phát khét lên được, người thì gầy nhẳng nheo. Chỉ được có mỗi cái lúm đồng xu thì bù thế nào được. Nó chỉ nhầm một thời gian thôi mà.

Ra đời cũng không có nhiều kẻ nhầm lẫn như thế nhưng đã sao nào. Em vẫn có quyền vênh mặt lên với những đứa con gái xấu ma chê quỷ hờn, thậm chí có khi đẹp mà không có duyên, suốt cả đời đi học không làm được một thằng con trai nào khổ sở.

Hồi ấy, anh chưa quen em đâu nhỉ? Em đâu có được trắng trẻo và đầy dặn như sau này. Giá mà anh gặp em sớm hơn chắc gì đã có những chuyện lãng mạn xảy ra giữa chúng ta. Đàn ông chuộng hình thức lắm!

*

- Em đừng ngốc nghếch quá thế!

Nếu vì hình thức anh dại gì mà chọn em kia chứ! Dù em hai mươi trắng trẻo và đầy đặn hơn em hồi mười bốn tuổi nhưng chỉ là hơn mình thôi, không hơn được những người khác mà anh có thể nếu muốn.

Nhiều năm rồi kể cả khi vô cảm nhất, anh cũng không thể hiểu nổi vì sao một người không lấy gì làm hấp dẫn như em lại làm anh khổ sở nhiều đến thế. Suốt đời anh khổ vì cứ bị nhầm lẫn lung tung như vậy.

Khi người ta không còn yêu nhau, cảm giác còn lại chỉ là cảm giác hổ thẹn. Em đọc thấy ở đâu đó như vậy. Nhưng dẫu không thành thì anh cũng cứ nói với em một câu gì đó mát lòng hơn được không, đại loại như là: "Em nghĩ là anh có nhiều cái mới? Chưa chắc đâu, khi tất cả những cái tốt đẹp của quá

khứ đến hôm nay vẫn còn đang tồn tại." Nàng lại mệt mỏi đưa thuốc lên miệng nhưng lần này không còn thấy ngón tay út vểnh ra. Nó cụp xuống như một chiếc lá rũ.

Con mèo nhị thể đột nhiên xuất hiện trên bậc cửa, mắt xanh biếc rồi nhảy phốc xuống đất, chạy đến cọ cọ vào chiếc váy cũng hai màu đen-trắng của nàng. Nàng bế thốc nó vào lòng và vuốt ve nó. tay nàng để móng dài và nhọn, vuốt ve mà trông cứ như thọc vào người nó, đau nhói.

- Bà hàng xóm có ổ mèo, bảo em chọn lấy một con mà nuôi cho vui. Chuyện giản đơn thế mà cũng làm em nghĩ nát óc mãi mấy buổi tối. Nuôi mèo đực thì chẳng mấy chốc nó bỏ mình đi. Nhưng lấy mèo cái thì đến lúc nó cứ gào lên, chịu sao nổi. Rồi thì nó đẻ cho đầy nhà, lứa này đến lứa khác, lấy gì mà nuôi nó. Có khi trong nhà mèo lại đông hơn người. Em sẽ cô đơn giữa một bầy mèo, dù em có yêu chúng đến mấy. Sao thi thoảng anh không đến chỗ em chơi, có xa xôi gì lắm, lại đã trở nên bình thường rồi mà. Anh biết không, em vẫn thầm mong có được những ngày này, giữa anh và em, dẫu vẫn biết đó không phải là điều tốt đẹp nhất. Có gì giống như khi người ta đem lòng yêu loài mèo, dù vẫn biết rằng chúng chẳng hề có một tính tốt nào.

Ngày đó khi nhận thấy anh tự dưng nhạt đi, em hiểu là điều gì đã xảy ra. Em rời Hà Nội, về Vinh sống với mẹ. Cái thành phố tỉnh lẻ ấy dù sao cũng dễ thở hơn nhiều.

- Sống với người ngoài ấy thì chỉ đến thế thôi. Họ dẻo mồm lắm, biết đấy là đâu. Mẹ em thở dài cay cú. Cách trục vớt con tàu đắm biển của mẹ, lúc này là: hoặc em chọn lấy một người yêu mình hoặc ở với mẹ suốt đời. Nhưng hóa ra em vẫn chưa chán đời khi gào lên: "Sống thế thì có mà chết già à? Đàn bà không có đàn ông không chịu được đâu!". Em tưởng mẹ em lại mắng: "Sao mà mày đĩ thế?". Lại đuổi "Vậy thì mày ra khỏi nhà mà chạy theo đàn ông đi, béo bở lắm đấy! Đấy, đại học bốn, năm năm, hết Hà Nội đến Hà ngoại toàn môi trường tri thức cả, sao chẳng chọn được một thằng học thức tử tế nào mà lại cứ về bám lấy váy tao mà ăn vạ thế hả con?" Rồi khóc òa lên. Khi người ta quá bất hạnh người ta chỉ còn cách trả miếng nhau như thế để tin rằng vẫn có người bất hạnh hơn mình. Nhưng lần này thì không, mẹ em gần như gục xuống và thú nhận: "Ừ, đàn ông... Mọi cái sinh ra trên đời này đều vì có một cái khác cần nó. Có một thời mẹ chạy theo những người đàn ông mẹ yêu vì mẹ cảm thấy mẹ cần họ quá, không có họ thì mẹ sẽ không có một nhu cầu nào khác nữa. Mỗi một quãng đời mẹ yêu những mẫu đàn ông khác nhau. Năm... 8, 9 tuổi (?) thì mê một cậu học giỏi và hiền nhất lớp, khi cậu ấy cùng gia đình chuyển đi Vũng Tàu vừa mừng vì không còn sợ ai tranh mất vị trí đứng đầu, lại vừa thấy buồn buồn vì nhớ, nhưng những trò chơi hấp dẫn nhanh chóng làm mẹ quên. Lớn lên chút nữa, những năm 14, 15 thì thích những anh chàng mới lớn ga lăng biết chiều chuộng bạn gái, biết chơi ghi ta biết ăn mặc có phong cách, biết khôi hài... Rồi những năm 18, 19 thì lại vừa mê vừa sợ những anh chàng có vẻ đàn ông vừa lạnh lùng vừa ngọt ngào, vừa

kiêu kỳ vừa tình tứ. Sau nữa thì rùng mình trước những người đàn ông chín chắn, có sự nghiệp, hơi khô khan nhưng biết chắc là sẽ không lừa dối. Mẹ vẫn luôn cần những người đàn ông khác nhau như thế trong mỗi quãng tuổi của mình. Mẹ luôn cần họ và mẹ thề là mẹ sẽ òa lên khóc như bắt được của nếu họ tỏ tình với mẹ, nếu họ cũng yêu mẹ. Có những lúc mẹ tưởng như có thể gào lên vì mẹ không có được họ, vì họ không xuất hiện đúng lúc mẹ đang chờ đợi và kỳ vọng, đang đầy ắp tin tưởng và kiêu hãnh. Không như những đứa con gái tốt số thông thường, thời đang yêu, mẹ từng phải tự viết thư tỏ tình, từng ngước lên nhìn vào mắt người ta, từng viết thư van xin người ta đừng bỏ mình, từng làm thơ trách người ta nỡ quên mình, nghĩa là mẹ sẵn sàng hạ mình để cứu vãn được tình yêu, kêu gọi được tình yêu mà không hiểu được rằng đàn ông rất hay dị ứng những cái đó. Đàn ông khi được yêu vốn tự cho mình cái quyền khinh thường vô lý đó.

Rốt cuộc, cái mẹ cần luôn là những cái mẹ chưa có hoặc không thể có. Đó là hạnh phúc hay là bất hạnh - mẹ cũng không phân định nổi nữa...

Rồi cũng quen dần. Mẹ đã yêu, yêu đến cạn mình nhưng đã không được yêu nhiều lắm. Đừng nên kỳ vọng ở bọn đàn ông một sự vĩnh cửu nào - năm 19 tuổi sau khi chịu tuột khỏi tay mối tình đẹp đẽ thời trung học, cái đầu tiên bập vào tim mẹ như một nhát dao là ý nghĩ hằn học ấy. Thế mà vẫn không chừa, lại cứ yêu, cứ tin, khi yêu người ta có thể và sẵn sàng tin bất cứ cái gì từng làm người ta nghi ngờ.

Bố đã bỏ mẹ đi trong lúc mẹ đang tin như thế...

*

- Nhưng cái chính là giờ em định sống thế nào? Anh như ngộp thở vì câu chuyện đầy rẫy những triết lý, cảm nhận nàng kể, sốt ruột ngắt lời. Anh nghe nói dạo này em sống hư lắm. Hết thằng này đến thằng khác. Sống như vợ chồng. Đại học mà tệ thế được à? - Anh tưởng người ta tốt lắm khi có bằng cấp và học thức à? Ai cũng bảo rằng hễ có học thì phải yêu chân chính nhưng có ai bảo rằng không được đi lừa dối những người có học đâu. Mà có phải bao giờ cũng tốt được đâu. Có khi phải tồi tệ đi để làm cho những kẻ khác điêu đứng và khổ sở như mình, để tin rằng không phải chỉ riêng mình khổ, để tin rằng mình không cô đơn, anh không hiểu à? - Nàng sững sờ vứt thuốc, hất cả con mèo cưng ra khỏi lòng làm nó nheo nhéo kêu lên rồi bỏ chạy.

- Đừng đổ lỗi cho hoàn cảnh bằng những kiểu mổ xẻ tâm lý rối rắm như thế. Đành rằng có thể anh có lỗi với em khi không còn yêu được em nữa, đành rằng có thể đàn ông bọn anh luôn là nguyên nhân bất hạnh của đàn bà, nhưng... em thử nghĩ xem, người ta có lỗi với chính mình bao nhiêu khi không kiềm chế được mình. Thật xấu hổ khi cho mãi đến tuổi 30 - cái tuổi đã va chạm nhiều với cuộc đời, một người đàn bà có học như em lại có ý định sống buông tuồng và cẩu thả như thế. Người đàn bà cũng như người đàn ông phải

sống, yêu và được yêu khác với những con mèo thì mớ lấy chiếc mũ trên bàn và bất chợt xấu hổ khi nhận ra mình cái quyền giáo huấn người đàn bà xưa mình từng y ta đau khổ.

Không dám quay lại nhìn nàng, cũng không dám t của người đàn bà đáng thương, anh áp người vào cửa phản chủ - cái con mèo nhị thể hồi nãy vừa được nàng rình vờn nhau với một con mèo lạ mặt, mắt xanh biếc, nỗi buồn tủi của chủ.

- Anh đừng bận tâm đến chuyện đó làm gì. Loài mèo

Nàng đứng sau anh, lặng lẽ nhìn ra vườn. Đôi mắt r trong vắt. Có một nỗi buồn ghê gớm nào đó vừa gột rủ bã trước đó.

Nhưng sao nàng vô cảm thế, khi nhìn anh?!

LÊ



NGUYỄN NHƯ MÂY

tháng giêng ngồi quán

Tháng Giêng ngồi quán, nhìn đời
thấy ta trong dáng mọi người xôn xao
thấy ta như thấy chiêm bao
đêm đêm hiu hắt bóng sao xa vời

Tháng Giêng ngồi quán, nhìn trời
nhớ xưa ta cũng một thời mây bay
nhớ ta, chim mỏi xa bầy
một hôm hoa nở trên cây quê nhà

Tháng Giêng ngồi quán, thương ta
uống bao nhiêu rượu cũng già mà thôi...

NGUYỄN NHƯ MÂY



TRIỀU HOA ĐẠI

trăng. nguyệt

Chim đậu vườn ai
hót cùng trăng rớt
sương khuya đọng hạt
làm vỡ đêm tàn

Nguyệt tan. Trăng mất
một mảng mây trôi
soi nhau thấp thoáng
hoa rụng theo người

vườn ai chim hót
chạnh nhớ người xưa
mây bay tình cũ
đợi đến bao giờ

vườn ai chim hót
Nguyệt. Trăng nơi đâu
đêm xưa người cũ
giờ ở phương nào

đêm nay chim khóc
vườn ai Trăng tàn
Nguyệt không về nữa
tình của nhau tan

chết dẫm

Làm thơ, bài thơ chết dẫm
tựa như người. Như thể núi sông
hôm qua về sớm mây hồng
tối nay thức giấc
ngóng trông núi đồi
núi đồi chỉ núi đồi thôi
bài thơ chết dẫm
ngậm ngùi quá ta!

TRIỀU HOA ĐẠI



CAO XUÂN HUY

cái lưỡi câu



Thạnh năn nỉ:
"Mày thông cảm, tao chỉ có hai thìa."
Tường lắc đầu:
"Ba là ba."
Thạnh thở dài:
"Hay mày cho tao thiếu."
"Thiếu? Rồi lấy gì mày trả?"
"Thì..."
"Không."
Thạnh thất vọng:
"Thôi thì, lấy cái hạng nhì vậy."
"Đưa đây."

Thạnh móc trong túi ra một miếng vả được buộc túm chặt bằng lạt tre, cẩn thận gỡ sợi lạt. Một dúm muối hột đe bẩn hiện ra. Thạnh trân trọng, nâng niu múc, vừa chẵn được hai thìa, đổ và bát của Tường. Tường chăm chú nhìn Thạnh đong muối. Xong xuôi, Tườn chùi cái lưỡi câu thêm một lần trước khi đưa cho Thạnh. Thạnh cầm cái lưỡ câu, mắt nhìn với theo bát muối trên tay Tường. Còn một ít muối vụn dín vào miếng vải, Thạnh thè lưỡi chấm chấm. Vị ngọt lan nhanh trong miệng nước bọt ứa ra.

Những sợi chỉ tháo từ cái ba lô rách trở thành dây cước, Thạnh buộc vụn về nhưng cẩn thận vào cái lưỡi câu vừa "mua" được. Có thế chứ, cuối cùn mình cũng đã có được cái lưỡi câu. Dù không bằng cái hạng nhất làm từ kin băng, nhưng, vẫn là một cái lưỡi câu, hạng nhì.

*

Để chống lại cái rét căm căm của mùa Đông núi rừng miền Bắc, hơn bố

chục người tù phải bốc thăm để chia nhau một cái áo ấm. Ngoài sân, lửa phải đốt suốt ngày. Đêm, phải mang than hồng lót dưới sạp nằm. Lúc nửa đêm, cái lạnh nhức xương làm Thạnh thức giấc, than đã tàn, Thạnh ra đống lửa ngoài sân hút một điếu thuốc lào.

Vừa đặt điếu xuống, Thạnh thấy thốn đau ở ngực, cổ họng như có cái gì muốn trào ra, mà không phải là nôn. Chúi đầu xuống đống lửa, Thạnh há miệng, nước lẫn bọt từ trong ngực dồn lên, rồi tự động tuôn ộc ra khỏi miệng từng đợt từng đợt.

Hùng, cũng không ngủ được, đang ngồi hơ lửa, hốt hoảng kêu lên:

"Thạnh! Mày ói ra máu!"

Thạnh đưa tay quệt ngang miệng, giơ ra ánh lửa. Màu đỏ tươi dính trên tay áo. Thạnh lại gập người xuống, há hốc miệng vào đống lửa, máu lại trào ra.

Hùng chồm tới, đưa tay đỡ lấy ngực Thạnh:

"Để tao lên bệnh xá xin thuốc cầm máu."

Hùng đứng dậy, dợm bước. Thạnh thều thào gọi giật lại:

"Thôi Hùng, để họ ngủ."

"Nhưng máu ra nhiều thế kia."

"Có thuốc đâu mà xin. Mà... cũng không cần. Chỉ cần mày... làm chứng... cho tao... là đủ rồi."

Làm chứng tao mửa ra máu, may ra, tao sẽ được nghỉ lao động một ngày. Được nghỉ những nguyên một ngày lao động... Bỗng dưng, đám máu tươi bầy nhầy không làm Thạnh sợ choáng người như lúc vừa nôn. Ngược lại, nó đã trở thành những tia hy vọng. Thạnh nhìn Hùng, hy vọng...

Hùng chỉ lắc đầu, lẩm bẩm trong miệng:

"Không có thuốc, rồi làm sao qua được mùa Đông này..."

Thạnh đưa tay chặn ngực, hổn hển:

"Qua được hay không qua được, nói làm gì. Mày nhớ... làm chứng... cho tao nghe."

*

Cái phao động đậy, Thạnh hồi hộp đợi. Cái phao vẫn động đậy. Chờ cho đến khi cái phao đứng yên, Thạnh cẩn thận nhấc cần. Con giun mồi biến mất, chỉ còn trơ ra cái lưỡi câu.

Cái phao lại động đậy, Thạnh hồi hộp. Cái phao đứng yên, Thạnh lại cẩn thận nhấc cần. Con mồi biến mất, lại chỉ còn trơ ra cái lưỡi câu.

Cái phao động đậy. Lần này, Thạnh không đợi nữa mà, vút... Thạnh giựt mạnh cần.

Nặng tay. Sợi dây cước căng hết cỡ làm cong đầu cần.

Thạnh giựt giựt cần, vẫn nặng tay.

Chắc là một con cá to, phải là cá to chứ. Cái hố bom B-52 kín đáo, nằm khuất sâu trong rừng già, mới chỉ có một mình Thạnh tìm ra. Cái hố bom mà

Thạnh phải thật gian nan mới vào đến được, chưa kể phải đánh dấu để khỏi lạc đường về trước khi trời tối. "Một con cá to," Thạnh nhớ ngay đến Hùng, chắc cũng phải tìm cách chia cho nó một phần. Nghĩ đến đây, Thạnh hứng chí, mẹ, thằng vua "cờ tây" suốt ngày ngâm nga "sống trên đời...", con vật "ăn đủ thứ" ấy mà bạn tao còn khen ngon, thì huống gì mày, cá ơi là cá! Bất kể mày ăn cái gì ở dưới hố bom này, chúng ông cũng ăn mày, chúng ông cũng ăn mày cho đã đời. Thạnh liếm môi, hít hít mùi thơm tưởng tượng, nuốt ực miếng nước bọt vừa ứa ra.

Nhưng, nhìn lại, cái phao không còn động đậy, Thạnh đâm nghĩ ngợi. Nếu là cá to, thì cái lưỡi câu hạng nhì và cái gọi là dây cước, nó chỉ cần táp nhẹ một cái là đã đi đời nhà ma rồi, chứ sao lại nặng. Hay là... rắn? Hay... một con quái vật rừng già nào khác? Hay là, lưỡi câu đã lọt thỏm vào giữa hàm răng của... một cái đầu lâu đã thành tinh dưới đáy hố bom cũng là đáy huyệt? Thạnh chùn tay, đảo mắt nhìn quanh, bỗng nhận ra, trong cái không gian âm u đầy đe dọa của núi rừng hoang rợ vào lúc buổi chiều đang dẫy chết này, Thạnh chỉ có mỗi một mình, với cái hố bom ma quái.

Gió bắt đầu thổi mạnh, luồn qua khe núi, thốc qua những lùm cây, những bụi gai rừng, rít lên từng chập. Tiếng côn trùng rền rĩ càng làm khung cảnh thêm thê lương. Thạnh gai người, nhớ lại những đêm hành quân lởn vởn những xác người và chờn vờn những bóng ma.

Nghĩ đến bóng ma, Thạnh nhớ lại câu chuyện một người lính kể vào một đêm trời cũng chập choạng tối như đêm nay:

Đơn vị em vừa tái chiếm một ngọn đồi. Nửa đêm, em đang ngồi gác, có một thằng lạ hoắc vác súng tới đòi gác chung. Em bảo nó:

"Không được, đây là đơn vị tao".

Nó co ro:

"Lạnh quá. Cho tao ngồi chung với. Giờ này là ca gác của tao".

Nó tự động lót mũ sắt ngồi xuống. Em đuổi nó:

"Đây là chỗ của tao, mày về đơn vị mày mà gác".

Nó cãi:

"Đơn vị tao ở đây".

Nó chỉ tay xuống đất, ngay dưới chỗ hai đứa đang ngồi.

Em nhìn lên, nó biến mất, em vụt nhớ lại khuôn mặt nó, khuôn mặt xanh lè của một xác chết, với bệt máu còn đọng trên mép chưa khô. Phù hiệu đeo trên vai là của một đơn vị bạn, đã chết không còn ai, trong một trận tấn công của địch mấy tháng trước, xác không kịp mang đi, được lấp vội vàng tại đây, ngay dưới chân vọng gác này.

Gió rít mạnh hơn, tiếng rít của núi rừng hay tiếng rít ai oán của những thây ma tan xác đang nằm rên rỉ dưới đáy hố bom? Thạnh rùng mình kéo cao cổ áo. Người anh em phía bên kia muốn về báo hận ta chăng?

Thôi, hận nhau làm gì nữa, các anh nằm dưới đáy hố bom thì cũng đâu khác gì tôi đang ngồi dưới đáy vực của cuộc sống này. Nói cho cùng, chúng

ta không phải là đồng đội, nhưng là đồng nghiệp với nhau đấy chứ. Các anh không thấy sao? Chúng ta đều là những người trẻ đi lùng giết nhau để tranh giành những thung lũng, những ngọn đồi đầy xác chết.

Thạnh dợm người, với tay kéo mạnh chiếc cần câu. Chiếc cần vẫn cứng ngắc như có ai ghì lại dưới đáy. Mặt nước bây giờ đã đầy bóng tối. Thạnh căng mắt nhìn.

Không còn thấy cái phao.

Bõm...

Có ai vừa nhảy xuống nước, hay tiếng của một vật gì rơi.

Thạnh giật mình hốt hoảng, định bỏ chạy, nhưng cái cần câu trên tay kéo giữ Thạnh lại.

Và, Thạnh thoắt nghĩ đến cái lưỡi câu.

Ừ, cái lưỡi câu. Thạnh không thể để mất cái lưỡi câu. Hai thìa muối, cả một gia tài đã mất, một quyết định lớn đã làm sau bao đêm suy nghĩ đắn đo. Cái lưỡi câu và những con cá mơ ước, có lẽ nào Thạnh lại chịu thua.

Thạnh toát mồ hôi. Phải quyết định. Giật mạnh cần thì sẽ mất cái lưỡi câu. Lội xuống nước mò theo sợi dây cước tìm cái lưỡi câu thì... Thạnh rợn người không muốn nghĩ tiếp.

Bóng tối bây giờ đã dày đặc. Thạnh co dúm người, gục đầu xuống hai tay đang ghì chặt chiếc cần câu.

Lạnh, và sợ. Nỗi sợ hãi ập xuống cùng bóng đêm, cái lạnh cào xé cùng gió buốt. Thạnh run rẩy, tuyệt vọng. Và muốn bật khóc.

Nhưng cùng lúc ấy, hình ảnh cái lưỡi câu và những con cá béo nhẫy hiện ra. Can đảm lên Thạnh ơi, chỉ cần mò theo sợi dây cước, lặn xuống nước thì sẽ “cứu” được cái lưỡi câu, sẽ có cá ăn. Sẽ có cá ăn...

Bỗng dưng, Thạnh nhận ra mình đang đói.

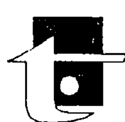
Cái đói cồn cào ruột gan, cái đói quất quay trí não, cái đói thúc giục chân tay, nó kéo đôi chân cong queo của Thạnh đứng lên, nó đẩy thân hình xác xơ xiêu vẹo của Thạnh chập choạng bước tới.

Thạnh nhắm mắt. Hai tay ôm ngực chặn cơn nôn. Méo miệng cười, nhào xuống nước...

*

Buổi tối, lúc điểm danh, khi gọi đến tên Nguyễn Văn Thạnh, Hùng không nghe tiếng trả lời.

CAO XUÂN HUY



HUỲNH LIỄU NGẠN

rượu. cuối năm

ngó tới nữa những ngày không hẹn thấy
ngân một dòng hồ thủy cũng vàng bay
người lui tới nghe chuyện lòng cũng mệt
mà sông hồ còn lại phút nghiêng bay

phải thì nói ba điều thêm bốn chuyện
lắng nghe rồi nghiêng giọng giữa trần ai
ngày thì vội như hàng hiên xẩm lại
men của đời cứ dốc ngược qua vai

xong một lần cuối tàn cây đổ ngọn
bước ra về thấy bèo giạt huê trôi
người vương vãi những lần mai xuống hẹn
mà sông hồ không định hướng người ơi!

về làng

rặng tre đó đã già theo với tuổi
con đò đưa đời dẩy nhịp tao phùng
rất dịu dàng tôi cười duyên với nắng
thấy khắp làng mây nhè nhẹ tầng không

à! thuở đó lên cao lên cao mãi
ngó cho cùng mấy đọt lá xanh tươi
mấy tổ chim trên vòm cây khuyết ngọn
lơ lửng trời tiếng hót cũng buông lơi

và mưa xuống những chiều bên nẻo chợ
núp bóng mình cho gió lạnh bay đi
run rẩy lắm qua đò về thăm mẹ
liếp phên lùa cơn rét vội quay đi

đứng lui ngắm một khoảng đời hoang tái
mà nghe lòng nặng trĩu giữa trần ai

HUỲNH LIỄU NGẠN



LANGSTON HUGHES

xin cảm ơn bà



Bà ấy là một người đàn bà to lớn, mang cái bóp to tướng với đủ thứ vật thực vật trong đó, trừ cái đinh, cái búa. Bà ta đeo cái bóp dây lòng thòng, trên vai. Lúc ấy khoảng 11 giờ đêm. Trời tối và bà đi bộ về nhà một mình, khi thằng nhỏ chạy theo bà, giựt cái bóp. Cái giựt mạnh làm dây bóp bị đứt ngang. Nhưng sức vóc thằng nhỏ, đã bị sức nặng của cái bóp làm nó loạng choạng, mất thăng bằng... Thành ra thay vì chạy bén mất, như đã định, thằng bé lại té chỏng gọng, hai chân đưa cả lên trời. Người đàn bà to lớn đó chỉ cần quay lại, đá vào đít thằng nhỏ. Rồi bà cúi xuống, nắm áo nó đứng dậy, và lắc nó đến độ hai hàm răng nó va nhau đôm đốp.

Sau đó, bà ra lịnh "Lượm cái bóp tao lên, thằng kia. Đem lại đây".

Bà vẫn còn nắm cứng thằng nhỏ. Nhưng bà hơi khum xuống để nó có thể cúi lượm cái bóp cho bà. Rồi bà nói: "Mày không tự xấu hổ sao?".

Thằng bé bị nắm cứng cổ, lắp bắp "Dạ... bà...".

Người đàn bà hỏi vặn: "Mày làm vậy để làm chi?".

Thằng bé thưa: "Dạ con không cố ý".

Người đàn bà la lên: "Thật là thằng láu cá!".

Lúc đó hai ba người khác đi qua, dừng lại, quay lại ngó, có người dừng hẳn lại coi.

"Nếu tao buông mày ra, mày có chạy mất không?".
"Dạ có", thằng bé trả lời.
"Vậy thì tao không nới tay", người đàn bà nói. Bà không buông nó ra.
"Thưa bà, con xin lỗi", thằng bé lí nhí.
"Ừm-hừ! Cái mặt mày dơ quá. Tao nghĩ ra rồi. Để tao rửa cái mặt mày. Bộ không có ai trong gia đình mày bảo mày rửa mặt hả?".
"Thưa bà, không", thằng bé nói.
"Vậy để tối nay tao rửa cho", người đàn bà to lớn nói, bắt đầu rảo bước, kéo lôi thằng bé khiếp đảm theo sau lưng.

Nó nhìn chỉ độ mười bốn, mười lăm, ốm yếu và xanh xao trong đôi giày tennis và quần jean xanh.
Người đàn bà nói: "Giá như mày là con tao. Tao sẽ dạy mày điều hay, lẽ phải. Giờ thì tao chỉ có thể rửa cho mày cái mặt. Mày có đói không?".
"Dạ không", thằng bé bị kéo lết trả lời. "Con chỉ xin bà thả con ra".
"Tao sắp rẽ ở góc đường kia, có phiền hà *ngài* không?".
"Dạ không."
"Tại nhà ngươi đến ta trước kia mà", người đàn bà tiếp tục. "Nếu bây giờ mày nghĩ là có thể thoát ngay, thì con lầm rồi ạ. Khi bà xử con xong, con chắc chắn phải nhớ đến bà Luella Bates Washington Jones này."

Mồ hôi bắt đầu tuôn xuống mặt thằng bé. Nó bắt đầu chống cự. Bà Jones dừng chân, đẩy nó chúi ra trước, rồi kẹp cổ nó, lôi nó đi tiếp tục. Đến trước cửa nhà, bà kéo nó vào, qua hành lang, vào một phòng lớn - phòng ngủ, nhà bếp chung nhau- ở đằng sau nhà. Bà bật đèn lên, vẫn để cửa mở. Thằng bé có thể nghe tiếng cười nói của những người ở trong các phòng khác vọng ra. Vài cánh cửa phòng đó cũng để mở, nó hiểu là không chỉ có nó và người đàn bà này trong nhà. Người đàn bà vẫn nắm cổ nó, đứng giữa nhà.

Bà hỏi: "Mày tên gì?"
"Roger" thằng bé trả lời.
"Vậy thì Roger đi lại bồn rửa mặt đi", người đàn bà nói, thả lỏng nó ra - cuối cùng cũng phải vậy. Roger nhìn ra cửa - nhìn người đàn bà - rồi lại nhìn ra cửa - rồi đi về phía bồn rửa mặt.
"Hãy để nước chảy một hồi cho nó ấm", bà nói. "Khăn lông sạch đây".
"Bà sẽ bỏ tù tôi hả", thằng bé hỏi, đầu cúi trong bồn.
"Với cái mặt như thế à? Tao còn dẫn đi đâu được", người đàn bà trả lời. "Tao đang trên đường về nhà, định nấu cái gì đó ăn, thì mày nhào ra giựt bóp! Chắc mày cũng chưa ăn gì đâu phải không. Trễ rồi còn gì. Ăn chưa?".
"Con không có ai ở nhà cả", thằng bé nói.
"Vậy ta cùng ăn", người đàn bà nói. "Chắc mày cũng phải đang đói khát - mới định giựt bóp của tao chứ!"

"Con muốn mua một đôi giày nhung xanh", thằng bé nói.

"Mày chẳng cần phải giựt bóp của tao để mua giày nhung xanh", bà Luella Bates Washington Jones nói. "Đáng lý con nên hỏi ta".

"Bà?".

Nước mắt tuôn xuống mặt, nó ngước nhìn người đàn bà. Không ai nói gì một lúc lâu. Một lúc rất lâu. Sau khi lau khô mặt, không biết làm gì, nó lại lau một lần nữa, rồi quay lại, tự nghĩ không biết chuyện gì sẽ xảy ra kế tiếp. Cánh cửa vẫn để mở. Nó có thể phóng vụt qua hàng lang, ra cửa. Nó có thể chạy, chạy, chạy mãi!

Người đàn bà đang ngồi trên giường. Sau một lúc, bà nói, "Tao cũng từng trẻ như thế này. Tao cũng đã từng muốn những điều không thể có."

Lại một lần im lặng nữa. Miệng thằng bé há ra. Nó chau mày, chờ đợi mà không biết mình đã chau mày.

Người đàn bà nói "Ưm hứ! Con chờ đợi ta nói chữ *Nhưng* phải không? Con tưởng ta sẽ nói Nhưng ta không có đi giựt bóp của thiên hạ. Ta làm sao nói được như vậy." Bà ngừng nói. Lại im lặng. "Bà đã cũng làm nhiều chuyện mà Bà không thể nói cho con nghe đâu, con trai ạ - Cả với Thượng Đế bà cũng không thể nói ra, nếu như Người không đã biết rồi. Ai cũng có những điểm giống nhau. Thôi con ngồi xuống đi, ta đi nấu gì cho chúng ta ăn. Con lấy cây lược chải lại cái đầu cho gọn đi."

Ở một góc phòng, sau tấm chắn là một bếp gas và một thùng đựng đá. Bà Jones đứng dậy bước ra sau tấm chắn cửa. Người đàn bà không coi chừng coi thằng bé có chạy trốn không, bà cũng chẳng ngó chừng cái bóp của bà để lại trên giường ngủ. Nhưng đứa bé cẩn thận ngồi ở cuối góc phòng, cách xa cái bóp, chỗ cho người đàn bà có thể dễ dàng theo dõi nó nếu như bà muốn. Nó không muốn đánh mất lòng tin của người đàn bà. Nó không muốn người khác mất lòng tin về nó.

"Bà có cần ai đi mua đồ cho bà không", thằng bé hỏi, "mua sữa hay gì đó".

"Chắc là không", người đàn bà trả lời. "trừ khi con muốn sữa ngọt cho con. Ta định pha cocoa bằng sữa hộp có sẵn ở nhà đây".

"Dạ, vậy cũng được", thằng bé nói.

Bà hâm nóng đậu lima và thịt ham (*) lấy từ trong thùng đựng đá, pha cocoa, rồi đặt bàn. Người đàn bà không hỏi thằng nhỏ gì về chỗ ở của nó, hay người nhà nó hay bất cứ điều gì có thể làm cho nó phải buồn tủi. Thay vào đó, ngồi ăn với nhau, bà kể cho nó nghe về công việc của bà trong một tiệm uốn tóc trong một khách sạn lúc nào cũng mở cửa thật khuya, nói với nó về những việc bà phải làm, về đủ loại đàn bà ra vào nơi đó: bạch kim, tóc đỏ, Mễ. Rồi bà chia với nó chiếc bánh bà mua mười xu.

"Ăn nữa đi con", bà nói.

Sau khi hai người ăn xong, bà đứng dậy nói: "Đây này, cầm 10 đô này đ mua cho con đôi giày nhung xanh đi. Rồi lần sau đừng có dại mà giựt bóp Bà hay bóp của bất cứ ai khác, vì con mua bằng đồng tiền bất chính, mang vào sẽ làm phỏng chân con. Giờ bà phải đi nghỉ. Nhưng từ giờ trở đi, bà mong là con sẽ thành người tốt".

Bà dẫn nó qua hành lang ra cửa. Mở cửa. "Ngủ ngon. Hãy ngoan nha con", bà nói, nhìn xuống đường chỗ nó đang bước xuống những bậc thang.

Thằng bé muốn nói điều gì đó nhiều hơn mấy chữ "Cảm ơn bà" với bà Luella Bates Washington Jones, nhưng dầu môi nó mấp máy, không thể nói được điều gì cho đến khi đã xuống hết những bậc thang, nó nhìn lên người đàn bà to lớn đứng ở cửa. Bà từ từ đóng cửa.

T. LINH

(Phỏng dịch từ bản tiếng Anh *Thank You, M am*)

(*) Ham: một loại thịt heo đóng hộp.



AN PHÚ VANG

tháng hai, tháng sáu

Có tháng sáu, có tháng hai
Tháng sáu chạy ngược, chiều lai rai buồn
Tháng hai, em bỏ... mà thương
Tay tôi tháng sáu, hai đường sắt cong
Có tháng hai, ẩn xuân hồng
Mi cong về lạ, vin bềnh bồng tôi
Mười hai tháng, trả lại mười
Tháng hai tháng sáu, môi cười là năm

AN PHÚ VANG
(23/7/96)



NGUYỄN THẾ HÙNG

ở rừng đan mộc

rêu ẩm vừa thay lời gió cuốn
phất phơ qua quá hương
dạt bên rơi một giọt
gỗ níu rừng khuya
tách...

bạch cùng ai
nào ai đầy tứ phương
mây cuộn nõn mòn lay
sương đợi giấc
trợn trạo dạ không chi
tanh...
tạch...
rơi thêm đọng chỗ
hơi rừng ra
còn buổi ngồi không.

quỳnh hoa

đã hoa đã hoa mở
ra ngàn
cánh như không nở
nghiêng cọng rung
ngàn cọng rung

xanh chỗ dường
chưa chỗ ngờ

hương bay thừa nước bạc nguồn
hằng hà sa
nhấp nhô mong đọng
buông vào vực
tay liễu hé ư, khai
mùa ma mạnh thất.

NGUYỄN THẾ HÙNG



TRẦN NGỌC TUẤN

lời nguyền của dòng sông



Thành Hoàng làng tôi làm nghề bị gậy.

Cứ ra giêng, con cháu trong làng bất kê giàu nghèo đều đi xin ăn khắp xứ trong khoảng một tháng trời, đó cũng là cách nhớ ơn ông tổ.

Năm nào tôi cũng về quê.

Ở đây, tôi được sống lại những năm tháng ấu thơ, và hít thở không khí trong lành. Lá phổi khử sạch mùi xú uế chốn thị thành rác rưởi.

Cha tôi bảo: - Nghề chữ của con không bằng nghề ăn mày.

Mẹ nói: - Khi đi xin ăn mới hiểu được lòng nhân, còn chữ nghĩa mẹ chẳng hiểu gì. (Đó là lý người quê, ngay các bậc thánh chữ cũng khó giải thích).

Quê tôi có sông Lương, dòng sông thật hiền chảy lờ đờ như vừa ngủ dậy Không hiểu từ đời nào, làng hai bên bờ thù nhau truyền kiếp. Lành Vĩnh (tên làng bên), từ trẻ con tới người lớn luôn xảy ra các cuộc xung đột (cứ như thời Trịnh Nguyễn phân tranh).

Làng tôi có gia đình may mắn, và có những gia đình bất hạnh. Những người ăn nên làm ra, đỗ đạt ông nghè ông tổng, đem lại sự vinh hiển cho làng cũng có kẻ cả đời "bán mặt cho đất, bán mông cho giời", lam lũ.

Chuyện này thôi không kể nữa, bởi lẽ: Chẳng riêng gì cộng đồng làng xã

mà nhìn ra bên ngoài đều có chuyện bi hài của mỗi số phận (phần này xin nhường chỗ cho các nhà xã hội học, mấy ông đồng, bà cốt, tử vi, bói chân gà, xem quẻ, rút xăm).

1/ Bà Bần - cái Thoan

Làng sẽ là một địa danh trừu tượng, nếu không có những con người cụ thể.

Bà Bần, không phải dân ngụ cư. Chồng đi lính thợ sang Pháp, một nách ba con, mười hai đứa cháu, ba ả con dâu. Cái Thoan, cháu bà, bạn với tôi từ thuở còn cởi truồng tắm chung, chưa biết ngượng là gì.

Theo người trong làng. Bà Bần bị thần sông phạt, khi trẻ bà tắm sông trong lúc có kinh, những giọt máu tanh tưởi ở cửa mình nhỏ xuống đúng lúc thần sông mở tiệc. Bẽ mặt với khách, các khanh hầu, chư tướng và thần dân nơi thủy cung. Thần sông buông ra một lời nguyền: Sẽ trừng phạt cả giòng họ bà, chỉ mình bà được sống, để khóc người thân. Sự trừng phạt này thật khủng khiếp, (phải có đầy quyền uy mới thực hiện nổi). Chưa hả giận, thần sông còn đem lại sự thâm thù cho hai làng bên sông (như tôi đã nói phần trên).

Ba đứa con bà Bần (và cả con dâu), đều lần lượt chết đuối trên dòng sông Lương hiền lành, nước chảy lờ đờ như người vừa ngủ dậy. Tối nào, bà Bần cũng ra bờ sông thắp hương, mang hoa quả khấn vái xin thần sông rút lại sự trừng phạt. Trong đêm tối, bà xõa tóc, những đóm hương đỏ bỏng như mắt chó sói, nhập nhòe, ma quái, huyền bí. Lời cầu xin của bà như sau:

Thần sông ơi!
Xin hãy đem lời nguyền ra biển
Để người bao dung hơn
Tôi phải khóc ba đứa con rứt ruột đẻ ra
Lại phải khóc khi chôn năm đứa cháu
Tất cả chúng nó
Đều chết trên giòng sông của người
Thần sông ơi!
Chẳng lẽ vô tình làm hoen ố cuộc vui
Người giận lâu đến thế
Mẹ của người cũng sinh người từ máu.
Mẹ của người cũng có kinh
Nhỏ xuống dòng sông
Để cho tôi uống
Thần sông hãy chảy nhanh
Chở lời nguyền của người ra xa và đừng quay trở lại

Hãy nghe và nhìn
Hãy là tôi một phút
Người sẽ thương tôi
Thần sông ơi!
Đừng bắt lũ cháu tôi phải chết
Xin hãy dìm tôi
Thế mạng cho người vô tội.

Tôi và Thoan (cháu bà Bần) hay thả ngoài đồng, ngoài bãi, đầu nó khé nắng và chấy thì nhiều vô kể. Chọi cỏ gà, khi thua nó ra điều kiện: phải bắ 20 con chấy. Bắt được con nào, tôi đều cắn tách một cái, máu của những coı chấy, hay máu của cái Thoan, (rất khó biết) đều ngọt, ngon, hơi mằn mặı một chút.

Mẹ tôi nhìn cái Thoan chép miệng: Tội nghiệp, bé thế đã mồ côi, để bá chữa chấy cho cháu. Hôm sau, mẹ lấy hạt na, giã ra, trộn với rượu ủ lên đầu chùm khăn kín: Cháu để một ngày, một đêm mới được cởi. Tài thật, đầu nc chẳng còn con nào, kể cả trứng.

Và cũng từ đấy, khi chơi chọi cỏ gà, nó ra một điều kiện khác. Nếu tô thua, nó bắt tụt quần để búng vào chim, thua nhiều, có lần chim sưng tấy Tôi tức lắm cố tìm cách trả thù, khi nào thắng (thường rất hiếm), tôi kéc quần cái Thoan, véo vào bẹn, chỗ đùi non, khiến con bé thét lên đau đớn. Tô hả hê như viên tướng thắng trận, sung sướng gào như một kẻ khốn cùng trún xổ số độc đắc.

Tôi hay kể chuyện đời xưa cho nó nghe, (đa số là bịa). Các câu chuyệı thường kết thúc đại loại: "*Cô con gái nghèo khổ lấy được hoàng tử con vua nàng đem vàng bạc phân phát cho người nghèo*". Hoặc: "*Con hổ gầm lên mộ tiếng, rồi chạy thẳng vào rừng*". Nghe kể xong, cái Thoan nói: Ngày xưa, cc tiên, có phật, cầu được, ước thấy, bây giờ tớ cầu khẩn mà chẳng được gì.

Tôi đã nhìn, đã nghe cái Thoan cầu nguyện, não nùng, bi thiết, thươn cảm lắm! Nó cầu nguyện thế này:

Sông ơi!
Đừng bắt bà cháu đêm nào cũng phải quỳ
Giòng họ cháu là người
Như cá, như tôm, con cái của sông bơi lội.
Làm cho thần nguôi giận
Nhà cháu đã cống về thủy cung sáu người
Bà mỏi tay chít khăn tang cho bầy cháu
Lá vàng khóc lá xanh
Đừng bắt những người thân lần lượt ra đi
Trở về bằng cái chết
Dù lập miếu để thờ

Ê hề xôi thịt
Người đã chết làm sao ăn được
Chết vì Thần sông
Chẳng ai gọi là anh hùng cả
Nhà cháu một năm làm mười cái giỗ
Hỡi Thần sông!
Cháu cúi lạy thần
Thần hãy rộng lòng như mẹ người là biển
Hỡi Thần sông!
Mong hãy cười quên giận
Đừng làm ngôi nhà cháu
Không còn một ai
Ơi hỡi! Thần sông
Rủ lòng thương yêu
Đừng nuôi thù hận
Đập đầu xuống đất
Rộng cõi từ bi

Học hết cấp hai, tôi lên huyện học, Thoan ở nhà không học nữa. Thỉnh thoảng về quê, gặp lại, hai đứa không còn được tự nhiên như trước. Có lần, tôi rủ Thoan lên xã xem biểu diễn văn nghệ. Thoan mặt áo trắng, quần lụa đen, bím tóc dài buộc khăn mùi xoa Trung Quốc. Thoan rang ngô mang theo, bắt tôi ăn, Thoan nói: Ngô làng mình ngọt, vì có nước sông Lương. Xem chèo, tới đoạn: Một chị dân quân cả nhà bị chết vì bom Mỹ, dùng súng bộ binh, bắn rơi máy phản lực. Tên phi công nhảy dù, đứng hát chèo (theo điệu Sắp Qua Cầu) giữa sân khấu:

"Tên tôi là phi công Mỹ
Là Mỹ, i... lái thần sấm con ma
Bị bắn, i... bắn rụng bắn rơi xuống đồng i...
Tôi xin mọi người tha tội cho tôi..."

Thoan bảo: xem ra, chèo nhà mình thật hay, phi công Mỹ cũng biết hát.

Kết thúc vở chèo, chị dân quân nén đau thương, không bắn chết hắn, trói lại giao cho tỉnh đội. Thoan nói: người Việt Nam rộng lượng với kẻ ngoại tộc, nhưng hẹp hòi với đồng tộc. Làng Vĩnh nhà mình, và làng Quảng tới giờ vẫn thù nhau.

Tôi hầu như không chú ý xung quanh, chỉ mãi nhai ngô, lục cục như cọp nhai sỏi.

Thoan chết khi tròn mười tám tuổi.

Mẹ kể: Trâu nhà Thoan đứt sẹo nhảy xuống sông. Thoan bơi theo, vượt qua địa phận Cồn Nổi. (Gianh giới chia đôi dòng sông của làng Vĩnh và làng

Quảng). Lũ trẻ làng Quảng thi nhau ném, chắc một viên đá nào đấy trúng đầu Thoan. Dòng sông Lương cuốn Thoan đi, phải ba ngày mới tìm được xác. Bà Bần, khóc ngất bên xác cháu.

Dòng sông vẫn chưa xóa lời nguyền...

Đêm ấy, không trăng. Tôi lang thang dọc bờ sông, dưới ánh sáng mập mờ của ngàn con đom đóm. Tôi nhìn mặt sông và tưởng tượng đó là một lão già gớm ghiếc, hể hả cười độc ác. Gió từ mặt nước hắt lên lạnh buốt, nổi da gà. Như một kẻ mộng du, tôi lấy bùn trát vào mặt. Mờ sáng, trở về nhà, mẹ hỏi: Con đi đâu, mà mặt mày đờ đẫn thế kia?

Tôi trả lời: Con đi tìm cái đã mất, ngọt ngào chẳng có đâu mẹ ạ!

Cha bảo: Kẻ đê tiện, thì được sự ngọt ngào, bậc quân tử thì suốt đời ăn cứt. Cứ như lão Quấn mà hay, chẳng màng thế sự.

2/ Lão Quấn

Lão Quấn là dân ngụ cư. Gốc gác, lai lịch của lão chẳng ai biết.

Có người bảo: Ngày xưa, lão từng làm quan, lên xe, xuống ngựa, kẻ hầu, người hạ, cũng có lý, lão hiểu biết chữ nghĩa thánh hiền, thông làu kinh sử, biết cả tiếng Tây. Lại có người nói: Lão là một tên tướng cướp khét tiếng, mai danh, ẩn tích, gác kiếm giang hồ, xem ra cũng đúng. Tôi từng thấy lão tay không, đánh gục cả đám trai làng Quảng có vũ khí. Đó là lần đầu tiên lão ra tay, vì đám trai làng Quảng vượt sông sang trộm khoai hợp tác, và đánh anh dân quân chảy máu đầu.

Lão Quấn sống một mình, nuôi thân bằng nghề câu cá, trồng rau. Nhà lão nằm cuối xóm, sát chân núi Chúa, âm u, lạnh lẽo như miếu cô hồn.

Lão hay nhờ tôi đổ cháo vào lá đa, cúng vong linh chết vất vưởng, không người thân thích, đầu đường xó chợ, vào dịp rằm tháng bảy.

Lão thủ thỉ: Có hồn đấy, tôi vẫn hay nói chuyện với họ, chẳng phải giữ gìn, ý tứ gì cả, người chết chẳng hại ai bao giờ. Người chết biết hết mọi việc tốt xấu của người đang sống.

Lão khuyên tôi: "Người đời xưa học vì mình, có nghĩa để tu thân, giúp đời. Người đời nay học cốt mua danh, ít kẻ thực tài, thực đức, cậu nên học theo lối người xưa".

Tôi hỏi: Thế nào là giúp đời, và thế nào là không giúp đời?

Lão bảo: Nếu vua là đấng minh quân, học rồi nên ra làm quan, nếu vua là bậc vô luân thì nên ở ẩn. Thiên hạ tốt, mà mình nghèo hèn thì đáng xấu thiên hạ hắc ám mà mình phú quí thì nhục.

Tôi nhe răng: Quan nổi tiếng khắp cõi, cần gì đến vua.

Lão bảo: Làm quan mà nổi tiếng, có thể là giả dối, làm ra bộ nhân đức nhưng xét ra là mưu lược kẻ "Đào tường khoét vách".

Tôi nói: Khó phân biệt lắm, cháu thấy các ông quan đều oai.

Lão cười: Tự mình biết, cứt trong ruột sẽ lòi ra, khó dấu.

Tôi liều hỏi lão: Bác ngày xưa đã từng làm quan phải không, hay làm tướng cướp?

Lão lại cười (hiền như nghé): Quan với tướng cướp nào có khác nhau, có khác chỉ ở chỗ phương tiện, và cái tên gọi mà thôi.

Tôi trả lời: Làm tướng cướp oai hơn nhiều, xênh xang một cõi.

Lão gắt: Bậy! Khối kẻ tự giết mình, hảo hán chốn Lương Sơn thì thiên hạ vẫn cho là phường giặc cỏ.

Lão hay làm thịt chuột cho tôi ăn, cầu kỳ, công phu cả buổi. Chuột lão bắt về, thường là chuột đồng, béo núc. Nhìn lão đun nước làm lông, sốt cả ruột. Nước đun không quá sôi, tăm sủi lăn tăn, lão nói: Con chuột ngon nhất bộ da, nước nóng sẽ làm hỏng, không được nôn nóng. Nhúng chuột vào, làm sạch lông, nhớ cắt bỏ bốn quả hoi, không thì hôi, chó cũng không dám ăn. Chuột vớt ra, phải xát muối, bỏ đầu, ruột, gan, chân. Đun nước lần nữa, bỏ ra trần, nước trong vớt chuột ra, để cho ráo, sau mới luộc, thái lá chanh, chấm với mắm tỏi, ớt, còn món rang nữa, tôi lần lượt cho cậu thưởng thức.

Có thịt chuột, có rượu, lão khề khà gõ đũa và hát, lời bài hát nghe như khóc, nhưng quá ngang tàng:

Trời cũng chẳng là gì
Đất cũng vậy
Ta là người ngủ trọ
Thấy vinh hoa là mơ
Ta cô độc
Đàn bà giống hoa hồng
Hoa có gai
Kẻ hèn sợ gai đâm
Ta rút kiếm chém phăng
Làm người sở hữu
Ta suốt đời làm kẻ cô đơn
Nôn tình yêu ra chiếu
Không tiêu nổi một con đàn bà nào
Ta ỉa vào thánh thần
Vào lăng tẩm của bao triều vua chúa
Chỉ mình ta là người
Thiên hạ mang mặt nạ
Nhưng tất cả đều là chó sói
Ta nguyền rủa kẻ sinh ra ta
Cái hình nhân méo mó
Được tạo bằng sự dâm ô của bố mẹ ta
Lá... Là... La...
Trong hồn ta

Có lời nguyền của dòng sông
Trừng phạt một bộ lạc da vàng man rợ
Da ta cũng vàng
Sự trừng phạt, sống một đời cô độc
Nhưng ta không cô đơn
Ta có bạn là ma
Có người yêu là quỷ
Ta sẽ hiếp mặt trời
Sẽ bắt cóc mặt trăng để đòi tiền chuộc
Sẽ lấy sao làm gia vị
Tẩm vào thịt chuột
Ta vẫn là ta
Nghèo tiền mà tâm hồn xa hoa
Ta chỉ một mình
Không vợ con, gia tài chẳng có
Dòng sông ơi!
Lời nguyền của người
Gây ra bao cuộc chiến
Hận thù, chỉ xóa được bằng thơ
Tiếc ta không là thi sĩ
Hóa giải lời rủa của sông
Đừng bắt dân đen
Phải chết vì sợ mất lòng kẻ khác
Người không biết ca dao
Cả tiếng Việt, người còn nói ngọng
Đừng bắt lũ ta
Phải nói bằng ngôn ngữ
Kẻ da trắng tóc vàng
Da đỏ, mắt đen
Tất cả bộ lạc này sinh ra từ bọc trứng
Bầu, Bí... Lá, là, la...
Ta vẫn là ta.

Hát xong, lão nổi hứng, nhẩy ra sân múa võ.

Chập chờn, chân lão cầy trên đất, tạo ra những đường rãnh, loang loáng chỉ nghe tiếng gió khi lão đi quyền. Hết bộ rắn, tới hầu quyền, môn phái của lão khó tìm được căn nguyên. Chắp vá, đểu cáng, đòn độc, rõ phường lục lâm thảo khấu. Lã xỉa tay vào cây chuối hột, xoay chân tung cước vỡ cái chum Bát Tràng, húc đầu một cách ngây ngô làm sạt cả bức tường lở lói...

Lão hỏi tôi: Có thích học võ không?

Tôi trả lời: Cháu người nhỏ, chẳng dám.

Lão bảo: Người nhỏ, có sao đâu, nhu thắng cương. Giây lụa trói được voi

Tôi nói: Phải dùng đến võ là hèn.

Lão bảo: Đúng vậy! Hữu dũng thường vô mưu, cố mà học chữ.

lão Quấn tự tìm đến cái chết, hay cái chết tìm đến lão, khó biết. Bố tôi kể: Sông Lương, năm ấy dâng nước (năm mươi năm mới có một lần). Lão Quấn, uống rượu say, chết đuối ngay ở nhà mình.

Lời nguyền của dòng sông không tha cho cả kẻ ngụ cư.

3/ Kết

Đọc xong truyện ngắn này, vợ tôi nói, (thị có kiến thức về văn học, hiện đang công tác tại một tạp chí trung ương).

- Truyện này theo anh có mấy nhân vật?

Tôi nói: Ba!

Thị bảo: Không phải, bốn, cả dòng sông nữa. Anh nên sửa lại những đoạn thơ, lời khấn, lời hát của các nhân vật. Bỏ cái đoạn Thoan nói khi nghe hát chèo, đại ý... "Dễ tha thứ cho kẻ ngoại tộc...". Mình đang bang giao vì quyền lợi, viết thế không ổn.

Góp ý tới đấy, thị ngừng, gã trợ lý cho tổng biên tập tới đón thị như mọi khi. Gã toe toét chào tôi... Đêm, trong giấc mơ, tôi thấy Thoan hiện rõ. Thoan đi trên mặt nước, mặc bộ đồ trắng trinh nguyên, nói với tôi: Anh hãy đem lời khấn của em đốt, trộn vào máu của những ai sân, si, trinh bạch, như vậy sẽ giải được lời nguyền của dòng sông.

Tôi sực tỉnh. Thị đang nằm cạnh, miệng lẩm bẩm: Anh Q - sâu và mạnh nữa anh, em sướng quá, nhanh lên anh.

Tôi khạc vào mặt thị (té ra tôi đã bị cắm sừng). Q - là tên gã trợ lý tổng biên tập nơi toà soạn thị đang làm việc.

Sáng hôm sau, tôi về quê. Đêm ấy ra bờ sông ngồi khóc vì thấy mình bất lực. Lấy đâu ra máu của những người không có sân, si (điều này may ra chỉ có ở các bậc tu hành). Nhưng xin máu của họ bằng cách nào? Tôi không muốn làm kẻ sát nhân. Hãy tha thứ cho anh Thoan ơi! Lời nguyền của dòng sông quả là khắc nghiệt.

Tôi nấc lên, khi ý thức được mình giống bèo bọt trôi trên sông, không thắng nổi dòng chảy định mệnh.

Sông Lương vẫn trôi, nó nhìn tôi như chế nhạo

TRẦN NGỌC TUẤN



HOÀNG LỘC

không được giống anh

Gửi ĐN

gã đàn ông em chọn để sống đời
không được giống anh - có những điều không được giống
hắn cứ là người - phải thôi, hắn là một người
cứ tự nhiên mà lưng dài vai rộng

hắn có thể nghèo vẫn tay hào phóng
có thể giàu nhờ tằn tiện - hề chi
nghiệm đủ thứ trên đời - hắn bị đời chê
sống nghiêm túc - được đời khen - thì cũng vậy

hắn giỏi đánh đàn ư? ồ hay biết mấy
vợ hát chồng chen xôm cửa xôm nhà
lại còn vẽ vời ư? thêm hay biết mấy
mỗi nhánh cành hạnh phúc sẽ đầy hoa

hắn có thể buồn khi gặp dáng tình xa
có thể trầm trồ lấy lòng gái đẹp
hoặc cứ ra vào đúng khuôn đúng phép
như trời dành hắn sống chỉ vì em

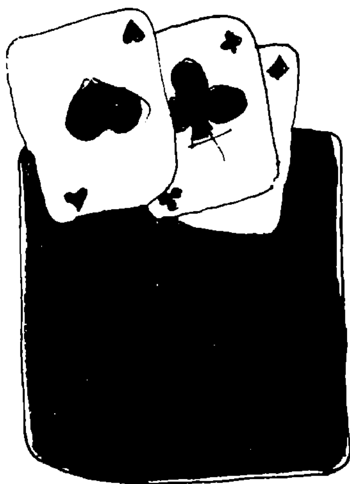
thứ gì em muốn ở anh, hắn cũng thể y nguyên
nhưng hắn không được giống anh những lời thỏ thẻ
để em tưởng tình yêu nào cũng thế
không được giống anh cái thoáng môi cười
để em tưởng em về với hắn mà anh vui

HOÀNG LỘC



NGUYỄN HIỀN

ván bài đầu năm



Cuộc đỏ đen đầu năm kéo dài đến nửa khuya bắt đầu tỏ ra uể oải. Khải đã rửa đít (1) ngay từ khi rút lá thứ ba. Lá thứ tư mang đến suốt lủng cho Tùng, phá tan chút hy vọng nhỏ nhoi cuối: gầy dựng lại cơ đồ sụp đổ đến nền móng. Con tám cơ bị vật ra, đỏ choét, tênh hênh nằm cạnh con xì. Hắn tiu nghỉu. Quay bài. Chỉ còn tôi với Tín gờm nhau. Tôi đôi mười mặt. Tín đôi già chết. Hắn đảo mắt thực nhanh sang mặt bài của Tùng, nhìn khinh bỉ lá mười cơ đang nhoẻn miệng cười nhạo. Tôi biết, cuộc chơi tối nay đã sắp hồi kết. Đôi già mặt đi tiền. Hắn ban cho tôi một ân huệ chót:

- Hai trăm rưỡi.

Tôi yêu những cuộc bài như thế này. Những nước bài phơi bày tâm tính từng người, bày tỏ rõ trên mặt bàn sự tính toán, sự liều mạng, và cả vận hội đỏ đen. Hơn thua nhau, may rủi chỉ chiếm một phần nhỏ. Phần còn lại, là đấu trí, mà gian trá thường được trả công. Như cuộc đời. Như mặt sau những bài Đức dục.

Tôi nặn con bài tẩy một lần chót, vừa liếc mắt sang đối thủ, bằng thái độ con chuột lém lỉnh theo dõi chú mèo tinh quái. Đôi mắt mèo lần theo năm ngón tay tôi tự do vuốt trên xấp tiền, hực lên những tia thôi miên. Tôi nghe tiếng mình khô khốc:

- Theo.

Tia nhìn khựng lại, dò hỏi. Một thoáng nuốt nước bọt của đối phương. Tôi muốn mua đôi xì? Hay chờ đợi con mười chót đến trong mong manh? Dù

sao, sợi dây cung rút căng đã buông cho mũi tên không còn đường quay trở lại. Tín rút bài, những ngón tay dài thành thạo cẩn trọng lùa lá bài nặn xuống dưới, mò mẫm. Ngón tay cái mở hé lỗ nặn giữa. Đôi mắt nheo lại. Tôi mong hắn chỉ thấy đốm trắng. Đốm trắng, tức là không phải xì, đồng thời cũng rất có thể là lá mười chót mà hắn đang mong đợi tóm được. Lá mười quyết định vận mệnh tôi tối này. Nhưng chuyện không xảy ra như thế. Hắn vớ được tây tôi nặn ra con chín. Trong làng chơi, bài học vỡ lòng này không cần ai dạy. Hắn biết, nếu pha (2) hay nhẹ tay thì tôi cũng sẽ không tha, và hắn sẽ bị đẩy vào vị thế khó xử. Hắn đẩy chồng tiền cao nghệu vào giữa, giọng cố giữ thản nhiên:

- Ta-pi (3).

Tôi tiếc đã giao hẹn từ đầu về số tiền láng tối đa năm trăm bạc mỗi người bỏ ra cho buổi tối nay. Tôi quật lá tẩy của anh chàng lên giữa mặt bàn. Hai đôi sừng sững. Với tôi, hành động vừa qua chỉ làm hồi kết cuộc gây cấn kéo dài thêm được một phần mười giây ngắn ngủi. Bởi tôi đang vơ tiền về, trong lúc Tín trố đôi mắt lồi ngó con mười bích giơ mười khối hạ thể con chó mực đen chùi chũi vào mặt hắn đang đang dần xám lại. Hắn chửi thề, phủi đít đứng dậy:

- Năm mới năm me xui dữ. Già đầm chịu thua ba con mười.

Tôi cười thầm trong bụng. Không phải xui đâu bố. Chỉ tại bố đoán sai cũng nguy hiểm không thua gì đầu tư lầm vào một hãng sắp phá sản. Tôi nhìn đồng hồ:

- Ở lại ăn chén cháo đã.

Hắn nán lòng ngồi xuống. Đám đàn bà chỉ đợi lúc này để hành sự. Trong chốc lát mâm đũa đã dọn ra. Đĩa lòng cao ngụn, những khoanh dồi thái dố gối đầu nhau bao quanh, điểm loáng thoáng mấy lá răm cắt nhỏ phủ mặt. Nồi cháo được hâm lên vội vàng nghi ngút khói, những miếng huyết đen cắt vuông quân cờ trộn lẫn những khoanh lòng thái nhỏ. Đĩa dầu cháo quẩy vừa chiên xong nằm sóng từng cặp vàng óng, tươm mỡ mời gọi đôi đũa. Khải ngạc nhiên:

- Tìm đâu ra mấy thứ này thế?

Tôi đưa mắt nhìn vợ Công:

- Hỏi bà ấy.

Người đàn bà hãnh diện có dịp được khoe tài:

- Em có người quen làm trong lò heo, dặn người ta lấy cho. Chỉ có dồi trường bên này họ không bán, may có con nhỏ bạn sang Pháp gởi nó mua nhờ vậy mới có thêm được ít rau răm. Biết anh Thành thích ăn cháo lòng, tụi em mang đến làm cho mấy anh ăn luôn.

Tôi chép miệng:

- Thích thì thích, nhưng cả mấy năm nay chưa lúc nào có dịp. Ngoài chợ Thổ thỉnh thoảng họ cũng có bán lòng heo, nhưng lúc thiếu thứ này, lúc thiếu thứ khác. Mà bà ấy lại cầu kỳ, thiếu là không chịu nấu.

Mọi người cười thông cảm. Người nấu ăn giỏi thường khó tính. Vợ tôi thoăn thoắt cắt những khoanh dầu cháo quẩy, gắp giá bỏ vào tô cháo, giục ăn. Tiếng bát đũa, tiếng mời bắt đầu nổi lên. Khải vuốt đôi con mắt chỉ rình cụp xuống:

- Đánh bài mệt, ăn tô cháo tỉnh hẳn ra.

Câu chuyện bỗng trở về đề tài cũ. Tùng bảo:

- Anh Thành coi vậy mà tẩm ngẩm tầm ngầm chết người được. Rút ra ba con mười từ đầu mà cứ tưởng bài không có gì.

- Có vậy mới gọi là xì tố chứ. Tôi nói. Mà này, tôi hỏi thực mấy anh. Nếu ngồi vào chỗ anh Tín mấy anh sẽ làm thế nào? Trừ khi anh làm dấu bài, chơi lận, để biết tôi tẩy mười. Còn nếu không trước sau gì anh cũng cạn láng để được biết tẩy tôi mặt mũi thế nào. Bỏ mấy trăm để xem bụng dạ người ta, đâu có mắc. Thà vậy còn hơn bỏ ngang để rồi tức ấm ách hoài.

Tôi còn muốn nói thêm: cuộc đời có những oái ăm hơn thế. Đã biết rõ mười mươi là bỏ xác lãng xẹt mà vẫn cứ lao đầu vào. Nhưng Công bỗng chen vào:

- Ngồi chầu rìa xem anh Thành cho anh Tín vào xiếc mà cũng thấy run cả người.

- Còn anh Công ngủ này - Tùng chọc - sao cả tối chỉ ngồi chầu rìa không? Sao không chơi cho vui?

- Chơi để nạp mạng cho anh Thành à? Nghe mấy anh bàn cứ mà phát khiếp. Vợ Công đáp gọn, lời sắc như dao.

Tôi biết đây không phải là câu trả lời thực. Nếu soát túi, anh chàng may ra còn được ít đồng lẻ, chưa đủ nóng đít. Đời là thế. Người nghèo không bao giờ có cơ hội thử thời vận một cách đúng nghĩa. Công lừng khừng:

- Đời mình mang ra đánh bạc đủ rồi, cần gì phải ngồi vào sòng.

Tôi thoáng thấy bà vợ đưa mắt lườm, đôi mi cau lại. Hắn ta nói đúng một phần. Vài trăm lẻ tẻ tối hôm nay đem cân với canh bạc đời thì chẳng thấm vào đâu. Hơn nữa, đánh bạc với bạn, tiền có mất cũng chạy vào túi người quen. Có khi lại được chầu ăn, chầu nhậu bù lại. Đánh bạc đời, thua là mất hết, chưa kể mình được mang ra làm bài giảng cho chính những thằng bạn của mình nữa. Nhưng tôi biết Công có hàm ý khác. Hắn ta đã đánh những tiếng bạc lớn của đời với lòng khát khao si mê, nhưng đến nay vẫn tiếp tục móc túi rải tiền đường. Công danh lận đận, mảnh bằng vất xó tủ không ai thèm nhìn đến. Tiếng bạc thứ hai là bà vợ, một thất bại não nề. Hắn lấy vợ như đánh một ván bài cào, chẳng cần suy trước tính sau, để bây giờ vợ hắn mỗi lần nhìn dinh cơ tôi lại nguýt háy người bạn đời chỉ biết lục ba lô kẻ chung bước. Còn hắn cứ lửng thửng như không biết đến những chuyện chung quanh đang xảy ra, trong khi đó nhiều lúc cay đắng với ngay cả chính mình.

Công bỗng nói:

- Ăn cháo lòng bỗng dưng nhớ thằng Phương ghê. Bữa nào không có huyết mặt nó chù ụ như cái bánh mì mắc mưa.

Tôi sượng sùng, lặng yên. Câu nói đột nhiên giật tôi trở về những ngày còn độc thân. Ngày xưa chúng tôi ba đứa cùng chung tiền thuê gian nhà nhỏ vùng Khánh Hội để mỗi buổi chiều về có chỗ ngủ. Căn nhà của một người quen trong gia đình, nửa như cho thuê, nửa như cho chúng tôi ở không để chiếm chỗ trong buổi nhốn nháo không quan không dân. Cả khu xóm phần đông là dân lao động. Người ngợm đen đúa. Trẻ con nhếch nhác mũi dãi chạy đen khúc đường lồi lõm mỗi khi cơn mưa nhiệt đới đổ xuống vội vã, đập tơn ton trên mái tôn hoen rỉ. Trong cái xóm táp nham như vậy, thật không ai ngờ ông Trời lại trớ trêu đem giấu vào đó một món quà bất ngờ cho chúng tôi Từ khuôn cửa mắt cáo nhìn xéo sang bên đường, ngay hôm đầu mới dọn nhà đến, chúng tôi đã chợt bắt gặp một bóng áo bà ba trắng thấp thoáng sau vạ cửa lá sách đang vội khép lại. Tôi nhớ lúc đó Công đã rú lên bằng tiếng ma dại của thằng con trai mới lớn: có ghế (4) tụi bây ơi, sướng nhé, trong lúc cả bọn đập vai nhau rúc rích cười.

Quả thực thế. Những ngày mới đến chúng tôi đã có những chiều cùng nhau suýt soa mỗi khi thấy bóng cô hàng xóm thấp thoáng ngoài cửa để bàn tán những chuyện không đâu. Cũng là một cách giải trí cuối ngày, một cách ăn bánh vẽ của bọn độc thân sau một ngày tứ tán. Chưa đầy một tuần Phương, anh chàng đẹp trai nhất trong bọn, đã điều tra ra gốc gác ngọn ngành. Cô bé tên Trâm, Ngọc Trâm. Cô ở với bà mẹ góa. Nghe nói chồng bà chết trong một cuộc phục kích. Chiến tranh, nỗi khổ cực và sự cô đơn - đó là tôi chưa muốn nói đến sự hy sinh ở vậy nuôi con gái - đã hằn lên những nếp thời gian đến sớm trên khuôn mặt bà. Bà Năm - như người trong xóm vẫn gọ - mỗi chiều quảy gánh cháo lòng heo đem bán quanh vùng. Phía sau, nồ cháo nhôm được chèn kỹ bằng những tấm giẻ. Phía trước, lủng củng tha nước cùng bát đũa xếp đầy một quang. Cứ thế, mỗi chiều bà đi, tối khuya mớ về.

Một tối lũ tôi ngồi chơi muộn, bà mẹ quảy gánh cháo ngang cửa. Xem ha đầu gánh dài gần bằng nhau, chúng tôi có thể đoán được kết quả của mộ ngày bán ế. Hai mẹ con chắc hẳn lại chia nhau nồi cháo trừ cơm. Có lẽ Trân lại khóc trên chén cháo đã trở nên lạt thếch và oán trách cuộc đời nghèo khó Nhưng biết làm sao được. Cái nghiệp của những người bán rong đã gắn liền với những chuyện như thế này. Tội nghiệp hơn nữa là bà không dám cất tiếng rao ngay trong xóm mình ở. Dáng bà như còng xuống chịu đựng. Một đứa trong đám tôi, học lỡ dở tú tài, mang triết lý của tính xác suất ra giảng cho cả bọn là có ngày ngẫu nhiên không ai ăn cháo. Thằng khác phì cười, rồi nhu thương hại, gọi bà vào, thết cả bầy một góc nồi cháo phình bụng. Phương được dịp hỏi thăm chuyện gia đình bà. Trước khi bà về, nó còn dặn với, nửa đùa nửa thật:

- Hôm nào cháo ế bác cứ ghé, chúng cháu thanh toán cho.

Kể từ đó mối giao tình giữa chúng tôi và gia đình bà hàng xóm nở ra mộ cách trái ngược. Bà mẹ mong buôn may bán đắt. Tụi quỷ chúng tôi mong bá

trở về với nồi cháo bán dở. Đi ngang căn phố chúng tôi thuê, bà nhắn với vào, để mười lăm phút sau đó Trâm rón rén sang gõ cửa, đặt lên chiếc bàn gỗ độc nhất trong phòng lưng cháo nhỏ mới hâm lại, và chiếc mâm nhôm bầu dục trên bày một đĩa lòng heo, ít lá rau thơm cạnh chén nước mắm, thêm một trái ớt hiểm đặc biệt dành cho tôi. Đĩa lòng có đủ món, có lúc thiếu một vài thứ. Mặc dù chúng tôi không câu nệ, nhưng những lúc đó, Trâm nhìn chúng tôi vẻ ngượng ngùng, cặp mắt đen to chớp chớp như xin lỗi, mặc dù không phải lỗi ở cô, cũng không phải ở bà mẹ. Thường những tối khuya như vậy chúng tôi ngồi đánh bài giết thời giờ bên ánh đèn dầu tù mù soi bóng cả bọn lên tường như hình ma quỷ trong đêm hội cõi âm. Đánh bài để mà chơi. Chuyện ăn thua lúc đó chỉ là chuyện phụ. Nhưng tôi nhanh chóng nhận ra ở Phương một lối chơi liều lĩnh. Đánh bài với hắn như chơi, như giỡn, nhưng giỡn với tử thần. Mười lần hắn vơ sòng đến bảy tám. Trái với hắn, tôi là thằng so đo, tính toán. Lũ bạn thường ví hai đứa tôi như hai đội banh, một chuyên thế liều mạng tấn công, một cố thủ thành, và thêu dệt chung quanh hai đứa nhiều giai thoại, cố nhiên là loáng thoáng trong đó có bóng hình Ngọc Trâm.

Hồi đó, đánh bài với chúng tôi chỉ là đánh để chơi, vì những tối cô bé hàng xóm mang nồi cháo sang, Phương thường đưa tiền trả. Tất cả những may mắn nay đem đổi trong một tích tắc cái tưởng tượng sắp được cầm tay cô hàng xóm. Dần dà sự hiện diện của Trâm đã trở nên một thân quen với chúng tôi. Cô nàng cũng trở nên bạo dạn hơn. Bạo đến độ có đứa trong bọn tôi đã gọi đùa bà Năm là má. Có đứa hỏi giỡn: má Năm! Nếu má chọn một trong ba đứa con làm rể thì má chọn ai? Bà cười, không đáp. Bị hỏi tới, bà trả lời nước đôi: Biết chọn ai được. Tôi đâu biết mấy cậu nhiều. Nghĩ một lát, bà nói: Nhưng chắc tôi chọn cậu Thành. Cậu ấy có vẻ chín chắn, biết làm ăn. Mấy cậu sao tôi thấy lông bông quá. Tối hôm ấy, tôi còn nhớ, tôi gặp ngày xui, đã cúng hết mớ giấy bạc lẻ cho bọn quỷ sống. Nhưng tôi bất cần. Đen bạc đỏ tình. Mỗi tối tôi sẽ sẵn sàng chịu thua trước để nghe được một câu như thế. Nhất là... nhất là nếu Trâm cũng nói với tôi như vậy.

Một tối, thấy Trâm chăm chú nhìn chúng tôi xào bài, nhìn những ngón tay thành thạo của Phương đang thoăn thoắt chẻ cọc bài đủ kiểu, mắt tròn xoe thán phục, tôi đùa:

- Cô phải coi chừng thằng này đấy nhé. Nó mà đánh bài với ai là cho người ấy rụi tùng liền.

Cô bé ngước đôi mắt to đen về phía tôi:

- Rụi tùng là gì hở anh?

- Rụi tùng là "rụi tùng" chứ còn là gì nữa - Tôi cười phá lên - Chợt nhớ ra kẻ đối diện chắc chưa bao giờ cầm đến lá bài, tôi làm mặt khôn giải thích:

- Này nhé. Bài "các tê" mỗi tụ có sáu lá. Đi hết bốn vòng đầu mà không có vòng nào thắng thì không được tham dự vòng bắt bài chót, tức là kể như thua ngay từ nửa cuộc. Người ta gọi là rụi tùng. Thằng Phương nhà cô ghê lắm đấy. Láng cháng nó cho cô "rụi tùng" hồi nào không hay.

Cô bé nguýt háy chúng tôi về câu đùa nhảm và lời gá
tấm giấy bạc xếp nhỏ do Phương đưa, chạy sang bên đ
ngơ ngẩn nhìn theo. Chúng tôi đã ước hẹn với nhau đ
tiền cháo ế, và thường Phương là người có hân hạnh đ
gần sát những ngón tay dài của Trâm. Khoảng cách n
tháng rồi vẫn chưa thu ngắn được thêm vài phân. Tôi c
nhiều lúc anh chàng cũng muốn dấu vội một mảnh thư
xếp nhỏ. Tôi cũng biết Phương đã có lần thuyết phục c
để hắn khỏi chạy xa thêm vài căn phố nữa, nhưng dườn
chỉ cười và cuộc tình câm lặng một chiều của Phương v
mấy tô cháo được hâm lại, cạnh những đêm lục đục vớ
để rồi đi cùng tiếng thức dậy của khu xóm nhỏ đuổi ch
đầu một ngày nhọc nhằn kiếm sống.

Nhưng sự đời lại thường xảy ra không như người
Phương chia tay hai đứa chúng tôi và cô bé Trâm. Hắn
phân trần. Cuộc sống bon chen làm chúng tôi không
thêm. Tôi và Công cũng từ giã nơi chúng tôi đã trọ, mất
thời gian, rồi lại tình cờ gặp nhau nơi xứ lạ này.

Từ đó thỉnh thoảng chúng tôi đến thăm nhau, nói ít
hôm nay, nhân ngày đầu năm nghỉ làm, rủ thêm mấy t
khú với nhau. Nhưng kể từ lâu lắm, hôm nay bỗng dư
đến Phương và kỷ niệm về căn nhà trọ năm nào. Có
Nhưng cũng rất có thể là do cuộc bài vừa qua đã đưa c
ngày tháng cũ.

Cũng may, lời nhắc của Công tối nay không đủ mạ
đang tiếc tiền quay về một câu chuyện chẳng dính líu g
rìa chán đã rút lên lầu xem nốt đoạn phim tập. Lũ đàn
lục tục ra về, chỉ còn Công ở lại, ngủ với vợ chồng tôi
dợm mở chai bia mới, nhưng Công cản lại. Dụi mẩu th
đầy ngập, hắn vươn vai ngáp:

- Đủ rồi. Thôi đi ngủ, mai dậy nói chuyện tiếp.

Tôi dò bước lên gác. Căn phòng tối mò, tuy thế khô
dàng đặt lưng lên chỗ thân quen mỗi tối. Trong đêm, t
của những kỷ niệm ngày xưa đang quay dần về. Những
sống. Những cái tên đã đi qua đời, thoáng ẩn thoáng
Trâm nằm yên, dáng say ngủ. Tuy thế, tôi biết nàng v
nhanh gần hai chục lần một phút là lời tố cáo vô hình. N
không biết. Có lẽ Trâm cũng đang nhớ đến những ngày
ngày nào. Ngày xưa trong mơ thường là một tấm gương
gặp chuyện bất ưng ý trên đời. Tôi chỉ mong sao Trâm
đã "rụi tùng". Cuộc sống nào chẳng có những bất ưng ý
ai rụi tùng chỉ có bộ ba: tôi, Trâm và Phương, những n

và phán đoán. Tôi đã lấy được Trâm, như ý mình ước muốn, để rồi giờ đây hai đứa cùng ngửa mặt lên trần, cùng nghĩ tới một người, nghĩ tới những gì đã cho và những gì còn đang có, mà không dám nói cho nhau biết những thầm kín của mình. Đêm vẫn xuống, êm thật êm. Tôi nghe tiếng mình khẽ thở dài. Bên kia, cách phần tư vòng trái đất, trời đang hối hả vào ngày mới. Thằng Phương ngày xưa, giờ nó đang nghĩ gì nhỉ?

NGUYỄN HIỀN

---

(1) Rửa đít: Thua cháy túi.
(2) Pha: Nhường quyền tố cho người dưới chân bài.
(3) Ta-pi: Tố hết tiền mình đang có.
(4) Ghế: Gái (tiếng lóng)



NGUYỄN PHAN THỊNH

bơ vơ

lặng lẽ trước giọt sương
tôi hiểu lòng biển cả,

quất quay trong bão tố
tôi chia hồn cỏ may,

lăn lóc hạt bụi này
tôi đi vào vũ trụ...

nhưng mỗi lần buồn khổ
tôi khóc như trẻ con,

và vì mẹ không còn
tôi không sao hiểu nổi,

và vì em chẳng hỏi
nên tôi thành già nua

NGUYỄN PHAN THỊNH



NGUYỄN VĨNH LONG

còn có tháng giêng

Những đường viền cuộc sống
Vẽ cong lòng người thành một vòng cung
Sáng tháng giêng trời vẫn mùa đông
có bãi nắng trải vàng nỗi nhớ

Em hóa thân trong từng hơi thở
Thổi vàio đời hy vọng, buồn vui
Thổi trong tôi buồng phổi ngậm ngùi
Trước nhịp đập trái tim tha thiết

Như tháng giêng đêm ngày khắc nghiệt
Ngày giữa đông đêm lại đầu xuân
Lúc trăn trở thấy nhiều dị biệt
Điều mình yêu thiên hạ chẳng cần

Ngửa tay làm ăn mày giữa chợ
Hèn hạ chi một chút ước mơ
Hơn kẻ ném đồng tiền vung vải
Chút hư danh, điếm nhục tôn thờ

Cảm ơn em, tấm gương trước mặt
Để soi lòng mỗi đêm
Khi mặt trời khuất bên kia núi
Là bên này sự thật chồi lên

Khi người mù nhìn thấy
Những âm thanh rộn rã của đời
Dọ dẫm lòng vào giữa cuộc hơi
Giọt nước mắt vỡ tan ngày tăm tối

Tình yêu là gì, đánh lừa nhân loại
Lấy hận thù đặt giữa trái tim
Cố trộn lẫn ước mơ, tham vọng
Tiếng hót chim và tiếng sói tru đêm

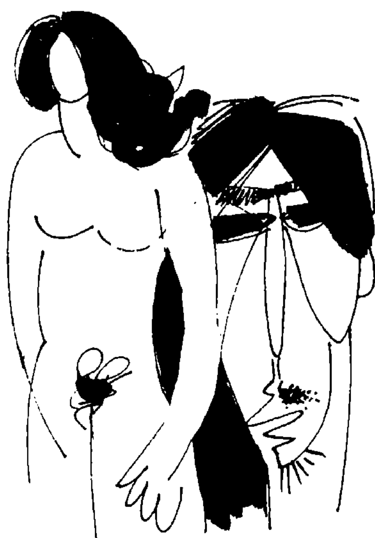
Xin cảm ơn em còn có tháng giêng
Cho nụ hôn ướt nồng hương nắng
Ngọn cỏ non trở mình yên lặng
Quá trưa rồi trời vẫn mù sương...

NGUYỄN VĨNH LONG



TRẦN DOÃN NHO

rằng từ ngẫu nhĩ...



Dặn dò đôi ba điều với phạm nhân như thường lệ, tay cán bộ dẫn giải vác súng lững thững đi về phía nhà dân ở men bờ suối. Toán đi mây bắt đầu tản mác, mỗi người một ngã, vào khu núi đồi phía trước. Phấn đi theo Song, người bạn tù mới quen hai tuần nay. Song rất rành chuyện đi rừng. Anh giúp Phấn rất nhiều trong công việc được gọi là đi làm tự giác này: tìm ra nguồn mây, hoàn thành nhanh chóng chỉ tiêu số lượng được giao, và do đó có nhiều thời gian tự do để nghỉ ngơi và cải thiện linh tinh như bắt cá, cua, nấu nướng...

Rẽ vào lối mòn dẫn đến khu rừng già, tự dưng Phấn thấy lòng phơi phới bất chợt. Khung cảnh hoang dã, cây cỏ rậm rì, triền núi cao dần với những rừng cây bất tận khiến anh có cái cảm giác hứng thú kỳ lạ như ngày nào đọc những chuyện đường rừng. Anh hát nhỏ. Song nhìn anh cười:

- Có gì vui mà hôm nay lại hát hò thế, ông bạn? Có thư vợ hả?

Phấn xoay cái đòn xóc gạt cành cây chĩa ngang trước mặt:

- Tôi khoái cái khung cảnh hoang dã của rừng núi. Nơi ít dấu chân người vẫn thường tạo nên những cảm giác huyền hoặc khó tả.

- Ừ, mới đầu thế đấy. Đi hoài phát ngán. Vả lại, mình là tù chứ đâu có phải kẻ nhàn du.

- Đúng thế, nhưng anh biết tôi như được tháo cũi sổ lồng hai tuần nay.
Song cười lớn:
- Khéo tưởng tượng. Tù lớn, tù nhỏ cũng là nhà tù.

Phấn im lặng. Song không ở trong hoàn cảnh của anh, nên không có những cảm giác như anh. Ít ra là trong lúc này. Từ ngày bị đưa đi cải tạo với tội danh "nghe đài địch và nhen nhóm tổ chức chống nhà nước", anh nhiều lần cảm giác như được "tháo củi sổ lồng". Lần đầu tiên là khi anh chuyển từ nhà lao lên trại lao động. Ở nhà lao tuy khỏi lao động nhưng vừa buồn, vừa đói. Ở trại lao động, ăn no lại làm việc ngoài trời, tuy nhọc nhằn, nhưng đỡ nhàm chán. Có điều, vì là thành phần phản động mới, nên anh bị nhốt chung với những người có án trong nhà kiên giam. Lần thứ hai khi anh ra khỏi nhà kiên giam, nhập vào khu láng trại của ngụy quân ngụy quyền. Và lần này anh được điều theo toán lao động tự giác. Dù vẫn là tù, nhưng anh "tự do" hơn, từng bước một. Điều làm anh phấn chấn nhất là anh sống chung với anh em ngụy quân, ngụy quyền. Anh được trở về cái "gốc" cũ của mình, vì anh vốn là trung úy. Anh gặp lại vô số bạn bè: bạn học, bạn lính, bạn đồng nghiệp. Ở đây, anh được sống cái không khí "tù cải tạo" chính cống sau ngày miền Nam thất thủ. Ở trong nhà kiên giam, anh chung đụng với đủ hạng người" tù hình sự, tù phản động mới, tù kinh tế, tù vượt biên. Thì cũng là tù. Nhưng họ quá xa lạ với anh. Thành phần hỗn tạp. Lý lịch mù mờ. Một chủ tiệm bún bò được phong làm thiếu tướng. Một trung sĩ trở thành Chủ tịch Mặt trận giải phóng quốc gia. Một tay bụi đời được "cân nhắc" làm Bộ trưởng... Đó là phản động mới. Còn hình sự với kinh tế thì đủ loại, đủ dạng. Anh vừa ngột ngạt với thứ kỷ luật khắc khe của chế độ kiên giam, lại vừa ngột ngạt với không khí luôn luôn bất thường ở đây. Một tù nhân chung thân định tự tử. Một âm mưu đào thoát. Một vài vụ nổi loạn nho nhỏ. Thái độ bất khuất của một tù nhân trẻ, không có ngày nào là không hâm nóng nhà kiên giam bằng những hành động quyết liệt như tuyệt thực, hô khẩu hiệu, đọc diễn văn...

Thật nực cười. Chuyển qua trại ngụy quân, ngụy quyền, cảm giác đầu tiên của anh là được phóng thích.
Song hỏi:
- Anh là trung úy sao lại không bị đi cải tạo như tụi này nhỉ? Ở đây thiếu gì trung úy biệt phái như anh. Tội cũng nặng lắm. Sĩ quan biệt phái được cho là thành phần tâm lý chiến, đặc trách kềm kẹp học sinh.
- Hên xui thôi anh. Cả hàng ngàn sĩ quan biệt phái, nếu đi cải tạo hết thì ai dạy học.

Hai người đã đi lọt hẳn vào trong rừng. Cây cối đan thành vòm trên cao. Cành lá chằng chịt khiến ánh nắng không cách gì lọt vào được. Hai người để đòn xuống đất. Song soạn một số dụng cụ mang theo để cải thiện thêm: lon

gô, lưỡi câu, mồi trùn, bật lửa. Anh nói:

- Anh giữ lưỡi câu, chỉ, kiếm một cành cây nào đó làm cần. Chặt mây đủ chỉ tiêu, anh cứ xuống con suối đó câu, đợi tôi. Tôi phải đi kiếm ít măng lồ ô về dầm muối, chuẩn bị cho đợt thăm nuôi tuần sau. Lần này chắc bà xã lên. Còn anh thế nào? Bà ấy vẫn lên thường chứ?

Phấn cất lưỡi câu, chỉ, mồi vào bịch ni lông, trả lời ậm ừ:

- Ờ... ờ... cũng có.

Song chỉ về phía bên:

- Anh cứ đi dọc theo con suối này, leo lên hai bên triền núi để tìm mây. Nhớ đừng đi quá xa suối. Tìm được bụi nào, chặt cho đủ hai gánh. Nếu tôi tìm ra nhiều, tôi sẽ hú gọi anh. Nhớ để ý lấy măng. Thăm nuôi, sẵn mỡ, ruốc, vị tinh mà hầm măng thì đã lắm.

Phấn chợt nghe ngực mình đau nhói như bị kim châm. Thăm nuôi! Gần đến ngày thăm nuôi rồi nhỉ. Dù đã chai lỳ với cảm giác không ai thăm nuôi, dù cố làm lơ, cứ đến những ngày gần thời hạn thăm nuôi, anh cũng không thể xóa bỏ tâm tình cay đắng của một kẻ bị ruồng bỏ, hoàn toàn bị ruồng bỏ. Từ ngày bị tù, mẹ anh có lên thăm hai lần. Lần cuối cùng ở lao xá, mẹ anh có dẫn hai đứa con theo. Từ đó đến nay, hơn một năm rưỡi, anh hoàn toàn bặt tin tức của gia đình. Nghe anh nói mẹ đau yếu, túng thiếu, không cách gì đi được. Con anh thế nào anh không rõ. Vợ anh bây giờ ở đâu, thế nào, có về thăm con hay kh^ng hay ra đi biền biệt như ngày nào anh còn ở nhà?

Anh bần thần vác đòn xóc bước đi. Song đã biến mất sau lùm cây bên kia con suối. Anh tiếp tục bước lên dốc. Đủ loại cây mọc ngang mọc dọc. Chim rừng ríu rít. Tiếng nước đổ dốc nghe vang động ở phía trên. Rừng hoang vắng lạ lùng. Anh chợt thấy lòng dịu lại. Anh đi ngược con suối. Trời như tối hẳn ở đây. Họa hoằn lắm anh mới nhìn thấy bầu trời. Càng đi sâu, không khí càng vắng lặng, tịch mịch, thâm u, thần bí. Ham thưởng thức khung cảnh hoang dã của thiên nhiên, anh quên khuấy mất nhiệm vụ của mình. Sực tỉnh, anh bươn người trèo lên sườn núi, lục lọi tìm mây. Mây nhiều, nhưng còn non quá. Anh sợ lạc, cố đi men theo bờ suối, nhưng không có, nên phải đi sâu vào trong. Mất khá lâu, anh mới tìm được một bụi mây rục. Thế là bất kể cả gai góc, anh phang ngang bửa dọc tìm vào gốc. Gai mây đâm tùm lum vào người anh. Mồ hôi dầm dề. Chất muối mặn thấm vào những vết xước, rát buốt. Đã thế, gần trưa, mặt trời lên khỏi đỉnh cây chiếu xuống nóng bỏng. Cũng may là anh gặp bụi mây khá tốt, nên đỡ mất công lựa chọn.

Lúc anh đang sắp mây để bó lại, thì chợt nghe tiếng cười nói văng vẳng. Anh dừng tay nhìn quanh. Chỉ cây và cây. Hay là tiếng suối? Anh cúi xuống tiếp tục làm. Chỉ tiêu một ngày thế là tạm đủ. Phần cho buổi chiều chỉ còn thiếu một ít. Anh vươn vai nhìn nắng lấp lóa dưới con suối vắng. Bỗng tiếng người vang lên, lần này nghe rất rõ. Tiếng đàn bà. Anh bất giác rùng mình,

nghĩ đến những động yêu trong truyện Tây Du Ký. Anh đưa mắt hướng về phía có tiếng nói. Từ khúc rẽ của đoạn suối trên cao, anh thấy những người đàn bà xuất hiện. Họ giúp nhau chuyền những thanh gỗ qua những tảng đá nhọn. Qua kẽ lá, anh bồi hồi nhìn nhân dáng của những người đàn bà. Họ cười, nói, uốn éo, xắn quần lội qua suối. Những bắp chân trắng nõn, những cái ngực nhô cao, phập phồng. Đàn bà, thứ sinh vật kỳ diệu! Mấy năm rồi anh hầu như không thấy đàn bà, không biết đàn bà. Anh chỉ gặp họ trong thế giới ảo của giấc mơ với những cơn ác mộng và những hoan lạc dầm dề, đôi khi.

Đám đàn bà, khoảng bảy tám người, đã đến gần anh. Những bộ đồ tù bạc màu thảm thiết. Những thanh gỗ nặng đè xuống những tấm lưng mảnh mai. Thế mà họ cười nói trong veo. Họ đã ở bên kia suối. Và họ đã thấy anh. Có ai reo lên:

- Một phạm đàn ông. Này anh kia, ngụy quân há?

Anh sợ hãi, quay mặt, cúi xuống, cố chăm chú làm công việc của mình. Một giọng khác dòn tan:

- Một mình đấy hay có ai nữa không?

Im lặng.

- Nếu như một mình thì tôi qua nhé! Tôi qua đây.

Anh không nhìn nhưng đoán là người đàn bà bước xuống suối. Có ai đó cản:

- Coi chừng! Đừng làm người ta sợ hãi. Ngụy quân, ngụy quyền họ sợ cán bộ lắm, không phải như bọn mình đâu. Lỡ có chuyện gì, bị cán bộ kiểm điểm lên, kiểm điểm xuống, tội người ta.

- Kiểm điểm thì sợ cái con mẹ gì.

- Mình khác, họ khác.

Một giọng trẻ hơn:

- Thế này không xáp tới cũng uổng, phải không anh chiến sĩ của em.

Một giọng khác khúc khích:

- Kẻ thì lâu năm, người thì lạ miệng.

- Ờ. Người ta bảo thứ nhất rượu đã ngà ngà, thứ hai đi ở đường xa mới về.

Nhiều người cùng la lên tán thưởng. Im lăng một lát. Một người nói:

- Anh có nhớ chị nhà anh không? Chị có bới xách cho anh thường không? Hay là có nhớ...

Giọng nói tắt đột ngột, vì có ai đó bịt miệng.

- Gì vậy con quỷ cái. Để ta nói cho đã, giữa rừng núi này sợ ai...

- Nhưng mà, dù sao cũng có đàn ông ở đây. Về trại thì tha hồ.

- Về trại, đàn bà không, nói có gì vui.

- Mà lại, để người ta quên, người ta lo học tập cải tạo cho tốt. Nhắc chi cho người ta tưởng nhớ rồi thèm.

- Chỉ có chị mới thèm chứ ai thèm.

Đám đàn bà cứ thế, đua nhau nói qua nói lại chọc ghẹo anh. Trước sau, anh vẫn im lặng, lắng nghe một cách rất thú vị những giọng nói đàn bà. Trong cái nóng rát, anh vẫn có cảm giác như hơi hám họ lan tỏa qua đây hòa cùng mùi cây lá, mùi núi rừng hoang dã. Thỉnh thoảng anh liếc nhìn qua bên kia suối, thưởng thức đường nét đàn bà qua cái vẫy tay, mái tóc, bờ vai... Bất chợt, anh bừng bừng khao khát. Rồi dịu xuống. Như lửa rơm. Những ngày thiếu thốn đã vắt kiệt sức người. Thành thử, rất nhiều khi, sự thèm khát chỉ diễn ra trong ý thức. Nó biến thành một thứ ý niệm không hơn không kém. Nhưng anh thú vị với những lời trêu chọc tinh nghịch của mấy bà. Chính bọn anh, trên nương rẫy, cũng tìm quên sự nhọc nhằn trong những chuyện tiếu lâm. Một mặt, nó giải tỏa phần nào những bức xúc bản năng. Mặt khác, nó giúp người tù được nói thả giàn mà không sợ bị phạm nội quy. Đó là thứ ngôn ngữ phi chính trị, phi giai cấp, không phân biệt kẻ thắng người bại. Còn ngoài ra phải biết im lặng. Đám dân kinh tế mới ở quanh đây vẫn thường gọi những người tù cải tạo là những người câm. Anh được bạn cùng trại dặn dò không nên mở miệng dù chỉ để cười, vì đám "ăn ten" lúc nào cũng sẵn sàng báo cáo. Im lặng là vàng. Có lẽ không chỗ nào áp dụng lời khuyên này một cách hữu hiệu bằng ở đây.

Các bà bên kia bờ suối vẫn tiếp tục trêu chọc. Một chị giả giọng nhỏng nhẽo:

- Anh ơi, em qua nhé. Ở đây hoang vắng lắm, không có ai đâu mà sợ.

- Ờ, mày được đấy. Tạng mày hợp với ông ấy. Mà coi chừng, ông ấy mà ngã lăn ra chết bất tử thì mày ở đây cải tạo đến mãn đời luôn. À, mà để xem, "chàng" ra sao đã: thiếu úy, đại úy hay tá. Cỡ mày, đại úy dầy dầy là vừa. Còn thiếu úy thì quá trẻ, để người ta về lấy vợ. Còn cỡ tá thì để dành cho chị phạm nhân mới này này. Sao, chị có bằng lòng không chị... chị gì nhỉ? Mẫn hay Mạnh?

Một giọng rất trẻ:

- Đúng rồi, chị lội qua đi. Chàng đợi bên kia kìa. Ơi, ông đại úy, đừng bỏ lỡ cơ hội.

Mọi người cười phá lên. Tiếng cười nghe bỗng dòn tan, dội vào vách đá, thành cây, khua động khu rừng vắng.

- Ồ, cứ giả sử như đại úy đi. Cỡ dầy dầy như thế thì hẳn đại úy là tệ. Chị cũng dầy dầy, trông xứng ác. Nào, đại diện chị em, lội qua đi.

Có tiếng xô đẩy, cười cợt rồi nghe ùm một tiếng. Anh giựt mình, bỏ sợi mây đang bó, ngẩng đầu nhìn sang. Người đàn bà đang lóp ngóp dưới vũng nước suối. Chị la oai oái. Mấy người nắm tóc kéo chị lên. Bộ đồ tù tả tơi dính sát vào người để nổi bật lên những đường nét quyến rũ tự nhiên. Anh liếc nhìn, rùng mình, tưởng như tóc tai mình dựng ngược. Đàn bà, ôi đàn bà yêu

dấu! Anh không cần biết mặt mũi ra sao, chỉ cần biết đó là đàn bà. Một chị nói:

- Coi kìa, sao không mặt gì bên trong cả vậy. Này, ông đại úy ơi, đừng ngắm trộm nhé. À, mà cũng được thôi. Mất mát gì đâu, phải không bà chị.

Anh tự thẹn, xoay hẳn người, không nhìn nữa, lòng bồi hồi khó tả. Anh bần thần, run rẩy, bó mây chuẩn bị ra về. Ở bên kia suối, đám nữ phạm nhân đùa cợt một lát rồi cũng rủ nhau đi. Một chị nói với theo:

- Tụi em về nhé, trưa rồi. Chiều tụi em đi ngang đây nữa. Có thích thì đợi, ông đại úy.

Anh mỉm cười. Bỗng không, anh được mấy bà thăng cấp lên đại úy.

*

Ra khỏi trại Song hỏi Phấn:

- Tiêu chuẩn buổi chiều ông đủ rồi chứ gì? Mới tập tễnh thế mà khá đấy. Bó lại xong xuôi, nhớ tranh thủ kiếm măng nhé. Rồi về chỗ tôi câu cá.

Anh hỏi Song về các nữ phạm nhân mà anh gặp hồi sáng. Song cho biết:

- Có cái trại nữ tù mới thành lập ở mé đường lộ, chỗ sắp ra bến đò ấy. Ôi, thôi thì đủ hàng đủ loại. Điếm có, tú bà có, móc ngoặc có, ăn xin có, vượt biên có, có cả một tội phạm giết người. Đúng là hổ lốn. Gặp giữa đường trong bộ đồ tù, tôi chẳng phân biệt loại nào ra loại nào cả. Có điều: họ tự do hơn mình. Họ bạo mồm bạo miệng hơn mình. Tôi kể ông nghe một chuyện: hôm đó, tôi đi bứt tranh. Lủi sâu vô trong rừng, tôi gặp được một vạt tranh phải nói là quá đã, đủ cho một mình tôi dùng cả một tuần lễ. Bứt xong, đang lúi húi cột, thì một cô xuất hiện. Cô cũng đi bứt tranh như tôi, tôi đoán thế. Cô không nói gì, chỉ đưa tay vẫy tôi. Chưa hiểu gì rõ ràng, nhưng nhìn nét mặt, tôi linh tính một điều thú vị, nên tôi đi ngay, dù nói thật, vừa đi vừa run. Đến một khoảng rừng vắng thật vắng, chúng tôi dừng lại... Anh cứ tưởng tượng, giữa rừng sâu, có hai tù nhân một nam một nữ, nam thì xa vợ tám bảy năm, nữ thì cũng ở tù lâu năm, thế mà... anh có tin không, không có gì xảy ra cả.

Phấn cười:

- Không, không thể tin được.

- Đúng. Tôi không tin ở tôi nữa, nhưng đó là về sau. Còn lúc đó, anh biết không, chẳng nói chẳng rằng, chúng tôi ôm nhau y như thể đã quen nhau như tự thuở nào. Chúng tôi hít hà, phải nói là ngửi nhau. Mùi mồ hôi, mùi khét nắng, mùi tù, mùi người, mùi... đủ thứ. Chúng tôi thưởng thức mùi nhau một cách tận tình. Thế mà, bỗng nhiên, tôi nhìn quanh, đẩy cô ấy ra và bỏ chạy.

- Anh sợ hay là...

- Đủ thứ. Ở tù lâu năm, mình không kiểm soát nổi phản ứng của mình nữa. Lạ một cái là, suốt từ đầu chí cuối, chúng tôi không hề nói với nhau một lời nào cả. À có, hình như chỉ có một câu thôi, một câu rất thừa. Tôi hỏi "cô ở

tù hả?'. Cô ta gật đầu, chứ không nói gì, Khi tôi bỏ chạy được một đoạn, nhìn lui, thấy cô ấy vẫn đứng một chỗ, bất động. Giờ nghĩ lại, nghiệm ra có những hoàn cảnh, xét cho cùng, lời nói hoàn toàn không cần thiết, anh ạ.

Chia tay Song, bỗng nhiên Phấn ao ước vu vơ về một cuộc gặp gỡ trong rừng như thế. Và anh đã gặp. Nhưng sự tình có khác.

Bó xong bó mây dành cho buổi chiều, anh cảm thấy hoàn toàn thoải mái. Phần thời gian còn lại là của anh. Không phải để nghỉ ngơi mà là để "cải thiện". Đây là phút tự do. Ít ra, anh cũng tự cảm thấy như vậy. Trong một khoảng thời gian và không gian tuy hạn hẹp, nhưng anh có thể bay, nhảy và làm một số việc mình thích. Trước hết, anh lủi tiếp vô rừng trước mặt để kiếm măng. Vác theo chiếc rựa, anh xoay lui nhắm hướng về rồi chui bờ đục bụi tiến tới... Đây là một khu rừng khá già. Càng đi sâu, càng dễ đi vì nhiều cây cao, tàn lá rậm rạp khiến đám cây lặt vặt không thể sống nổi vì thiếu ánh nắng mặt trời. Không khí mát lạnh. Tự dưng, anh cảm thấy thoải mái vô cùng. Anh đi mãi và không tìm thấy một mụt măng nào. Anh đổi hướng đi, tìm đường men theo bờ suối, đi ngược lên. Suối rỉ rả, chảy qua những chòm đá, cái thì phẳng phiu, cái thì lởm chởm với nhiều đường cạnh sắc như những lưỡi dao. Anh bắt gặp một ít mụt măng trong cái khóm lồ ô, giang. Anh sung sướng bẻ lấy bỏ vào bịch với cảm giác êm ấm về một ngày no đủ. Và trong khi bươn bả tiến tới một lùm lồ ô khác thì anh thấy một người, cụ thể hơn, anh thấy một đàn bà. Anh nhớ lại câu chuyện Song vừa kể hồi trưa, cảm thấy đột nhiên hồi hộp. Người đàn bà đang ngâm mình dưới nước trong bộ đồ tù. Đây là một cách tắm phổ biến của các tù nhân, vừa để tiết kiệm thì giờ, vừa giặt quần áo luôn một thể. "Có lẽ chị ta là một trong những người đi gỗ hồi sáng", anh thầm nghĩ. Anh nhìn quanh, với cảm giác của một người đang tính toán một chuyện không lấy gì làm đàng hoàng cho lắm. Yên lặng. Không có ai. Có lẽ mỗi người phân tán một nơi. Anh phân vân vịn cây nhìn xuống, chẳng biết nên làm gì. Một sinh vật giống đực đang nhìn một sinh vật giống cái giữa khung cảnh núi rừng hoang dã. Anh có linh tính như thể mọi sự đã được sắp đặt từ trước. Phải như thế như thế, không thể khác hơn. Anh thấy ngột thở, cái ngột thở của những khao khát lâu ngày bị dồn nén. Anh nhìn ngắm say sưa, thoải mái không cần che dấu. Còn người đàn bà thì hồn nhiên kỳ cọ, vẫy vùng. Đột nhiên, không kềm giữ được, anh kêu lên:

- Này!

Anh hụt hơi sau tiếng kêu, lảo đảo muốn ngã. Tiếng kêu không biết có làm người đàn bà giật mình sửng sốt hay không, nhưng anh thấy chị ta hụp vội xuống nước rồi vén tóc nhìn lên. Chị thấy anh, một người đàn ông. Hình như chị lưỡng lự một chút rồi từ từ bước lên bờ. Tóc ướt nước phủ gần cả khuôn mặt. Bộ đồ tù sủng nước dán chặt vào thân thể, làm nổi bật lên những đường nét kỳ lạ. Người đàn bà dường như không để ý đến phần thân thể của mình, chỉ đưa tay vuốt tóc, để rũ nước xuống. Chị bước lên dốc, hướng về phía

anh. Anh đưa tay làm dấu chỉ vào một lối mòn bằng phẳng dẫn vào trong rừng. Anh nhanh nhẹn tiến về lối mòn, đi trước. Rừng chợt vắng lạ thường. Dường như mọi âm thanh đều tắt. Anh không nghe gì hết, ngoài tiếng bước chân lạo xạo đằng sau anh. Hai sinh vật bước đi trong hỗn mang tiền sử. Không có ai. Không còn ai. Họ đi như thể là những kẻ tái tạo thế giới sau cơn hồng thủy. Không lý do. Không suy nghĩ. Không thành kiến. Không hận thù. Họ dừng lại. Không cần nhìn nhau, và tuyệt đối không nói một lời nào, họ quấn vào nhau. Chân thành. Cuồng bạo. Rừng xoáy đổ. Suối xiêu dòng.

Ra khỏi cơn mơ, đúng lúc họ muốn rời nhau như những kẻ xa lạ, thì anh chợt cảm nhận một cái gì rất đỗi thân thuộc từ người đàn bà. Hơi thở, cái bíu tay, nụ hôn... y như anh đã từng biết, từng có. Anh xoay người, kéo vai người đàn bà, đưa cả mười ngón tay vuốt tóc chị lên. Anh nhìn, mồm há hốc, mắt trợn tròn, chết đứng. Người đàn bà bước lui, lắp bắp:

- Trời, anh!

Giọng anh run bần bật:

- Hạnh!

Chỉ chừng đó thôi, cái thế giới tiền sử tĩnh lặng kỳ diệu bỗng biến mất, nhường chỗ cho một thế giới khác mở ra toang toác, tan nát. Giữa hai người, trong thoáng chốc, quá khứ cuồng loạn quay về bằng những hình thể méo mó, pha tạp. Người này là nỗi đớn đau của người kia, nhưng lại cũng là một phần đời không thể tách rời của người kia. Phấn đột nhiên cảm thấy cuộc chơi, dù vô cùng bất trắc, nhưng rồi anh cũng cứ buộc phải lao vào.

Thế rồi, anh bước tới, hơi ngần ngừ. Nhưng anh vẫn giang tay ra ôm lấy người đàn bà, gục đầu vào vai chị, khóc tấm tức. Chị cũng khóc. Hai người đều khóc mà không hiểu khóc cái gì. Khóc hội ngộ. Khóc tan vỡ. Khóc cay đắng. Cả hai đều ngơ ngẩn, không kịp điều chỉnh trạng trái ý thức và tình cảm của mình. Mấy phút trước, hai người đến với nhau đơn giản như sinh vật. Bây giờ hai người ôm nhau như hai vợ chồng.

Một lát, anh đẩy nhẹ chị ra:

- Em vào tù khi nào?

Chị cúi đầu, đáp như bị hỏi cung trong một cuộc thẩm vấn:

- Hơn hai năm rồi.

- Sao em bị bắt?

- Vượt biên.

- Ở T.A. à?

- Không, Quảng Ninh.

- Vượt biên gì mà ở tù lâu vậy?

- Tội chính là buôn bán tem phiếu. Bị truy nã, em vượt biên, bị bắt.

- Có án không?

- Bốn năm.

- Trời!... Sao lại lên đây?
- Họ chuyển về địa phương.
- Con đâu?
- Thằng Phúc đi với em, bị bắt nhưng được thả về lâu rồi.
- Còn thằng lớn?
- Thằng lớn không chịu đi, thích ở với bà nội.
- Còn bây giờ?
- Em không rõ.

Chị ngước nhìn lên:

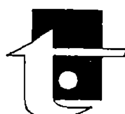
- Còn anh thế nào?

Giọng anh chua chát:

- Thì ở tù. Còn hắn... hắn... hắn thế nào?

Chị cắn môi, suy nghĩ rồi mấp máy định trả lời thì nghe tiếng người gọi ơi ới phía dưới suối. Hai người giật mình nhìn dáo dát. Chị cầm tay anh run run, bóp nhẹ rồi chạy xuống triền núi. Anh ẩn mình sau thân cây, nhìn theo, bàng hoàng, không hiểu nổi cuộc đời này vốn thực hay chỉ là những chắp vá vô nghĩa. Phía dưới kia, thoáng chốc, vợ anh biến mất sau rừng cây như một ảo ảnh.

TRẦN DOÃN NHO



CAO ĐÔNG KHÁNH

mùa xuân phía trong

Thành phố trắng băng
người từ miền nam tới
Hứa trổ bông hừng hồn
Âm ẩn mặt trời gài
Nở bung. Nước loáng loáng
Kẻ xa xứ ghé qua
Thoảng ấm ánh mặt trăng
Trên môi miệng công chúa
Hé răng nếm nhiệt đới
Cho tới khi trừ tịch

Nếu có về Việt Nam
Nhà đóng cửa ngùn ngụt
Từng miếng ăn tiếng nói
Có cách gì cựa quậy
Máu trinh tiết em chảy
Tình yêu chợt đồng thanh
Đau xé da nát thịt

Nếu trở về Việt Nam
Con mắt trần hung dữ

Hay ở ngoài Việt Nam
Quân thù khắp mọi nơi

Hay trở về Việt Nam
Thêm cuộc tình ám chướng
Mưa nổi ngoài đám mây
Phía bên trời đánh lớn

Khuya có người thoảng đến
Nghĩ chưa tròn bóng dáng
Hỏi chưa thành thuộc câu
Giận trong đầu viễn liên
Bỏ thêm màu sắc nóng
Phía bên ngoài đóng băng
Hay trở về Việt Nam
Nói ra buồn muốn chết

CAO ĐÔNG KHÁNH



PHAN TRIỀU HẢI

ánh trăng



Hè, ngoại vào. Tàu lửa chạy ba mươi sáu tiếng không nghỉ. Chạy lâu thế ngoại có mệt không? Mệt à? Bao nhiêu năm ngược xuôi tảo tần mua bán, tàu xe thì có nghĩa lý gì. Năm mươi năm ấy đã khiến ngoại trở thành một người nổi tiếng ở chợ. Vừa mới lên tàu là có ngay người quen nhường chỗ, một tiếng thưa "mệ", hai tiếng thưa "mệ"... thành kính, trọng vọng. Thế ngoại để trong túi làm gì nhiều củ tỏi thế kia? Để khỏi mất tiền. Mệ mà cũng bị mất tiền à? Sao lại không, vì ở trong đời người ta, có ai mà không mất một thứ gì, cũng là mất ít. Có những cái ta mất, mà ta không hề biết, đó mới là mất nhiều.

Trên tàu, suốt ba mươi sáu tiếng đồng hồ, ngoại làm gì? Ăn, ngủ và đánh bài. Không chỉ mỗi tiến lên, gì bà cũng chơi được cả. Mỗi ván năm trăm, chơi từ sáng đến trưa, đến giờ ăn, thua qua thua lại, kiểm lại tiền, hụt mất hai ngàn. Tiền mất như vậy không gọi là thua, mà ngược lại, được thêm nhiều. Biết thêm mụ Bé kia người xương xương trông có vẻ ác, nhưng tính tình phúc hậu lạ, không nỡ làm đau một ai. Biết thêm cặp vợ chồng trẻ buôn chuyến, chơi bài hợp đồng tác chiến với nhau thuần thục bằng đủ loại ám thị, ám hiệu. Gãi tai trái, heo cơ. Tai phải, sảnh. Bẻ mình và kêu, "Mỏi quá...", bỏ bài. Ngồi mà xem chúng diễn với nhau, đường dài cũng ngắn dần đi, chỉ mất mỗi hai ngàn, là được chứ. Cái kịch bản ấy, chao ôi, cũng từng ấy chi tiết mà

hết người này đến người khác lặp đi lặp lại. Chả lẽ cuộc sống chỉ có thế thôi sao? Nếu chỉ có vậy thì bà đã sống hết rồi, đã biết hết rồi cháu à!

Cơm ở trên bếp. Thịt cá ở trong tủ lạnh. Cháu đi làm đây. Bố mẹ cũng đi làm rồi, ngoại trông nhà nhé. Bà ở nhà, bật tivi thấy một đám tóc tai bờm xờm ôm đàn gào thét. Đêm, mấy đứa cháu xem đám người ngợm ấy mà dậm giựt, hào hứng. Bà cũng gắng xem một tí, thấy không chịu được. Cũng phải thôi, trẻ thì có sở thích riêng. Ngày bà còn trẻ, không có những thứ này, nhưng ngẫm cho cùng thì cũng thế thôi, cuộc sống thay hình thức này bằng hình thức khác, nhưng trẻ thì bao giờ cũng hướng về những đam mê như thế, với tâm tính như thế, như ngày xưa bà đã đam mê hát chèo, hát bội, sân đình. Cùng với tâm trạng ấy, mỗi tuổi.

Trưa hoen hoen nắng. Nhà này được một nhúm bông giấy sau bếp. Một mảnh trời vuông vắn như mảnh khăn, hoa đỏ rơi rực sân. Càng ngày phố phường càng hẹp lại, đi đâu cũng thấy mái nhà, mái tôn. Trời cũng nắng hơn, gay gắt hơn. Hàng xóm ở đây nhà nào biết nhà ấy, cửa đóng im ỉm. Chỉ có mấy con chó là quen thân nhau, rủ rê ra đầu đường gom rác, vạ vật đâu đó, rồi khuya về ngủ. Xưa, nghèo, sống với trời với đất, gió, mây. Nay, giàu có rồi, sống quanh quẩn trong nhà. Quạt máy vù vù, đèn điện sáng trưng. Tủ lạnh. À, trong tủ lạnh có gì đây, thịt, cá, trứng... ê hề. Trái cây thì có xoài, có nhãn... lại có nho khô. Nhiều. Bà loay hoay làm bếp một mình. Tách một cái, lửa xanh lóe lên. Trưa không ai về, bà ngồi ăn một mình, gắp tỉ tê từng món, mất thì giờ ngắm nhìn mà không muốn ăn.

Ở ngoài ấy lúc này ông đang nghỉ trưa. Cháu ngoại ở mỗi nơi một nhúm. Ông bà phải thay phiên nhau đi thăm, y như các vị quan chức đi công cán, ở thăm mơi này một chút, nơi nọ một chút, chỉ khác là con cháu thì gần gũi hơn nhiều. Ông đã dùng cơm với con Su, thằng Rốt xong rồi. Chúng còn bé, còn đi học, còn ăn cơm với ông bà. Nhưng sau này lớn, như anh em Bê La trong này thì cũng sẽ phải đi làm thôi, trưa nhà cũng sẽ vắng thôi. Ông lang bạt kỳ hồ bao năm biệt tích, cuối đời mới về, vậy mà bà không hề giận. Không những thế, những lúc như thế này lại thấy nhớ. Một cái nhớ lạ, man mác, man mác...

Bà ngủ một giấc tới chiều. Quãng hai mươi năm nay bà dễ ngủ lắm. Ở đâu cũng có thể ngủ được, say sưa như thể uống được giấc ngủ, ngon lành như thể nhấm nháp được mùi vị của nó. Chỉ có mỗi một điều có thể kéo bà ra khỏi giấc ngủ là chơi bài. Mười một giờ đêm, cháu lớn thì thào, "Ngoại, đánh bài". Một giờ sáng cháu nhỏ thì thào, "Ngoại, đánh bài", là bà dậy, minh mẫn, tỉnh táo, hồn nhiên. Đó là đam mê còn lại duy nhất của bà. Duy nhất, xưa nay vẫn thế. Yêu đương hay chồng con, buôn bán hay bài bạc, đều đã từng là đam mê của bà. Nhưng mỗi lần chỉ một. Người ta không đam mê nhiều thứ cùng một lúc. Người trẻ thì cần hạn chế, chỉ đam mê một thứ thôi, may ra mới tỉnh táo được. Người già nếu may thì cũng chỉ cần một thứ đam mê nào đó thôi, để khỏi buồn.

Chiều là lúc cả nhà tụ họp lại. Bố về hì hục, tóc tai bơ phờ, “Kẹt xe”. Bà thở dài, “Ở đây người đông quá”. Bố nói, “Mười năm nữa các cháu phải tìm cách ra ngoại ô thôi”. Bà nghĩ, ra nó cũng bắt đầu già rồi. Mà quả ở đây cũng đông thật. Đi đâu cũng thấy người với người không phải là điềm hay. Người ta sống cần có tâm tình, có ủ ê, có vui buồn chứ không phải là một đống khuôn mặt, một đống hành vi, một đống trang phục, khác nhau mà cũng như nhau, quay cuồng quanh nhau hết ngày này sang ngày khác. Giờ, đã thấy người ta ít nói chuyện với nhau hơn nhiều rồi, hiểu nhau lại càng ít hơn. Mà dường như không ai muốn hiểu ai làm gì. Cứ thế, không khéo thành máy tất thì nguy.

Cháu về, chạy thẳng xe vào nhà. Bố quát lên. “Có tắt máy xe đi không?”. Cháu cười toe toét, “Được tăng lương bố ạ”. “Bao nhiêu?”. “Thêm hai mươi phần trăm”, cháu đáp rồi chạy ra sau bếp, mở tủ lạnh, “Tối nay còn bia không? Tối nay còn bia không?”. Bà trách, “Mày không chào bà một tiếng à”. Cháu ôm lấy bà, thì thầm, “Tối tiến lên nghe ngoại”. Bà thấy mát lòng. Đi đâu thì đi, ở đâu làm gì không biết, nhưng về nhà con cháu vẫn là con cháu, đầm ấm, yêu thương. Bà cần có thế thôi. Chúng đi làm, kiếm sống, đụng chạm người này người nọ, thì cũng như bà ngày xưa. Tất cả những gì bây giờ đang sống đây, ta đã sống qua rồi, đã chán chê rồi. Sao không có lấy ai làm một cái gì khác đi nhỉ? Sao vẫn cứ một cái vòng tròn ấy mà xoay mãi xoay mãi... Bây giờ bà ngồi ngắm chúng, mà mong sao ngày nào ai cũng về được nhà, không dính tí bụi nào ngoài đường, đầm ấm, thương yêu nhau là tốt rồi.

Bố lên nhà đọc báo, con dọn dẹp bàn ăn. Những đứa khác lục tục về. Cả nhà quây quần lại. Ngoại uống liền hai cốc bia. Mẹ nói, “Mệ không uống được nữa”. Hôm nay bà chợt thấy vui. Cháu trai nói, “Ngoại kể chuyện tình đi”. Bà nghĩ ngợi một lát, “Có gì đâu mà kể”. Cháu sửng sốt, “Ngoại không có chuyện tình à?”. Bà cười, ai mà không có những chuyện như vậy, nhưng giờ già rồi, chúng đã trở thành những chuyện gì khác rồi, khô khô cứng cứng. Kể ra tổ mất hay. “Sao không kể chuyện của mày cho ngoại nghe”. Cháu mắt sáng lên. “Thế này ạ...”. Chuyện tình của nó sao mà dài thế, lại có nhiều bụi, nhiều khói, lại có cả tiếng xe, tiếng người này, người nọ xen vào. Chuyện tình chỉ nên có hai người thôi, và cũng không cần nói, không cần đối thoại nhiều đâu, cháu à!

Khuya, bố mẹ đi ngủ hết rồi. Cháu lò mò ra thì thầm, “Ngoại đánh bài”. Ba cái đầu xanh tụm lại. Đủ tay rồi nhưng ngày mai bây phải đi làm. Bê La nói, “Vì mai đi hết, nên tối nay hầu bài ngoại đến sáng”. Thế thì chơi. Mỗi ván năm trăm. Về nhất ăn một ngàn, về nhì ăn năm trăm. Thua nhất chung năm trăm, thua chót chung một ngàn. Bà thua liền năm ván. Cháu nói, “Ngoại có chiến lược à?”. Cháu chỉ chơi vài ván nữa thôi. Ngoại không thẳng tay là thua thật đấy”. Bà chơi cho vui thôi, chứ bây mà thắng được tao à, mấy chục năm trong nghề. Trông mặt đứa nào cũng dễ thương, không có kiểu ám thị, ám hiệu bẻ tai trái, vặt tai phải như cặp vợ chồng nọ trên tàu. Thế là tốt lắm. Sống nhiều khi phải vô tư một chút, khinh thường cái đời này một chút,

mới không sợ gì. Yêu đương hay làm việc cũng cần có cái tình, nhưng đừng để lụy, cháu à.

Các cháu ôm bà nói, "Tụi con đi ngủ đây". Ngoại nói, "Bê La ngủ với ngoại nhé". Bê La nhét mùng nói, "Cháu mà lỡ gác chân, bà nhớ la lên nhé". Bà cười, lúc ấy tao mà còn la nổi à. Đèn tắt phụt. Trăng ngoài trời len lỏi qua cây bông giấy vào nhà. Gió thổi cây rung rinh, trăng trong nhà cũng rung rinh. Giữa đêm này, hình ảnh ấy trông thân thuộc quá, như hình ảnh ngày xưa, khi bà hãy còn là cô bé, cũng nằm bên bà, cũng bên cửa sổ. Trăng từng đốm lăng xăng nhảy nhót bên nhau, trong vắt. Trăng không thay đổi gì, vẫn tươi tỉnh, vui vẻ, trẻ trung. Còn người thì già. Người già này ra đi thì có người trẻ khác đến. Rồi người trẻ ấy lại cũng già, lại có những người trẻ khác. Cứ thế, cứ thế xoay vòng mãi. Tất cả cùng những lo toan, cùng những bước đi cùng một kết thúc. Cứ thế, cứ thế...

Bê La nói, "Ngoại không ngủ được à? Để cháu kéo màn che trăng nhé". Bà ngăn lại, "Để vậy cho bà". Hôm nay sao khác thế này. Không ngủ được lại man mác buồn mới lạ lùng, "Ngày mai cháu làm mấy giờ?". "Dạ, bảy giờ". "Xa không?". "Dạ không xa lắm". "Ngày nào cũng như thế à?". "Dạ...". Im lặng, trăng xao động nhiều hơn. Ngoài vườn, nếu có, hẳn mát lắm đây. Bà lắng nghe, tiếng kẽo kẹt kia là cành cọ trên mái. Tiếng trầm trầm kia là của bố nó. Tiếng nhè nhẹ kia là của mẹ nó. Tiếng nặng nhọc phòng bên là của những đứa cháu trai. Cả căn nhà tràn đầy hơi thở, tràn đầy trăng và tràn đầy gió. Và tiếng của Bê La như đang ngủ rồi, "Cháu cứ tự hỏi mãi, ngoại có vui không?". Bà cười nhè nhẹ trong đêm tối, "Người ta chỉ thực sự sống khi về già, cháu à".

PHAN TRIỀU HẢI



NGUYỄN NGỌC BÍCH

tranh mộc bản việt nam và mộc bản võ đình



Trong lịch sử mỹ thuật, mộc bản không phải là một truyền thống lớn như kiến trúc, điêu khắc hay hội họa. Có lẽ vì vậy mà tranh mộc bản không được nghiên cứu tường tận như những diện mỹ thuật kia.

Nguồn gốc tranh mộc bản.

Không ai rõ tranh mộc bản Việt Nam có từ bao giờ. Mộc bản như một phương pháp in, tức là lấy một mặt gỗ phẳng, đục đẽo vào trong mặc gỗ này những chỗ mình muốn bỏ trắng để chỉ còn lại những chỗ nào mình muốn in đen, hoặc là chữ hoặc là hình vẽ, có lẽ đã có từ thế kỷ VIII hay trước đó một chút mà thôi. Như nhiều phát minh khác, nghề mộc bản cũng xuất phát ở bên Tàu (ta biết chắc chắn là có nghề này vào năm 770 sau C.N. ở Nhật rồi) và đã lan truyền sang Việt Nam, có lẽ vào đời nhà Lý khoảng cuối thế kỷ XI hay đầu thế kỷ XII.

Cho đến nay ta vẫn chưa phát hiện được bất cứ một tác phẩm hay tài liệu nào in từ đời nhà lý. Ván khắc để dùng làm mặt in cũng không tìm thấy được bản nào mặc dầu trong những năm gần đây, người ta tìm được hết cái này

đến cái khác mang thời điểm của đời nhà Lý hay trước nữa qua việc khai quật các di chỉ khảo cổ học. Thành thử khẳng định như một vài tác giả cho rằng tranh mộc bản Việt Nam đã có từ thời nhà Lý là một điều quá đáng, một sự võ đoán không đủ thuyết phục. Đành rằng tự trong bản chất, đã có nghề in mộc bản thì tranh mộc bản không phải là một loại sản phẩm đòi hỏi một phương thức khác, xa xôi gì lắm; tuy nhiên, nếu bằng chứng in ta còn chưa có thì ta hãy nên dè dặt về sự xuất hiện của tranh mộc bản, vì nghệ thuật này, để thành nghệ thuật, còn đòi hỏi một sự huấn luyện, một bước quan niệm đi xa hơn nữa.

Nếu ta không biết chắc được về thời điểm xuất hiện của tranh mộc bản, ta vẫn có thể nghĩ là vì ta học nghề mộc bản của người Tàu, đã không phải mò mẫm và cùng lúc với lúc du nhập nghề in, ta cũng đã biết qua ít nhất là nguyên tắc của tranh mộc bản. Người Trung Hoa từ đời Tùy, đời Đường (cuối thế kỷ VI đầu thế lỷ VII) đã biết là chỉ dùng gỗ cây tảo ("tảo mộc") để khắc chữ đại tự được thôi, còn như tranh nhỏ là phải dùng gỗ lê, cái gì tinh tế hơn nữa thì phải dùng hoàng dương mộc (Buxux microphylla). Đó là về mặt kỹ thuật và vật liệu.

Về mặt đề tài thì ta có câu chuyện Mạc Đĩnh Chi (1280-1350) đi sứ, khi bị người Tàu ra đề "Điểu tập chi đầu đàm Luận: Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri!" ý nói tiếng Việt nghe như chim kêu, líu lo vô nghĩa lý, ông đã đáp tức khắc "Oa minh trì thượng độc Châu Thư: Lạc dữ tiểu lạc nhạc, lạc chúng lạc nhạc, thục lạc?" để chứng tỏ rằng người Tàu nói chẳng qua thì cũng nghe như tiếng ếch nhái mà thôi. Dựa trên câu chuyện này, người ta kể là ngày xưa đã có tranh mộc bản vẽ hai câu đối đáp này, một bên về chim một bên về nhái. Sau này, các cụ thấy là không có lý do gì mà mình lại đi vẽ chuyện người Tàu cười mình nên tẩy chay, không mua tranh vẽ chim. Do vậy nên ta chỉ còn tranh vẽ ếch, vẽ nhái biểu tượng cho người Tàu. Nếu câu chuyện này là một câu chuyện thật thì ít nhất đôi tranh mộc bản này cũng không thể có được trước năm Mạc Đĩnh Chi đi sang sứ Thiên triều, tức là không thể có được trước đầu thế kỷ XIV.

Dầu sao đi nữa thì sang đến đời nhà Lê (1427-1788), chúng ta đã biết chắc rằng kinh nhà Phật nhiều khi cũng có bảng minh họa ở trên, chữ in ở dưới, phần nào giống như bảng hí họa của chúng ta ngày nay vậy. Đây là bằng chứng rõ rệt nhất về tranh mộc bản mà ta có: Tranh đây chỉ là đường nét in đen, đôi khi vụng về, vẽ lên những cảnh trong cuộc đời của đức Phật hay Đường Tam Tạng thỉnh kinh hay địa ngục...

Tranh thờ, tranh Phật, tranh Tết.

Từ đó đến tranh thờ (đức Phật Thích Ca, Phật Bà Quan Âm, tranh Dược Sư, Di Lặc...), tranh Thập điện... đâu có bao xa. Có khác chăng là tranh thờ



thường cỡ lớn và tranh có tô màu, thường thường lối vẽ cũng kỹ hơn, tiêu chuẩn hóa theo một khuôn mẫu có sẵn ít nhất cũng trong trí não của người thợ in tranh mộc bản.

Vì là tranh có màu nên cũng có cả một kỹ thuật tạo ra những màu sắc đó. Chúng ta chưa rõ người xưa thêm màu vào tranh mộc bản như thế nào nhưng ít ra đến đầu thế kỷ này thì ở những nơi như Hàng Trống (Hà Nội), người ta đã thấy hẳn một nền tiểu công nghệ làm tranh dân gian, theo đó người thợ chính vỗ bản xong trải chúng ra trên mặt một cái cót, chấm mấy màu chính vào rồi cho trẻ tô theo các màu đã đánh dấu. thế có nghĩa là ta chưa tinh vi bằng tranh mộc bản của Nhật Bản, nhất là của những họa sư nổi tiếng như Utamaro hay Hiroshige, song ta cũng đã có một nền tiểu công nghệ đủ cung cấp cho nhu cầu thờ phượng, trang hoàng tranh gà, tranh lợn ngày Tết, hay tranh minh họa lịch sử (tranh Hai Bà, tranh Triệu Ẩu, tranh Đinh Tiên Hoàng v.v...) hoặc các truyện nổi tiếng của Việt Nam hay Tàu.

Trong hai truyền thống tranh mộc bản nổi tiếng ở miền Bắc Việt Nam thì ngoài tranh Hàng Trống ở Hà Nội, chúng ta còn có tranh Đông Hồ ở Bắc Ninh được xem là nổi bật hơn cả. Ở đây, tranh khắc bản gỗ, in ngay nhiều màu trên giấy do quét điệp trắng, phủ màu hoa niên hay vàng hòa. Theo các nhà nghiên cứu ở miền Bắc sau này thì tranh Đông Hồ được xem là truyền thống lâu đời hơn cả nền kỹ thuật có phần vững chãi hơn kể từ cách vẽ, cách in, đến lối sử dụng nguyên liệu, "tạo ra một sắc thái dân gian quý và độc đáo, một truyền thống dân tộc sâu sắc."

Tranh trang trí, tranh sinh hoạt.

Ngoài những loại tranh như nêu trên, tức là những loại tranh có một dụng ý giáo dục hay thờ phượng, hoặc mang một hoài bão (như tranh Tết), mà ý nghĩa có thể quan trọng hơn khía cạnh mỹ thuật của bức tranh nữa, ta cũng lại có một loại tranh thuần để thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ của ta (như tranh tố nữ, chim muông, tứ quý, lý ngư vọng nguyệt...) hoặc ghi lại những nét sinh hoạt của người dân mà không phê phán (tỷ như tranh cầy bừa, tát nước, làm mùa, chăn trâu... hay tranh sinh hoạt các ngày hội trong làng như tranh đấu vật, cảnh chợ, rước rồng). Chính trong những loại tranh này ta mới thấy rõ sức khôi hài, khả năng châm biếm của người họa sĩ dân gian Việt Nam (như tranh đánh ghen, đồ cóc, đám cưới chuột...).

Mặc dầu truyền thống mộc bản của Việt Nam đa diện như vậy song có thể nói là với sự xâm nhập ồ ạt của văn hóa phương Tây, ngay trong mỹ thuật Việt Nam đã có một lúc người ta lãng quên để đi theo những phương tiện, kỹ thuật của Tây phương như sơn dầu, vẽ khỏa thân, họa công nghiệp. Phải đợi đến những ngày đấu tranh giành độc lập, người ta mới lại nhận ra những vốn liếng tiềm tàng của dân tộc trong tranh mộc bản cũng như trong dân ca, dân nhạc, ca dao.

Từ mộc bản cổ truyền đến tranh mộc bản Võ Đình.

Song một sự trở về nguồn hoàn toàn cũng không thể xảy ra được. Phần vì tính cách cổ truyền của tranh mộc bản cứ giam giữ người nghệ sĩ ở trong một số phạm trù nhất định (một số đề tài nhất định), khó cho phép phát triển sang những đề tài mới, nóng hổi của một sự chuyển mình lớn của dân tộc, phần vì nhu cầu và khả năng của ấn loát hiện đại hoàn toàn áp đảo những khả năng vô cùng giới hạn của nghề mộc bản, nghề này đã được xem như giả nghệ.

Để có một chỗ đứng, mộc bản Việt Nam phải tìm ra một lẽ sống riêng biệt, ít nhiều độc lập với nghề in. Do vậy mà cho đến giờ, ta có thể nói được rằng nghề mộc bản đã không tái sinh hay phát triển mạnh ở cả hai miền Nam Bắc và gần đây nữa ở nước nhà. Có chăng là chỉ có một hai người đơn độc đi tìm cách khai phá một con đường mới, có thể dựa vào một chút vốn liếng của dân tộc nhưng trong căn bản là đi hẳn một con đường tiền phong, khác lạ. Trong nỗ lực này, Võ Đình phải kể là một nghệ sĩ hiếm có của Việt Nam đi vào con đường ấy.

Huấn luyện về mỹ thuật ở Pháp và bị ảnh hưởng không ít của mộc bản cận đại Nhật Bản, Võ Đình đã tạo được ra cho mình một chỗ đứng trong nghệ thuật thế giới bằng cách đan một số yếu tố hiện đại vào những biểu tượng đề tài truyền thống của Việt Nam, làm nên một sắc thái vừa Việt Nam ở trong anh là những đóa sen, tiếng sáo diều, con trâu, con gà, người con gái Việt Nam; Phật giáo ở trong anh là trăng, là sen hiện ra như một giác ngộ; chiến



ối cảnh của từng bức, anh vẽ tr
n cái gì, song tôi chắc chắn anh
ào tranh mà tìm được ra một
ối chúng ta, có gây được một c
ó là cần. Người nghệ sĩ ngày h
ghĩ như vậy. Vì chính đó là địn
ặc có một ý nghĩ đơn thuần và
em thì ngày đó nó còn là một n
ì ngày đó nghệ thuật ấy phải x

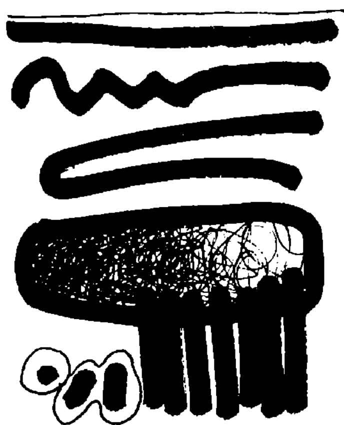
Có người hỏi: "Tranh Võ Đì

Xin thưa, tranh vẽ về chiến tr
hiến tranh Việt Nam thì làm sa
hấy có một khía cạnh đó thì là
nh. Trong đổ vỡ, chết chóc, tan
iều, hoa sen (giác ngộ), trăng
ự hy sinh cao cả, tóm lại toàn r
au cùng cực diễn tả trong mộ
ột sự tin tưởng mãnh liệt vào
ống của dân tộc. Phải chăng a
a trong những ngày khói lửa tr
ang tóc?



THỤY KHUÊ

tầng trệt thiên đường bùi hoằng vị



Tôi cầm *Tầng Trệt Thiên Đường*. Ch nhật 13. Tháng tám trời nóng. Sách dày 6 trang, cả thảy 6 truyện hình như khôn đâu nhận đăng- may mà in được, giấy vàn xỉn, loại giấy bản, màu rác, in có 500 cuốn

Một tuần sau, thứ bẩy 18. Tháng tám Paris trời vẫn nóng. Tôi vẫn chưa hiểu sác nói gì. Điều chắc: Tay này hóm. Hóm lắm Chúng ta thử đọc mấy dòng:

Hai hữu thể có cánh, rã rượi, ố bẩn, nh chưa một lần bay lượn: Một có cặp môn lớn lao và hung hãn, đang đứng kiễng chân lên đầu bàn, ghé tai vào cái đài bán dẫn made in Hell giấu trên nóc tủ, vẻ lắng nghe, thỉnh thoảng quay lại bộ mặt xan xao, mắt quầng thâm, thở dài... Một kia, đang ngồi ở ghế cạnh bàn, đầu cú viết không ngừng nghỉ ... Những dòng chữ chẩy lênh láng, ngập một tấc trên sàn, tràn cả ra cống rãnh ngoài cửa. Bầu khí thì oi, thoang thoảng mùi chuộ và gián, và rác ... (*Tầng Trệt Thiên Đường*, tr. 5)

Đọc cách nào, tùy ý. Hiểu thế nào, tùy người. Cũng có thể là không hiể gì hết. Nhưng tất thẩy khó tránh cú sốc: Văn đấy à? Thế là rơi vào bẫy củ Bùi. Bạn có thể tiếp tục đọc hay vứt sách đi. Nhưng lại tiếc rẻ: Những dòn chữ chẩy lênh láng, ngập một tấc trên sàn, tràn cả ra cống rãnh ... Hoài của tại sao ta không hốt? Mất gì? Thế là lại cần sách lên, lại đọc và lại bị sốc, lạ

không hiểu, lại muốn tìm hiểu, và lại thất bại... Thế là chúng mỉm cười, cái cười ngạo mạn của những con chữ trước những dốt nát của người đọc: Có gì đâu mà hiểu! Và đó là mục đích của cuốn sách, là thủ pháp, là phù phép lôi cuốn của phi lý, là lối sáng tạo độc đáo dựa trên tính cách vô nghĩa và hài hước trong chất sống, trong ngôn ngữ, trong sự không có gì để hiểu và không có gì để tìm hiểu trong đời sống con người. Samuel Beckett nói toẹt ra cái khổ ải ấy: *"Không có gì để diễn tả, không biết diễn tả với cái gì, từ cái gì, không có ý muốn diễn tả, thế mà bắt buộc phải diễn tả với những thứ đó" (Il n'y a rien à exprimer, rien avec quoi exprimer, rien de quoi exprimer, aucun désir exprimer, tout cela avec l'obligation d'exprimer).*

Hình như Bùi có xài chút hiện sinh, ở những chỗ lằng nhằng, đại loại như: Ý thức thuần túy thuộc về bản thân. Sống là thể nghiệm bằng trực cảm. Chính cái trực cảm ấy quyết định mọi hành vi của con người. Tính chất tự do là tuyệt đối, không có lý tính nào kiểm soát hoặc giải thích được. Đó là nguyên tắc. Thực tế không hẳn thế: Mấy ai đạt vấn đề tự do. Con người tồn tại bất chấp hoàn cảnh, và như thế, tồn tại để làm gì? Tác phẩm đặt vấn đề Tồn tại.

Ở *Tầng Trệt Thiên Đường* hay balcon địa ngục ấy, Bùi phung phí, xả láng cái gọi là "tự do tuyệt đối" của mình để giao lưu giữa mộng và thực để "đi", "bay", biến những nhân vật của mình thành hữu thể có cánh, tạo ra những thực chất hỗn tạp, "phức âm", đa nghĩa, đại loại như Nấm mồ Thượng Đế, hữu thể chói lóa, hội cầm bút, hội cầm phấn, tiếng thét vượt thời gian v...v... Tất cả đều dựa trên nguyên tắc trượt nghĩa, chữ của Dương Tường-.

Ở *Tầng Trệt Thiên Đường* cụ Kiều hồi sinh kể cho con cháu nghe đoạn đời phong trần của mình, cái nghề già như trái đất, già như nhân loại, trong đó các cụ Kim, cụ Thúc, cụ Từ, cụ Mã, cụ Sở, cụ Hồ ... cứ thần tình sống lại, vượt thời gian, với những sở trường, sở đoản của mỗi người trong thủ pháp chiếm hữu cái nguồn đời, hội họa gọi là origine du monde, chữ của Courbet: Một thể hồi ký, xuyên thế hệ, viết từ "luyện ngục bà", phong cách Bùi Hoằng Vị.

Về phần kỹ thuật, Bùi sử dụng kỹ thuật thời trang của thế kỷ này: Bút pháp điện ảnh Dos Passos. Chỉ thuần dữ kiện, không có nhời bàn. Những dữ kiện khác nhau, không cùng thời gian, không cùng địa điểm, không phát xuất từ một con người, xen kẽ vào nhau: thứ bút pháp đầu Ngô mình Sở. Đang kể chuyện thiên đàng, chớp một cái, Mắt caméra chuyển sang kênh địa ngục, bắt quả tang những kẻ dại dột dám lẩn thiên đường, dùng thuyền mò về chín suối: "thảy đều bơ phờ, liệt nhược". Rồi nhoáng một cái, mắt caméra chĩa ngay vào ruột tác giả, kẻ đang cầm bút viết lia lịa kia *"nghe nói, ở tầng trệt thiên đường, từ một nỗi đau giả, một hữu thể có cánh đã để chảy lênh láng những giòng thơ, làm ngập lụt mọi cống rãnh"* (tr. 8). Thoắt cái, mắt caméra hệt như mắt công an, lại vừa quay vừa "nhận định" luôn bối cảnh, thần trí của kẻ ấy, kẻ đang viết, đang tư duy, đang làm thơ: *"Tự tử bằng thơ. Thơ dâng*

lên từng milimét, chắc chắn sẽ ngập đến cằm, đến miệng, đến mũi, và thế là hết, chỉ còn hai con mắt,thao láo, dần dần bất động, ngưng thần. Đồng thời, mực thơ không dâng lên nữa. Phải mất lâu lắm, thơ mới rút hết đi, qua ngả cống rãnh, và trên nền nhà chỉ còn lại sõng sượt một mình thi nhân, với đôi cánh tan nát" (tr. 10).

Đây không "siêu thực", đây là thực tại của các nhà thơ xung phong, của những nhà thơ bội thực chữ, và đây cũng là hình ảnh của những nhà thơ chết về chữa nghĩa của mình.

Vẫn ở *Tầng Trệt Thiên Đường*, mới tháng ba (chưa phải tháng tư), chúng sinh đã cập rập đợi chờ những nhân chủng E.T. đến giải phóng họ.

Nhờ sức mạnh của truyền thông. Thiên đường có khả năng tiếp cận với chín suối bằng các kênh sóng trên đài bán dẫn. Sự tiếp cận này vừa nói lên tính cách hiện đại xa lộ thông tin, xuyên suốt của thế kỷ này, vừa phô ra tính công an trong đời sống: thảy đều "mở cửa", đều "được biết", cho đến khúc ruột của con người; vừa nói lên khả năng tác hợp những thực thể vô cùng khác nhau: Thiên đường và địa ngục có thể giao thông, giao thoa, có khi đi đến cả giao hợp, để tác thành các thứ bào thai, mang sẵn chứng nan y của hai dòng họ: Bệnh thần kinh, bệnh dạ dày, bệnh cao huyết áp... và ngay cả cái mớ kiến thức "ngoại lai ở vùng tạm chiếm" cũng có thể kết hợp với cái khẩu khí hào hùng của sĩ phu Bắc Hà để tạo thành những quái thai dị hợm, dị mộng.

Đến đây người đọc bắt đầu lờ mờ cảm thấy rằng: Ngồi ở *Tầng Trệt Thiên Đường*, Bùi Hoằng Vị đã tà tà hóa kiếp cho các gía trị ưu việt. Các vị anh hùng kiệt xuất, qua tay Bùi, đều có khả năng trở thành xác chết: Nắng lên thành tử thi chết héo, mưa xuống thành tử thi chết sình. Và chỉ có một sự thực hiện hữu: *"Ảo ảo siêu việt, lên trên tất cả là lũ ruồi. Lũ ruồi không đếm được*. Lũ ruồi không ra thường trú, không ra tạm trú, song hiển nhiên là có thật" (tr.13).

Có khinh miệt nào táo tợn về "sự sống" đến thế? Và dường như tất cả những gì liên quan đến địa hạt sùng bái, đều có thể bị hóa kiếp, đổi màu:" Đúng lúc ấy, bà cụ đẹp lão lại thều thào: Vàng! Một cái sao nữa vừa lặng lẽ băng qua bầu trời đêm ngoài cửa sổ. Một cái sao màu hổ phách". Sau 20 năm câm nín, đây là những cơn mơ "mưa rơi sao", **cơn mộng nhặt ánh sao rơi** đầu tiên, đến từ phía Nam, có khả năng bắn sao, băng sao, đổi xếch sao, xua tan những "cơn hỏa mộng" **đến từ phía Bắc, xưa nay vẫn làm chủ bầu trời.**

Ngọn bút trẻ, thừa thắng xông lên biến những "việc thật, người thật" thành những sự vật và sự việc không có khả năng tồn tại đến năm 2000. Cả đến những sự nghiệp vĩ đại nhất về văn học, Bùi cũng phê: *"Ở ông ấy chỉ có hai cái vĩ đại: khổ hạnh và kiêu căng, đấy là đặc trưng của những người chỉ đọc một quyển sách"* (tr.42).

Về sự dốt nát, Bùi nhận định: *"Sự dốt nát đã từng là một mode phổ quát ngay từ những thế kỷ đầu tiên, và bây giờ, cuối thế kỷ XX liệt vào hàng quốc*

bửu" (tr.18).

Và đây là tình huống của trăm họ Hồng Bàng: *"Họ Mã, thì một bọn đàn em bán đứng. Họ Sở, ngã trầm trọng trong lúc đang quất ngựa truy phong. Họ Kim, vì thấp khớp sau hơn nửa đời quỳ mãi bái lễ chốn quan trường. Họ Thúc, do tổn thương hệ miễn nhiễm, bất chấp Hoạn Cô Nương đã bỏ hàng nghìn lượng vàng, van vái tứ phương (cố nhiên bà lại suýt phải ra cửa quan, bị tình nghi chính phạm). Họ Từ, như ai nấy đều biết, đã kịp chết đứng trước đợt cải huấn đầu tiên. Còn họ Hồ, cuối cùng cũng đã nhanh chóng tìm được một kiểu nghỉ ngơi xứng đáng với sự nghiệp oai hùng của mình" (Cổ tích từ luyện ngục bà*, (tr. 58).

Ở cái chợ người truyền kiếp buôn nhau, chuyện hôm nay với chuyện ngày xưa, đâu là thực, đâu là ảo? *"Luyện ngục bà"* là hình thức thành công nhất của Bùi Hoằng Vị trong cách pha trộn Quỷ với Người, Thiên Đàng với Địa Ngục, hôm qua với hôm nay. Ở cái sổ đoạn trường chết đi sống lại, thiên niên vạn kiếp, của Bùi, mọi nhu cầu đều quy về một đỉnh cao trí tuệ: Sự tọa lạc của sếch. Điều này không mới. Freud đã bảo trước cả trăm năm. Nhưng ta nói vậy là nhảm. Là phạm thượng.

Bây giờ đến Cái Bồn. Không biết nó là cái gì. Bồn nước chăng? Bồn rửa chân hay là bồn rác? Lại trượt nghĩa. Nhưng chắc chắn *"nó là một nhu cầu nghiêm túc, một đặc sản của văn minh, đồng thời, một biểu tượng thâm trầm, độc quyền cho những đô thị nhiều sao"* (Nghiệp, tr.14).

Người giầu tưởng tượng có thể cho nó đồng nghĩa với nguồn đời (vấn origine du monde). cái bồn là nguồn sống, nguồn tạo sinh, mục tiêu của các cuộc xâm lăng chiếm hữu, và cũng là lãnh địa sa thải, rưởi rác, là sự tự sinh, tự tạo, tự diệt của con người. Ở đó, sống là tranh phân, chiếm đoạt những nàng Kiều, chiến tranh để lại những tử thi rữa nát, biến chất thành nước "kiềm toan", tự kiềm tỏa, tự diệt mình, diệt người đồng loại, bằng chính xương thịt thối rữa của mình, để tạo dựng một môi trường ẩm ướt, béo bổ cho những gã ruồi, thường trú hoặc tạm trú. Bên cạnh cái bồn, có một cá thể độc nhất "muốn ói", đó là một đứa bé: một lương tri tí hon, biết nhận diện mình. Còn tất thẩy đều mũ ni che tai, đều là bọn quần thần câm điếc của ông vua trong truyện cổ tích Anderson; xưa nay chuyên nghề xả rác, xẻ xác, tạo môi trường cho rác rưởi tung hoành, ruồi nhặng sinh xôi nẩy nở. Chúng tồn tại như con người tồn tại.

Tồn tại như thế để làm gì? Câu hỏi của Bùi đặt ra, lạc trong tác phẩm, lạc trong cái Bồn, lạc trong đống rác, lạc trong đám kẻ sĩ hung hăng, lạc trong hội hè cầm bút, lạc trong các sứ mệnh, lạc trong các đỉnh cao trí tuệ ... Câu hỏi đặt ra bên giường bệnh của bốn kẻ hấp hối, bốn cá thể hiếm hoi đã cưỡng lại luật chơi chung: dám có lương tri, dám mở cửa báo trước ngày tận thế.

Tầng Trệt Thiên Đường là nụ cười thê thảm phát xuất từ nỗi đau không gột được. Tác giả bắt người đọc tự cười mình, tự khinh mình, tự ghét mình bằng những hình ảnh vô trật tự, bí hiểm, có tính cách tâm thần, lạc loạn.

Những đứt đoạn, những bệnh hoạn, những điều không hiểu được trong tập truyện ấy là chính chúng ta: Không hiểu được những việc mình làm. Sự ngu dốt của con người sẽ triệt hạ con người. Bùi Hoằng Vị đã đẩy đến cùng, tính cách phi lý của đời sống ở những thiên đường mà ảo tưởng ánh sáng đã làm mù tối lương tri, biến dạng sự sống. Và như thế

Tồn tại để làm gì?

THỤY KHUÊ

Chú thích:

Hai truyện ngắn Tầng Trệt Thiên Đường và Nghiệp đã được đăng trên Hợp Lưu số 25, tháng 10/1995 và số 27 tháng 3/1996.



dương thu hương trả lời phỏng vấn của tập san les raisons de lire (pháp)



– Hoàn cảnh và thế đứng của chị hiện nay chắc phải xuất phát từ một quá trình đáng chú ý. Chị có thể nói rõ cho chúng tôi hiểu quá trình ấy?

– Tính cách đẻ ra số phận. Và số phận xác định ứng xử.

–Thân phận người phụ nữ Việt Nam hiện nay ra sao?

– Thân phận người phụ nữ VN hiện nay vẫn ở tầng thứ nhất, nghĩa là vẫn ở cuộc tranh đấu quyết liệt cho sinh tồn. Họ chưa có những đau khổ siêu hình, nỗi cô đơn, sự khắc khoải, sự băn khoăn dò tìm ý nghĩa đời sống... Ở đây, chưa có mấy ai tự tử vì gánh nặng cô đơn hay nỗi buồn vô định. Chỉ có những người phụ nữ tự tử vì vỡ nợ, vì lâm cảnh khốn quẫn, vì bị phụ bạc, bị làm nhục hay hành hạ...

– Làm người phụ nữ trong xã hội VN ngày nay có khó không? Vị trí của họ trong xã hội ra sao?

– Xã hội VN cổ truyền vốn có yếu tố dân chủ làng xã, một thứ tinh thần dân chủ tự phát, yếu ớt, mờ nhạt nhưng dai dẳng. Cũng như vậy, người phụ

nữ VN xưa nay vốn không đến nỗi hoàn toàn nô lệ như đàn bà theo đạo Islaı hay một số nước khác thuộc châu Á. Họ có một chút quyền. Nhưng bù và đó, họ phải lao động vô cùng cực nhọc. Trong gia đình, người đàn bà VN vừ là chủ vừa là đầy tớ. Họ thường phải định đoạt mọi công việc. Ít xứ sở nà(người ta thấy những người đàn bà kéo xe bò, đi cầy, đi thồ như ở VN. Ngược lại, đàn ông nhiều tính nữ. Họ được thừa hưởng căn bện sĩ diện của chế đ phong kiến, nhiều khi họ hành động tàn bạo và ngu xuẩn để cứu vớt thứ : diện ảo ảnh đó, nhưng về thực chất, họ là những bản thể yếm thế, yếu mềı và hay mắc chứng bệnh hắc lào tình ái vặt. Sự cần thiết cho cả đôi bên là gi tăng tính nam cho những người đàn ông và cất bớt gánh nặng trên vai ngưc đàn bà. Tất nhiên, đây chỉ là nhận xét của riêng tôi, rất có thể nó là thiên kiếı

– Theo chị, phụ nữ VN có thông điệp riêng biệt cho phụ nữ trên thế giới?

– Như tôi đã trình bày ở trên, người phụ nữ Việt Nam có thể nói với nhữn người đồng giới trên địa cầu: Muôn đời, người đàn bà vẫn mơ ước được tr thành người đàn bà thực sự.

– Chị ước mong một xã hội như thế nào? Theo chị, con em người VN ước mong một xã hội như thế nào?

– Đến hôm nay, tôi vẫn có nguyên một mơ ước cổ lỗ như mơ ước củn mộ bộ phận nhân loại khác từ vài thế kỷ trước: Một xã hội dân chủ, lấy Tự Do Bình Đẳng - Bác Ái làm nguyên lý, lấy mô hình tam quyền phân lập làm cấ trúc nền tảng.

Con em chúng tôi sống trong một não trạng hoàn toàn khác với cha m chúng. Nếu những người như tôi dấn thân vào những cuộc chiến tranh l tưởng vì danh dự của giống nòi thì thế hệ con em chúng tôi quan sát các bậ phụ huynh với ánh mắt lạnh lẽo, tinh khôn. Chúng thấy các bậc phụ huyn (trừ một số nhỏ được thu nạp trong hệ thống quan chức và có cơ hội giầ sang) từ ánh hào quang của những cuộc chiến tranh lý tưởng đó trở về, tả tơ rách nát, khốn cùng, dù công bố hay im lặng, mặc nhiên chúng xem chún tôi là những kẻ khờ dại hoặc điên rồ. Giờ đây, chúng tìm kiếm mọi phươn cách để chăm sóc cho bộ da của chúng. Chúa đã chết. Chiếc hộp đen đã mở Xã hội VN rồi sẽ phải trải qua một thời gian dài để làm nguôi cái dạ dày đó khát. Mai sau, có thể sẽ có một ngày, lớp người trẻ tuổi gạt bụi trên nhữn trang sách cũ để tìm lại những danh từ đã chói sáng một thời rồ dại: Ý nghĩ cuộc đời- lý tưởng.

– Chị nghĩ gì về hệ thống giáo dục của VN?

– Nền giáo dục của VN trước đây là một kẻ vừa què cụt vừa mù. Tron giai đoạn gần đây nó đang cố gắng mò tìm lối rẽ vào đại lộ chung của nhâ loại.

– Vì sao những tác phẩm của chị khiến chính quyền khó chịu?

– Bất cứ xã hội toàn trị nào (dù là phong kiến phương Đông cải biên hay mô hình Stalin được sửa đổi) cũng chỉ có hai thái độ sau đây: Khinh bỉ những kẻ tòng phục nó và căn ghét những kẻ chống lại nó. Đương nhiên, tôi thuộc loại thứ hai. Vì ghét tôi nên họ khó chịu với những tác phẩm của tôi. Dù ít hay nhiều, chúng cũng mang dấu vết của một kẻ ly khai.

– Tại sao chị lựa chọn sống ở VN?

– Tôi lựa chọn ở lại VN để chơi trò chơi tôi thích. Trò chơi này thoạt tiên các nhà cầm quyền đinh ninh là khát vọng quyền lực. Họ ngờ tôi muốn được ứng cử tổng thống hay thủ tướng gì đó, như một số nhân vật nữ trên thế giới từng làm. Tuy nhiên, sau nhiều năm theo dõi rất gắt gao, tôi chắc giờ đây trí khôn của họ đã phát triển lên đôi chút, và chắc họ phải hiểu trên thế gian, không chỉ có một hệ giá trị. Mặt đất lắm đường đi, không gian đa chiều, và khát vọng của nhân loại khác biệt, nhiều khi đối lập nhau. Với tôi, hạnh phúc tột cùng là được ngủ đến chín giờ sáng rồi đủng đỉnh uống một cốc cà phê, được chơi với ai mình thích, được đuổi thẳng cổ những kẻ không ưa ra khỏi cửa. Tôi hoàn toàn không có đức tính vĩ đại và nỗi khổ siêu tuyệt của các chính trị gia. Họ luôn phải ngồi cùng bàn, ăn cùng mâm với những kẻ trong lòng họ ghét cay ghét nồng và tìm mọi cách hãm hại. Họ luôn phải sản xuất nụ cười thường trực và nói như chiếc máy vi âm với đối thủ của mình: đồng chí thân mến.

– Chị muốn gửi một thông điệp qua tập san chúng tôi không?

– Thông điệp đáng kể nhất của một người viết văn là tiếng lặng im của mực chảy. Tôi đang cố gắng tập nghe âm thanh đó.

– Hoàn cảnh các nhà văn VN hiện nay ra sao?

– Đã tách khỏi bầy đàn, không thể và không muốn hòa nhập lại - Để khỏi làm phiền lụy người khác và để bảo vệ sự cô đơn của mình.

LES RAISON DE L'IRE



NGUYỄN MẠNH TRINH

“nói chuyện” với hồ minh dũng



- Xin anh cho một vài dòng về tiểu sử của mình?

Tôi đã đến tuổi nếm mùi “tri thiên mệnh” mấy năm rồi. Sinh ở làng Thanh Lam Bồ, Thừa Thiên, Huế. Học ở trường trung học Nguyễn Tri Phương, Quốc Học. Làm đủ nghề (cán bộ y tế công đồng, dạy học, làm báo). Vào lính, khóa 23 Thủ Đức. Ra trường, làm trung đội trưởng tác chiến, sau về phòng Tâm Lý Chiến, Sư Đoàn 1 bộ binh cho đến hồi tàn cuộc. Sau năm 1975, ở tù 9 năm, trại Long Giao, Hoàng Liên Sơn, Vĩnh Phú, Xuân Lộc. Định cư tại Nam Califonia tháng 11 năm 1993.

- Anh bắt đầu cầm bút lúc nào?

-Tôi thích viết lăng nhăng từ thuở nhỏ, truyện ngắn đầu tiên (Chiếc Khăn Trắng) đăng báo Công Dân của Lê Trọng Quát ở Huế năm 1957. Những bài thơ đầu tiên tôi đăng ở nguyệt san Đức Mẹ La Vang, Huế năm 1960, Giữ Thơm Quê Mẹ, Saigon 1961.

- Mới mười mấy tuổi anh đã nhập cuộc, trong một quá trình lâu dài như thế, chắc anh có nhiều kỷ niệm đáng nhớ?

- Khi thấy truyện ngắn mình trên báo, tôi rủ nửa tá bạn hăm hở đầy khí thế qua tòa soạn báo *Công Dân* ở đường Phan Bội Châu để nhận nhuận bút, dự định sau đó sẽ đi đò qua Vỹ Dạ, xuống Chợ Cạn ăn bánh bèo, rồi lên một

quán cà phê nào đó bên bờ sông. Nhưng bất thành, vì ông Tổng Thư Ký tòa soạn cho hay là không viết trước "yêu cầu có trả nhuận bút" trên đầu bài! Thế là chiều hôm đó, thay vì chúng tôi ăn mỗi đứa hai đĩa bánh, ngồi tán dốc bên ly cà phê đá và nhìn *dòng nước buồn thiu hoa bắp lay,* thì rủ nhau qua sân cỏ bên trong cửa Thượng Tứ... đá banh. Tôi coi đó như một xui xẻo, vận đen ám từ đầu.

Còn vui: Khi bài thơ (Đói) của tôi đăng trên nguyệt san ĐMLV, phía dưới có thêm một câu cha Chủ Bút cần gặp tôi ở tòa soạn. Tôi mò đến số 2 đường Trần Thúc Nhẫn, linh mục Nguyễn Kim Bính, hỏi tôi về gia cảnh, học hành, tôi trả lời thiệt tình. Cha mỉm cười nhìn đứa học trò nhà quê biết làm thơ, rồi lấy trong hộc tủ cho tôi một số tiền. Mừng quá, tôi đạp xe về chợ An Cựu mua một ít trái cây, cau trầu và mấy gói trà hiệu Kim Liên làm quà cho cha mẹ, rồi về quê. Từ thành phố Huế, nơi trọ học về đến làng tôi, đường đê vòng vèo cũng trên hai dưới hai chục cây số mà tôi vừa phóng xe như bay, vừa hát hò phấn khởi, chẳng mấy chốc đến nơi. Số tiền cha "trả nhuận bút" cho một bài thơ ngắn ấy, tôi chia cho mẹ tôi một ít để đi chợ, còn lại mua sách vở, một cái mũ, một đôi giày vải nữa. Khi đỗ trung học đệ nhất cấp xong, cha cho tôi làm việc ở tòa soạn luôn, tôi lên ngồi "làm thơ" bên cạnh anh Hoàng Xuân Tửu phụ trách vẽ và trình bày cho tờ báo. Anh Tửu là người hào hiệp, thâm trầm ít nói, lâu lâu dúi vào túi tôi vài chục nói: "chú giữ lấy mà vá xe đạp". Sau nầy anh Tửu làm tỉnh trưởng Quảng Trị, rồi vào Thượng Nghị Viện, và cuối cùng chết trong tù. Cũng nhờ "good job" ấy mà tôi vừa có tiền sinh sống, vừa sáng tác hăng, vừa học thêm.

Sau khi miền Nam mất, tôi đem vợ con chạy vô Sàigon, một ngày đầu tháng 5.1975, trong lúc đang rối loạn, không biết số phận sẽ về đâu, tôi đi lang thang khắp các nẽo đường để nhìn cuộc đổi đời đau thương và dò la tin tức, tình cờ đi ngang qua Hội Văn Nghệ Sĩ Giải Phóng Saigon, thấy anh em văn nghệ sĩ cũ tập trung lại chơi và uống cà phê hai bên đường khá đông, tôi cũng tạt vào. Bổng có một người mạnh khỏe, da ngăm đen, tóc húi cua, làm việc trong hội hỏi tôi là ai, tôi xưng tên, anh niềm nở chỉ ghế cho tôi ngồi ở hành lang và hỏi tôi từ Huế chạy vào con vợ an toàn không, cần giúp đỡ gì không? Tôi nói chỉ còn hai bàn tay trắng. Anh liền chạy vào kho lấy ra cho tôi một bao gạo 50 ký, thuộc loại gạo xấu, nhiều lúa, mọt, có lẽ mới chở từ chiến khu C về, anh ấy lại phụ tôi một tay cột lên yên xe và nói: "Mang về cho vợ con ăn tạm đỡ đói, dù sao đi nữa, cũng gắng sống nhé." Cũng như mười lăm năm trước, tôi sung sướng phóng xe về làng, nay về con hẽm tối tăm ở Hương Lộ 14, vợ con tôi xúm xít ngồi quanh lượm lúa, mọt, mặt mày hớn hở vui như ngày mùa. Người đó là nhà văn Thế Nguyên, tác giả Hồi Chuông Tắt Lửa, phụ trách công tác của Hội Văn Nghệ trong thời gian đầu. Mười mấy năm sau, khi nghe tin muộn anh qua đời vì bị phong đòn gánh(?), tôi xuống nhà anh ở đường Lý Thái Tổ, định thắp tưởng nhớ anh một nhánh hương thì cửa đóng then gài, không có một ai. Chuyện nầy là một kỷ niệm rất cảm kích

trong đời. Và nhắc đến, để nói lên, tấm lòng của người cầm bút, dù tình huống nào cũng có chút tình với nhau. Bao gạo anh cho lúc nguy nan quý đã đành rồi, nhưng câu nói của anh lúc nguy nan còn qúy hơn. Còn anh có theo ai, và theo như thế nào, lại là chuyện khác.

- Trong mấy năm dấn thân ở hải ngoại, anh có thêm kỷ niệm nào nữa không?

- Có nhiều, nhưng nhớ, ghim và ớn xương sống nhất là bị mắc mưu một cú "lừa" rất FBI ngoạn mục của Trần Vũ từ Paris sang, là bị lôi cổ xuống hồ tắm gần thành nước đá, phải quấn xà-rông, vừa run vừa lái xe về nhà nằm... sốt. Rất may là nhờ mấy thớ thịt cua gạch (nướng trên than đá) của chị giám đốc nhà xuất bản Hồng Lĩnh, không thì về Thủy Cung đọc thơ Ly Tao mất. Cám ơn người bạn trẻ hào hiệp, cho tôi biết được nước dòng sông Mịch La lạnh lẽo như thế nào...

- Anh làm thơ hay viết truyện ngắn trước? Và anh thích công việc nào nhất?

- Tôi viết truyện trước. Thích viết truyện hơn.

- Động lực nào anh cầm bút?

- Cha mẹ nghèo, khi con ra ở riêng, chỉ cho một cái cày(cũ) và cái cuốc(cùn) để đi cày thuê cuốc mướn. Nếu không làm việc đó thì nhớ ruộng vườn, nhớ cây cỏ, nhớ những con trùng nằm an phận trong từng luống đất, châu chấu, chuồn chuồn và lòng không yên. Trời cho ta ra riêng, gia tài có chừng nầy đây, cái "nghiệp" nầy nặng và lao đao lắm!

- Anh được kể vào những nhà văn xuất hiện vào cuối thập niên 60 và đầu thập niên 70 thuộc nhóm "Những Cây Bút Trẻ" miền Trung. Theo anh, một cách chủ quan, điều nầy có đúng không, vì sao?

- Đó là lối dùng chữ của anh Trần Phong Giao tạp chí Văn. Còn trẻ hay không trẻ, mới viết hay viết mới có gì là quan trọng, nên tôi không để ý đến, có mình ngồi ké bên mâm thì sướng rồi, dù chiếu hoa hay chiếu manh cũng được. Thật ra, những truyện ngắn tôi ngày ấy bây giờ đọc lại cũng "chướng" (chữ của Huỳnh Hữu Ủy) lắm, chỉ trừ vài bài thơ thì "tạm" tha, vì hắn "trẻ người non dạ" (chữ của Nguyễn Ý Thuần).

- Ngoài ký tên thật anh còn bút hiệu nào khác không?

- Có. Mấy chuyện ngắn đăng ở *Bách Khoa* tôi ký tên Hồ Nghi Triều. Cả hai tên, sau nầy đều bị trùm lý luận CS Lữ Phương cho là Biệt Kích Cầm Bút thời Mỹ Ngụy "cỡ vừa".

-Trước năm 1975, anh là quân nhân đồn trú ở Huế, vậy anh có thể cho vài dòng sơ lược về sinh hoạt đời sống văn nghệ ở đây?

- Trước năm 1975, thời tôi, có thể nói Huế là nơi "đất lành chim đậu" của giới văn nghệ sĩ. Những người sinh ra lớn lên ở Huế hoặc nhận Huế "làm quê hương" thì nhiều lắm: Phan Du, Đinh Cường, Lê Bá Lăng, Huỳnh Hữu Ủy, Trần Hoài Thư, Trần Doãn Nho, Thái Ngọc San, Nguỵ Ngữ, Mường Mán, Phù Hư, Yên Mi, Lê Văn Ngăn, Trịnh Công Sơn, Bửu Ý, Lê Khắc Cầm, Kinh Dương Vương, Nguyễn Miên Thảo, Viêm Tịnh, Trần Dzạ Lữ, Hồ Đình Nghiêm, Hồ Trọng Thuyên, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Ngô Kha, Trần Vàng Sao, Võ Quê, Trần Hữu Nghiễm, Phạm Ngọc Lư, Lữ Quỳnh, Tôn Thất Văn, Hoàng Đăng Nhuận... Những vị "khách vãng lai" dài hạn như Dương Nghiễm Mậu, có khi ra hàng tháng vừa để làm phóng sự cho đài TD, vừa làm... rể. Thái Tú Hạp biệt phái ra bộ Tư lệnh Quân Đoàn 1 Tiền Phương vừa làm phận sự người quân nhân thời chiến vừa chiêm ngưỡng những hạt bụi nào (long lanh) bay qua, Huỳnh Văn Phú ở Sư đoàn TQLC bên kia phá Tam Giang về, Đỗ Hũu Mục dạy ở Đại Học, Đỗ Tấn làm quản đốc đài phát thanh,...Còn các Nhã Ca, Túy Hồng thì khi tôi lớn lên đã đi xa rồi. Đó là chưa kể đến những "nhân vật" thường xuyên lui tới với Huế như Thế Uyên, Trần Xuân Thành, Nguyễn Chí Kham, Vũ Hữu Định, Phạm Văn Bình, Luân Hoán, Hoàng Lộc, Hạ Quốc Huy, Vĩnh Điện, Phan Nhự Thức, Lê Nguyên Phương, Cao Mỵ Nhân và "nặng nợ" với Huế như Du Tử Lê... Một thành phố nhỏ hẹp như thế mà số lượng ấy thì cũng đáng "hãnh diện" lắm chứ.

- Anh thường sinh hoạt và gặp gỡ với ai? Và tình trạng sáng tác ra sao?

- Cho phép tôi dông dài một chút:

Người Huế rất yêu nghệ thuật. Và chúng tôi nhờ thế mà "xốc tới". Các cô nữ sinh rất thính thơ văn. Nhờ thế mà người viết bài nầy, xấu trai có hạng, đã có người dám bầu làm Á Hậu thế giới, cũng có được người vợ ở ngay xứ mà Hàn Mặc Tử phải thốt lên *lá trúc che nghiêng mặt chữ điền.* Đó là cỡ tép riu, còn tôm càng như anh chàng nhạc sĩ họ Trịnh thì đi qua phố, thiên hạ đều trầm trồ, hay các cô nữ sinh Đồng Khánh, Bán Công, Bồ Đề Hữu Ngạn, bãi học không chịu về nhà, chờ gặp anh chàng nầy xem mặt mày ra sao mà đặt được câu "làm sao em biết bia đá không đau", thần sắc thế nào mà dám "gọi tên em mãi, suốt cơn mê nầy"...

Những quán cà phê trước cửa Hiển Nhơn, Đại Nội, cà phê Tôn, cà phê Dung, Doanh Doanh trong Thành Nội là nơi chúng tôi thường hội họp đấu láo, coi trời như ngọn rau má. Cứ mỗi lần, nhận được tiền nhuận bút từ Văn, Bách Khoa thì tôi mua vịt về nấu ca ri mời anh em cùng ăn vui vẻ. Vị khách thường xuyên của chúng tôi là nhà văn Lê Bá Lăng. Anh là bạn học, bạn văn nghệ và sau nầy là anh vợ tôi. Trả lời câu hỏi nầy, tôi không thể không nhắc đến anh. Năm 1989, anh vào thăm tôi ở Saigon, tìm thăm gần hết bạn hữu văn nghệ cũ rồi vội vàng ra Huế, năm sau anh lâm bệnh qua đời. Lúc sinh thời, anh Lăng là một người rất thiết tha văn thơ, sống nhiệt tình và hết mình với anh em. Khi nghe tin anh mất, anh Dương Nghiễm Mậu, Đinh Cường,

Trần Dzạ Lữ, Lê Khắc Cầm, Phù Hư cũng góp tiền gửi ra thắp hương cho anh. Ở Mỹ, Trần Hoài Thư (2 lần) và Trần Thái Bình (người bạn học nhỏ tuổi của anh) cũng đã nhờ tôi gửi về chung xây lăng đắp mộ cho anh. Nhân đây, một lần nữa, gia đình chúng tôi xin chân thành đa tạ.

Tôi học với Kinh Dương Vương (họa sĩ Rừng) cùng khóa Thủ Đức, ra trường cả hai đứa đều đi đơn vị tác chiến làm trung đội trưởng, sau cùng về phòng TLC, Sư Đoàn 1 Bộ Binh một lần, tôi viết, Rừng vẽ cho tờ báo Hỏa Tuyến, chúng tôi đã sống rất nhiều ngày thập tử nhất sinh, ngồi chung một hầm trú ẩn khi bị vây khốn cả tháng trong biến cố Mậu Thân. Sau nầy Rừng "không chịu nổi" bỏ đi, họa sĩ Phạm Hoàng về. Rồi Nguyễn Nho Châu (em ruột của cố thi sĩ Nguyễn Nho Sa Mạc) cũng về để vẽ cho tờ báo.

Mường Mán từ quân trường Thủ Đức ra, hồi ấy chiến trường rất khốc liệt, có đến nhờ tôi xin về phòng TLC, tôi tìm đủ mọi lý lẽ, xin với trưởng phòng (trung tá VVT, hiện ở Philadelphia) MM được về. Sau nầy Nguỵ Ngữ không biết nhờ ai cũng về. Cả trung úy Trần Văn Quảng (MM) và Hạ sĩ Nguyễn Văn Ngữ (NN) đều sống với tôi lâu năm cho đến ngày cuối, dù trong quân đội nhưng chúng tôi vẫn xem nhau như bạn văn chương. Mán và Ngữ dành phần nhiều để sáng tác đăng báo ngoài. Quảng là người không hiểm, ruột để ngoài da, về sau nầy chắc vì hoàn cảnh chẳng đặng đừng hay vì "người khác" xúi dục mà để tâm mình không còn "là một tên hề buồn nhất thế gian" thôi. Còn Ngữ, sau nầy (...!) được chế độ trọng dụng. Tôi tù về, Ngữ cũng có mấy lần nhờ người quen nhắn tôi đến chơi, nhưng tôi nghĩ,lẽ ra, Ngữ đến thăm tôi thì "phải" hơn. Cuối cùng, tuy ở Saigon rất nhiều năm, chúng tôi chẳng bao giờ gặp nhau...

Đùng một cái, nhà thơ Nguyễn Đạt ở Saigon bị bắt quân dịch đưa ra huấn luyện ở Văn Thánh. Mẹ của nhà thơ ra Huế tìm đến nhà tôi mang theo hai lá thư, một của nhà văn Nguyễn Mạnh Côn, một của anh Trần Phong Giao, nhờ tôi giúp đỡ cho Đạt khỏi đi tác chiến. Đạt là cháu gọi nhà văn NMC bằng cậu ruột. Tôi lại một lần nữa xâm mình vào trình với trưởng phòng, dĩ nhiên là phải nói thêm vào là, đương sự học cao, viết hay, tinh thần phục vụ tốt, Đạt cũng được về. Chỉ thời gian ngắn sau, một sáng chủ nhật, Đạt tìm gặp tôi trong quán cà phê đường Trần Hưng Đạo, đòi mượn tôi ít tiền, nói là để về bãi biển Thuận An chơi, trông mặt mày Đạt rất thảm não, tôi đưa tiền liền, không ngờ Đạt lại về sân bay Phú Bài dông thẳng vô Saigon rồi... đào ngũ luôn! Tôi không biết ăn nói làm sao với trưởng phòng, cũng may ông là người biết trọng nhân tài và thông cảm với tính "ngông" của những thằng có chút máu nghệ sĩ, trong ấy có tôi.

Ngoài giờ làm việc, buổi chiều, tôi lên học dự thính tại đại học Văn Khoa, lúc nào nghe trong lòng "trống không" thì ghé qua đài phát thanh Huế, nói chuyện với Đỗ Tấn. Lần nào anh cũng gọi nhân viên xuống câu lạc bộ mang cà phê lên, ngồi nghe anh nói thao thao bất tuyệt chuyện văn chương, chữ nghĩa. Sau nầy nghe Trần Phong Giao nói lại, anh đã qua đời trong tình cảnh

rất thê thảm khi tù về. Tôi cũng thường đến thăm nhà văn lão thành Phan Du, nhà ông ở hông chợ Tây Lộc, mái hiên chật hẹp treo đầy những giò phong lan, lúc nào cũng có nở hoa, mà nở rất tươi. Ông là một người nhân hậu, rất thương yêu và đặt nhiều kỳ vọng vào tuổi trẻ. Gần ông tôi học được nhiều điều. Tôi qúy tấm lòng của ông cũng như qúy tấm lòng nhà văn Mai Thảo. Mặc dù, một ông đã ra người thiên cổ thì khuyên tôi nên viết cho nhiều, một ông còn lại nắm xương trên cuộc đời thì "khuyên" tôi nhiều lần (cùng với ông) liệng mẹ những tác phẩm vào sọc rác! Chán lắm! Chán lắm!? Lúc nào đôi mắt "miếu đền" ấy cũng ngấn lệ.

Tóm lại, đó là thời vàng son ở Huế, không bao giờ còn nữa. Nay có người đã mất, có người phiêu bạt xứ người, có người còn lại ở quê nhà nhìn cuộc bể dâu mà chửi "tổ cha cuộc đời vô hậu quả". Mười chín năm xa Huế, năm 1993 tôi về thăm, Huế buồn tênh, xa lạ, xác xơ, không chỉ có một con đường trong thành phố mang tên Âm Hồn.

- Nhìn lại những năm sinh hoạt, anh có nhận xét về văn chương miền Nam trước năm 1975?

- Đó là thời kỳ đã sản sinh ra biết bao tác phẩm tinh hoa cho nền văn học nước nhà. Nếu nền văn học đó không huy hoàng thì ngày hôm nay, chúng ta làm sao được kiêu hãnh có một nhà văn Nguyễn Mạnh Côn bất khuất gục chết trong tù, một thi sĩ Vũ Hữu Định sau khi không còn nước, dám đứng trên lầu cao lao đầu xuống mặt đường. Làm sao có được một ông tiên già, sống một cách ngang nhiên tự tại, bất cần tiếng, bất cần miếng, bất cần mọi thứ, nơi đất khách quê người đầy rối rắm và tàn nhẫn như Mai Thảo được?

- Và, đối chiếu với bây giờ, anh có thể cho một vài nhận xét về văn học hiện nay ở hải ngoại một cách tổng quan?

- Văn học hải ngoại thì rất nhiều người đã đề cập trên tạp chí *Văn Học* và *Hợp Lưu, Thế Kỷ 21* rồi, tôi xin nhường cho các vị có những nhận xét thâm hậu hơn. Nếu nói thêm, thì tôi chỉ ghi lại lời con gái út của tôi hỏi rằng: "Bố ơi, sao ở đây nhiều nhà văn, nhà thơ thế, bộ văn sĩ, thi sĩ dễ lắm à?" Tôi đau lòng, chẳng biết trả lời như thế nào với con. Và câu hỏi nầy của anh, lúc nầy, không hiểu vì sao gợi cho tôi nhớ cái chết của Nguyễn Tất Nhiên. Hồi mới qua, lòng còn đầy hoang mang, tôi đọc bài Nhân cái chết của một nhà thơ: quên lãng và vòng hoa của nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, trong đó có một câu ngắn làm cho tôi bần thần đến bây giờ:... *Thì chúng tôi vẫn cứ xin lập lại rằng, quả thật anh ra đi là một mất mát lớn cho chúng tôi, những người đã không tử tế với anh khi anh còn sống...* Riêng tôi biết, trước khi quyết định vĩnh biệt cuộc đời, bạn ấy cô đơn, dằn vặt và đau đớn lắm, nhưng không có con đường nào khác! Trong lúc tâm hồn bấn loạn như thế mà bạn còn nhớ ghé thăm một nhà văn đáng tin, để nhắc lại có một nhóm người nào đó đang tìm cách ám hại mình. Ai tìm cách ám hại một nhà thơ lưu lạc, đói, rách rưới,

sống vất vưởng không nhà? Dập vùi một đốm lửa đã tắt, đập tan một bình rượu đã khô? Bạn tôi bị bệnh hoang tưởng chăng?

- Những nhà văn sinh trưởng ở Huế và viết về Huế, một cách rất chủ quan và thành kiến. Anh có đồng ý với nhận xét trên? Và anh có yêu cả những điều xấu lẫn điểm hay của Huế?

- Những người sinh trưởng ở Huế viết một cách chủ quan và thành kiến có thể có. Còn những nhà văn hy vọng không. Khi đã thành nhà văn thì giang sơn của họ đâu còn biên giới nữa. Với tôi, Huế vẫn là nơi chôn dấu nhiều kỷ niệm, đẹp, thơ mộng, trữ tình, lãng mạn, như cổ tích, như chiêm bao, quanh năm mùa thu, như sương khói sắp tan. Tôi không yêu cả những cái xấu của Huế, nhưng ít câu nệ và tìm cách quên đi. Không phải những người sống ở Huế thôi đâu, mà có những người ở xa Huế, viết về Huế rất đạt, Ngự Thuyết, Bùi Bích Hà chẳng hạn. Một người làm thơ như anh, tôi cam đoan, nếu ra Huế ở lại một thời gian, chắc anh cũng có thêm những bài thơ tình hay và không nở nào cho tôi một câu hỏi "ác" như trên.

- Anh cầm bút với mục đích gì không? Để cho vui một đời? Để thực hiện một hoài bão, hay để được nổi tiếng và có nhiều người biết đến mình?

- Để thực hiện một hoài bão, lớn lao quá, không dám. Để được nổi tiếng và nhiều người biết đến mình? Hồi trẻ, có. Sau nầy lớn khôn, biết mình loại "xoàng" lại xin chừa. Nếu không viết được chắc tôi buồn và sợ lắm, vậy thì nhận cái câu thứ nhất: để cho vui một đời, hay đúng hơn cho bớt buồn một đời.

- Anh sợ gì thế?

- Sợ bóng hoàng hôn đuổi sau lưng và hai miếng ... che mắt ngựa.

- Khi viết, anh chắc có nhiều tâm sự riêng cần bày tỏ. Vậy tâm sự riêng ấy như thế nào, có tương tự với những nỗi niềm chung của thế hệ chúng ta?

- Tôi ít có ý định gửi gấm tâm sự riêng trong tác phẩm của mình. Nỗi niềm chung của thế hệ chúng ta thì có.

- Trước năm 1975, anh là người lính Tâm Lý Chiến, điều ấy có ảnh hưởng gì đến điều anh viết?

- Nhờ công tác đảm trách mà tôi chứng kiến nhiều thảm khốc trong cuộc chiến, tôi đã từng lên căn cứ Tân Lâm Bắc, tức là chiến khu Tân Sở, chỗ vua Hàm Nghi ngồi thảo hịch Cần Vương ngày xưa, nay máu đồng đội bốc hơi khét lẹt dưới ánh mặt trời. Ở lại nhiều ngày tại căn cứ Ái Tử, nằm trong hầm cá nhân vừa nghe tiếng đạn pháo kích, vừa nghe tiếng ễnh ương kêu trong hồ nước lạnh lẽo ngày xưa chúa Nguyễn Hoàng mài gươm. Hầu hết những chiến trường vừa mới ngưng tiếng súng, trực thăng đều chở tôi đến để viết phóng

sự, dưới chân tôi lút máu người, quanh tôi xác chết không toàn thây (cả hai bên) nằm la liệt, chính tay tôi đã viết hàng ngàn bức thư phúng điếu cho những gia đình có cha, chồng, con nằm xuống. Không nhiều thì ít, làm sao không ảnh hưởng được.

- Chiến tranh theo anh, có ảnh hưởng gì đến văn học Miền Nam, trước năm 1975 và ở hải ngoại bây giờ?

- Một cuộc chiến tương tàn, nồi da xáo thịt, bi thảm, đã làm điêu linh, chia lìa, cả một tổ quốc, sứt trán u đầu, tan tác cả một giống nòi. Nhức nhối như thế thì lòng người đâu phải sắt đá. Chính cuộc chiến nầy đã làm cho biết bao nhân tài bị mai một, nếu nhà văn Y Uyên không gục chết ngoài tiền đồn heo hút thì chúng ta đâu chỉ có một tác phẩm bất hủ như Ngựa Tía? Dĩ nhiên là thảm họa ấy còn mãi đeo theo những người Việt Nam tha phương. Những người cầm bút lại không đeo tòng teng sau lưng hay bên hông mà ôm dính sát trước ngực mình.

Những bài viết về “Giọt Nước Mắt Thứ Ba” của Nguyễn Mộng Giác và Hoàng Khởi Phong chắc anh đọc rồi, thấm lắm chứ. Nhưng dân tộc ta có đến Giọt Nước Mắt thứ...1001!

- Là một người lính quân lực VNCH, một người tù cải tạo, một người HO mới định cư ở đất nước nầy, theo anh vị trí nào chiếm phần quan trọng trong tác phẩm của anh?

- Mỗi thứ mỗi ít, tôi viết đủ thứ. Tôi không thể quên (hay tìm cách quên) được hình ảnh những người thương binh cụt tay, cụt chân, đui mắt, trước đây họ đã từng lao đầu vào bom đạn ngoài trận mạc để giữ nước (và cho bọn có quyền hành vinh thân phì gia), nay nối đuôi nhau, “bò” thành một hàng dài, nhiều vòng, quanh trường đua Phú Thọ để ăn mày trong những ngày có tổ chức đua ngựa.

Tôi làm sao không khâm phục, không cúi đầu tưởng nhớ đến những chiến sĩ đầy nghĩa khí, chiến đấu đến giọt máu cuối cùng, có người đã bị kẻ thù bắn nát thây ngay trên mảnh đất cha mẹ sinh ra: Hởi ơi, Nhiếp Chính mà băm mặt, giữa chợ ai người khóc nhận thây?(NB). Trong lúc Dương Văn Minh và đám theo đóm ăn tàn cúi đầu “bàn giao” giang sơn tiền nhân để lại cho người, thì anh em lính Dù, khi rắn mất đầu, quần áo rách bương, tập trung lại hàng trăm người ở bến xe Phú Lâm để chào Quốc Kỳ, hát Quốc Ca, Mặc Niệm anh em tận vong lần cuối, rồi hô “tan hàng”... thay hai tiếng “cố gắng” đằng sau, là nước mắt họ chảy ròng ròng... Dân chúng trong cơn lốn loạn nhìn theo họ, nước mắt cũng chảy ròng ròng. Họ đi đâu, về đâu?

Tôi cũng làm sao quên được những người bạn tù, đã chết vì bệnh, vì đói, vì uất ức, vì bị giết, xác bó mền, bó vạc giường, vùi nông bên đồi hoang, chỉ một đêm mưa, ngày hôm sau không biết mộ bạn nằm ở đâu.

Có nhiều người “phàn nàn” cho rằng thời buổi nầy mà viết về chiến tranh,

cải tạo, HO, là không hợp, xưa, chán. Tôi cho như thế là không ổn. Nói đến văn học nghệ thuật sao phân biệt đề tài? Theo tôi, đề tài nào cũng giá trị, chỉ sợ mình bất tài, viết không "tới" thôi. Tôi rất thích đọc những truyện của Thảo Trường viết về đề tài nầy.

- Trong tù anh có làm thơ không?
- Ít, chỉ được khoảng 10 bài.

- Nhiều nhà thơ trong tù làm được nhiều thơ lắm, có người có đến hàng trăm bài, có bài dài mấy trăm câu, sao anh làm ít thế?
- Một phần vì tôi không đủ can đảm, như các anh Phan Nhật Nam, Tô Thùy Yên, Sương Biên Thùy chẳng hạn. Một phần, trí tôi mau quên, làm xong là quên ngay. Hồi ở Vĩnh Quang làm được bài nào tôi đọc cho anh Phạm Đức Vượng và bạn Trương Hiệp nghe và nhờ các anh ấy nhớ giùm cho thôi. Hồi ở trại 5 Hoàng Liên Sơn, chiều nào đi chăn trâu về tôi cũng tạt qua khu vườn rau xanh bên bờ Thác Bà thăm nhà thơ Hà Thượng Nhân. Ông cũng khuyên tôi đừng sợ, cứ làm thơ đi, rồi cái gì đến sẽ đến...(Ý ông muốn nói trước sau chế độ CS cũng không còn). Trong tù tôi chỉ còn khoảng 38 ký, chết đi sống lại nhiều lần, có khi ngớ ngẩn, ngô nghê như người... từ dưới cụm núi Ngũ Hành cùng với Tôn Hành Giả chui lên. Nhà thơ Lâm Chương đã sống với tôi nhiều năm, hiểu và an ủi tôi rất nhiều. Các bạn đồng cảnh ngộ cũng giúp đỡ tôi từ tinh thần đến vật chất.

- Có nhiều nhà văn, nhà thơ đã thành danh, khi qua đây, họ không còn sáng tác nữa, hay sáng tác rất ít. Theo anh vì sao?
- Có lẽ họ không còn tìm thấy nguồn an ủi nào khi cầm bút. Sách báo bát nháo, nhiễu loạn, ba rọi, văn chương chưởi bới, xui nguyên dục bị, vàng thau lẫn lộn, cá mập cá heo chung ao, hiếm khi có vài đồng nhuận bút. Lại gặp cuộc sống quá khắc nghiệt, buồn tủi, cho nên bắt chước vị cựu thần đời Hậu Lê Bùi Huy Bích mà than câu: *thiên hạ đại loạn rồi, ta "lặn" thôi!*

- Sao anh viết hăng thế? Nếu tôi không nhầm trong những tháng vừa qua anh sáng tác có đến hàng chục truyện ngắn.
- Thú thật hồi mới qua, tôi cũng thất vọng lắm, định lặn luôn. May nhờ có anh Nguyễn Mộng Giác, Khánh Trường, Trần Hoài Thư, Huỳnh Hữu Ủy, Nguyễn Bá Trạc, nhà văn Nghiêm Xuân Hồng và một số văn hữu, bạn bè khác "vực" dậy, trong đó có anh, như hôm nay dựng cổ tôi làm việc nầy. Vợ tôi và các con (nhất là ba cô con gái) cũng khuyên tôi cố gắng viết cho đỡ buồn, bác sĩ tâm thần Tôn Thất Niệm cũng khuyên tôi nên viết kẻo không đủ sức mua thuốc serzon, paxil... đắc tiền. Nhờ đó mà tôi cố chống gậy đứng lên. Nhưng mỗi lần đi tham dự một cuộc hội thảo văn học hay ra mắt sách nào, khi về, lòng cũng nặng chĩu, nao nao buồn, chột dạ, tựa hồ như ngôi nhà mình

đang ở đã bị cháy rồi. Trở về đó để nhìn đám... tro tàn!

- Bây giờ nói về thơ. Với anh, làm thơ bằng tay trái hay tay phải?

- Tay trái, cả hai tay thì đúng hơn.

- Anh viết một bài thơ như thế nào? Từ cảm hứng chuyển ngay ra thơ hay còn nung nấu suy tưởng rất lâu rồi mới viết?

- Thường là từ cảm hứng viết ngay ra, cũng có khi nung nấu suy tưởng, nhưng không rất lâu, mà thời gian ngắn thôi.

- Anh làm thơ có dễ dàng không? Hoàn tất một bài trong khoảng bao lâu và có hay sửa chữa lại không?

- Khác với viết truyện, thơ tôi phải chờ cảm hứng đến. Thường là viết ra, rồi để đó, từ từ đọc lại, sửa chữa, thêm bớt hay không thích nữa thì vất đi. Tôi làm thơ, không có chuyện khó dễ, chỉ chờ cảm hứng, có khi chờ rất lâu. Hồi còn trẻ, làm thơ dễ, nhưng chỉ vài bài nay đọc lại là không... chướng.

- Như thế thì bây giờ già, làm thơ hay hơn phải không?

- Không dám đâu, nhưng bây giờ làm thơ, đọc lại thấy "khoái" hơn. Càng buồn, mất mát, hoài niệm, càng gần miệng huyệt, thơ tôi càng "đỡ" hơn. Tôi còn nhớ hai câu thơ của anh đăng trong VH, năm 1992 "Gã hân hoan vài sợi tóc bạc. Xanh thiên thu mòn ngát cội lau" mà.

- Anh có nghĩ nếu thơ mà sửa chữa kỹ lưỡng quá hoặc gò ép ngôn ngữ quá, sẽ giết đi nét sinh động của bài thơ?

- Có.

- Yếu tố nào khiến anh để ý nhất khi làm bài thơ: ngôn ngữ, hình ảnh, vần điệu, thể loại...?

- Ngôn ngữ, vần điệu cũng cần, nhưng tôi chú ý đến hình ảnh nhiều nhất, còn thể loại không cần thiết, với tôi.

- Anh nghĩ thế nào về sự làm mới thi ca mà tất cả những người làm thơ đều muốn thực hiện cho mình?

- Theo tôi, thơ không có mới cũ, cũng như tình yêu, vạn triệu năm trước và sau cũng thế. Mái tóc con gái thời xuân xanh, giòng sông, con suối, một đám mây, một vầng trăng, ngọn lá tre, ráng hoàng hôn, đóa quỳnh hoa nở nửa đêm, có bao giờ mới, cũ đâu mà vẫn say mê, quyến rũ lòng người. Chắc anh cũng đồng ý với tôi, một cô gái trong bộ lạc rừng rú hoang vu vẫn "lộng lẫy" hơn những cô tân thời vừa bước ra khỏi thẩm mỹ viện.

- Theo anh, thơ hay với thơ mới có điều gì tương đồng, cũng như điều gì khác

biệt?

- Khác nhau chứ. Thơ mới chưa chắc bài nào cũng hay, mà thơ hay khôn cần phải mới.

- Anh hay đọc thơ không? Của những thi sĩ Việt Nam ở hai miền và thơ ngoạ quốc? Anh thích và phục thi sĩ nào nhất?

- Thích đọc thơ lắm. Trong nước, tôi thích thơ Nguyễn Duy, nhất là bà Cắc Kè, một nhà thơ rất trẻ quê ở Mỹ Tho, rất tiếc quên tên, có làm nhữn bài thơ rất lạ và hay: *Em không đi chùa sao thơm mùi Phật.* Và thơ Bút Tre Ở hải ngoại, tôi thích thơ Mai Thảo và phục Du Tử Lê, nhưng mỗi lần đọ thơ ông nầy, tôi không đọc những gạch chắn và dấu phẩy đâu, tôi vẫn thíc *một chỗ em để dành* hơn *một chỗ em để, dành*. Dấu phẩy nầy làm cho ch (hay nhiều chỗ) cô nàng(nào đó) để dành... "nguội" bớt đi rất nhiều, uổn lắm. Còn thơ ngoại quốc thì tôi chưa đọc tới, vô tri bất mộ, phần vì sinh ng hạn chế, dịch ra tiếng nước mình tôi không thích. Đó là khuyết điểm của tôi

-Anh nghĩ thế nào về thơ không vần và thơ có vần? Có điều gì suy tưởng đ làm mới thi ca trong vấn đề ấy?

- Thể loại gì cũng được, miễn hay.

- Anh thấy thích thơ viết bằng văn xuôi không? Và theo anh, có khác với th tản văn của văn xuôi nguyên thủy?

- Tôi không thích. Thơ phải có vần điệu. Thơ là thơ, văn là văn.

- Thi ca phản ảnh đời sống cá nhân anh như thế nào?

- Cho phép tôi "đao to búa lớn" một chút nhé, thơ tôi phản ảnh cuộc đời phản ảnh sự khổ đau, mất mát, chia ly, trầm luân của con người. Chung ch không riêng.

- Dường như anh sắp in một tập truyện?

- Nếu không gì trở ngại vào phút chót, nhà xuất bản Đại Nam sẽ in cho tô tập truyện ngắn. Đó là một sự "gồng mình" chịu trận, đầy mạo hiểm và ca đảm của anh Trương Đình Nho, giám đốc nhà xuất bản, vì truyện ngắn rấ kh tiêu thụ. Và tôi thuộc về loại: hỏi cả phố Bolsa (trừ khu Memorial Park không ai biết HMD là ai, kể cả ông Đỗ Ngọc Yến chủ nhiệm báo Ngườ Việt... (lời Khánh Trường). Còn phần tôi, nếu in được một tác phẩm, dĩ nhiê là vui mừng lắm, ai đời mang tiếng viết lách đã gần bốn chục năm, nay trê đầu tóc bạc gần hết, mà "không có một trang sách để... cầm dùi". Tôi đã hoà tất bảo thảo, và nhờ nhà văn Cao Xuân Huy trình bày văn bản.

Tác phẩm nầy hình thành được, một phần nhờ sự khích lệ trực tiếp củ nhiều người, trong ấy có anh Thái Tú Hạp, anh Khánh Trường, anh Đin Cường, anh Đan Thanh TNC, anh Nguyễn Minh Tâm, nhà thơ Đặng Hiề

và nhiều bạn bè khác, kể cả anh.

- Anh cho biết thêm những chi tiết quanh tác phẩm ấy?

- Gồm 20 truyện ngắn tôi sáng tác từ ngày qua Mỹ tới nay, một số đã đăng trên Văn Học, Hợp Lưu, Văn, Thế Kỷ 21, Saigon Times, nay hoàn chỉnh lại và một số mới viết sau nầy, dày khoảng 364 trang. Bìa: Khánh Trường (vẽ hết lòng). Phụ bản: Đinh Cường (cho không). Trình bày bản văn: tác giả (khó tính và khó hiểu) của "Tháng Ba Gãy Súng".

- Anh cho biết tên đề tập truyện?

- Hoa Vạn Hạt, Cuối Mùa.

- Chà, hoa vạn hạt là hoa gì nghe "ngộ" thế?

- Khó nói lắm, làm sao tôi giải nghĩa hết cho nhà thơ được, đó là đầu đề của một truyện ngắn đăng trong Hợp Lưu số 27 (Tân Xuân 1996), anh đọc lại hiểu liền, có khi, trong đời, không biết bao nhiêu lần, loài hoa ấy đã "khua chuông đánh trống" trong túi anh mà không hay. Thơm xót xa. Thơm cực kỳ lạ, bảo đảm không hề giống chút nào mùi thơm trần thế của đóa trà my vò nát trong tay Mã "tiên sinh" đâu. Nếu có người nào hỏi tôi, sao không đầu mùa mà cuối mùa, thì nhờ anh trả lời giúp tôi nhé. Về chuyện thưởng thức hoa, anh "khôn" và "tinh" hơn tôi nhiều lắm.

- Cám ơn anh, không dám nhận. Điều gì nảy ra để anh viết một truyện ngắn? Có khác với điều để anh cầm bút viết một bài thơ không?

- Tuyện ngắn tôi viết có chủ đề đàng hoàng, hầu hết là đã từng sống qua, trích trử lại trong ký ức, chỉ chờ lúc viết lên, dĩ nhiên là thêm ít nhiều hư cấu và lái nhân vật theo ý mình muốn. Làm bài thơ khác hơn, như tôi nói trên, phải chờ hứng. Còn văn, tôi viết lúc nào cũng được, ngoại trừ khi bận việc, yếu đau và tức tối, bất mãn bâng quơ, hay "... nghe tiếng ếch bên tai, giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò."

- Thói quen khi anh sáng tác?

- Lúc trẻ, tôi cũng như Nguyễn Ý Thuần, thích nằm để viết, mà nằm trên chõng tre nhiều mắt trong ngôi nhà tranh trống trải, lúc mẹ tôi còn sống thường quanh quẩn bên tôi. Sau nầy, tôi đánh máy chữ. Nửa năm nay, tôi xử dụng computeur, viết bằng cách nầy, ngó bộ sướng, nhanh và ít bế tắc hơn.

Khi tôi viết, cần sự tĩnh lặng, nếu có nhạc Văn Cao, Trịnh Công Sơn do Hồng Nhung (trong nước) hát, hay bài Thu Hát Cho Người của Vũ Đức Sao Biển, Vũ Khanh hát, Hồn Vọng Phu, Mai Hương hát, càng tốt. Thường có ly cà phê hay bình trà bên cạnh. Ban đêm thì có vài ly rượu nhỏ viết đỡ "mắc cạn" hơn. Tôi thích viết lúc trời mưa (đừng có bão chen vào). Khi viết thường năn nỉ vợ con "đi chỗ khác chơi". Viết xong, in ra, đọc lại, sửa chửa, thêm bớt.

-Đề tài nào anh thích nhất, về những điều chỉ hoàn toàn tưởng tượng hay những điều có thực trong đời sống?

-Đề tài nào tôi cũng thích viết, dựa vào thực tế đời mà tưởng tượng, hư cấu thêm. Nhưng tưởng tượng hay hư cấu vẫn có trong đời sống, xẩy ra ở một hoàn cảnh khác, nơi chốn khác, thời điểm khác. Về sau nầy, tôi thích viết về chuyện gần với lịch sử hơn.

- Tại sao anh lại chọn phương cách nầy?

- Có lẽ từ nhỏ tôi đã thích đọc những loại sách ấy, *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* của Ngô Thời Chí, tôi đọc đi đọc lại gần chục lần vẫn thấy hay. Những nhân vật, ngôn ngữ đầy tiết nghĩa trong ấy, gây cho tôi một ấn tượng rất mạnh. Tôi thấy đời xưa, người xưa có nhiều điều hay, nhất là trong các triều đại vua chúa có nhiều chuyện "động trời", nếu bỏ qua thì... tiếc lắm.

- Thường thường, người ta mang chuyện xưa để ví von liên tưởng tới chuyện đời nay. Với anh, có ý định đó không?

- Tôi không có ý định đó. Viết lại chuyện đời xưa, không mong gì hơn là, muốn người khác, cùng với tôi, mua vui cũng được một vài... phút giây.

- Viết truyện gần với lịch sử có Nguyễn Huy Thiệp, có Trần Vũ..., và thường ở trong mỗi truyện đều có những ẩn dụ. Với anh, anh có những ẩn dụ nào chuyên chở theo?

- Tôi không có chuyên chở một ẩn dụ nào hết.

- Ví von liên tưởng không, ẩn dụ cũng không, vậy thì vì sao anh viết, mà dường như anh viết trong thích thú?

- Anh nói đúng, khi viết đề tài nầy tôi thích thú lắm. Chuyện người xưa, nằm trong lòng đất lạnh bao tháng năm, nay cuồn cuộn sống lại bên tôi.

- Khi phác họa nhân vật lịch sử, anh dựa vào những yếu tố nào, từ chính sử hoặc những truyền kỳ trong nhân gian?

- Cả hai thứ trên, nấu độn với một ít tưởng tượng, hư cấu không quá đà.

- Bây giờ trở lại vấn đề trước, anh có viết để kể lại những ngày cải tạo ở Việt Nam? Và thân phận của người HO trong cuộc sống bây giờ?

- Có, nhưng ít thôi, tôi không viết hồi ký, chỉ vài truyện nói lên thân phận của một con người khi mất nước, truyện Bên Trời Hoa Chẩu Nở đăng trên Thế Kỷ 21, Đoan Trang Productions ở Santa Clara đã thu băng cùng với Phan Nhật Nam phát hành năm ngoái, truyện Lá Thư Về Trước Tết đăng ở Người Việt số Xuân, Nguyễn Nam Anh cho đọc trên đài VOI. Thân phận của những người HO thì tôi cũng có viết, ít thôi, vì tôi rất thương những người nầy, họ bị người ta nhân danh đủ thứ để "lừa" và "bóc", chỉ còn có cái... quần

đùi. Và, đang sống trong những nỗi niềm không biết thổ lộ với ai, trong ấy có bản thân tôi.

- Theo anh, đề tài ấy đã có quá nhiều người viết, nên không còn tính cách hấp dẫn độc giả nữa, có phải?

- Tôi không cho như thế. Nếu có sự nhàm chán trong độc giả là vì trước đây có nhiều người viết cường điệu quá, cái "tôi" nhiều quá, hay là vì chúng tôi bất tài, không đủ sức để diễn đạt đó thôi. Xưa nay, văn chương trên thế giới vẫn nhiều đề tài như thế, nhưng có ai giở sách ra mà ngủ gật đâu?

- Đã ở trong nước khá lâu trước khi đến Mỹ. Anh có nhận xét gì nền văn học trong nước?

- Văn Học trong nước thì ai cũng biết rồi và sách báo hải ngoại cũng đã đăng tải nhiều rồi. Có thêm, thì tôi nói đến tầng lớp độc giả, dân tộc ta vốn hiếu học, thích tìm tòi những điều mới lạ, nên rất thích sách báo, chúng ta không lấy làm lạ, anh đạp xích lô, chị bán hàng rong, trong chợ, bến xe, trường học, nhà chứa, trên những con tàu Bắc Nam, những chuyến xe hàng bụi bặm, ở đâu cũng thấy người ta đọc sách, báo. Bất cứ loại sách, báo nào họ cũng chăm chú đọc say mê lắm. Tôi thương nhất là các em học sinh, sinh viên, sau giờ bãi học, chen chúc nhau trước tiệm sách báo, có em dành tiền ăn sáng để mua, có em vội vàng giở vài ba trang đọc... chùa. Ngày tôi ra Hà Nội làm hộ chiếu, thấy nhiều cô cậu tuổi trẻ ngồi dưới gốc cây bên hồ Hoàn Kiếm hay trong công viên Bảy Mẫu ngấu nghiến từng trang sách. Khi vào quán ăn phở gà bên hông bệnh viện Việt Xô, tôi thấy một chị y tá ra ăn trưa, trên tay cũng kè kè một quyển tiểu thuyết, dường như Chuyện Thường Ngày Ở Huyện, vừa ăn vừa "tranh thủ" đọc. Thấy người ta đọc, ruột mình như có lửa đốt.

- Anh có quen biết nào với những nhà văn khi ở trong nước?

- Một phần vì quá đa đoan sinh kế, một phần vì tính tôi xưa nay ít thích giao du, tham dự vào chỗ có đông người. Nên tôi ít gặp ai, hoặc gặp rồi cũng trò chuyện qua loa năm ba câu rồi tìm cách chuồn. Có nhiều nhà văn tôi kính phục thuộc nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, trong thời gian "mở trói" vô Saigon như Phùng Quán, Trần Dần, Hữu Loan, Văn Cao tổ chức trò chuyện, cũng mong gặp lại những người viết chế độ cũ, nhưng tôi cũng"ngại" đến. Khi rảnh, tôi thường đến nói chuyện chơi với những anh em "phe ta" như Dương Nghiễm Mậu, Trần Phong Giao, Phù Hư, Lê Khắc Cầm, Nguyễn Miên Thảo, họa sĩ Lâm Quốc Trung... Lâu lâu tạt qua nhà Rừng, nhìn những bức tranh "nóng" cho lòng bớt lạnh. Thỉnh thoảng ghé Phan Nhật Nam rủ đi ăn bún bò. Còn Trần Dzạ Lữ thì ngồi bán từng bó rau muống lẻ ở chợ Phú Nhuận, khi nào ghé cũng gặp, muốn nghe Lữ ngâm thơ nhớ về Cố Xứ thì khỏi tốn một điếu thuốc Jet nào. Vài tháng, Trần Doãn Nho ở Huế vô Saigon ghé vào thăm, nói chuyện văn thơ một hồi rồi đi. Phan Như Thức, nhà văn đại-

hảo-tâm của chúng ta vừa vĩnh biệt, cũng có một lần đi với Viêm Tịnh đến thăm tôi, không gặp, chẳng để lại địa chỉ, rồi chẳng bao giờ gặp bạn ấy trên đời nầy nữa.

- Và, anh có sinh hoạt văn nghệ nào khi còn ở quê nhà sau năm 1975 không?

- Đầu năm 1992, không biết do ai giới thiệu, anh Ngộ đại diện cho nhà xuất bản Tiền Giang có đến nhà gặp tôi và yêu cầu tôi viết lại, tôi nhận làm một tập san lấy tên là Chuyện Lạ Bốn Phương, xuất bản hàng tháng. Nội dung toàn là những bài vua chúa, thái giám, cung tần mỹ nữ, chuyện không tặc, đắm tàu, bán nam bán nữ, hiện tượng quái đảng khác, Mỗi số tôi chỉ chen vào một bài có tính cách lịch sử, đạo lý làm người. (Lấy toàn là chuyện trong sách báo cũ còn sót lại bán trong các nhà sách cũ). Ra được 18 số, sau đó nhà xuất bản bị đóng cửa. Họ định chuyển sang nhà xuất bản khác thì tôi sửa soạn đi.

- Anh làm quyển sách ấy ra sao, thu nhập như thế nào?

- Tôi chỉ việc đánh máy bản thảo, tìm tranh ảnh cho hợp với nội dung, rồi đưa cho nhà xuất bản. Sách ra xong là tôi lấy tiền, đầu thì ba bốn trăm ngàn sau lên bạc triệu. Với số tiền ấy, tôi và vợ con sống phè, có tiền làm hộ chiếu, mua được chiếc xe honda, và định... xây nhà. Trong mấy năm về sau nầy, tôi mập lắm, tốt tướng gần như anh bây giờ, khi về quê từ giã, cả làng kéo đến thăm, trầm trồ khen tôi có tướng phát, mả phát... vì được đi Mỹ(?!) Đâu phải như bây chừ, gặp ai cũng hỏi tôi nằm bệnh viện ra lúc nào!

- Đời sống bây giờ và sinh kế có ảnh hưởng tới sự sáng tác của anh không?

- Đời sống tôi bây giờ không giống ai. Cực thì chắc rồi, nhưng tôi vẫn có niềm hạnh phúc khác là sự thương yêu, thông cảm của vợ và các con và bạn hữu. Tôi không có nhiều thì giờ để sáng tác, và những nhọc nhằn cũng có ảnh hưởng ít nhiều đến văn thơ của tôi. Nhưng còn nước còn tát, vui mừng được viết, viết những gì muốn viết thật với lòng mình. Biết bao người, hoàn cảnh khắc nghiệt hơn tôi nhiều, họ còn viết được. Bên nhà, văn hữu chúng ta ngòi bút còn treo trên giàn bếp. Địa sinh thảo hà thảo vô căn. Phải không anh?

- Phải lắm. Anh có kỳ vọng gì ở văn học hải ngoại?

- Trước, tôi xin cảm phục những nhà văn, nhà thơ trẻ tuổi sau nầy, có người sinh ra ở Mỹ, chưa bao giờ nhìn thấy quê cha một lần, có người xa nước khi mới hai, ba tuổi, thế mà bây giờ trong văn chương không thiếu gì hình ảnh quê hương đất nước, chia sẻ rất mật thiết với nỗi đau chung.

"Người cầm bút âm thầm tự hỏi: những hoạt động của mình rồi đây có được ghi nhận, nhắc nhở, lưu lại mai sau chăng? Lưu ở đâu? Ở nền văn học nào? Ở văn học của một cộng đồng thiểu số lưu lạc, mai kia sẽ tan biến vào

dân tộc khổng lồ tại đây chăng? Đâu được. Phải có chỗ dành riêng cho mình ở nền văn học Việt Nam chứ. Hải ngoại phải được nhập vào Việt Nam chứ! Tại sao không? Bộ mình mất liên hệ hả, còn khuya..." Chỉ một đoạn ngắn trong bài nhận định của nhà văn Võ Phiến về dòng văn học hải ngoại chí lý như thế, tôi còn biết nói gì thêm.

- Anh có nghĩ một ngày nào đó sẽ hợp lưu giữa văn học VN hải ngoại và trong nước?

- Nếu nói đến chữ văn học, tức là không biên giới, chúng ta khi nói đến hợp lưu văn học tức là hợp lưu với những tinh hoa của đất nước. Những quyển sách, những bài báo sặc mùi chủ nghĩa, giáo điều thì không phải là văn học. Không phải người cầm bút nào trong nước cũng theo chủ nghĩa thù nghịch với ta, cũng có những người vì cơm áo, vì địa vị, vì lòng hận thù, vì ba phải, nhưng cũng có người, khi bút mực bị cướp giật đi, sẽ dùng dao viết văn lên đá... Có người thương cha một, thương Lê-nin mười, cũng có người đêm chong đèn nhớ lại mà khóc chuyện ngày nay. Nhưng, khó mà hy vọng "bên kia" chịu ngồi lại trong cái thế bình đẳng lương thiện. Trước sau rồi, chúng ta cũng chỉ là tiên phong khởi xướng để tỏ ra mình văn minh, thượng võ, rộng lượng và đặt lợi ích chung lên trên hết, mà thôi.

- Một ngày của nhà văn Hồ Minh Dũng?

- Một ngày của tôi cũng không giống ai, có khi thức dậy một hai giờ sáng đi bỏ báo, có khi lên trường nghe cô giáo Mỹ dạy tiếng Anh, đến các chùa, nhà thờ, khu dưỡng lão, hội đoàn làm việc trừ tiền mượn chính phủ. Ngày nào không làm gì thì đi bộ, nhìn hoa cỏ xứ người cho gân cốt bớt "xoắn" lại, rồi về viết, chiều xuống ra các chợ (Châu Á) để nhìn sò, hào, ốc, cua, ghẹ, tôm bơi lội trong hồ. Những chú cá bông lau chóp chép cái miệng với hai sợi râu mép dài ngang tàng, cộng với bốn sợi nhọn hoắc ngạo nghễ dưới cằm làm cho tôi rất vui... Cũng ở đó, nhìn thấy nào môn, khoai lang, khoai tía, khoai mỡ, sắn, rau đền, rau sam, mướp, đậu đũa, mấm mèo, cà pháo, bí, bầu, hột mít khô, những gì giống bên quê nhà và hồi còn thơ ấu mẹ tôi nuôi tôi. Hằng đêm, tôi thường viết đến khuya mới ngủ. Sáng dậy, uống một ly cà phê rồi "tuyệt thực" luôn cho đến tối.

- Anh có nhiều mơ ước không, Cụ thể những mơ ước ấy?

- Mơ ước chung của tôi cũng như nhiều người, mong cho dân tộc tự do, dân chủ, hạnh phúc, có cơm ăn áo mặc. Riêng, tôi mơ ước cho các con thành người. Bản thân tôi hết "sợ" ăn (trừ ăn tiệc, nhà hàng) để có sức khỏe, sống thêm và viết, đến cuối đời.

- Anh có dự trù nào trong thời gian sắp tới?

- Sau nầy, có lẽ tôi ít viết truyện ngắn hơn, dành thì giờ khởi sự viết truyện

dài. Nếu thấy bóng nàng thơ đến gõ cửa hay thấp thoáng ngoài *cái dậu mồng ơi xanh rì* thì cũng vui vẻ mời vào luôn.

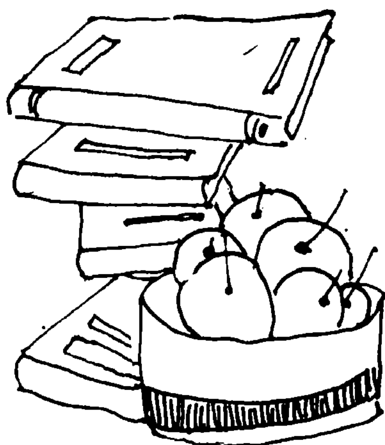
- *Và sau cùng, anh có gì muốn nói với độc giả?*
- Tôi cám ơn tất cả. Chắc chắn những điều tôi viết ra (trong các tác phẩm và cả bài dài dòng nầy) có nhiều điều không thích, xin lượng thứ. Như trên, tôi có nói, đất sinh ra cỏ, cỏ nào cũng có rễ. Xin cho đám rễ, bị cắt xén không gọn gàng và không thể mọc lại nầy, được bám tạm vào mảnh đất lưu lạc, có chút hơi ấm nhân tình của những người có hai ngón chân cái "chào" nhau. Hết.

NGUYỄN MẠNH TRINH *thực hiện*



PHAN TẤN HẢI

sinh hoạt văn học nghệ thuật



Phim ảnh và tiểu thuyết

Năm 1994, chỉ cần đọc bản thảo 100 trang và một bản tóm tắt cốt truyện, hãng phim Disney đã chi 3 triệu đô để mua quyền làm phim từ cuốn tiểu thuyết chưa hoàn tất "The Horse Whisperer," cuốn đầu tay của nhà văn Anh Nicholas Evans.

Nhà đại diện văn chương Robert Gottlieb, thuộc hãng William Morris Agency, giải thích rằng, "sách vẫn là nguồn gợi hứng tốt nhất cho phim ảnh và truyền hình bởi vì chúng được viết và nhằm vào việc giải trí cho một khối độc giả lớn."

Ban giám đốc hãng phim Universal trong tuần lễ cuối tháng 8.96 đã nổi giận về tin mà họ gọi là không đúng đắn, theo tin này thì xưởng phim trả 1.25 triệu đô cho một cốt truyện tiểu thuyết dự định viết chỉ mỏng có hai (2) trang. Họ giải thích, thương lượng này thực sự chỉ có 200,000 đô la, trong đó có thêm nhiều yếu tố phụ về tiền thưởng có thể trả tới hơn một triệu đô cho nhà văn. Cùng ngày, một nguồn tin khác cũng tiết lộ, hãng Universal đã trả "hàng trăm ngàn đô" cho một tiểu thuyết, mà thực sự hãng chỉ trả có 100,000 đô.

Cũng trong tuần lễ cuối tháng 8.96, Warner Bros. đồng ý trả cho nhà văn John Grisham 8 triệu đô để dành quyền làm phim cuốn *The Runaway jury.* Hợp đồng này dễ hiểu, bởi vì những tiểu thuyết trước của Grisham khi chuyển thành phim đã thu về những khoản tiền khổng lồ, trong đó có *The*

Firm, The Pelican Brief, The Client, và *A Time to Kill.*

Nhà văn Mari Puzo, người quen thuộc với độc giả Việt qua cuốn *The Godfather* (Bố Già), cũng vừa bán quyền làm phim cuốn mới nhất, *The Last Don*, cho hãng truyền hình CBS với hơn 2 triệu đô.

Nếu chỉ đọc những hợp đồng trên, chúng ta có thể nhầm lẫn về sinh hoạt văn chương Mỹ khi nghĩ rằng nghề cầm bút dễ trở thành triệu phú. Những nhà văn kiếm tiền hơn 1 triệu đô mỗi năm nhờ bán tác quyền cho các hãng phim và truyền hình thực sự chỉ khoảng 40 hội viên của Hội Nhà Văn Miền Tây Hoa Kỳ (Writers Guild of America, West), tức là 1% các hội viên hoạt động trên tổng số 4,000 nhà văn trong hội.

Hiện có hơn 50% nhà văn trong hội này đang thất nghiệp—định nghĩa "có việc làm" là hội viên nào kiếm được một (1) đô la hoặc nhiều hơn trong một năm. Điều này nghĩa là, hơn 2,000 nhà văn của hội trong một năm qua không kiếm được tới một (1) đô la. Và khoảng 25% hội viên hiện đang kiếm được dưới 23,400$ một năm.

Nỗi nguy sách trả về

Đối với một số tựa sách, lượng sách trả về nhà xuất bản đang chiếm tới 40% tổng thương vụ, một khuynh hướng đáng sợ trong mùa hè này khi một số tựa sách chất đống trong tiệm không một ai đụng tới. Alberto Vitale, giám đốc điều hành Random House, gọi đây là một trong những thời kỳ bán chậm nhất, một phần vì nhiều tựa sách không gợi được hào hứng.

Hội Các Nhà Xuất Bản Hoa Kỳ ghi nhận rằng trong 5 năm qua, mức thua lỗ vì lượng sách trả về đã tăng nhanh hơn tổng thương vụ. Từ 1990 tới 1995, mức thua lỗ đối với lượng sách bìa cứng trả về đã tăng 60%, tức là 531 triệu đô, trong khi tổng mức thu tăng chỉ 47%, tới 1.64 tỉ đô la.

Riêng trong kỹ nghệ sách Việt ngữ hải ngoại, đa số các nhà xuất bản không có truyền thống nhận sách trả về. Có lẽ, đây là lý do nhiều tiệm không còn chịu nhận bán thơ nữa.

Anh văn dùng cho châu Á

Nhiều vùng Á Châu trước kia bị cai trị bởi những người nước ngoài nói tiếng Anh, nhưng bây giờ các nước trong khu vực đang khởi lên một hình thức trả thù mới — bằng cách "chinh phục" chính ngôn ngữ của các nhà cai trị thuộc địa trước kia và biến tiếng nói này thành riêng của họ.

Số lượng người Á Châu đang nói tiếng Anh đã lên tới 350 triệu, nhiều hơn dân số của hai nước Anh và Mỹ cộng lại, theo thống kê trong một hội nghị mới đây ở Manila.

Nhà thơ Phi Germino Abad nói trong hội nghị, "Tiếng Anh bây giờ là của chúng ta. Chúng ta cũng đã thuộc địa hóa nó."

Anh văn đang được dùng rộng rãi ở Phi, một cựu thuộc địa của Mỹ, nơi cũng có hàng chục thổ ngữ địa phương.

Giáo sư Braj Kachu của Đại Học Chicago nói rằng đã có hiện tượng bùng nổ Anh văn khắp vùng Á Châu.

Nước Phi, cùng với các cựu thuộc địa của Anh như Ấn Độ và Singapore, đã cùng phát triển những nhánh Anh văn riêng để dùng trong nước, kể cả cho mục tiêu văn hóa và văn chương cũng như cho các chức năng giáo dục và quản trị, theo lời ông.

Những xã hội khác như Hồng Kông, Trung Quốc và Nhật cũng trải qua kinh nghiệm phát triển tiếng Anh đứng về phương diện số lượng những người dùng như ngoại ngữ hoặc như ngôn ngữ thứ nhì, theo Kachu.

Kachu, chủ bút tạp chí nghiên cứu "World Englishes," nói rằng đã tới lúc công nhận rằng tiếng Anh được dùng chủ yếu trong khu vực Châu Á bởi chính người Á Châu với những người Á Châu khác. Hầu như tại tất cả các thành phố lớn Á Châu đều có một nhật báo và đài phát thanh Anh ngữ, với đa số điều hành bởi chính người Á Châu.

Hội nghị tại Đại Học De La Salle ở Manila được bảo trợ bởi hãng Úc Macquarie Dictionary Publishing Co. Nhà xuất bản này đang sửa soạn một cuốn tự điển mới về Anh văn cho Á Châu.

Tiếng Anh tại Phi hiện vẫn sử dụng một số từ đã chết trong tiếng Anh đang sử dụng ở Anh hoặc Mỹ. Thí dụ về những "tử ngữ" này như *solon* (chính khách dân cử) và *viand* (thực phẩm). Tự điển Oxford Advanced Learner's Dictionary, ấn bản lần thứ tư, đã xóa hẳn hai chữ trên. Mặt khác, tiếng Anh tại Phi cũng hòa lẫn với thổ ngữ Tagalog để tạo nên một số từ riêng, để diễn tả những khái niệm chỉ có tại địa phương.

Những nhà thơ và nhà văn Phi trong hội nghị đã lần lượt lên diễn đàn thuyết trình về tính sống động và sáng tạo trong tiếng Anh tại Phi. Tiểu thuyết gia F. Sionil Jose kêu gọi các nhà văn Phi đừng giới hạn tài năng của họ, nhưng là phải lên đường cạnh tranh với các nhà văn viết tiếng Anh của thế giới.

Kỹ nghệ xuất bản điện tử ra đời

Ngành xuất bản điện tử vẫn chưa thay thế được nỗi cô đơn vô tận của việc đọc một cuốn sách hay, nhưng đang khởi đầu tiến trình thay đổi phương cách những nhà xuất bản tiếp thị, bán và phân phối sản phẩm của họ.

Một hội chợ thường niên của American Booksellers Association tại Chicago đã cho thấy khu dùng triển lãm các phương tiện mới đã tăng gấp ba lần chỉ trong vòng hai năm. Phương tiện mới—gồm cả việc tiếp thị, bán hoặc phân phối sách qua các đĩa CD-ROM, đĩa laser hoặc đĩa mềm điện toán, dạng video vá cát-sét hoặc qua lưới Internet—đã có một bước khởi đầu bất định trong một kỹ nghệ trước giờ vẫn dựa trên giấy in. Tuy nhiên, đây vẫn là một tương lai mới.

Phát ngôn nhân Andrew Giangola của nhà xuất bản Simon and Schuster—công ty hiện có 7 trang nhà trên lưới Internet và một phân xưởng

xuất bản đa phương tiện—cho biết hãng sẽ thu được 1/4 trong mức thu 2 tỉ đô nhờ các sản phẩm phân phối dạng điện tử trong năm 1996.

Hiện thời sách ghi trong các đĩa CD-ROM, để đọc trên màn hình điện toán, thành công nhất là trong các lĩnh vực về giáo dục, tham khảo, sách trẻ em, kinh doanh và học làm người, theo lời các chuyên gia kỹ nghệ.

Nhưng trên Internet, khu vực có lời nhiều nhất vẫn chỉ là việc tiếp thị và bán sách, chứ không phải xuất bản sách trên lưới. Ngay cả nhà Simon and Shuster vẫn chưa sẵn sàng làm điều này, vì lý do chính là sợ bị sao chép lậu.

Thành công hào hứng nhất về mặt tiếp thị trên lưới Internet là nhà Amazon.com (một cái tên nghe biết ngay là ngoài truyền thống dạng giấy in), một tiệm sách chỉ kinh doanh trên không gian điện toán WWW. Chỉ mở ra chưa đầy một năm, tiệm sách thực-ảo này cho biết đã bán được hơn 1.1 triệu tựa sách—tức là 6 lần nhiều hơn lượng tồn kho của một tiệm sách lớn nhất Hoa Kỳ—và cho biết đã bán sách cho khách mua trên khắp 50 tiểu bang Mỹ và 45 quốc gia chỉ trong 30 ngày đầu tiên. Cũng dễ hiểu, số người vào lưới Internet hiện đã trên 30 triệu.

Tuy nhiên, khuynh hướng đa truyền thông vẫn chưa thay được thú đọc sách trên bản giấy. Richard Scott, biên tập của tạp chí *American Bookseller*, tin là sẽ tới một ngày sách được download (lấy xuống từ mạng Internet) vào máy điện toán người mua, nhưng chắc chắn đa số vẫn thích mua sách bản giấy in. "Người ta thích sờ vào sách. Họ thích viết lên sách, thích đánh dấu những chỗ cần ghi nhớ. Và đổi thói quen này không thể là một sớm một chiều được."

Hội thảo sân khấu châu Á - Thái Bình Dương

Trung tuần tháng 7/1996 tại Đại học Los Angels, một cuộc hội thảo về Sân Khấu Châu Á - Thái Bình Dương (Appex - Asia Pacific Performance Exchange Program) đã được khai mạc, và sẽ kéo dài năm tuần.

Cuộc hội thảo được thực hiện do lời mời của nữ Tiến sĩ July Mitoma, Giám Đốc khoa Văn Hoá và Nghệ Thuật thế giới của Đại học Los Angeles. mục đích là để "trao đổi nghề nghiệp, giới thiệu những đặc thù tiêu biểu của sân khấu mỗi dân tộc thuộc khu vực châu Á - Thái Bình Dương", gồm các nước "đang phát triển". Đó là Trung quốc, Việt Nam, Philippines, Bangladesh, Indonesia, Ấn Độ. Mỗi nước sẽ có hai nghệ sĩ tham dự.

Nhà thơ / nhà biên kịch Nguyễn Thị Hồng Ngát và Vũ Thúy Ten, diễn viên / đạo diễn của Nhà hát Tuồng Việt Nam là hai nghệ sĩ đại diện cho phái đoàn Việt Nam đã lên đường đến Los Angeles vào ngày 13 tháng 7/1996.

Trong đêm biểu diễn "minh họa" tại Đại học Los Angeles vài trích đoạn các vở tuồng cổ (như *"Quan Âm Thị Kính"*...) hai nghệ sĩ Việt Nam đã chinh phục mạnh mẽ cảm tình của hầu hết các khán thính giả. Và sau đó, trong những buổi hội thảo, họ cũng đóng góp tích cực những vốn quí của dân tộc mình cho mục đích nghiên cứu văn hóa của đại học Los Angeles.

**Ra mắt hai thi tập của hai tác giả:
Nguyễn Nam An và Phan Ni Tấn Tại Nam, Bắc Cali.**

3 giờ chiều ngày 10 tháng 8/96 tại Phòng Sinh Hoạt nhật báo Người Việt, trong không khí thân mật, ấm cúng, với một thành phần thính giả chọn lọc, hầu hết là những văn nghệ sĩ quen tên trên văn đàn hải ngoại, hai tác giả Nguyễn Nam An và Phan Ni Tấn đã cho trình làng hai thi phẩm còn thơm mùi mực in của mình. Đó là: THỨC, BUỒN CHI (Nguyễn Nam An) và CÂU THƠ VỀ NGƯỜI (Phan Ni Tấn) do cơ sở ấn loát Nhân Văn xuất bản.

Nhà văn Hoàng Khởi Phong, đại diện *Hợp Lưu* và *Văn*, là hai tạp chí đã bảo trợ buổi ra mắt này, điều khiển chương trình. Ngoài những lời phát biểu của hai tác giả, các nhà văn Mai Thảo, nhạc sĩ Phạm Duy, ca sĩ Thái Thanh, ca sĩ Bích Liên, nhạc sĩ Trần Duy Đức, nhạc sĩ Lê Uyên Phương cùng nhiều anh chị em văn nghệ sĩ khác đã lên diễn đàn nói về thơ Nguyễn Nam An, Phan Ni Tấn hoặc trình diễn văn nghệ giúp vui.

Trước đó một tuần, tại San Jose, miền Bắc Cali, hai tác giả trên cũng đã được nhóm Nhân Văn tổ chức trình làng hai thi tập trên, và cũng đã được độc giả, thân hữu đón tiếp nồng hậu.

Góp một bàn tay

Tất nhiên có vô số khó khăn đã và đang tồn tại đối với những người đã định cư tại các quốc gia đệ tam. Nhưng trên mặt tổng thể, không ai có thể chối cãi nhiều người đã đạt được nhiều thành công đáng kể, trong mọi lãnh vực. Nhất là con cháu họ đã có đủ điều kiện, phương tiện trở thành những công dân hữu dụng, cho quốc gia sở tại, và cho quê hương gốc của mình. Riêng đối với đồng bào hiện đang sống tại các trại tị nạn, thì sự may mắn của chúng ta hẳn nhiên quá rõ ràng.

Thời gian gần đây, người tị nạn VN bị cưỡng bách hồi hương ráo riết khắp các quốc gia Đông Nam Á, khởi từ quyết định của Cao ủy LHQ chấm dứt ngân khoản trợ giúp các trại tị nạn. Cũng may, những đồng bào kém may mắn này đã được Giáo Hội và chính phủ Phi Luật Tân cho phép lưu ngụ thêm một thời gian nữa. Tuy chưa bị cưỡng bách trở lại VN ngay, nhưng vấn đề sinh sống của họ đã trở thành nan giải.

Trong tinh thần *lá lành đùm lá rách*, người VN trên khắp thế giới đã phát động một chiến dịch quyên góp, gây quỹ qui mô.

Một trong nhiều hình thức quyên góp này là tổ chức những đêm Đại Nhạc Hội. Tại Nam California, Trung tâm Asia đã thực hiện một chương ca vũ nhạc vĩ đại, có thể nói lớn nhất từ trước đến nay, tại Đại Hí Viện Irvine Meadows Amphitheater. Đây là một sân khấu bán lộ thiên, nằm trên một ngọn đồi, gồm 10,000 chỗ ngồi. Điều khích lệ cho ban tổ chức cũng như đồng bào tham dự là số ghế ngồi đã được bán hết, chưa kể "vé đứng" bên ngoài vòng rào của Đại Hí Viện, trên sân cỏ phía sau. Người ta ước lượng số khán

giả tham dự đêm đại nhạc hội này vượt trên con số 12 ngàn người, và số tiền thu được, sau khi trừ mọi phí khoản, đã được trao cho đại diện Giáo Hội Công Giáo Philippine ngay giữa chương trình là 240 ngàn đô la, kể cả tiền quyên góp tại chỗ.

Nhạc sĩ Trúc Hồ, "cột trụ" chính của Trung Tâm Asia, là người thực hiện chương trình.

Ra mắt "Nguyễn Du, Đại Thi Hào Của Dân Tộc" của Phạm Công Thiện

4 giờ chiều ngày 31 tháng 8 năm 1996 , tại quán cà phê Tao Nhân thuộc thành phố Wesminster, quận Cam, nhà xuất bản *Viện Triết Lý Việt Nam Và Triết Học Thế Giới* cùng vài tờ báo tại địa phương đã tổ chức ra mắt tác phẩm mới nhất của Phạm Công Thiện: *Nguyễn Du, Đại Thi Hào Của Dân Tộc.*

Đây là một trong rất ít những buổi ra mắt sách mà thành phần tham dự hết sức chọn lọc. Gồm toàn những văn nghệ sĩ tên tuổi, trong mọi lãnh vực, Ngoài những phát biểu của Nghiêm Xuân Hồng, Phạm Duy, Kiều Chinh, Thượng tọa Thích Viên Lý, Đào Mộng Nam..., chương trình được làmtươi mát bằng tiếng ngâm thơ và những giọng hát Bích Liên, Trần Diệu Hằng, Trần Duy Đức...

Buổi ra mắt chỉ thực sự kết thúc sau một trận... rượu tối tăm mày mặt tại tư thất nhạc sĩ Trần Duy Đức, theo đúng với tinh thần và phong cách... Phạm Công Thiện.

Tạp chí Văn tái xuất hiện

Sau sáu tháng vắng bóng trên các kệ sách, tin mừng đã đến với bạn đọc của Văn, nói riêng, với tất cả những người quan tâm đến chữ nghĩa, nói chung, tạp chí Văn đã tái xuất hiện, đầu tháng 9 vừa qua, dưới sự lèo lái của nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, người đã có thời cùng điều hành tờ Văn với nhà văn Mai Thảo, tại Sàigòn trước 1975.

Về hình thức, nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng cho rằng còn phải cải tiến nhiều hơn nữa ở những số kế tiếp, và ông đã có một quyết định ngoạn mục: Bìa, thay vì in hai màu như từ trước đến nay, sẽ chuyển sang bốn màu, với mỗi tháng một tác phẩm hội họa của các họa sĩ tên tuổi tại hải ngoại. Về nội dung, như thư của nhà văn Mai Thảo gửi bạn đọc ở số tục bản: *"Tạp chí Văn vẫn giữ vững thể tài từ đầu của nó là một tờ tạp chí thuần túy văn chương."* Nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng cũng cho biết sẽ cố gắng liên lạc với các văn hữu khắp nơi trên thế giới, nâng dần chất lượng các sáng tác, để xứng đáng với mục tiêu chủ nhiệm Mai Thảo đã đề ra, cũng như để đáp ứng lòng tin yêu của độc giả, từng thủy chung với Văn trong 14 năm qua.

Chúng ta hy vọng, với khả năng của Nguyễn Xuân Hoàng, tờ tạp chí này sẽ tiếp tục là một trong những diễn đàn văn chương uy tín của hải ngoại.

PHAN TẤN HẢI



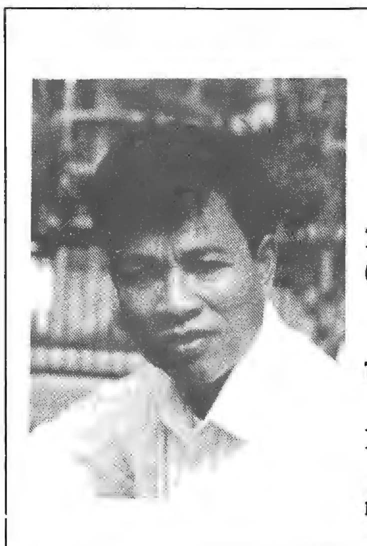
văn nghệ sĩ việt nam

TÁC GIẢ - TÁC PHẨM - CHÂN DUNG TỰ HỌA

LTS: *Từ số này,* Hợp Lưu *sẽ lần lượt giới thiệu (theo thứ tự ưu tiên qua bưu điện), tiểu sử, hình chụp, tác phẩm cùng bài viết ngắn của các tác giả cho bộ sách* Văn Nghệ Sĩ Việt Nam.

Để bộ sách có được tính nhất quan và trung thực tối đa, hai người chịu trách nhiệm là nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng và Khánh Trường sẽ biên tập lại. Việc làm trên cần nhiều thời gian cùng sự hợp tác tích cực của các tác giả, trong tương lai. Từ nay đến khi bộ sách hoàn tất, các tác giả có thể bổ sung hoặc bỏ bớt, đính chính mọi sai sót, nếu có.

Hợp Lưu



Nguyễn Hải Hà, 1995

NGUYỄN HẢI HÀ

Sing ngày 13 tháng 3 năm 1938

Dạy học. Sĩ quan QLVNCH.

Tỵ nạn chính trị tại Hoa Kỳ từ năm 1984

Đã cộng tác với các báo: *Đường Sống, Tuổi Hoa, Người Việt* (Hoa Kỳ) và *Làng Văn* (Canada).

Đã xuất bản:

- *Trình Bày* (thơ, bút hiệu Hiện Hữu - Học Thuật, Sàigòn, Việt Nam, 1967)
- *Hương Chiều* (thơ, bút hiệu Hiện Hữu - Hồng Lĩnh, Sàigòn, Việt Nam, 1970)
- *Còn Sáng Tạo* (thơ, Người Việt, California, USA, 1987)
- Góp thơ trong tuyển tập *"20 Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại 1975-1995"* (Đại

Nam, California, 1995).

Yêu mọi thể loại văn, thơ: truyền cảm, giản dị, trong sáng, đẹp, về nội dung cũng như hình thức. Những lúc tỉnh trí, tự xét, mình chưa đủ tài năng sáng tác ra những tác phẩm đạt được tiêu chuẩn mình yêu. Vì vậy, vẫn phải vào thư viện tìm đọc và tìm học.

Tìm đọc và tìm học nhưng chỉ nhìn thấy trên trang giấy những dòng chữ chỉ là những dòng buồn, lờ đờ mệt mỏi. Nhất là trong khoảng thời gian dài lao lực kiếm sống.

Mệt mỏi! Sáng tác! Rồi đến đâu? Cứu cánh nào? Mục đích gì? Sẽ ra sao? Chưa biết, nhưng vẫn thích sáng tác! Động cơ thúc đẩy không ngoài hai chữ "đam mê". Khi tỉnh, rất ngại ngùng cầm bút viết, nhưng khi cơn mê tới, lại tiếp tục! Sáng tác bất ngờ trong cô đơn như con chim lạ buổi sáng tình cờ một mình đứng hát ở đầu tường.

Khi làm công việc có tính cách sáng tạo, người và chim cùng đối diện với cô đơn. Buồn. Biết vậy, nhưng vẫn cứ làm. Thật mâu thuẫn!

Trong tương lai sẽ vẫn tiếp tục sáng tác nếu chưa dứt đam mê, và nếu đầu óc không bị bệnh "mất trí nhớ" (bệnh Alzheimer) tàn phá.

Thơ là gì? Sáng tác cho ai? Để làm gì? Cho tới nay vẫn chưa tìm được câu trả lời thỏa đáng. Nhưng chỉ biết mùa hè nếu vắng tiếng ve sầu điềm điệp, có lẽ sẽ mất đi đôi phần ý vị. Cuộc sống nếu thiếu thơ, phải chăng cũng như mùa hè vắng điệp khúc sầu vời vợi của ve?



Trần Long Hồ, 1996

TRẦN LONG HỒ

Tên thật Trần Trúc Quang,

Sinh tại làng Long Châu, huyện Châu Thành, tỉnh Vĩnh Long nhưng lớn lên tại Sài Gòn.

Bắt đầu viết từ thuở mới chập chửng vào bậc trung học.

Đã đăng bài trên các báo như Tin Sáng rồi tạp chí Văn Học (do Phan Kim Thịnh chủ trương), thời kỳ ấy lấy tên thật làm bút hiệu.

Ngưng viết từ năm 1975, sang Hoa Kỳ năm 1982, viết lại năm 1989.

Hiện hành nghề bác sĩ tại thành phố

Falls Church, tiểu bang Virginia.
Tác phẩm đã xuất bản:
Truyện ngắn:
- Ngày Quanh Quẩn (1991)
- Niềm Vui Ung Thư (1992)
- Kẻ Đào Mồ (1993, tái bản 1995)
- Người Chị (1996).
Trường thiên Dung Thân:
Cõi Sa Mù (quyển 1, 1992)
Cửa Địa Ngục (quyển 2, 1993)
Bóng Thiên Đường (tập 1, quyển 3, 1994).
Sách y học: Vấn Đề y Học Thông Thường 1.

Viết để làm gì? Tôi nghĩ, bất cứ ai đã cầm bút cũng phải ít nhất, tự hỏi mình một lần. Bây giờ và trong nhiều năm gần đây, tôi không còn tự hỏi mình như vậy, nhưng trước kia, lúc bắt đầu cầm bút tôi vẫn làm điều đó. Viết để muốn nói lên nhiều điều mà mình không thể nói được bằng lời, không thể cùng lúc mà nói được với nhiều người. Nhưng nếu chỉ trả lời đến đây thôi thì có nghĩa là chưa nói lên được điều gì cả. Ai cũng biết chức năng của ngòi bút hơn lời nói là ở chỗ đó. Như vậy, tôi thiết nghĩ, phải nói rõ ra rằng, viết chính thật là để phục vụ cho người khác giải khuây, để tâm sự, thố lộ, hay khuyến dụ, khuynh đảo, và có khi lừa mị người đọc theo cái cách riêng biệt và khác biệt của mỗi người. Không phải cùng một lúc, cùng một bài mà người viết có thể làm hết những chuyện nhiêu khê đó. Tùy lúc, tùy bài mà người viết làm từng việc đó, ở từng mức độ khác nhau. Như vậy, viết là một hành động có ý đồ thật sâu sắc, có tính toán chi li, có âm mưu cẩn thận để đạt cho được cái mục đích của mình mà tôi đã nêu ở trên.

Viết văn đối với tôi, dĩ nhiên, là cái nghiệp, không thể bỏ được, còn bác sĩ là nghề để sống, cũng không thể bỏ được.

Sự say mê, chính thật là động lực chính thúc đẩy tôi vào công việc cầm bút và tôi đã bị dính chặt vào đó. Công việc viết văn làm tốn thời giờ, hao tổn tâm sức và trí nảo, đã không có lợi nhuận mà trái lại hao tổn tiền bạc thêm, nhưng tại sao tôi cứ bám chặt. Chỉ có sự say mê là động lực chính mà thôi. Lý do để tâm sự với chính mình hay với người khác, hoặc để giải tỏa ẩn ức, dồn nén của cuộc sống, cũng là những động lực góp phần, nhưng không thể là chính yếu.

Tôi có thể viết bất cứ ở đâu, bất cứ chỗ nào. Gần như chín mươi lăm phần trăm của toàn bộ tác phẩm mà tôi đã có đều được viết tại nhà thương và phòng mạch. Tôi đã viết trong những giờ phút bận rộn, những phút rảnh thật ngắn ngủi giữa hai lần khám bệnh. Buông công việc khám bệnh ra, ngồi

xuống bàn là tôi viết được ngay. Có khi viết chừng vài hàng lại phải trở lại công việc khám bệnh. Không biết tại sao, càng bận rộn tôi càng viết được. Có lẽ, chuyện đó thành cái tật của đời sống mình rồi. Thời giờ, đối với tôi, thì eo hẹp lắm. Tôi cứ viết từng chút, từng hàng, để đó trong máy điện toán, rồi dần dần gộp lại thành bài. Ít khi tôi có trọn vẹn vài giờ để mặc tình mà viết.

Đối với bất kỳ một tác phẩm nào, truyện ngắn hay truyện dài, chúng đều trải qua một giai đoạn tiềm phục lâu lắm. Như bộ trường thiên *Dung Thân* chẳng hạn, tôi suy nghĩ về nó từ năm 1981 cho đến năm 1991, tôi mới bắt đầu viết quyển một là *Cõi Sa Mù*. Còn truyện ngắn, cũng vậy, tôi suy nghĩ về một đề tài rất lâu, tùy truyện, có khi vài tuần, vài tháng, có khi đến cả một, hai năm. Đến lúc mà tôi cảm thấy đúng độ thì tôi viết ngay, chừng vài giờ hay một buổi, hoặc một ngày là xong. Tới đây, có người sẽ hỏi, tại sao tôi biết đến lúc nào là đúng độ. Thật sự, tôi không giải thích được. Không có một tiêu chuẩn nào, không có một khuôn thước nào, và không có một điều kiện nào làm mẩu mực cả. tôi chỉ cảm thấy mà thôi. Nếu có một so sánh, tương đối gần gủi nhất, tôi có thể nói như thế này. Tiêu điểm ban đầu của tôi là bất cứ sự kiện nào trong cuộc sống của chính tôi hay ngoài đời, được tôi chọn lựa giống như người ta bỏ một hạt cát vào con trai rồi thả nó xuống biển. Sau đó tôi suy nghĩ về đề tài ấy giống như con trai tiết ra chất ngọc để bọc quanh hạt cát. Thời gian ngắn hay dài, tùy theo đề tài, đến một lúc nào đó tôi cảm thấy được, tôi mở con trai ra tìm lấy hạt ngọc. Tôi tạm thí dụ như thế, không biết có được rõ ràng hay không.

Về truyện ngắn, đối với tôi, đề tài là quan trọng nhất. Đề tài đứng quan trọng hàng đầu, trên hết mọi thứ. Nhân vật, phong cách là phụ. Nói tới đề tài, không có có nghĩa chỉ là cái tựa, mà là cái sườn xuyên suốt cho cả truyện, nó hình thành cho truyện, nó là nhân dáng, là cốt cách cho truyện. Còn nhân vật, phong cách là hoa lá cành, gắn vào sau. Nói như vậy không có nghĩa nhân vật và phong cách không quan trọng. Nếu tôi bị vướn mắc vào một truyện ngắn nào lâu, nó không thể thành hình được là tại cái đề tài không xong. Nếu tôi nghĩ chưa ra, đề tài chưa hoàn hảo thì cái truyện ngắn muôn đời còn nằm trong tâm não tôi.

Đề tài, theo tôi, bao gồm cả câu chuyện và ý tưởng. Có thể tôi hiểu theo cái cách của tôi, có thể khác cách suy nghĩ của người khác. Như vậy, câu chuyện và ý tưởng là một thể thống nhất. Tôi không bao giờ manh tâm đi tách rời chúng ra. Tôi không bao giờ nghĩ rằng, tách câu chuyện như một con thuyền, một cái xác mà ý tưởng như hàng hóa, như linh hồn, để cái này chuyên chở cho cái kia. Câu chuyện và ý tưởng gắn bó nhau, hổ tương cho nhau, làm đẹp, làm tốt cho nhau. Một truyện ngắn hay là một thể hoàn hảo của câu chuyện và ý tưởng.

Tôi không muốn nói một điều gì để tỏ ra đây là khuôn thước cho ai cả. Nếu có ai không bằng lòng thì người đó có cách suy nghĩ khác mà thôi. Đối với tôi, truyện ngắn là truyện ngắn, truyện dài là truyện dài, và trường thiên

là trường thiên. Chúng ta nói theo sự đồng ý chung về định nghĩa theo khuôn khổ của truyện mà chúng ta đã ngầm hiểu bấy lâu nay. Tôi không muốn đi trở lại chuyện định nghĩa thế nào là truyện ngắn, thế nào là truyện dài, và thế nào là trường thiên.

Tôi thường đến nhà họa sĩ Đinh Cường chơi, tôi rất thích tranh của anh, cụ thể là những tranh nhỏ dùng làm bìa sách. Bằng chứng là hầu hết sách của tôi đều do Đinh Cường vẽ bìa. Có lần nhìn mãi tranh anh, tôi bèn hỏi, tại sao anh không vẻ lớn bức tranh này ra? vì sao anh không vẻ nhỏ bức tranh kia lại? Anh Đinh Cường ậm ừ trả lời: "Không được?" Tôi hỏi tiếp:"Tại sao không được, anh vẻ lớn bức tranh này ra có phải bán nhiều tiền hơn không?" Đinh Cường lắc đầu nguầy nguậy: "Không được, đã vẽ nhỏ rồi thì không vẽ lớn được, đã vẽ lớn rồi thì không vẽ nhỏ được." Tôi không chịu cái lối trả lời vốn ít lời của Đinh Cường. Tôi nói: "Thì trước khi anh cầm cọ chấm vào màu, anh lấy cái khung lớn thì tranh sẽ lớn, anh chọn cái khung nhỏ thì tranh sẽ nhỏ". Đinh Cường cứ lắc đầu, không chịu giải thích thêm nữa. Tôi đành tự nghiệm rằng, bức tranh chọn khung cho anh chứ không phải anh chọn khung cho tranh.

Những ngày ở quê nhà, trước năm 1975, tôi thường đến chơi ở nhà cậu Mặc Khải và Nguyễn Thị Thụy Vũ. Dạo ấy Thụy Vũ viết cho rất nhiều tờ báo (chạy nhựt trình mà), ngoài ra chị phải chu cấp truyện ngắn cho một số nguyệt san, bán nguyệt san, tạp chí,... Sức người có hạn, làm sao Thụy Vũ đáp ứng cho xuể. Viết cho nhật báo còn đỡ, nhưng viết truyện ngắn không phải đùa, Thụy Vũ biết như vậy nhưng túng quá, cứ "cắt lát" truyện dài của mình ra từng "khứa" mà giao cho các báo. Độc giả rộng lòng độ lượng, lại dễ tính, bỏ qua, nhưng phàm là người viết cứ cảm thấy áy náy mãi trong lòng về chuyện đó. Tôi nghĩ rằng, đề tài chọn kích thước truyện cho chúng ta chứ ta không thể lấy cái khung truyện để nhốt đề tài vào đó. Ta không thể kéo cái truyện ngắn cho dài ra thành truyện dài rồi kéo mãi thành trường thiên được.

Viết truyện ngắn và truyện dài, dĩ nhiên là khác nhau rồi. Trước tiên về kích thước, viết truyện ngắn dù cẩn thận đến đâu cũng không mất nhiều thời giờ như viết truyện dài được. Đối với truyện ngắn, đề tài có tầm vóc nhỏ hơn truyện dài, ý tưởng bị dồn nén, vừa xúc tích vừa sâu sắc. Cốt truyện có hoặc không có, nhân vật ít, cách diễn đạt của tác giả bị kềm hãm trong cái kích thước nhỏ, cho nên viết truyện ngắn, xem thế mà khó. Nhưng ý tưởng được chuyên chở trong truyện ngắn không vì thế mà nhỏ hẹp, nó tinh túy, có tác động sâu xa và lâu bền trong lòng độc giả.

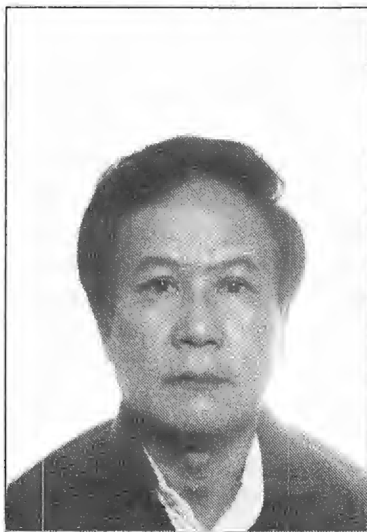
Về phần truyện dài, thông thường thì đề tài lớn lao hơn, có thể là một câu chuyện, một vấn đề của cuộc đời và xã hội. Còn trường thiên thì đề tài lớn lao hơn nữa. Đề tài là một vấn nạn của lịch sử, của kiếp người, có liên hệ với vận mệnh đất nước, đến nhiều thế hệ con người. Kích thước của truyện dài thì đương nhiên dài hơn truyện ngắn rồi. Cốt truyện phải có, nhân vật nhiều, ý

tưởng được trãi rộng và dài, cách diễn đạt của người viết được thả lỏng, thong dong hơn. Tác động của truyện dài trên bình diện rộng và dễ ngấm vào tâm tư của độc giả. Do đó, viết truyện dài, xem vậy, mà không khó như một số người đã nghĩ.

Đây chỉ là vài suy nghĩ của riêng mình, nó chỉ có giá trị tương đối và có thể khác với quan niệm của những người khác. Đối với nghệ thuật, không có một khuôn mẫu nhất định nào cho ai cả. Nếu ai, áp đặt một khuôn mẫu cứng nhắc cho riêng mình đã là không nên rồi, còn cố gắng áp đặt cái khuôn khổ của mình cho người khác là một điều khó chấp nhận được.

Còn chuyện liên hệ của tác phẩm với thực tế. Tôi nghĩ rằng, không có một tác phẩm nào mà có thể tách lìa, không liên hệ một chút gì với thực tế. Không ít thì nhiều một tác phẩm khi ra đời cũng phải thoát thai từ một phần nào thực tế của cuộc sống. Tôi không thể xác định bao nhiêu phần trăm mà thực tế và hư cấu chiếm giữ trong toàn bộ tác phẩm của tôi. Tỉ lệ của hai phần này thay đổi theo từng tác phẩm. Có khi thực tế chiếm phần ưu thế có khi tham dự một cách khiêm nhượng. Tôi nghĩ rằng, thực tế và hư cấu không phải là hai phần riêng biệt mà chúng nằm trong một thể thống nhất. Một tác phẩm phải có thực tế và hư cấu hổ tương nhau, đan nhau, xoắn xít lấy nhau. Đối với tôi, thực tế là một ngòi nổ phát lệnh, báo hiệu và kéo hư cấu vào chung cuộc. Toàn bộ tác phẩm của tôi đều bắt nguồn từ thực tế ngoài đời rồi sau đó hư cấu chọn lọc, sắp xếp lại thành ra truyện. Không có thực tế thì không có truyện. Không có hư cấu thì cũng không có truyện. Lúc đó thực tế chỉ là một bản tin trên báo. Do đó, tôi không nghĩ đến chuyện phân tích xem phần nào quan trọng hơn.

Văn chương là một tấm gương tốt để phản ảnh tất cả những gì xảy ra trong thời đại mà tác giả đang sống. Những dữ kiện, ưu tư của con người trong xã hội, những chuyển biến của thời thế, sắc thái của một thời kỳ lịch sử đều được đưa vào văn chương một cách tất yếu.


Trần Văn Nam, 1995

TRẦN VĂN NAM

Tên: Trần Văn Nam

Sinh ngày 18 tháng 11 năm 1939 tại Bến Tre (làng Tân Thạch, huyện Trúc Giang)

Khoảng năm 1946 theo mẹ đến Nha Trang. Học tiểu học tại Nha Trang và Tháp Chàm (tỉnh Ninh Thuận).

Cha kế làm nghề hỏa xa nên các năm trung học thay đổi trường thường xuyên, khi Nha Trang, khi Sàigòn. Năm cuối trung học ở trường Võ Tánh Nha Trang (lớp Đệ Nhị năm 1958) và Chu Văn An Sàigòn (lớp Đệ Nhất băm 1959)

Học Đại Học Văn Khoa Sàigòn (1961-1964). Tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm, Sàigòn (1967). Trở lại Đại Học Văn Khoa Sàigòn năm 1973 (Cử nhân Triết Tây phương 1973).

Dạy học tại miền Tây: Cần Thơ, Sađét, Vĩnh Long, Kiên Giang.

Đến Hoa Kỳ cuối năm 1981. Định cư tại Virginia rồi California.

Có vài bài văn thơ đăng rải rác trên vài tạp chí ở Sàigòn trước 1975 và ở hải ngoại, đáng kể là các bài "Văn Chương Tìm Về Viễn Mơ Hay Hiện Thực" (tạp chí Vấn Đề, Sàigòn); "Văn Chương Là Văn Chương" (tạp chí Trình Ba6ỳ, Sàigòn); "Văn Học Hải Ngoại Như Một Món Quà Cho Quê Hương" (tạp chí Văn Học, California). Thơ đăng nhiều nhất trong tuần báo Dân Chúng của Nguyên Sa (liên tục vào năm 1988-1990) và trên tạp chí Văn của Mai Thảo (trên 50 bài thơ)

Khái quát những khuynh hướng trong thơ mình:

I. Những bài thơ tình trộn lẫn với chủ đề về âm nhạc, chủ yếu là thơ tám chữ. Đã xuất bản các bài ấy thành tập, nhan đề "Một Đêm Cho Thơ, Tình Và Âm Nhạc", do nhà xuất bản Đời ấn hành 1991.

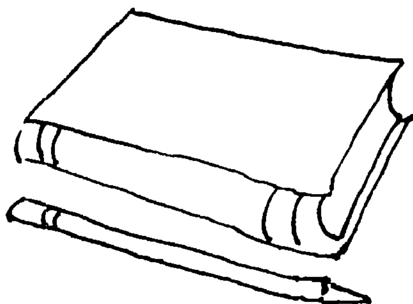
II. Khuynh hướng thứ hai: Sách vở như một nguồn cảm hứng (gồm những bài thơ văn xuôi giống như các huyền truyện văn ảnh, cảm hứng từ triết học.) Đã đăng trên tạp chí Thời Tập hải ngoại năm 1990-1991. Và gồm những bài thơ cảm hứng từ những khám phá vật lý thiên thể (cũng do đọc sách báo). Đã đăng trên tạp chí Văn.

III. Khuynh hướng thứ ba: Đời sống thường nhật như một nguồn cảm hứng. vận dụng tâm hồn, để thi hóa hoặc làm nổi bật khía cạnh thơ vẫn còn thấp thoáng trong cái buồn nãn đầy tính kỹ nghệ ở các thành phố lớn (gồm những bài thơ lục bát đăng trong tạp chí Văn).



KIM THI

ngày... tháng...



Ngày 10 tháng 9, 1996

Trại cấm Sikiu ngày... tháng... nă 1996

Thưa ông bà,

Hôm nay trong tâm trạng quá đa buồn, con mạo muội gửi theo lá thư nà lời khấn nguyện, cầu xin ơn trên đán động tấm lòng nhân từ của ông bà, dàn chút thì giờ quí báu để xem qua bức thư cầu cứu của gia đình con, hiện nay đan rơi vào hoàn cảnh tuyệt vọng.

Kính thưa ông bà, tại Việt Nam chồng con bị kết tội hoạt động chính trị v bị án tù tám năm. Anh ấy vượt ngục, trốn về Kiên Giang sống ẩn náu ở nh người cô ruột. Khi hay tin và liên lạc được với chồng, con lén lút bán hết tà sản rồi đưa năm đứa con xuống dưới ấy. Cả gia đình tìm đường vượt biên. Bọ con đi ngã Kampuchia qua Thái Lan. Cùng với người dẫn đường, băng rừn suốt chín ngày đêm. Vì có cháu nhỏ nên hành trình hết sức gian nan. Lúc sắ đến biên giới Thái Lan thì chẳng may bị lính Pon Pốt phát hiện. Chúng tra tấn đánh đập mọi người để khảo của. Tất cả của cải mang theo bị chúng lấy sạcl Cuối cùng chúng bịt mắt tất cả trói vào gốc cây. Riêng con và đứa con gái 1 tuổi chúng lột trần thay phiên nhau hãm hiếp. Con quì lạy xin tha cho chá nhưng chúng vẫn tiếp tục hành hạ cho đến khi cháu hôn mê. Con đau đớn quá ngất xỉu lúc nào không biết. Mãi đến lúc trời mờ sáng, con tỉnh dậy thì chá không còn sống nữa. Cả thân xác cháu đẫm đầy máu, bị vất vào góc rừng. Co ôm xác con, đứt từng đoạn ruột. Con cố gắng lê lết mở trói cho cả gia đình rồ cùng chồng khiêng cháu tìm nơi an táng. Vợ chồng con đã trút biết bao nhiê nước mắt cho đứa con xấu số, đã chết một cách đau đớn ê chề.

Tưởng đến được bến bờ tự do là đổi được số phận. Nhưng rồi lại bị lùa vào trại cấm, bị giam giữ giữa bốn bức tường cao chăng đầy kẽm gai. Vì hoàn cảnh thân cô thế cô, không có thân nhân, lại thêm gian đình đông miệng ăn, chồng con phải tìm cách mưu sinh. Anh xin được phần nửa nhà cầu và quét dọn vệ sinh trong khu trại, hoặc bất cứ việc gì được thuê mướn, để hàng tháng quyên góp mỗi người vài lon gạo, tí mắm muối, bán đi phụ thêm vào khẩu phần hết sức ít oi thường không đủ no. Cuộc sống vô cùng cơ cực, tuy vậy chúng con vẫn cố vượt qua. Vợ chồng con không ngại dầm mưa dãi nắng, không sợ tủi nhục khinh khi, vì vẫn hy vọng sẽ nhìn thấy lối thoát, con cái sẽ có cơ hội học hành, cuộc đời chúng sẽ no đủ hạnh phúc, trời cao có lẽ không nỡ phụ rẫy thành tâm của chúng con. Bao gian khổ đã trải qua không ngoài mục đích sẽ có một ngày nhìn thấy tương lai những đứa con sáng lạn. Vì tương lai chúng, nếu phải trả giá thêm nữa chúng con cũng cam lòng chịu đựng.

Nhưng ông bà ơi, có ngờ đâu thảm kịch lại một lần nữa đổ ập xuống, và nó quá lớn. Mấy tháng nay chồng con bị bệnh, bàn chân mặt sưng phồng, ngày đêm đau nhức. Đưa đến bệnh xá điều trị không lành, người ta phải chuyển ra bệnh viện Korat. Đến ngày định kỳ được phép ra thăm chồng, anh ấy cho biết bàn chân đã được giải phẫu, nhưng vết thương vẫn không lành. Buổi trưa bác sĩ trưởng khu kêu con lên văn phòng, ông cho biết chồng con bị ung thư xương. Nếu muốn ngăn chận bệnh thì phải cưa bỏ một chân, không còn cách nào khác. Nghe xong, người con rã rời, kiệt lực, và ruột gan như có ai lôi ra băm nhỏ từng đoạn. Con ngồi lặng trên ghế mà nước mắt tuông trào. Buổi chiều đưa các con trở lại trại, trên đường đi con như ngồi trên than hồng. Nghĩ đến gánh nặng gia đình từ nay một tay con lo liệu, bởi vì anh ấy đã thành phế nhân. Nghĩ đến các con từ năm năm nay bữa đói bữa no, xanh xao ốm yếu, không hiểu chúng đủ sức chịu đựng nổi thảm họa sắp đến mà con biết còn khổ gấp nhiều lần hơn.

Chuyện chồng chưa giải quyết ổn thì vừa về đến nhà, hỡi ơi đứa con gái út Mỹ Tiên sáng nay con gửi cho người bạn chung trại để đi thăm chồng, trong lúc nô đùa chạy chơi với bạn đã vấp ngã vào chảo dầu người hàng xóm đang chiên bánh. Thân hình cháu bị lột từ mặt tới bụng. Cháu bị sốt cao và được chuyền nước biển ngày đêm. Theo lời bác sĩ chẩn đoán, đôi mắt cháu bị hỏng hoàn toàn, nếu qua khỏi, cháu cũng sẽ thành người khuyết thị!

Ông bà ơi, để dành giật sự sống cho cháu, tất nhiên ngoài thuốc men, con phải có tiền để mua tí sữa, tí đường, tí thực phẩm bồi bổ. Nhưng hoàn cảnh của con hiện tại hoàn toàn tuyệt vọng. Mỗi trưa , mỗi chiều con phải chạy xin hàng xóm ít nước cơm pha với muối cho cháu uống. Chế độ dinh dưỡng ấy dĩ nhiên khó có thể phục hồi sự sống cho cháu. Nhìn con, rồi nghĩ đến chồng, ngày con ăn không thấy ngon, tối con ngủ không yên giấc, đầu óc lùng bùng trăm mối âu lo. Bà con trong trại thường bảo con có nhiều triệu chứng không bình thường. Họ thì thào nếu tình trạng này kéo dài, con không đủ sức chịu đựng nổi, trở nên mất trí thì các cháu sẽ ra sao.

Ông bà ơi, con không biết phải kêu cầu cùng ai để xin cứu giúp gia đình con trong tình cảnh này. Người ta cho con địa chỉ tờ báo của ông bà, con đánh liều viết thư này gửi đến tòa soạn để mong được cứu. Xin ông bà chỉ nhiệm đăng lá thư này lên báo giúp con... Con chấp tay quì gối van bà con cô bác đồng hương đang sống ở hải ngoại đói thương đến cảnh ngộ của con, nếu được quí đồng hương lưu tâm cứu giúp thì con nguyện suốt đời ghi tâm khắc cốt ơn sâu nghĩa dày này. Xin trời cao chứng giám cho lời thề này của con. Một miếng khi đói bằng một gói khi no. Cháu Mỹ Tiên cần một giọt sữa, một quả trứng, để có thể qua khỏi cơn thập tử nhất sinh...

Con kính thư

Võ Ngọc Bích Thủy.

---

* *Tái Bút: Ông bà và quí đồng hương giúp gì cho con, xin gửi về địa chỉ:*

Rev. Peter Namvong
C/o Võ Ngọc Bích Thủy PST 4415 C 3 10
P.O.Box 220 Nakhon Ratchasima 30.000
Tháiland

Trên đây là một trong khá nhiều thư tòa soạn vẫn nhận được từ các trại tị nạn. Trong điều kiện khả hữu, tòa soạn cố gắng tự giải quyết hoặc vận động anh em bè bạn tương đối có khả năng chia nhau giải quyết. Nhưng, những hạt muối nhỏ bé này sẽ tan biến nhanh chóng vào đại dương. Vì thế Kim Thi quyết định công khai lá thư lên mặt báo như yêu cầu của người viết, những mong độc giả lưu tâm.

Thảm kịch thuyền nhân, bộ nhân. Đời sống khốn cùng của họ ở các trại tị nạn, nhiều năm nay hẳn không còn là chuyện lạ. Nhất là đối những độc giả từng đến các quốc gia định cư qua con đường ấy. Cho nên Kim Thi nhận thấy không cần phải viết nhiều. Vả, tự thân lá thư đã quá đủ cho một lời kêu cứu bi thiết.

Độc giả nào nhận thấy có khả năng giúp đỡ, xin hãy liên lạc trực tiếp với bà Bích Thủy theo địa chỉ ghi trên (Lưu ý: Do nhiều lý do tế nhị, Kim Thi không nhận "chuyển thư").

Ngày 7 tháng 9 năm 1996

Được nhà thơ Khế Yêm tặng tờ tạp chí *Thơ* số 7, đặc biệt kỷ niệm đệ tam chu niên.

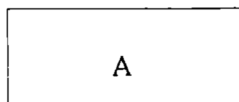
Sau đây là bốn bài thơ tiêu biểu của số chủ đề này (Kim Thi không đánh lại, vì, thứ nhất, có thể sai trật, thứ hai, cái còm bu tờ của Kim Thi chưa chắc

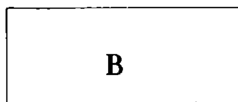
đã có những loại "chữ" này. Vả, nếu có, cầm chắc Kim Thi không biết sử dụng cách nào. Tiện nhất, cứ cắt nguyên con, dán vào, vừa tiện, vừa chính xác 100%):

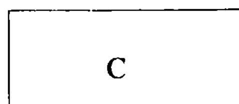
THƠ

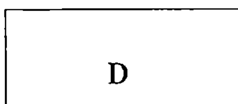
Đỗ Kh.

Bốn Sợi Lông Của Cùng Một Người Đàn Bà









Lời chỉ dẫn

1. Lấy 4 sợi lông
2. Lấy 4 băng keo
3. Dán vào.

Khế Iêm

TV Ký

Bud weis er

Cách dùng:

• Đọc theo âm kêu của ễnh ương (*Bợt wais ờ*). Tước đoạt nghĩa của chữ, cả đen và bóng. Lập đi lập lại để nảy sinh hình và ý.

BỨU ẢNH CỦA NGƯỜI ANH Ở MỸ

Nguyễn Đăng Thường

VENIZIA
Piazza s. Marco
Place S. Marco
S. Marco Square
Markusplatz

Venise 4.5.96

Anh đã qua Amsterdam, sang Rome đi vòng nước Ý (Naples, Capri, Florence, Venise, đến Milan) rồi sang Paris. Vui, nhưng mệt. Sang Pháp 1 tuần rồi về.

Anh có được thơ chị Ba, Khoa nói nhà ở Võ Tánh bán rồi, coi bộ nó phiền, không biết làm sao.

Chị Hai khóc, không có gì lạ. Cầu trời cho chú mạnh khoẻ luôn. Anh già rồi, đi 1 vòng cho biết.

Ráng sống khoẻ anh mừng.

Đạo

```
*******   *******
*  500*   * 750 *
*     *   *     *
*     *   *     *
*******   *******
```

ITALIA

Mr Nguyễn Đăng Thường

11 Delvino Road

London SW6 4AE

England

O K
SPEDISCI
QUALITA'

208 - ed. g. F. Zerella VE - Tel. 520.57.

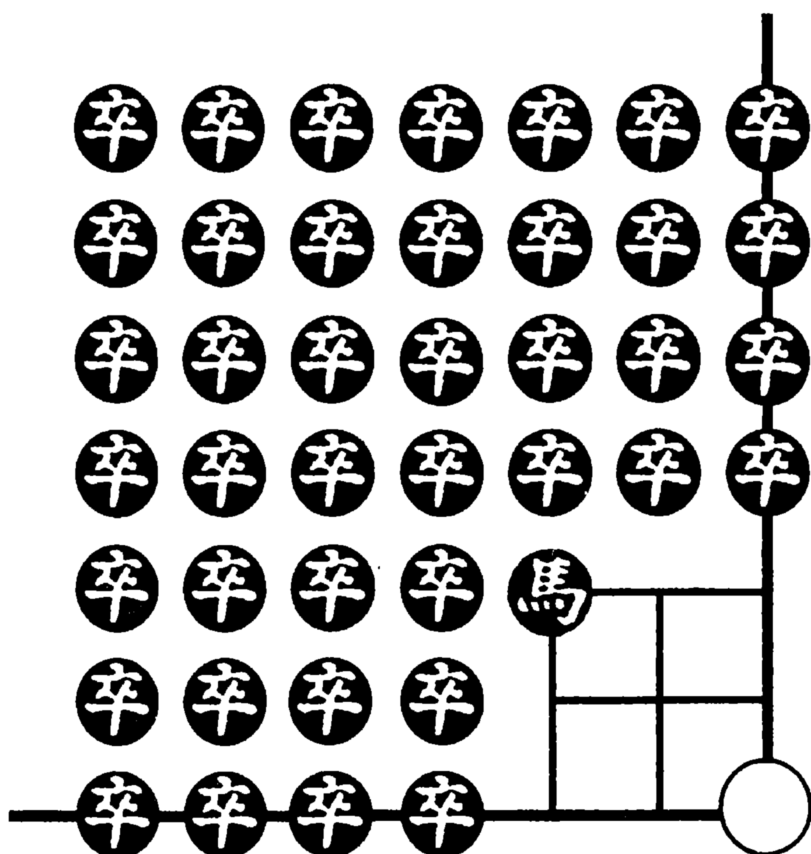
Chú thích

Nhà nước luôn luôn hờm sẵn để niêm phong nhà của việt kiều "vắng mặt", cho thân nhân tại chỗ dọn vào, rồi bán nhà "tham lý" cho cán bộ.

THƠ

Nguyễn Hoàng Nam

Những Ngày Vô Cảm



Tuần trước, nhân một buổi họp mặt "văn nghệ". Quây quần là những khuôn mặt lớn bé trong giới viết lách. Chuyện trò loanh quanh một lát cũng đến chuyện thơ. Và dĩ nhiên, những bài thơ trên được đem ra mổ xẻ. Đa phần, giống Kim Thi, thủ khẩu như bình. Vài anh nặng lời: Bọn lập dị, cố tỏ ra khác người để được chú ý.

Mãi hôm qua Kim Thi đi trám răng, trong lúc ngồi chờ đến phiên mình, để giết thời giờ, Kim Thi vớ đại một tờ báo biếu, đọc lăng quăng. Báo chí trên xứ sở này coi bộ "trọng lượng" gớm, cầm trĩu cả tay. Dở ra, lật tới lật lui, tìm mãi thỉnh thoảng mới thấy được một hai trang chữ, nằm lẫn khuất đâu đó giữa rừng quảng cáo xanh đỏ tối mày tối mặt. Một trong những trang chữ này là một bài thơ, dài thậm thượt, được đóng khung trang trọng, với tên tác giả in chữ lớn, cũng trang trọng không kém. Đọc xong bài thơ (phải thú thật là Kim Thi đọc nó trong tinh thần của lính nhảy dù: cố gắng!) Kim Thi chợt phát hiện ra một điều: dễ chừng đã vài chục năm nay, trên hầu hết các diễn đàn chữ nghĩa, từ thấp đến cao, từ trong ra ngoài, Kim Thi đã đọc không biết cơ mang nào những bài thơ đại loại như thế: anh yêu em; em yêu anh; anh nhớ em; em nhớ anh; quê hương lầm than khốn khổ; thân phận loại loài xứ lạ; chiều buồn trên phố Bolsa; ngày mai sạch bóng quân thù; cờ bay trên quê hương sau mùa giải phóng... Vần, không vần, cổ điển, tân kỳ, tự do, niêm luật... Đủ cỡ, đủ kiểu. Nhưng nếu có ai hỏi: trong cơ mang những bài thơ ấy, có bài nào còn đọng lại trong đầu không? Thì Kim Thi phải thật thà nhận rằng: không! Chẳng những không, mà đôi lúc còn phải vọt miệng văng tục, vì ngấy, vì ớn, vì không thể nào chịu nổi tình trạng nhai lại (của mình và của người) những cái đã khô queo thành bã.

Kim Thi bỗng nhớ những bài "thơ" của bốn tay cột trụ của tạp chí *Thơ* vừa trích dẫn bên trên. Và Kim Thi bật cười, thích thú. A, té ra là thế, hay, dở, chưa cần biết, chỉ thấy rằng những ông thi sĩ này đã tạo cho Kim Thi (và có lẽ cho nhiều độc giả khác) một tiếng cười, sảng khoái. Trong nghĩa nào đó, nếu thi ca không làm nhiệm vụ của một thứ *"Bình Ngô Đại Cáo"* (muốn làm được nhiệm vụ ấy, không phải chuyện dễ, nếu không đủ tài đủ sức tri hành hợp nhất như Nguyễn Trãi) thì cũng giúp độc giả thoát được trạng thái âu sầu sướt mướt vốn dĩ đã tồn tại trong sinh hoạt thơ ca của chúng ta hàng nghìn năm nay. Từ hàng nghìn năm nay, khi nói nói đến thơ là y như rằng chúng ta đều mặc nhiên hiểu ngầm: đã là thơ thì phải mông lung, thơ mộng, trầm buồn, thở than, kể lể. Đã là thơ thì chữ nghĩa phải lấp lánh, ý tứ phải huyền ảo. Kim Thi không cho quan niệm ấy sai, nhưng Kim Thi không nghĩ rằng đó là một định đề bất biến. Nếu thi ca có thể làm cho ta buồn thì thi ca cũng đủ khả năng giúp ta vui. Và ngôn ngữ thi ca không nhất thiết phải như vừa kể, thậm chí có thể cực đoan hơn, triệt để hơn, như Khế Iêm đã làm, Nguyễn Hoàng Nam, Đỗ Kh., Nguyễn Đăng Thường đã làm. Bởi chưng, ngôn ngữ, chữ viết là phương tiện để các thi sĩ bộc lộ nội tâm của mình, thì cớ chi không cho phép họ - các thi sĩ - kiếm tìm những phương tiện khác? Những sợi

lông của Đỗ Kh., cái bao thư của Nguyễn Đăng Thường, những con cờ của Nguyễn Hoàng Nam, xét cho cùng cũng chỉ là những phương tiện, như chữ viết, có nhiệm vụ chở đến người đọc tư duy của họ.

Còn chuyện "chở" được hay không, lại là chuyện khác. Cái này tùy thuộc vào tài năng của tác giả. Trong một đoạn viết ở số trước, Kim Thi có nói đến ký hiệu sử dụng trong hội họa. Và chúng ta ai cũng thuộc câu nói này của người xưa: *thi trung hữu họa*. Trong dòng chảy của thi ca nhân loại, nói chung, Việt Nam, nói riêng, hình như đến thời điểm này, hai bộ môn nghệ thuật vừa nêu: thơ và họa, đã xích lại gần nhau, chẳng khác gì "môi với răng"! Thơ bây giờ, như Khế Iêm lý luận, không còn vụ vào chữ, nghĩa là kẻ làm thơ phải "tước đoạt nghĩa của chữ, cả đem lẫn bóng", để bài thơ có thể đến trực tiếp với người đọc, không qua trung gian là chiếc cầu ngôn ngữ. Quan niệm này dĩ nhiên cực đoan thái quá, tuy nhiên vẫn phải xem như là một quan niệm đứng đắn, cần tìm hiểu cặn kẽ và cần nhiều tư duy thấu đáo, ở cả hai phía: người làm thơ và người thưởng ngoạn thơ, hầu đưa thơ ca đến một bến bờ khác.

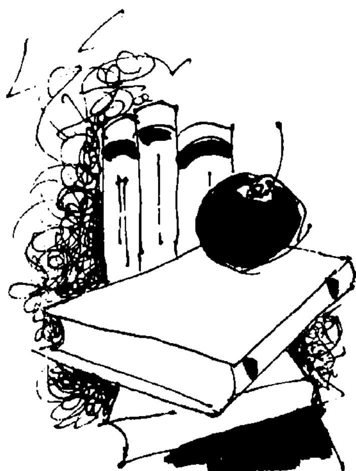
Bến bờ đó biết đâu là sơn cùng thủy tận, cũng biết đâu là mênh mông đất trời hoành tráng. Kim Thi không biết, nhưng Kim Thi yêu lắm công việc họ đang làm. Bởi họ là những người đang đi. Đích đến sẽ thế nào, chưa cần biết, chỉ biết họ đang đi. Với Kim Thi, đi là sống, là tồn tại, là có mặt. Đi là một biểu hiện hùng hồn nhất cho sự hiện hữu của con người trên mặt đất già nua lạnh lẽo này.

KIM THI



HỢP LƯU

giới thiệu sách mới



TUYỂN TẬP VĂN HỌC NGHỆ THUẬT LIÊN MẠNG, Phạm Chi Lan chủ biên, tranh bìa Chinh, phụ bản Đinh Cường, Chinh. Dày 346 trang. Giá 7MK. Liên lạc: *Văn Học Nghệ Thuật e-magazine*. P.O.Box 452512, Garland, TX 75045-2512. USA.

Gồm rất nhiều sáng tác được chọn lọc từ những số báo Văn Học Nghệ Thuật phát hành trên liên mạng (*vhnt@saomai.org*), tập san văn chương giới thiệu trong và ngoài hệ thống internet về sinh hoạt văn học của giới trẻ VN trên toàn thế giới.

Bài vở rất phong phú và đầy sinh khí. Ấn loát mỹ thuật, sáng sủa. Giá rẻ "như cho".

Đây là một hy sinh lớn của những người trẻ thật sự tha thiết với văn học nghệ thuật VN. Bởi ai cũng thấy, với ấn loát như vậy, đề giá như vậy, số trang như vậy, dù thử giả thiết bán hết 1.000 cuốn đã in, chắc chắn nhóm chủ trương vẫn không thể nào lấy lại đủ 1/2 phí khoản bỏ ra.

Độc giả muốn mua tuyển tập này (rất nên mua), xin liên lạc qua địa chỉ email: *vhnt@saomai.org* hoặc: *Văn Học Nghệ Thuật e-magazine*. P.O.Box 452512. Garland, TX 75045-2512. USA.

TỬ TÙ TỰ XỬ LÍ, hồi ký Trần Thư. Bìa Khánh Trường, Văn Nghệ xuất bản. Dày 336 trang. Giá 15MK, ngoài Mỹ thêm 2MK. Địa chỉ ở quảng cáo trang bìa 3 *Hợp Lưu*.

"Tôi viết cuốn hồi ký này vì nghĩ rằng mình đã may mắn được sống những hoàn cảnh mà ít người được sống". Trong lời nói đầu, tác giả đã viết như thế.

Nhưng tác giả là ai?

Năm 1967, là thiếu tá QĐND, Trần Thư ở trong số hàng trăn người bị phe Lê Duẩn - Lê Đức Thọ bắt giam, tù đày trong vụ *Xét Lại - Chống Đảng* cùng với Hoàng Minh Chính, Đặng Kim Giang.

Ngoài phần hồi ký của Trần Thư, cuốn sách thêm phần phụ lục gồm nhiều tư liệu, văn thư do chính các nhân vật liên hệ trong vụ án và gia đình họ cung cấp.

Một cuốn sách cầm phải đọc, để biết rõ phía sau hậu trường của chế độ, những lãnh tụ Cộng Sản đã đối xử với các đồng chí của mình như thế nào.

PHẬT PHÁP THỰC HÀNH TRONG CUỘC SỐNG của tác giả Nguyễn Xuân Dũng, Huyền Diệu Hương, Lê Hiếu Liêm, Phạm Công Thiện, Hằng Vang. Viện Tư Tưởng Việt Phật Hoa Kỳ xuất bản. 232 trang. Giá 12MK. Liên lạc mua sách: Việt Phật. P.O.Box 915 Danville, CA 94526. USA.

Phật Pháp Thực Hành Trong Cuộc Sống tóm lược 2.000 trang Phật học của bộ Phật Học Lý Trần Khóa Căn Bản (Năm thứ nhất Cao Đẳng Phật Học) do trường Phật Học Lý Trần chủ biên.

LỤC BÁT BA CÂU, thơ Nguyễn Tôn Nhan, tác giả xuất bản 1996. Saigon, Việt Nam.

Tập hợp 229 bài lục bát ba câu tác giả đã sáng tác từ năm 1990 đến năm 1996.

Như hầu hết sáng tác của Nguyễn Tôn Nhan, trải dài từ trước 1975 đến nay, phong vị đạo vẫn luôn luôn là chủ đề chính. Thử lật đại một trang, đọc:

Om om tiếng chày Kim Cang
Phật Tỳ Na Giá xếp hàng trung tâm
Có ai rống một tiếng gầm

đọc tiếp:

Tình cờ có ngọc Ma Ni
Tâm thân chẳng bợm cái gì nhỏ nhen
Chỉ còn tí chút hờn ghen

Đây là một thi tập nhẹ nhàng, thanh thoát và khơi mở tư duy.

THỨC, BUỒN CHI, thơ Nguyễn Nam An, bìa Khánh Trường, Nhân Văn xuất bản. Giá 14MK. Liên lạc mua sách: Nhân Văn Publishing. P.O.Box 53658, San Jose, CA 95153. USA, hay Mùi Lê. P.O.Box 52644. Irvine, CA 92619-2644. USA.

Tập thơ chia làm ba phần: 1) Thức, buồn chi. 2) Quê nhà, và 3) Lưu lạc.

Đây chỉ là một phần nhỏ trong vô số thơ Nguyễn Nam An đã làm, từ những ngày đầu mới đặt chân lên đất nước này, 1975, đến bay giờ. Một biến

cố, dù nhỏ nhặt nhất, vẫn có khả năng tác động đến tâm hồn Nguyễn Nam An. Anh làm thơ như người ta viết nhật ký, chính nhờ vậy thơ anh có hơi thở của đời sống, có cái buồn cái vui của mọi sự kiện xảy ra hàng ngày.

Trong vô số cái "giả" đang tồn tại giữa cuộc đời này, sẽ quí hiếm biết bao nhiêu khi ta đối diện cùng sự chân thật.

THOẢNG CHÚT HƯƠNG XƯA, thơ Sương Mai, bìa chân dung tác giả chụp bởi Nguyễn Ngọc Hạnh. Phổ nhạc Vũ Đức Nghiêm, Trần Chí Phúc, Linh Phương, Trương Tiến Đạt. Cội Nguồn xuất bản. Giá 10MK. Liên lạc: Bùi Phụng Mai, P.O.Box 59039. San Jose, CA 95159. USA. Tel: 408-289-1252.

Hơn một trăm bài thơ, đủ thể loại, nhưng đa số là thơ tám chữ, được in trên giấy màu tím nhạt, dày.

HOA VẠN HẠT, CUỐI MÙA, tập truyện Hồ Minh Dũng. Bìa Khánh Trường, phụ bản Đinh Cường. Đại Nam xuất bản. Dàu 362 trang. Giá 14MK. Liên lạc: Dainamco, P.O.Box 4279 Glendale, CA 91202. USA. TeL: 818-244-0135.

Trong số những nhà văn đến Mỹ theo diện HO vài ba năm trở lại đây, Hồ Minh Dũng là cây viết hiếm hoi đã giữ vững được phong độ sáng tác của mình một cách đáng ngợi ca.

Hồ Minh Dũng viết mạnh, đều, nhưng không vì thế mà rơi vào sự cẩu thả. Anh chuốt lọc từng câu văn, anh cân nhắt từng dấu chấm dấu phẩy, anh tìm kiếm và suy tưởng cặn kẽ từng vấn đề... Nói tóm, đây là một người thực sự thiết tha với văn chương và bao giờ cũng xem văn chương như bảo vật trân quí. Chúng ta sẽ rất an tâm khi đến với tác phẩm của anh.

Hoa Vạn Hạt Cuối Mùa là tác phẩm đầu tay của Hồ Minh Dũng, dù rằng anh đã đã đến với văn chương rất sớm, và đã thành danh rất lâu, từ trước 1975 tại miền Nam VN. Gồm 20 truyện ngắn, tất cả được viết tại hải ngoại trong vòng ba năm nay, kể từ lúc vừa đặt chân đến California, và đa số các truyện ngắn này lấy bối cảnh từ lịch sử, là những chuyện "thâm cung" xảy ra trong triều đình nhà Nguyễn. Không khí u trầm, lãng đãng khói sương dĩ vãng, những cung tần mỹ nữ, những vì vua quyền uy nghiêng trời lệch đất, những mối tình oan trái, những cái chết nghẹn ngào... Hồ Minh Dũng sẽ đưa độc giả lạc vào một thế giới hoàn toàn khác với cái thế giới, như thông thường, bất cứ một nhà văn đến Mỹ theo diện HO nào cũng thường khai thác: thế giới của tù tội, của các trại học tập cải tạo, của các tay quản giáo "mặt sắt đen sì"...

ĐỊA CHỈ CỦA MỘT NGƯỜI, thơ Lê Bi, bìa Khánh Trường, Tân Thư xuất bản. Giá 15MK. Địa chỉ liên lạc: Tân Thư, P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA. Tel: 714-775-7242.

Dày 226 trang, hơn 200 bài thơ, được chia làm hai phần: 1) Nếu phải tìm mình. 2) Đến khi.

Có lẽ đây là một trong rất ít những tập thơ mà chất lượng của nó không làm độc giả thất vọng. Giữa bạt ngàn "rừng" thơ hải ngoại, hàng tuần, hàng tháng liên tục "mọc" ra vô số "cây" thơ, suốt hai mươi mốt năm nay, đến lạm phát, đến bão hòa, đến các nhà xuất bản không dám nhận in thơ và các nhà sách không nhận bán thơ, độc giả muốn tìm đọc một thi tập theo đúng nghĩa "một thi tập", quả thật hết sức khó khăn.

Nhưng độc giả có thể yên tâm khi đến với *Địa Chỉ Của Một Người.*

Thơ Lê Bi có chất "trí tuệ" của một người luôn suy niệm về lẽ đời, và có chất thơ mộng của một trái tim nhạy cảm:

thơ dịch
Ngạn ngữ: dịch là phản, kẻ yêu thơ thường thấy thơ khó dịch
Làm sao dịch lục bát Nguyễn Du ra ngôn ngữ xứ người
Ngay quanh tôi thiếu gì điều không thể dịch
Như dịch cho đời nghe trăm vạn tiếng mưa rơi.

CÂU THƠ VỀ NGƯỜI, thơ Phan Ni Tấn. Bìa thực hiện trên máy vi tính. Nhân Văn xuất bản. Tựa Luân Hoán, bạt Trang Châu. Dày 130 trang, in trên giấy quí. Giá 10MK. Địa chỉ xin xem giới thiệu thi tập *Thức, Buồn Chi.*

"*Phan Ni Tấn làm thơ dễ dàng nhưng không dễ dãi*" (Luân Hoán), và "*Thơ Phan Ni Tấn là thơ của những gì đã mất: quê hương, bằng hữu, kỷ niệm xưa, đời sống cũ. Do đó ý thơ ngậm ngùi, hơi thơ dằng dặc, nhạc điệu trong thơ u trầm*" (Trang Châu).

Nhận xét của Luân Hoán và Trang Châu về Phan Ni Tấn hẳn không phải chỉ là lời đầu môi chót lưỡi, và thiết nghĩ cũng đã quá đủ, người điểm sách thấy không cần bàn thêm.

Trân trọng giới thiệu thi tập *Câu Thơ Về Người* đến độc giả Hợp Lưu.

HƯ ẢO MỘT VẦNG TRĂNG, Thơ Võ Hoàng Châu. Bìa tranh Nguyên Khai, Hồ Thành Đức trình bày. Gồm nhiều phụ bản màu và đen trắng cũng như nhiều nhạc phẩm phổ từ thơ của tác giả. Giá 10MK. Có thể mua qua bưu điện, liên lạc: Võ Hoàng Châu, 14051 Shirley St., Westminster, CA 92683. USA. Tel: 714-893-0807.

Tác giả tự xuất bản, in trên giấy quí.

NAM QUỐC SƠN HÀ, trường thiên tiểu tuyết lịch sử của Trần Đại Sỹ. Trình bày bìa Khánh Trường. Đại Nam xuất bản. Giá trọn bộ 70MK (năm cuốn). Địa chỉ xem phần giới thiệu *Hoa Vạn Hạt, Cuối Mùa.*

Dày trên 2.200 trang. Nằm trong trường thiên lớn về lịch sử Việt Nam, đã ra được 7 bộ (*Anh Hùng Lĩnh Nam*, trọn bộ 4 quyển, 1318 trang - *Động Đình Hồ Ngoại Sử*, trọn bộ 3 quyển, 886 trang - *Cẩm Khê Di Hận,* trọn bộ 4 quyển, 1305 trang - *Anh Hùng Tiêu Sơn,* trọn bộ 3 quyển, 907 trang - *Thuận Thiên*

Dị Sử, trọn bộ 3 quyển, 909 trang - *Anh Hùng Bắc Cương*, trọn bộ 4 quyể 1254 trang - *Anh Linh Thần Võ Tộc Việt*, trọn bộ 4 quyển, 1334 trang).

AU-DELÀ DES ILLUSIONS, Dương Thu Hương, Phan Huy Đường dị sang Pháp ngữ. Nhà xuất bản Philippe Picquier. Giá 139F. Liên lạc: Mas Vert. 13200 Arles. France.

Cuốn thứ ba của Dương Thu Hương được dịch sang Pháp ngữ, sau *L Paradis aveugles* (nxb Des Femmes, 1991) *Roman sans titre* (Des Femm 1992), có tên nguyên thủy là *Bên Kia Bờ Ảo Vọng*.

Độc giả nào thông thạo Pháp ngữ, nên tìm đọc dịch phẩm này.

HỒI KÝ NGOÀI VĂN CHƯƠNG, Thế Phong, bìa Khánh Trường, Đồ Văn xuất bản. 258 trang. Giá 13MK. Văn Nghệ tổng phát hành: P.O.B 2301, Westminster, CA 92683. USA.

Trước đây trên hai thập niên, độc giả đã từng biết đến Thế Phong q những tác phẩm như *Nhận Diện Vóc Dáng Nguyễn Đức Quỳnh, Nửa Đườ Đi Xuống*, là những tác phẩm nhắc đến một hay nhiều nhân vật trong văn gi với mắt nhìn không thiện cảm, thậm chí hết sức... tồi tệ. HỒI KÝ NGO VĂN CHƯƠNG không nằm ngoài cách viết ấy. Thế Phong hiện sống tro nước.

MẶT TRẬN Ở SÀI GÒN, tập truyện Ngô Thế Vinh. Bìa Nguyễn Đồn phụ bản Nghiêu Đề. Văn Nghệ xuất bản. Giá 12MK.

Gồm 12 truyện ngắn, một nửa viết trước 75, một nửa viết sau 75, thêm của Tạ Ty, "thay lời kết từ" của Nguyễn Xuân Hoàng, và một bài phỏng v của Nguyễn Mạnh Trinh.

Nguyễn Xuân Hoàng cho rằng Ngô Thế Vinh là "nhà văn của những ư mơ, hay nói rõ hơn, nhà văn của lương tâm". Nhận xét ấy rất đúng với ngu cầm bút gốc quân y này.

Trân trọng giới thiệu *Mặt Trận Ở Sàigòn* cùng độc giả.

EM ƠI BIẾT ĐÂU TÌM, tập truyện Kiệt Tấn. Bìa Đinh Cường. An Tiê xuất bản. Giá 12MK. Văn Nghệ tổng phát hành.

Gồm 12 truyện ngắn, một số đã đăng rải rác trên các tạp chí văn chươ hải ngoại trong vài năm trở lại đây.

Chúng ta đã biết đến Kiệt Tấn qua vài tác phẩm nổi tiếng: *Nụ Cười T Trúc, Lớp Lớp Phù Sa, Thương Nàng Bấy Nhiêu*...

Vẫn với lối viết duyên dáng, trích dẫn nhiều ca dao, nhiều bài hát, nhi thơ. Các nhà phê bình văn học vẫn đánh giá Kiệt Tấn là một trong những n văn hàng đầu của văn chương Nam bộ.

MỘT BÔNG HỒNG CHO CHA, tập truyện Võ Hồng. Bìa Đinh Cườn

An Tiêm xuất bản. Văn Nghệ tổng phát hành. Giá 7MK. Ngoài Mỹ thêm 2MK.

Gồm bốn truyện ngắn: *Một Bông Hồng Cho Cha - Nghĩ Về Mẹ - Nửa chữ Cũng Thấy - Đi Trong Bóng Lá.*

"Bốn truyện trong tập này chung sức nhắc nhở chúng ta nhớ ơn sanh thành, làm tròn bổn phận rất gần gũi và cũng rất tự nhiên, khỏi cần lý luận"

Bình dị, chơn chất, thiết tha với chức năng và bổn phận làm người. Có lẽ không có nhóm chữ nào gần và đúng với văn chương Võ Hồng bằng nhóm chữ "văn dĩ tải đạo".

LỘT MẶT NẠ CON THÒ LÒ VĂN HÓA Qua Vụ Án Mười Sáu Triệu, Cửu Long Lê Trọng Văn. Tác giả xuất bản 1996. Giá 14MK (Ngoài Mỹ thêm cước phí phụ trội). Liên lạc mua sách: P.O.Box 710091, San Diego, CA 92171. USA.

Cách đây vài năm, người Việt hảingoại hẳn không lạ gì chuyện kiện cáo giữa nhà văn/bác sĩ Nguyễn Xuân Quang và uần báo Việt Nam Tự Do với hai ông Nguyễn Đức Phúc Khôi (bút hiệu Duy Sinh - chủ nhiệm tuần báo này) và nhà văn/ bác sĩ Nguyễn Đức An (biên tập viên chính thức của VNTD). Kết quả vụ án: tuần báo VNTD bị tòa tuyên phạt mười sáu triệu MK về tội mạ ly cá nhân và làm phương hại đến chuyện làm ăn của ông Nguyễn Xuân Quang.

Cửu Long Lê Trọng Văn không nhìn sự việc qua kết quả ấy, ông muốn đi sâu hơn vào những uẩn khúc sau bề mặt tưởng đã minh bạch kia..

PÉTRUS TRƯƠNG VĨNH KÝ TUYỂN TẬP, Cửu Long Lê Trọng Văn,. Tác giả xuất bản. Giá 14MK (ngoài Mỹ thêm cước phí). Liên lạc địa chỉ ghi trên.

Độc giả sẽ lầm nếu thoạt đọc qua nhan đề của cuốn sách, vì nghĩ đây là một tuyển tập gồm những bài viết của Trương Vĩnh Ký.

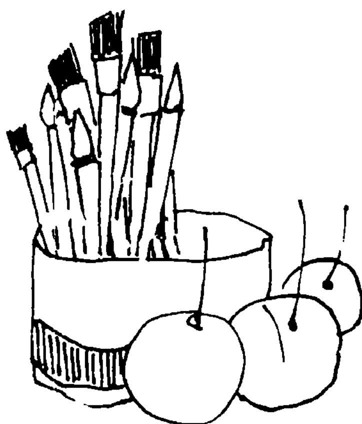
Sự thật cuốn sách "gồm bốn cây viết miền Nam, một người viết là Bắc và một người viết nữa là Trung" viết về Trương Vĩnh Ký.

Việc tranh luận về Trương Vĩnh Ký, mãi đến hôm nay vẫn chưa ngã ngũ. Phe bênh, thì cho rằng ông là một học giả lỗi lạc, góp công lớn triển khai chữ quốc ngữ trong buổi đầu chập chững. Bên chống thì kết luận rằng ông là người của thực dân Pháp, do Pháp đào tạo và tất cả việc làm của ông chỉ nhằm mục đích phục vụ "đại Pháp". Nói gọn: ông là một thứ tay sai không hơn không kém.Cho nên theo Lê Trọng Văn, "tuyển tập này ra đời chỉ có mục đích là chấn chỉnh lại nhận định của một số người về Pétrus Trương Vĩnh Ký, người mà trước đây đã được cả một guồng máy tuyên truyền, đánh bóng quá nhiều".

HỢP LƯU



với văn hữu và bạn đọc



THƯ VĂN HỮU, BẠN ĐỌC

choáng váng mặt mày...

... Đọc kỹ bìa báo, ta thấy choáng ván mặt mày! Chỉ muốn lôi cổ tay chủ biên r "đục" một trận cho đã tức vì cái tội cẩu thả ĐẶT BIỆT, trời ạ, lại nằm ngay trang bì mới chết cha không chứ!!!

....

Lại đọc đến trang 172, câu: "Anh cườ khẩy một mình, thòng thêm một câu bằn tiếng Anh *off course*". Ta mới chống cằr suy nghĩ, *off course* là con mẹ gì vậy cà Theo ta biết, *off course* có nghĩa là trật đường rầy, đi lạc. Lẽ ra phải là c *course* (nghĩa là *dĩ nhiên*) mới đúng ý tác giả chứ. Chẳng biết ông NNT ẩ hay người đánh máy thừa thì giờ đánh thêm một chữ f phía sau chữ of?...

NHV (Chino Hills, CA

Chẳng cần bạn ta lôi cổ hắn ra "đục". Báo in xong, hắn cầm lên, đọc, đã t trừng phạt bằng cách cụng đầu vô tường mấy cái nên thân rồi! Kiểm lại, hắ thấy hầu như số nào cũng có lỗi chính tả ngay trên trang bìa, không mặt trướ cũng mặt sau. Ôi chao, khổ!

Từ số ra mắt đến nay, HL đã đổi tổng cộng năm nhà in, chỉ vì những cái lỗ động trời như thế. Nhà in đầu, khi thì tự tiện cắt bớt phân nửa cái logo HL, kh thì cho quảng cáo sách ở bìa sau... lộn ngược đầu. Nhà in thứ hai, màu nơ một đường chạy ra một nẻo. Nhà in thứ ba chuyên sắp lộn trang, nhà in thứ t ra kẽm không đều, trang đậm trang nhạt trông không giống ai. Đến nhà in th

năm, tuy mọi cái khá hơn nhưng khổ nổi chuyên viên phân màu là một anh bạn trẻ, tiếng Anh sỏi hơn tiếng Việt, lại chê máy Laser Printer của HL ẹ quá, chữ không bén, bèn đánh máy lại, "cho sắc sảo đẹp mắt". Mà đánh máy lại thì cầm chắc sai nhiều hơn đúng. HL số 27 (tháng 2 & 3, 1996) bìa trước, hàng chữ Tập San Văn Học Nghệ Thuật Biên Khảo *anh ta đánh lại thành* Tập San Văn Học Nghệ Thuật Biên Thảo. *Và còn bao nhiêu lỗi linh tinh nữa ở những số trước, như* Hà Thúc Sinh *thành* Hà Trúc Sinh, nhà văn nhà thơ *thành* nhà văn thơ, Thư Gửi Bạn Ta *thành* Thư Gửi Bạn Thân, *nay thì* ĐẶC (C) BIỆT *thành* ĐẶT (T) BIỆT...

Riêng of *thay vì* off *quả do bất cẩn. Truyện ngắn ấy tòa soạn nhận qua email. Vẫn đinh ninh tác giả đã "thừa cẩn thận" trước khi gửi đi, nên tòa soạn không lưu ý lắm đến phần hình thức, chỉ chú trọng nội dung.*

Thông thường, tay chủ biên phải kiểm soát lần cuối trước khi lên máy. Nhưng thì giờ của hắn eo hẹp quá, nhà in lại xa, chỉ có thể bốc điện thoại kiểm tra... hàm thụ. Kết quả: mỗi lần lấy báo về là mỗi lần hắn khóc ròng! Đành mong bạn và độc giả tha thứ. Tự hậu, hắn sẽ cố thu vén giờ giấc ghé qua nhà in ít nhất một lần, trước khi "mọi sự đã rồi".

Nhân đây, còn một lỗi trầm trọng nữa, cũng do bất cẩn, xin độc giả đính chính hộ:

Trong bài Văn Minh Thịt Chó *của Vành Khuyên và Nhược Trần, ở trang 91, bốn câu:*

> "Nhà trống ba gian,
> một thầy một cô một chó cái.
> Học trò dăm đứa,
> nửa người nửa ngợm nửa đười ươi.

là của Cao Bá Quát *chứ không phải của* Nguyễn Bỉnh Khiêm *như hai tác giả viết. Tòa soạn đã thấy sai trật này khi đọc bài, nhưng lúc đưa cho nhân viên đả tự, lại l i, nghĩ, khi nào lay-out sẽ sửa luôn một thể. Để rồi quên bẳng! Một lần nữa, thành thật xin lỗi độc giả. Thân mến.*

All Asian Staff! Open All Night!

Tôi mới đọc xong bài của Lê Thị Thấm Vân trên HL số mới. Nhờ feminism, nhờ những nhận xét liên quan đến vấn đề chủng tộc, cô Vân đã nêu lên được nhiều điều mà người Việt trước đây ít để ý tới. Cô phàn nàn về "*Những vị cứu tinh... đóng vai hoàng tử đánh thức cô bé lọ lem Việt Nam đều là đàn ông nước ngoài*". Khổ thay, đây lại là cái cốt truyện "standard" của rất nhiều phim Hollywood: một thằng Mỹ trắng đến một nước nhược tiểu; thường thì thụi, giết đàn ông nước đó; vồ được một con đàn bà "native", đè xuống, rước về nước (hay bỏ lại, không rước về nước). Cái "plot" này bắt đầu

từ *Madame Butterflay*, và *Miss Saigon* chỉ là một "spin-off".

Vì lính Mỹ tham dự rất nhiều vào những cuộc chiến tranh ở châu Á trong thế kỷ này (Phi Luật Tân, Nhật, Đại Hàn, Việt Nam), chuyện đem đàn bà con gái phục vụ cho người Mỹ đã trở thành một... truyền thống của Á châu. Và ngược lại, đàn bà Á châu được nhập cảng vào Mỹ, cũng trở thành... truyền thống. Ở thành phố nào cũng có rất nhiều động mát-sa với những tên như "Oriental Health Spa", "Chopstick Spa", "Hong Kong Spa", "Bangkok Spa", "Tokyo Spa", Japan Spa",... All Asian Staff! Open All Night!

ĐL (PA)

- Không phải người Việt ít để ý tới. Những ai còn chút lòng tự trọng, đều đã để ý tới. Nhưng để viết thành chữ, rất ít. Có lẽ những vị cao niên lo bận bịu với chuyện lập hội, lập đảng, lập thuyết, phân chia chiến tuyến cho rạch ròi để giữ vững thành trì chống cộng, và xúi người khác dựng cờ cứu nước. Bọn trẻ thì ú ớ tiếng Việt, vả, cái đất nước xa xôi ấy, nếu còn chăng trong ký ức họ, cũng chỉ là một nơi chốn hết sức mù mờ, như hư như ảo, không đủ hấp lực để quan tâm.

*Quả thật như anh nói, coi ba cái phim Mẽo này nhiều khi tức ói máu. Những anh hùng nhãn hiệu USA ấy dường không nhảy xổ vào đất nước người ta, một mình một ngựa tả xung hữu đột, đánh đấm xôm trò. Để rồi sẽ có một em bản xứ động lòng trước hình ảnh hào hùng của chàng (*run như run thần tử thấy long nhan*), trở cờ theo chàng, làm nội tuyến giúp chàng "trừ gian diệt bạo". Cuối cùng sẽ đưa đến một đoạn kết thương tâm: vì cứu chàng, em sẽ bị bắn nát thây, hoặc bị đâm lòi phèo, gục chết trên tay chàng. Hoặc* happy ending *hơn: chàng sẽ lại một lần nữa cứu được em, đưa em thoát vòng lửa khói, mang về Mỹ, cho hưởng chút không khí tự do no ấm! Từ phản bội đến làm tay sai, những mong sẽ được nâng khăn sửa túi một trượng phu Hoa Kỳ, thân phận đàn bà nhược tiểu sao mà nhẹ ký đến vậy! Chưa kể cái cách mô tả "phe địch" (lũ nhược tiểu châu Á) của bọn viết kịch bản và đạo diễn: man di, mọi rợ, tàn bạo, hèn nhát đến không còn nhân cách và nhân tính. Ông Bùi Bảo Trúc dẫn lời một nhà văn Mỹ gốc Nhật, từng nhận xét: phim ảnh Mẽo đã biến đàn ông con trai Á châu thành những anh... lại cái ráo trọi. Quả không sai!*

Thay mặt LTTVân, cảm ơn sự khích lệ của bạn, nói riêng, của nhiều văn hữu độc giả khác: TDN (Boston), PTV (Canada), NVT (Canada). HVH (Texas), NTHV (Pháp), TNT (Đức), HN (Việt Nam)..., nói chung.

Dùng thuần tiếng Việt hay chêm thêm ngoại ngữ...?

... Đọc HL số 30, có một số điều làm tôi suy nghĩ:

1... Quí báo chủ trương cố chuyển sang Việt ngữ những câu (hay từ) ngoại ngữ. Đây là một vấn đề làm tôi nhiều lần băn khoăn mỗi khi cầm bút. Dùng thuần tiếng Việt hay chêm thêm ngoại ngữ để bộc lộ thêm cá tính của nhân

vật? Cuối cùng tôi đã chọn giải pháp thứ hai, và tôi nghĩ anh Đinh Linh cũng có những suy nghĩ tương tự. Tuy nhiên khi bài được chọn đăng trên báo thì sẽ phải đặt ra vấn đề khác: Người viết thường là viết cho mình, trong khi báo chí phải phục vụ người đọc. Vì thế mới đưa ra vấn đề dịch hay không dịch. Tò mò, tôi xóa những chỗ dịch trong truyện "555" và thay vào bằng nguyên tác, đọc lại, thấy "thấm" và hiểu hơn bội phần. Cũng có lẽ do chủ quan chăng? Nhưng từ đó tôi suy nghĩ mãi về hai phương cách: a) Như HL đã làm là chuyển sang Việt ngữ và chua nguyên ngữ ở cuối bài, hay b) Cho đi nguyên tác và chua lời dịch. Theo ý riêng tôi, phương cách 2 sẽ đáp ứng được nhu cầu của thế hệ thứ 2, thứ 3 là họ cảm thấy nhân vật gần gũi với con người thật hơn, và thứ nữa làm hài lòng tác giả.

2. Vấn đề gửi đĩa từ thay vì gửi bản thảo trên giấy. Thực tình tôi giật mình trước phí tổn (chưa kể thời gian) trong việc đánh máy. Giả sử tất cả những người góp bài đều gửi đĩa từ thì có lẽ sẽ tiết kiệm được 80 - 90% chi phí cho việc đánh máy, hơn nữa người chủ biên có đủ thì giờ kiểm soát bài vở, tránh bớt những sai sót chính tả, có khi nằm chình ình ngay trang bìa, như HL số 30 này (Đặt Biệt). Chỉ tiếc là HL không chua thêm có thể đọc được chương trình nào.

3. Một vấn đề nữa: tôi nghĩ HL nên suy nghĩ về giải pháp ra mỗi tháng một số. Có thể rút xuống còn 160 trang và tăng giá bán lên 50% chẳng hạn, vì có những người như tôi, đọc báo cũng như tiêu lương lính. 20 lĩnh lương mùng một đã hết sạch, mà nếu 20 được lãnh đúp 2 tháng thì mùng 5 cũng cạn túi, thành dài cổ chờ hơn một tháng nửa mới tới kỳ...

NH (The Netherlands)

1) Giải pháp thứ hai anh chọn, thoạt nghĩ, rất hữu lý, vì có những từ dịch cách nào cũng không làm sao "chở" hết nghĩa của nguyên tác. Nhưng xét sâu, thấy có điều chưa ổn: không phải độc giả nào cũng thông thạo ngoại ngữ, nếu sử dụng "chú thích" (Ngoại ngữ ra Việt, hoặc ngược lại Việt ra ngoại ngữ) e rằng bất tiện. Khi đọc một bản văn, tư duy và tình cảm của người đọc thường hòa nhập với tác giả, trôi theo tiến trình thắt mở của nội dung bản văn, bỗng phải liên tục khựng lại vì những chú thích, mà nếu muốn hiểu, phải lật xuống trang cuối, tìm kiếm! Tình trạng này không khác gì lái xe trên một đoạn đường đầy ổ gà, dù cảnh quang chung quanh có thơ mộng, hoành tráng như tranh, cũng không có cách nào ngắm nhìn thoải mái được. Người xưa nói: dịch là diệt! *Trường hợp này dành cho những "nhà dịch thuật" dở. Nhưng cũng nghe:* dịch là tái sáng tạo. *Trường hợp thứ hai có khi làm tăng thêm giá trị cho nguyên bản (chẳ hạn* Chinh Phụ Ngâm, *Từ Đặng Trần Côn tới Đoàn Thị Điểm, quả là "so bề tài sắc lại là phần hơn"). Nếu anh thấy* "thấm" và hiểu hơn bội phần *khi thử điền nguyên ngữ vào những chỗ dịch, thế thì chết rồi: bản dịch này thuộc loại tồi! Phải mang cái thằng cha dịch diệt này ra "thụi" cho vài quả.*

2) Nhiều độc giả cũng từng đề nghị như anh. Nhưng (lại nhưng!) vấn đề

không giản dị vậy đâu. Mỗi tháng một số. Được. Không lo chuyện bài vở và công sức. Chỉ phiền là... không có tiền! (Ôi chao, nhắc đến chuyện Tiền Bạc, HL thật hết sức phiền não!). Thú thật với anh, 6 năm HL hiện diện, 30 số báo, chưa có số nào không phải bù lỗ. Nay nếu nghe lời anh chơi dại ra hàng tháng, thì chỉ còn cách lập băng... cướp ngân hàng, may ra mới giải quyết được. Còn chuyện tăng giá bán, thì, anh lạc quan thái quá đấy, $8.00 mỗi số báo mà đã có nhiều độc giả than phiền là "đắt", huống chi tăng những ... 50%, có mà in xong, mang về chất hết vào garage, đợi lâu lâu thuê xe chở ra bãi rác!

3) Có thể gửi đĩa từ cho HL bằng bất cứ dạng gì. Chúng tôi có chương trình đổi sang VNI (dạng HL đang sử dụng), chỉ xin ghi rõ các dữ kiện cần thiết: dạng gì, ký hiệu của bài...

4) Hai truyện ngắn của anh HL đã nhận, đã đi "VBĐN" trong số này. Thân.

HỢP LƯU TRẢ LỜI VĂN HỮU, BẠN ĐỌC

Anh NVKH. (Canada): Bài viết của anh, "MNKPhóng", tòa soạn định đ ở số này (đã layout), nhưng khi đọc TUYỂN TẬP VĂN HỌC NGHỆ THUẬT *Liên Mạng* vừa xuất bản, do chủ biên Phạm Chi Lan gửi tặng, chúng tôi thấy "nó" đã nằm trong ấy, nên buộc phải bỏ ra. Rất mong anh cho xin bài khác, chưa đăng báo hoặc xuất bản.

Nhân đây, một lần nữa, lưu ý quí văn hữu, độc giả: Bài gửi cho HL xin đừng gửi báo khác. Nếu không có thư riêng, thì trong vòng BA SỐ kể từ lúc gửi, quí vị có thể tùy nghi sử dụng bài viết của mình. Thân mến.

Anh HNTh (Đức): *VĂN NGHỆ SĨ VIỆT NAM - Tác Giả, Tác Phẩm, Chân Dung Tự Họa* đang thực hiện. Chúng tôi đã soạn và sắp gửi đến tất cả các văn hữu trên thế giới một thư mời. Hy vọng bộ sách sẽ được anh chị em đang cầm bút hưởng ứng nhiệt tình, để sớm ra mắt độc giả.

Riêng nhà xuất bản *Tân Thư*, đã phát hành song song với số báo này tuyển tập truyện ngắn của Trần Duy Phiên: *Kiến Và Người*. Trần Duy Phiên là một nhà văn hiện đang sống trong nước, ông thành danh trước 1975 tại miền Nam, sáng tác đăng trên các tạp chí *Việt* (Huế), *Đối Diện* (Sàigòn), *Sông Hương* (Huế), *Trình Bầy* (Sàigòn), *Ý Thức* (Sàigòn). Nghỉ viết 10 năm (1975 1985), bắt đầu viết lại từ năm 1986 đến nay, truyện ngắn thường xuất hiện trên tạp chí *Văn Nghệ Gialai-Kontum, Đất Quảng, Cửa Việt, Văn Nghệ, Sông Hương*, tuần báo *Thanh Niên*...

Anh có thể mua sách của *Tân Thư* qua địa chỉ *Hợp Lưu*. Giá cuốn *Kiến Và Người* là 12.00MK. Không tính cước phí, nếu mua hạng tư hoặc tàu thủy thêm 1.50MK nếu mua hạng nhất. Ngoài nước Mỹ thêm 3.OOMK (máy bay Âu châu), 5.00MK, Úc, Á châu.

Bà PTTM (Canada): Những số báo cũ sau đây đã tuyệt bản: 1,3,4, 6,8,12. Những số khác đều còn một ít, muốn mua, bà có thể gửi: từ số 13 trở về trước, mỗi số 6.00MK. Từ số 14 đến số 25, mỗi số 7.00MK. Từ số 26 đến số gần nhất, mỗi số 8.00MK. Tòa soạn bao cước phí hạng tư (nội địa) và tàu thủy (ngoài Mỹ). Nếu mua hạng nhất (nội địa) thêm mỗi số 1.50MK, máy bay (ngoài Mỹ) thêm mỗi số 3.00MK (Âu châu), 5.00MK (Úc, Á châu). Kính.

Anh HHH (California): Tiện nhất, và nếu có thể, anh gửi cho chúng tôi đĩa hoặc email dưới dạng VNI.DOC. Bằng không, dạng nào cũng được (dĩ nhiên, dưới dạng khác chúng tôi phải chạy đi tìm "chuyên viên" đổi hộ. Cực, nhưng vẫn còn hơn phải đánh máy lại.

Cháu LHBT (California): Tòa soạn biết, ở tuổi các cháu, "nhá" ba món ấy thật là cực hình. Nhưng độc giả HL gồm nhiều thành phần, không thể "ngã" theo "phe" nào được. Nhiều vị đứng tuổi chỉ thích nhấn nha những cái cháu cho là "khô và cứng hơn cơm nguội" ấy. Tuy nhiên tòa soạn tin rằng năm ba năm nữa, lật chồng báo cũ, đọc lại (nếu cháu còn giữ và còn có thì giờ để đọc), sẽ thấy "món cơm nguội" này xem thế vẫn có hấp lực riêng. Văn chương, tùy tuổi tác, môi trường, trình độ tư duy, sẽ thay đổi trong cảm nhận của ta. Nhiều người đã trải qua kinh nghiệm này: Trong hồi tưởng của họ, một số nhà văn, nhà thơ thật là tuyệt vời, họ giữ mãi nhận xét ấy, có khi vài ba mươi năm, mãi đến lúc tình cờ đọc lại, mới đối diện với một sự thật buồn bã: những thần tượng xưa té ra cũng... tầm thường thôi! Ngược lại, nhiều tác phẩm thuở bé ta không làm sao "nhá" nổi, vì "nhạt nhẽo"! Vậy mà khi tuổi tác bắt đầu bóng xế, cũng những món "nhạt nhẽo" này, lại trở nên hợp khẩu vị, "ngon" ngẩn ngơ hồn xác! Tóm lại, văn chương, cũng như nhiều ngành nghệ thuật khác, có cái đứng vững với thời gian, càng lâu càng quí. Có cái thoạt xuất hiện đã trở thành "hiện tượng", nhưng chỉ tồn tại một giai đoạn ngắn, để rồi phôi pha ngay. Cho nên cách tốt nhất là không nên vội vàng kết luận. Thích hoặc không thích, OK, nhưng không thể dùng bất cứ tiêu chuẩn nào để "định giá" cho một tác phẩm. Coi chừng lầm... tắt thở. Chúc cháu vui trong mùa tựu trường. Thân mến.

Cô NTTT (California): Vâng, thỉnh thoảng cũng thấy nản lòng. Nhưng mà, "đã mang lấy nghiệp vào thân", không thể thay đổi gì được, nhất là "hắn" cũng đang xấp xỉ năm bó. Trễ rồi, quá trễ rồi. Nhiều buổi sáng thức dậy, "hắn" đâm hoảng, thấy cái chi cũng cần làm, mà sức lực thì cứ dửng dưng bỏ đi, và tuổi tác thì cứ ùn ùn tiến tới.

Nhà văn ấy HL có quen. Nhưng trên nguyên tắc chúng tôi không thể cho cô địa chỉ của ông ta được. Nếu muốn liên lạc, cô cứ gửi thư về tòa soạn, chúng tôi sẽ chuyển giúp. Thân mến.

Ông TLH (Houston): HL cũ có vài số đã tuyệt bản (Xin ông xem trả lời

bà PTTM bên trên). Chúng tôi chỉ đóng tập vài bộ làm tài liệu lưu trữ, không bán ngoài thị trường.

Vâng, chúng tôi cũng đã định chọn và in vài tuyển tập truyện ngắn trích từ các số HL cũ, nhưng neo người quá, chưa làm kịp. Thân mến

Anh TVKK (Iowa): Chẳng còn phương pháp nào tốt hơn là mua dài hạn. Chúng tôi hiểu, những vị ở các tiểu bang xa, ít người Việt, mua sách báo khó khăn. Vì không có nhà sách, không có nguồn thông tin nào để có thể tìm biết mà order. Nhiều vị mỗi lần về tới quận Cam là mua hàng... núi sách và băng nhạc. Thượng vàng hạ cám bất phân, cứ hốt đại, về, hẳn tính.

Cuốn ấy nhà *Văn Nghệ* đã in. Xin order trực tiếp qua địa chỉ in ở bìa ba của HL. Thân kính.

Chị LTV (California): Chúng tôi không nghĩ như thế. Sách in ra để bán, càng bán được nhiều càng mừng. Làm sao lại có chuyện "không thèm bán"? Chị xem lại quảng cáo, có khi viết nhầm địa chỉ, thư không tới. Thân mến.

Ông TVTr (New York) **Bộ Tự Điển Bách Khoa Việt Nam** chỉ mới ra cuốn một, từ vần A đến vần **Đ.** Khổ lớn , 8" X 11", bìa cứng, ấn loát tốt. Nội dung tương đối cẩn thận, có nhiều minh họa (chụp và vẽ, màu hoặc đen trắng). Vâng, chúng tôi có một bộ, nhưng xin lỗi ông, không thể photocopy giúp ông được, vì quá dày và rất mất thì giờ. Ông tìm xem có người quen nào về VN, nhờ họ mua hộ, là tiện nhất. Về các số báo cũ, xin xem trả lời bên trên. Thân kính.

Bà NTH (California): Vâng, nếu có được năm mười trang quảng cáo, gánh nặng in ấn sẽ nhẹ bớt. Nhưng phải thú nhận rằng về mặt kinh tế, những quảng cáo trên một tạp chí văn chương gần như không có hiệu quả. Nếu người ta có cho, cũng chỉ là một hình thức bảo trợ. Tiếc thay, thời buổi này, những "tấm lòng vàng" có lẽ không nhiều. Một điều tế nhị khác: trên một tạp chí văn chương, tòa soạn không "nỡ" đăng những trang quảng cáo đại loại: *Mát xa chuyên nghiệp, vừa rẻ vừa thơm...* Hoặc: *Ăn chơi ngon hơn ăn thiệt. Bún than bún riêu bún ốc vô địch hải ngoại*. Hoặc: *Không nơi nào rẻ bằng, ngon bằng: Thịt cá tươi, rau cải đổi mới mỗi ngày, mua trên 50 đồng tặng một chai nước mắm hiệu hai con chem chép*. Hoặc nữa: *To hơn, dài hơn,mềm thành cứng, nhanh thành lâu, do bác sĩ chuyên khoa giải phẫu bộ phận sinh dục đảm trách...* Bà thử tượng xem, còn ra cái thể thống gì?!

Tất cả những quảng cáo sách báo trên HL (kể cả trang bìa) đều là công quả!!!. Bọn viết chữ đa phần khố rách áo ôm, in sách (nhất là thơ) thường phải bỏ tiền túi, bán buôn lại ế ẩm, nên vốn bỏ ra thường đồng nghĩa với việc ném một chiếc lá vào vực thẳm! Nỡ lòng nào lấy tiền? Thân mến

HỢP LƯU

Mời đọc

Tuyển Tập
VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
liên mạng

email: vhnt@saomai.org • http://saomai.org~vhnt/

Tuyển tập chọn lọc sáng tác từ những số báo *Văn Học Nghệ Thuật* phát hành trên liên mạng (*vhnt@saomai.org*). Tập san văn chương giới thiệu với độc giả trong và ngoài hệ thống *internet* về sinh hoạt văn học của giới trẻ Việt Nam trên toàn thế giới, đã kết hợp và đến với nhau qua diễn đàn VHNT, một diễn đàn mới mẻ đầy sinh khí, thân mật trao đổi qua phương tiện truyền thông tiện dụng của *internet.* Nội dung tuyển tập biểu trưng một sắc thái riêng của giới trẻ và chuyên gia, một cái nhìn đối với văn chương, sáng tạo, và nhận định văn học của giới sáng tác trên liên mạng.

Văn Học Nghệ Thuật e-magazine
P.O.Box 452512
Garland, TX 75045-2512. USA

Nếu có *internet access,* xin mời gia nhập nhóm VHNT để nhận báo gửi đến hộp thư điện tử, hoặc ghé thăm gia trang trên WWW để đọc các số cũ lưu trữ.
Để gia nhập báo qua điện thư,
xin gửi email về: *majordomo@saimai.org*
message: subscribe vhnt <*email-address*>
(example: *subscribe vhnt nguyen@aol.com)*

Trên dưới 70 tác giả từ khắp nơi trên thế giới.
Dày 350 trang. Bìa màu. Khổ 5"1/2 X 8"1/2 (như khổ *Hợp Lưu*).
Giá bán "văn nghệ": 7.00MK. Ngoài nước Mỹ thêm 4.00MK cước phí, sẽ nhận được báo qua phương tiện hàng không.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

(Tất cả ghi bằng CHỮ IN)

Tôi tên:____

Địa chỉ:____

____

Điện thoại:____

nhận mua dài hạn tạp chí HỢP LƯU bắt đầu từ số: __________

GIÁ TIỀN

Nội địa Hoa Kỳ và Canada:

Hạng tư: 20MK ☐ (1/2 năm) • 40MK ☐ (một năm)

Âu châu:

Đường thủy: 50MK ☐ (một năm)

Hàng không: 70MK ☐ (một năm)

Úc châu, Á châu:

Đường thủy: 50MK ☐ (một năm)

Hàng không: 80MK ☐ (một năm)

Xin gửi ngân phiếu (kể cả Canada) bằng Mỹ Kim.

Ngoài Hoa Kỳ và Canada, chỉ nhận Money Order International, trả cho:

HỢP LƯU

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642. USA

• Cho toà soạn biết ngay nếu gặp các trường hợp sau đây: 1) Thay đổi địa chỉ - 2) Không nhận báo đúng thời hạn - 3) Báo hư rách (do bưu điện), hoặc nhầm, thiếu trang (do tắc trách của nhà in, trị sự), chúng tôi sẽ gửi bù bằng phương tiện nhanh nhất.

• Lưu ý MÃ SỐ ở hàng đầu trên LABEL để biết số báo hết hạn (Ví dụ: **M:20-25**, tức mua HẠNG TƯ hoặc TÀU THỦY từ số 20 đến số 25 là hết hạn. **MF:20-25**, tức mua HẠNG NHẤT hoặc HÀNG KHÔNG từ số 20 đến số 25 là hết hạn.

• Độc giả ở Âu châu xin gửi trả cho đại diện tại Pháp (địa chỉ trang bìa 2)



VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301, Westminster, CA 92683. USA
ĐT: (714) 527-5761
Ngân chi phiếu xin đề Văn Nghệ

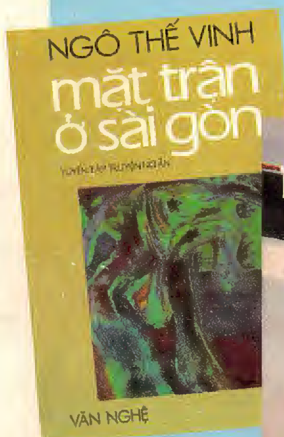
TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU:

- **mặt trận ở sàigòn**
tập truyện NGÔ THẾVINH
bìa Khánh Trường. *Giá* 12MK. *Ngoài Mỹthêm* 2MK.

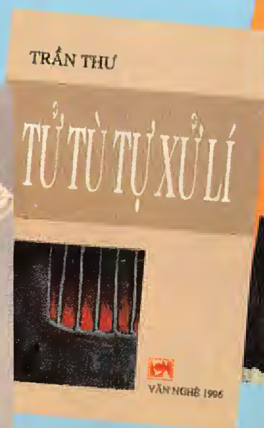
- **thơ, v.v... và v.v...**
biên khảo NGUYỄN HƯNG QUỐC
bìa Khánh Trường. *Giá* 14MK. *Ngoài Mỹ thêm* 2MK.

- **tử tù tự xử lí**
hồi ký TRẦN THƯ
bìa Khánh Trường. *Giá* 15MK. *Ngoài Mỹ thêm* 2MK

- **minh triết trong đời sống**
DARSHANI DEANE (Nguyên Phong *dịch)*
bìa Khánh Trường. *Giá* 12MK. *Ngoài Mỹ thêm* 2MK.









 **31** Giá 8MK